

Janwillem van de Wetering

CHÂN KHÔNG
Thoáng thây

Hạnh Huệ dịch



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH

CHÂN KHÔNG THOÁNG THẤY

JANWILLEM VAN DE WETERING
Hạnh Huệ dịch

CHÂN KHÔNG THOÁNG THẤY

Những kinh nghiệm
trong một đạo tràng Thiền Hoa Kỳ

A GLIMPSE OF NOTHINGNESS

EXPERIENCES IN AN AMERICAN
ZEN COMMUNITY



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH

Lời giới thiệu

Tình cờ một quyển sách nằm trong tầm tay.

A Glimpse of Nothingness – chợt nhận, thoáng nhận ra Không tính – tên tác giả lạ hoắc, không phải hàng Sư tổ của thiền. Chính vì chỗ này mà cách diễn tả gần gũi. Một tục gia cư sĩ, thương gia người Hà Lan, đi theo con đường của chính mình, tự tìm ra câu giải đáp, cùng với các bạn đồng tu cũng trải trở bần khoản, cũng đem theo nghiệp thức mênh mang trên đường về. Vậy đó, họ chợt nhận ra. Một chút nhận ra, là món quà quý giá vô cùng để gửi tặng chúng ta.

Ni sư Hạnh Huệ thích hợp với lối viết ngắn gọn của tác giả đã hết lòng dịch ra cuốn sách này. Chúng ta cảm ơn tác giả và dịch giả, khi những dòng cảm nghĩ đưa ta đến gần chân lý.

Thiền viện Viên Chiếu
Mùa An Cư 2007

1

BỆNH SƯNG BẠCH HẠCH

*M*ột phòng đợi ở một phi trường New York. Đúng hơn là một túp lều. Tôi đã đi du lịch theo lối khuyến mãi, với một công ty giảm giá nhiều. Máy bay không đầy người, công ty đang cần hành khách. Một công ty thiếu kinh nghiệm, cuộc hành trình toàn bộ được mô tả là lộn xộn và chậm trễ.

Chúng tôi đã bỏ hăng giờ dưới cái lều mái tôn. Trời không nóng mà ẩm, không có ghế, chỉ có những băng gỗ thấp như trong một ngôi trường cũ lỗi thời, đặt dọc theo những bức tường. Vài đứa trẻ đang kêu khóc, những người đàn bà phà khói đầy mặt, cần nhần và những người đàn ông cà-vạt nói lỏng, cổ đỏ rần đang chạy tới chạy lui một cách vô vọng để sắp đặt cái gì đó.

Chúng tôi đang chờ để nhập cảnh, những người khách từ phía khác của phi trường cũng được đề nghị đến chỗ này. Một cảnh sát bảo vệ da đen mập mạp, nịt một bao súng ngắn lỏng lẻo quanh vòng bụng rộng rãi và vui vẻ quan sát chúng tôi một cách ơ thờ.

Những cái loa phóng thanh treo ở bốn góc trần nhà, cách một lúc lại oang oang gọi chúng tôi. Cứ mỗi lần tiếng máy cất lên giọng ồm ồm khàn đặc và cáu kính, hành khách lại giật nảy mình. Mọi người đều chồm lên, chạy về phía hành lý. Những người đàn bà xếp hàng hích nhau đến gần viên cảnh sát, những người đàn ông dõn lại, còn trẻ con thì kêu khóc, gắng đến gần cha mẹ chúng.

Những hành khách giận dữ nhìn lên trần nhà và ngòì xuống lại, lầm bầm và mồi thuốc. Họ nổi đuôi nhau trước các máy bán cà phê và nước chanh, nhưng chẳng mấy chốc đã hết sạch. Phần lớn những máy này đã hư hỏng, được báo trên những mảnh giấy nhãn nhúm dán ở các mặt kính bằng băng keo.

Tôi tìm một góc cách hành lý vừa phải.

Tiếng loa vang lên ồm ồm và sự hồi hả tự động tiếp tục có đến mười lần. Tôi nhìn những hành khách không dự vào đám đông.

Có một đôi trẻ tuổi, có lẽ đang ở tuần trăng mật. Họ nắm tay nhau và mỉm cười. Cùng ngòì chung băng ghế là một ông già, có lẽ là một ông nội đang về thăm gia đình. Ông kê chiếc va-li nhỏ vào lưng và dựa vào tường. Ông nhắm mắt nhưng không ngủ. Trán đồ mồ hôi nhưng ông không có vẻ bực bội. Một phụ nữ khoảng ba mươi không đẹp, miệng hơi rộng đang ngòì một góc. Bà không tỏ vẻ quan tâm khi loa gọi đến mình.

Yêu thương, tình cảm vừa phải và sự thờ ơ là ba trạng thái giúp chúng ta chống lại sự ồn ào và sợ hãi, sự giết chóc tàn sát, chống lại những sợi tua cảm xúc của “cái tôi” mà theo Phật giáo không tồn tại thực sự, nhưng hành động qua vẻ ngoài đồng nhất. Tôi bắt đầu

cảm thấy rất ngột thở. Tôi bắt đầu đọc, rồi ngủ, không thoải mái, đầu choáng váng vì bức tường dựa không ổn lắm. Nhiệt độ dường như nóng lên. Tôi tìm một chỗ thoáng để đi tới đi lui. Tôi đi rất chậm và cố gắng tập trung. Mười năm trước ở Nhật, một thiền sư đã cho tôi một đề tài thiền. Đề tài này xuất hiện trước tiên như một câu hỏi ngớ ngẩn, một câu hỏi không thể có bất cứ một câu trả lời nào. Tôi đã sống với nó hơn mười năm. Câu hỏi ấy đã và vẫn còn đang ám ảnh tôi. Thiền sư bảo tôi rằng câu hỏi đó có câu trả lời.

Câu hỏi là một công án. Một công án là một câu hỏi từ cái Không biết.

Cái gì là tiếng vỗ của một bàn tay?

Hãy chỉ cho tôi bản lai diện mục của anh, khuôn mặt anh có trước khi cha mẹ sanh.

Tôi tắt đèn, ánh sáng đi đâu?

Loại câu hỏi đó!

Người ta định làm gì với một câu hỏi như thế? Bạn cố gắng giải thích với vị thầy rằng bạn không biết ông nói về điều gì. Bạn cố gắng thuyết phục. Bạn nghĩ mọi thứ, bạn làm mọi thứ. Nhưng ông thầy lắc đầu và muốn anh cho một câu trả lời, một câu trả lời đúng.

Và rồi anh biết anh đã bị vướng vào. Câu hỏi đã chiếm lấy anh. Nó đi quanh với anh kể cả trong giấc ngủ. Anh biết câu trả lời là điều quan trọng nhất. Câu trả lời là cánh cửa đưa tới vô hạn. Cái lỗ trên bức tường xây quanh anh. Bức tường có đó rất lâu và anh thực sự muốn đập vỡ nó. Điều đó đưa anh đến với thiền sư. Và bây giờ, cuối cùng có một đường ra. Vị thầy biết đường ra. Anh nghĩ rằng nếu anh có thể khiến thầy ở

vào vị trí phải gạt đầu với anh, thì bức tường sẽ rạn vỡ và sẽ có một đường ra. Rồi anh có thể bắt đầu hiểu tại sao anh sống.

Và trong cơn tuyệt vọng, anh yêu cầu được thử làm theo thứ tự để tìm ra câu trả lời chính xác. Vị thầy bảo anh thiền định. Ông giải thích anh phải làm gì, anh phải ngồi thế nào. Ông chỉ anh những tượng Phật ngồi kiết già. Thiền sư bắt chước tượng Phật, chân trái gác lên đùi phải, chân phải lên vế trái, thẳng lưng, đầu hơi cúi một chút. Ông chỉ anh thở thế nào. Ông bảo anh trở thành một với công án ra sao. Ông dạy anh không nghĩ ngợi, không hôn trầm. Anh lặp đi lặp lại công án của anh, anh đẩy ra sau mọi tư tưởng ủa tới. Anh cảm thấy ấm áp đầu đó gần rón. Cái gì thế? Cảm giác ấm áp nào gần rón đang đến với anh?

Mọi việc thỉnh thoảng bật ra thỉnh linh. Anh cho rằng đó là câu trả lời đúng và anh báo cáo sự tiến bộ của anh cho thầy, khi anh đến thăm ông vào sáng sớm. Ông lắc đầu. Ông luôn luôn lắc đầu. Anh trở nên nản chí thì ông rất tử tế. Anh ngạo mạn thì ông đánh vào đầu anh bằng tay hay gậy. Nhưng không có câu trả lời, chỉ là một câu hỏi.

Tôi vẫn còn câu hỏi. Vị thầy Nhật đã chỉ cho tôi một chữ sẽ bỏ khuyết câu hỏi của tôi, một chữ đặc biệt, một mantra - chân ngôn. Ông dạy tôi hãy quên câu trả lời và niệm chú. Tôi phải niệm chú trong mỗi hơi thở. Tôi được dạy rằng thiền định không chỉ giới hạn ở thiền đường, nó được áp dụng bất cứ đâu. Ví dụ khi anh đang chờ đợi cái gì đó.

Và bây giờ tôi đang chờ. Những con người với uy quyền hư vọng muốn xem xét hành lý và giấy thông

hành của tôi. Tôi niệm chú khi bước tới bước lui, hết sức chậm rãi trong một căn lầu sắt ở một phi trường New York. Sau vài phút, cảm giác ngọt ngọt chám dứt, môi trường khó chịu chung quanh biến mất.

Sự tập trung của tôi yếu đi và tôi bắt đầu nghĩ về một câu chuyện đã được nghe, nó đề cao một đệ tử của vị thầy Nhật kia. Người đệ tử, vào lúc đó, là một người lính Mỹ phục vụ trong quân đội chiếm đóng tại Kyoto, ngay sau thế chiến thứ hai. Người lính tình cờ gặp lão sư trên đường và đã nhận ra ông. Làm sao có thể nhận ra một người mà mình chưa hề gặp? Anh ta đã nói chuyện vài lần với vị thầy.

Người lính trở về Mỹ, nhưng quê của anh có vẻ nhạt nhẽo, rộng tuếch. Anh muốn trở lại Nhật. Anh mượn ít tiền và đi tàu với vé hạng tư đến Yokohama. Ông thầy đã dạy anh thiền định và người Mỹ này đã không làm gì khác. Trên tàu, anh ngồi trên chân một cách đau đớn. Anh luôn ngồi một chỗ, trên bàn giấy, bên cạnh một đồng giấy thùng. Anh nhìn chăm chăm về phía trước và chỉ nhúc nhích khi chịu đau hết thấu. Những hành khách bạn anh hỏi anh đang làm gì. Anh trả lời:

- Tôi đang ngồi thiền.

Một đệ tử rất nhiệt tâm. Có lẽ tôi ngồi xuống cũng được, nhưng tôi vẫn bước tới bước lui, tự an ủi với ý tưởng thiền Phật giáo có một từ đặc biệt để chỉ việc bước trong thiền định. Đó là kinh hành. Người học trò bước thẳng lưng, tay đan vào nhau và đặt trước bụng. Tôi đã kinh hành và niệm chú, chìa khóa đưa đến cái KHÔNG bất khả tư nghĩ, một cái không mà không trống rỗng.

Vị thầy bảo tôi:

- Đừng cố gắng để đạt đến bất cứ đâu. Tập trung, vậy là đủ. Nếu anh có thể tập trung thật sự, anh sẽ ở nơi mà anh muốn tới.

- Rồi buông hết mọi sự?

Tôi hỏi nhưng thầy không trả lời. Nhưng vào buổi sáng, khi tôi chuẩn bị rời khỏi phòng, thầy đã nói vài điều:

- Hãy niệm chú. Niệm trên từng hơi thở. Trở thành nó, quên hết mọi việc khác. Đừng quan tâm đến hơi thở.

- Tại sao?

- Không lý do.

Vậy thì nó đúng, vì ông nói thế. Vị thầy. Một từ lạ lùng! Một vị thầy và những đệ tử. Một chủ nhân và những nô lệ. Vâng, thừa thầy. Không, thừa chủ nhân. Một người hướng dẫn. Anh không phải theo một người hướng dẫn. Nhưng nếu anh tin tưởng ông ta, anh cũng có thể theo.

Và một học trò không tin tưởng thầy mình, sẽ rời bỏ ông ta.

Tôi rời bỏ, nhưng không vì thiếu niềm tin. Tôi nghĩ rằng tôi không thể tiến xa hơn.

Người đệ tử Mỹ ở lại. Khi tôi gặp anh, anh đã sống với thầy mười năm. Sau khi tôi rời Nhật, anh còn ở thêm sáu năm nữa.

Người Mỹ ấy tên Peter, đã giúp đỡ tôi ở Nhật. Khi đến thiền viện Kyoto, tôi thấy anh trong phòng lão sư, anh thông dịch giúp chúng tôi. Tôi nói rằng tôi muốn

tìm sự giải thích về cuộc sống, ý nghĩa của ảo tưởng, đầu mối của sự nhiệm mầu. Họ đã lắng nghe. Ngay cả khi tôi bảo đáp án câu hỏi của tôi phải ở trên điểm gặp nhau của hai đường song song, họ cũng chẳng cười. Khi tôi bảo một bức tường vây quanh tư tưởng tôi và bức tường ấy phải bị phá hủy, họ, cả hai cùng gật đầu một lúc.

Peter đã chăm sóc tôi ít nhiều khi tôi ở lại tu viện một năm, sau đó ông đưa tôi đến ở chùa riêng của ông trong sáu tháng.

Vào phút cuối, khi tôi bỏ đi, vị lão sư không biểu lộ sự thất vọng nào. Ông nói:

- Sự rời bỏ nơi này không có gì hỏng cả. Sự tu tập của anh vẫn tiếp tục. Thế giới là trường học, nơi đánh thức sự mê ngủ. Bây giờ anh đã có chút tỉnh thức, đủ để không bao giờ mê ngủ trở lại.

Tôi đã sống với những lời khích lệ ấy suốt mười năm. Và sự tu tập tiếp tục, nhưng không theo con đường tôi đã tưởng tượng. Tôi nghĩ mình sẽ gặp người chỉ đường sẽ hướng dẫn tôi, ở những nơi lạ lùng, tình cờ trong một thành phố lạ, trong một ngõ hẻm hay trong một khu chợ. Những thông điệp kỳ diệu sẽ được thì thầm, hay tôi sẽ thành linh nhận được một thư nặc danh ghi địa chỉ của vài giảng đường, nơi những bậc trí giả chờ đợi tôi để đưa một bí quyết. Nhưng không có thần bí nào đến với tôi. Tôi đã học mười năm, nhưng những bài học trí tuệ bị hạn cuộc bởi những gợi ý làm sao để tăng thêm vốn, vốn liếng của người khác. Chỉ một tâm hồn cởi mở mà tôi gặp là một Giám mục Công giáo già nua sống trong một túp lều ở một làng da đỏ thuộc

rừng nhiệt đới Nam Mỹ, nhưng tôi đang đi du lịch nên không thể ở lại. Chúng tôi cùng uống cà phê và ông đã cười với tôi.

Nhưng bất cứ khi nào phải dừng lại và suy nghĩ, rất thường khi, tôi nghĩ ngay đến thời gian tôi đã làm việc với vị lão sư và nhớ lại câu hỏi ông đặt ra, nó vẫn sinh động. Cái cảm giác rằng trên hành tinh bé nhỏ lơ lửng trong không gian vô hạn này, phải có mục đích nào đó, đã gia tăng. Cảnh âm đạm đến nản lòng đã một lần giục tôi nhấn chuông cổng tu viện, đã biến mất. Bây giờ khi chịu những tấn công thành linh của sự không thể giải thích được, tôi hân hoan như thể không có gì liên quan đến mình có thể thực sự ảnh hưởng tôi. Trong khi tôi tiếp tục lo lắng và phiền muộn vì sự phân biệt thông thường của con người, những nhược điểm và tội lỗi, dường như có một sự dự bị đã hình thành, một sự đào thoát, một ốc đảo của tự do. Và triển vọng biểu hiện trong lời từ giả của vị lão sư, tiếp tục tồn tại.

Tôi lang thang qua nhiều xứ sở, và bận rộn với nhiều vấn đề khởi lên từ không đến có, rồi tàn dần thành không, cuối cùng, nghiệp đưa tôi trở lại Amsterdam. Nguyên nhân hành động vượt ngoài kiểm soát của tôi. Một lần nữa tôi thành một con rối, một búp bê hoạt động bởi những sợi dây và những cái móc kim loại, tiếp tục vũ điệu nhỏ bé của nó, được lập trình trong một cách thức khó hiểu. Được đặt xuống khi ở đây, khi ở đó. Nhưng nó đã là một vũ điệu, thì không có một cú đập nào làm chán nản hay đau đớn. Tôi bắt đầu thưởng thức trò chơi do một lực đẩy nào đó hay nhiều lực đẩy đang chơi với tôi.

Buổi sáng Peter gọi điện thoại cho tôi ở

Amsterdam là một sáng như những sáng khác. Tôi đang đọc thư trong văn phòng. Tôi nhận ra tiếng của ông, âm tiết Mỹ, chậm rãi và cân nhắc, một tiếng nói vẫn còn một phần trong tôi. Ông bảo rằng ông đang du lịch và dự định ghé Hà Lan một tuần. Tôi mời ông về nhà mình. Ông cảm ơn. Tôi hỏi sao ông biết số điện thoại của tôi. Ông cười:

- Tôi nghe nói anh ở Amsterdam, và số thì trong cuốn sách.

Tôi đỏ mặt, tôi nhớ ra ông thường bảo tôi “không để hỏi mà để tìm ra” như thế nào. Tôi đón ông ở phi trường và ông ở hai tuần.

Hai người bạn cũ gặp nhau, dường như chỉ có thế. Ông cho tôi hay vị lão sư Nhật đã tịch và thế là ông phải trở về Mỹ, quê hương mình. Bây giờ ông sống ở một trang trại nhỏ miền Bắc, gần biên giới Canada, trong một khu rừng hoang vắng. Tôi dành vài ngày để chỉ ông một chút về Hà Lan. Ông có vẻ thư giãn và trò chuyện mỗi ngày. Một cuộc du lịch tuyệt vời. Ông dường như vui khi nghe tôi đã lập gia đình, tôi thích công việc của mình và đang làm rất tốt. Một người anh hài lòng nghe em mình thành công.

Tôi đưa ông đến văn phòng của mình. Bàn giấy của tôi là một bàn hình trụ lỗi thời, trên cùng đặt một tượng Phật. Khi Peter trông thấy tượng Phật, ông đã thích thú lâu lâu, một tiếng ùng ục đang dội lại trong lồng ngực rộng của ông. Về mặt ông biểu lộ vừa điên cuồng vừa uy nghiêm. Ông giống như tên hề trong chuyện dân gian, một người không đóng vai hề nhưng là một anh hề. Không điên rồ hay lỗ mãng, nhưng là một anh hề cảm nhận rất sâu và thấy rất xa đến nỗi để

trở về cuộc sống hằng ngày là một nỗ lực. Tôi thật sự không ngạc nhiên khi thấy Peter, gằm gù xong đã nhào lộn khắp nền văn phòng.

“Tốt”, ông nói như lão sư Nhật đã nói trong vài trường hợp, chấp nhận những gì tôi đang làm trong lúc ấy.

Trong suốt thời gian Peter ở đây, chúng tôi thức dậy vào sáu giờ sáng và ngồi thiền một tiếng đồng hồ. Ông không hề đá động đến Phật giáo và thiền. Một buổi chiều, tôi đem cà phê cho ông và thấy ông đang ngồi trên nền nhà. Một năng lực bình an tỏa ra như tôi từng cảm thấy ở Nhật. Tôi ngồi xuống bên cạnh và đạt được một sự tập trung sâu tương đối rõ ràng, tốt hơn tôi nghĩ và hoàn toàn vượt trên khả năng của chính tôi.

Ông rời khỏi đây ngày kế và trên đường ra phi trường, tôi hỏi ông đã kết thúc việc học thiền của ông chưa? Ông gật đầu.

- Rồi ông thành một vị thầy?

Tôi nói vừa như hỏi. Ông không trả lời. Tôi hỏi:

- Ông đã có đệ tử?

- Vâng. Tôi nghĩ anh có thể gọi họ là những đệ tử.

Ông nói sau một chút cân nhắc.

Câu trả lời của ông làm tôi rúng động. Ở Nhật, tôi thường xem ông như một bạn đạo. Một đệ tử đàn anh, dĩ nhiên, nhưng không phải là một vị thầy, không phải là bậc trưởng thượng. Tôi có thể đùa với ông và bảo ông đi ra. Ông chẳng thay đổi nhiều sau mười năm. Có lẽ hơi hói một chút. Nhưng một người da trắng với khuôn mặt lơ đãng, ngây thơ bụ bẫm như Charlie

Brown, nhân vật trong truyện tranh Peanuts, không thể là một thiền sư. Một thiền sư phải có khuôn mặt nhăn nheo, vớ chòm lông mày rậm và đôi mắt xếch, đầu hơi và bóng loáng, họ mặc áo nâu hay xám sạch gọn và mặc y gấm vào những ngày trọng đại. Peter thì mặc một áo vét nhung, cũ sờn và quần dài rách gối.

Nhưng tại sao không? Tôi nghĩ sau một lúc. Vestdijk, một tác giả Hà Lan nổi tiếng, mô tả Chúa như một người hầu có hàm răng thỏ và Chúa của ông là một vị thánh đáng ngờ, quyền năng khó tin cậy. Trí tuệ đâu giới hạn ở Đông phương. Phật giáo tuyên bố mọi chúng sanh đều có Phật tánh.

Tôi nhớ một bài giảng của một vị sư Nhật trong giảng đường tu viện. Tôi ở đó vài tháng và vài vị tăng đã khó chấp nhận sự có mặt của tôi. Vị sư nhấn mạnh với đệ tử rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, ngay cả những chúng sanh có khuôn mặt hồng hào và những bước chân rộng. Và khi một chúng sanh có Phật tánh, anh ta có thể nhận ra nó, và nếu anh ta thực hành, anh ta là một vị thầy, mặt hồng v.v...

Nhưng tôi vẫn không nói. Chúng tôi lái xe trong im lặng và ngay phút cuối cùng, khi ông đã cầm vé lên phi cơ, tôi hỏi Peter có chấp nhận tôi như đệ tử và tôi có thể đến gặp ông ở Mỹ không.

Peter cười:

- Dĩ nhiên.

Rồi ông ôm tôi, vỗ nhẹ lên đầu và đến bàn soát vé. Ông di chuyển từ phía bên kia rào chắn, cười to một lần nữa và biến mất, trong khi tôi đang há hốc miệng nhìn ông chòng chọc.

Những cái loa lại vang lên và đám đông tự động

chen nhau, cựa quậy và bắt đầu đẩy. Ông già và tôi đi cuối cùng qua chỗ soát vé. Trong vòng một giờ, tôi đã ở trên một chuyến bay khác, trên con đường đến miền Bắc xa xôi.

Cuộc hành trình này không giống lần tôi đi Nhật. Hồi ấy tôi bị tấn công dữ dội, bị làm cho mù đi, đến chỗ bắt tri và đến một nơi mà tôi không thể nào tưởng tượng dù có sách vở và hình ảnh. Hồi ấy tôi di chuyển giữa những con người dường như sống ở một cấp độ khác, một cuộc cạnh tranh khác. Còn trên máy bay Mỹ này, tôi đang ngồi giữa những người quen thuộc với mình, khác nhau chỉ trên chi tiết, tôi không phải nhảy vào cái không biết. Tôi biết ai đang đợi tôi.

Nữ tiếp viên hàng không cho tôi thức uống và tôi hút xì-gà. Phong cảnh bên dưới giống Âu Châu. Tôi thấy những trang trại khổng lồ làm việc bằng máy, thấy những chiếc xe trên đường cao tốc. Tôi để ý những ngọn đồi, nghĩ rằng sẽ thấy những ngôi đền - thường thường trên những ngọn đồi Nhật đều có đền - nhưng chẳng có cái nào cả, cũng không có người hành hương, hay những ẩn sĩ sống trong hang. Tôi không thấy tu sĩ thiên định bên cạnh đường.

Khi máy bay quá cảnh ở một phi trường, tôi thấy những chữ Jesus Saves (Chúa Cứu Thế) bằng điện đỏ rực.

Nước Mỹ vẫn là một xứ sở của quyền lực, của thành đạt. Sẽ không ai hiểu nổi nếu nghe tôi nói tôi đến để “học Phật pháp”. Thiên định là quái dị và sự bùng sáng được liên tưởng tới điện và Chúa Cứu Thế. Muốn chắc chắn, tin gửi phải được đánh vắn ra. Viễn Đông là một chốn tế nhị hơn. Muốn giải thích, người ta gợi ý.

Khi tôi nói với viên chức hải quan Nhật rằng tôi đến để học về Phật giáo, họ đóng dấu hộ chiếu và vẫy tay cho tôi qua. Nếu tôi nói như thế với viên chức hải quan Mỹ, tôi sẽ được yêu cầu đợi ở một phòng nhỏ, một viên chức cao cấp sẽ mất một ít thì giờ với tôi và có lẽ tôi phải quay về nước.

Bà ngồi cạnh hỏi tôi đi đâu. Tôi nói tên ngôi làng nhỏ gần trang trại Peter. Cái tên vô nghĩa với bà. Tôi làm gì ở đó? Tôi muốn thăm một người bạn.

- Anh là người ngoại quốc?

Tôi gật đầu.

- Anh nghĩ gì về xứ này?

Tôi nghĩ mình có thể nói gì?

- Một xứ tuyệt vời!

Bà lắc đầu buồn rười. Con trai bà đã bị chết ở Việt Nam. Đứa khác cũng đang ra trận. Con gái bà là một hip-pi. Bà đau khổ nói:

- Tình yêu và hòa bình. Ma túy và ác mộng!

Tôi không thể nghĩ ra câu trả lời vui vẻ, bèn tặng bà một viên kẹo Hà Lan. Bà thích nó, tôi liền đưa nguyên bịch.

Một ông chủ của tôi dạy tôi rằng “Anh đang bán hàng, khi anh đã nói mọi thứ, không nghĩ thêm được gì nữa mà khách hàng vẫn đợi xem anh có nhắn gì nữa không, thì hãy mỉm cười một cách vui vẻ”. Người chủ đã nói thế. Tôi mỉm cười vui vẻ. Bà ta nói:

- Anh là một chàng trai đáng yêu.

Đó là một hành trình dài. Bà ấy đã ngưng nói và tôi dựa lưng vào ghế.

Anh mười bảy tuổi. Anh vừa tốt nghiệp Trung học. Anh đang ngồi đối diện với cha anh. Lửa bập bùng trong lò.

- Thật sự con muốn gì?

- Con muốn đi xa.

- Đi đâu?

- Xa nghĩa là một cuộc hành trình dài.

Anh biết anh có một câu hỏi và anh nghi rằng nó có câu trả lời. Nhưng câu trả lời không có ở đây. Anh cố gắng để giải thích.

Cha anh nhìn anh chăm chăm. Ông cảnh giác anh. Ông biết câu hỏi đó là gì. Ông đã có một câu hỏi như thế.

Ông kể anh nghe về một người ông đã từng biết. Một thương gia giàu có và thành công. Ông ta buông tất cả. Ông bán công ty và cho hết tiền bạc. Ông bắt đầu du lịch như một kẻ bụi đời. Ông đi tìm câu trả lời!

- Cha biết ông ấy đi được bao xa?

Ông lắc đầu.

- Ba Tư. Lãnh sự Hà Lan tìm ra ông ấy. Ở bên đường. Chết. Con biết ông chết vì cái gì không?

Anh lắc đầu. Cha anh cũng lắc đầu:

- Bệnh sưng bạch hạch. Câu trả lời. Trả lời cái gì? Người ấy tìm câu trả lời nào? Ông ta chết. Bệnh sưng bạch hạch.

Những chữ này theo anh vào giường tối đó.

2

**ĐẾN KHI KHÔNG CÒN GÌ ĐỂ
TỪ BỎ**

*M*ột công án là một câu hỏi từ phạm trù khác, một kích cỡ khác, cố gắng để giải quyết nó bằng những đường lối thông thường dường như phí phạm thì giờ. Sự hiểu biết không đưa anh tới đâu và kinh nghiệm chẳng giúp được gì. Vị thầy vẫn đòi câu trả lời. Ông quan sát anh và quan sát mãi, muốn rằng có một câu trả lời.

Và khi anh cố gắng trả lời thì ông lắc đầu, đuổi anh đi, rung chuông, chỉ ra cửa, làm bất cứ gì để anh ngã lòng. Ngày kế đó, ông chờ anh đến gặp và nhìn anh yêu cầu câu trả lời.

Ở Nhật, tôi được một công án, nó đã chiếm chỗ tất cả câu hỏi của tôi. Tôi cố gắng để hiểu vấn đề nhưng không kết quả. Bất cứ gì tôi nói đều sai.

Cuối cùng tôi nghĩ mình nên làm gì đó. Thực hiện một hành động nhắm mắt nhắm mũi hay làm như không để ý gì. Nhưng vị thầy không chấp nhận những

cách trả lời mới này. Tôi không thể tìm được chìa khóa, không có gì ăn khớp. Bây giờ, sau mười năm, tôi vẫn không có câu trả lời và vẫn mang theo công án ấy. Một cái trứng no đầy, ám áp vô tận nhưng vỏ chưa vỡ ra. Công án không làm tôi đau, nỗi sợ hãi trở thành sự hồi hộp, ung mũ một cách mơ hồ. Nó ửng đỏ. Tất cả chỉ có thế.

Vị thầy bảo rằng mỗi công án chỉ có một câu trả lời được chấp nhận. Ông so sánh công án với một phiên tòa thượng thẩm. Những phán xét là sở hữu chung. Bất cứ ai cũng có thể xem chúng và những gì tòa thượng thẩm quyết định thì không thể bác bỏ.

Công án, tiếng Trung Hoa gồm hai chữ. Công là chung, công cộng. Án là biên bản vụ án.

Tôi đã nhận ra rằng công án của tôi không đòi hỏi một câu trả lời bằng ngôn ngữ. Tôi không thể nói gì được, không thể làm gì được. Muốn giải quyết nó, tôi phải trở thành cái gì đó, đạt đến trình độ nào đó. Và trên trình độ đó, tôi sẽ gặp vị thầy rồi ông sẽ chấp nhận sự im lặng của tôi. Nhưng vị thầy là người của nhiều trình độ.

Ông dạy tôi cách nào để đạt đến trình độ đòi hỏi. Tôi phải thiền định, và như một bài tập thứ nhì, tôi phải cố gắng và tỉnh thức. Ngồi thiền để tỉnh thức trong cuộc sống.

Tôi không bao giờ có thể giục ông chấp nhận câu trả lời của mình. Không có gì để nói, vì thế tôi phải lặng thinh, nhưng một người có thể lặng thinh nhiều cách.

Và không được vội vã. Có lẽ đó là tất cả những

gì tôi học được. Tôi không thể xông tới ông. Có thể sự thình lặn đúng đắn sẽ đến, có thể không. Và tôi được đòi hỏi làm gì trong lúc ấy?

Tôi gắng hết sức mình.

Đó là những gì Phật nói khi Ngài nhập diệt. Ngài biết chúng đệ tử đang mong lời dạy cuối cùng. “Gắng hết sức mình”, Ngài nói và tịch.

Sốt ruột, tôi thường thưa với vị sư Nhật rằng tôi đang gắng hết sức mình, nhưng ông bỏ qua. Dù sao cũng không thật như thế. Ông biết chính xác tôi đang làm gì, và ông muốn nghe câu trả lời đúng, hay có lẽ ông muốn thấy nó. Ông tiếp tục đuổi tôi ra và bảo sáng hôm sau trở lại, lúc 4 giờ hay 3 giờ rưỡi tùy mùa. Và bất cứ khi nào tôi đến gặp ông, trời cũng tối, lạnh và lặng lẽ im lìm.

Cuối cùng, tôi rời bỏ nghi thức lạ lùng đó, trở lại thế giới nơi mà người ta kiếm tiền, cưới vợ, có con, mua nhà, xe và bảo hiểm đời sống.

Nguyên nhân nào cũng có kết quả của nó. Cuộc hành trình đến Nhật là một nguyên nhân và có lẽ tôi không ngạc nhiên khi, hơn bốn năm sau, tôi nhận được một bưu phẩm từ Kyoto. Nó được gói theo đường hàng hải và lênh đênh hàng tháng mới đến tay tôi. Nó nhàu nát và bẩn thỉu, một tấm thiệp. Ở giữa, hai chữ Trung Hoa VÔ và BÁT SANH, đến ngoài mọi kinh nghiệm đã được nói. Cách phát âm Trung Hoa “Mu”, một âm cơ bản, một mantra, so với chữ OM của Tây Tạng và có lẽ cũng là chữ Đạo của những đạo sĩ Trung Hoa, những người đã sống khá lâu trước khi Phật ra đời.

Bên trái, tôi nhận ra chữ tượng hình tên và pháp hiệu của vị thầy, bên mặt ông viết tên riêng của tôi,

trong thư pháp đặc biệt dành cho người ngoại quốc. Không có thư kèm theo.

Tôi đã đóng khung tấm thiệp và kể từ đó xem nó như bức tranh trung tâm trong những căn phòng của mình. Khi tôi ngắm nó, tôi thường bị thuyết phục rằng tôi sẽ không bao giờ hiểu được ý nghĩa của nó, nhưng điều đó không chắc chắn lắm, vì không biết bao nhiêu lần, vị thầy đã chẳng nói cho tôi rằng sự bí ẩn sẽ được giải quyết đó sao? Tôi biết rằng chữ ở giữa là chìa khóa câu hỏi của tôi và rằng nó đã mô tả sự bí nhiệm phổ quát, trong cái chung và cũng trong chi tiết tỉ mỉ nhất. Và tôi nhớ vị thầy đã nói sự bí ẩn sẽ được giải quyết ngay bây giờ, luôn luôn bây giờ, tại cái điểm nơi hiện tại và quá khứ gặp nhau, sự tồn tại thoáng chốc hấp dẫn nhất.

Máy bay bắt đầu hạ thấp, những đỉnh đồi gần hơn. Tôi thấy phi trường và một lô bãi đậu xe. Tôi có thể thấy những chiếc xe xếp hàng ngay ngắn. Một trong số đó sẽ là của Peter. Tôi mong ông sẽ đến đón tôi, ông biết số chuyến bay. Tôi có một bản đồ nếu ông không có. Điều ông không có đó là hoàn toàn có thể. Ông có thể quên hay nghĩ rằng tôi sẽ đích thân tìm ông ở trang trại. Tôi sẽ phải đón xe ra.

Nhưng ông ở đó. Tôi thấy ông nhảy lên và vẫy tay, rồi ôm tôi kêu lên:

- Rất vui được gặp anh!

Tự ý thức, tôi lấp bấp những câu trả lời cho thích đáng và nhớ ở Nhật, ông đã chu đáo với tôi thế nào trong những ngày đầu quen biết, khi ông không chắc tôi có phải là một tên điên dữ dằn hay một người tìm chân lý ngây thơ.

Trên xe, ông xin tôi điều thuốc. Ông chỉ hút khi xúc động và rồi phải hỏi xin vì ông không bao giờ mang theo. Ông nói rất nhiều và hỏi thăm những người ông đã gặp ở Amsterdam.

Ở Nhật, tôi đã nghi, và những hình ảnh sau này làm tăng thêm nghi ngờ, rằng những người thần bí có hai nhân cách song song. Nhân cách hằng ngày, vai trò được tiếp tục đóng. Người thực sự thông suốt không bao giờ mất cá tính hay thói quen. Lão sư Nhật thích đến rạp chiếu phim để coi những phim Phi Châu, ông xem dã cầu trên TV, ông không thích đến nha sĩ và cố gắng tránh mấy bà đứng tuổi đến hỏi đạo. Ông thích làm vườn hơn rửa bát đĩa. Ông thích vài bức biếm họa trong nhật báo. Ông là một người ngăn nắp, đặc biệt về cách ăn mặc. Ông thích ăn mặn xanh và uống loại trà xanh đặc biệt. Nhưng tất cả thói quen thích và không thích đó, là một phần nhân cách của ông, của sự xuất hiện tạm thời, nó là kết quả của sự giáo dục và môi trường của ông. Ông còn có nhân cách của một vị thầy. Ông là một người hiếm có, ông biết, ông biết bộ mặt riêng của ông, bộ mặt có sẵn trước khi cha mẹ sanh. Ông biết nguyên nhân có thể và không có thể của những thể giới, ông đã thấy suốt mọi hình tượng, và có thể sống không có chúng, ông biết mọi vật được liên kết thế nào. Ông sống trong một nhất thể, nơi tất cả những thể hòa hợp với nhau.

Quy luật tu viện mà tôi tuân theo một phần từ Lão sư. Ông sống trong căn nhà nhỏ, tách khỏi những tòa nhà chính. Tôi gặp ông, không thường lắm, tình cờ trong vườn hay trên đường. Nhưng mỗi ngày tôi gặp ông trong phòng tham thiền, nơi ông nhận đệ tử và chờ

câu trả lời của tôi. Và trong thiên đường tôi thấy nhân cách của một vị thầy.

Nhưng Peter thì tôi biết tương đối rõ ràng hơn. Tôi đã ở chùa ông nhiều tháng, tôi biết những phiền muộn của ông. Tôi biết tâm trạng và tình cảm của ông. Ông đã kể tôi nghe một chút về kinh nghiệm đấu tranh với công án đầu tiên và tôi đã thấy ông vật lộn với những công án khác.

Bây giờ người đàn ông đang lái chiếc Volkswagen là Peter, không phải vị thầy. Nhưng dù vậy, người đàn ông này đã thức tỉnh sâu xa và nếu ông có tập khí, nóng nảy, phiền muộn, những ưa thích, ngay cả sợ hãi hay khuyết điểm, ông sẽ biết cách giải quyết chúng và ông sẽ dùng chúng cho một mục đích, mục đích ở bên trên tôi.

Tôi hỏi về trang trại. Tôi không hỏi nhiều về cuộc sống của ông tại Mỹ, khi ông đến thăm tôi ở Amsterdam. Ông mô tả trang trại và dường như nó lớn hơn tôi tưởng. Bốn mươi người sống trên đất ông. Đó là một đạo tràng, một phần tự túc, trồng trọt thức ăn riêng. Có bò, heo, ngỗng, vườn rau. Một hãng sữa, ngay cả một nhà máy cưa và đồ gỗ.

Đất là của ông, thừa kế của cha, người đã mua đất để đầu tư cách đây nhiều năm, khi giá còn rẻ không ngờ.

Tôi hỏi:

- Ông ở vùng ngoại ô?

Ông gật đầu.

- Dĩ nhiên. Càng xa càng tốt. Những kẻ hiếu kỳ

không thể đến đây với chúng ta. Nhưng người ta có thể làm việc và thiên định bất cứ ở đâu.

Ông kể cho tôi về vị thầy Nhật Bản định cư đầu tiên ở Mỹ. Thầy phải mượn một căn nhà nhỏ bé tồi tàn, có sẵn một phần đồ đạc, trong một khu ổ chuột New York. Căn nhà rất gần cầu xe lửa, và khi tàu chạy qua, phòng lắc lư đến nỗi vị thầy khó ngồi yên trên bồ đoàn. Cứ vài phút tàu lại chạy qua. Nhưng không có chọn lựa nào khác! Vị thầy không có tiền và đệ tử ông thì nghèo. Nhưng nếu có chọn lựa, hãy chọn cái tốt nhất đang có.

Peter nói:

- Ở đây hoàn toàn yên tĩnh. Một vài người về hưu, một vài nông dân và một ông già sống một mình. Họ là láng giềng duy nhất của chúng ta. Chỉ có một cửa hàng và nếu chủ tiệm không có những gì chúng ta muốn thì chúng ta phải chờ đến khi có ai đi phố. Không điện thoại, không radio và không xe buýt.

- Không TV?

Ông lắc đầu.

- Ông có biết gì về những việc đang xảy ra trên thế giới không?

- Tôi có một radio trong xe. Đôi khi tôi cũng nghe tin tức.

- Ông có thích nó không?

Ông cười và hích vai tôi.

- Đừng lo. Tôi có quan tâm. Tôi biết tất cả mọi thiên tai.

- Làm sao mà các đệ tử tìm ra ông?

Tuyết trên đường đã được dọn sạch vài lần. Ông phải lái cẩn thận qua vài chỗ trơn. Ông lặng thinh hồi lâu.

- Làm sao người ta tìm ra tôi? Để tôi xem! Một vài người đến từ New York, có một tu viện ở đó và có một vài khóa đào tạo. Tu viện đó liên lạc với tu viện ở Nhật và họ phải biết rằng tôi đã trở về. Nhưng những người đó chỉ có một người ở lại. Sau đó có một vài người bạn đến. Một chàng trai lang thang bên ngoài rồi đi đến căn nhà và không bỏ đi nữa, anh ta chưa bao giờ nghe lời tu tập này. Một vài người đến vì đã dùng ma túy và không thể đối phó với những ảo giác của họ. Ít nhất có một người đã đến với câu hỏi đã đưa anh đến Nhật. Anh ta muốn biết tại sao mình sống?

Tôi ngắm con đường và những cội cây trơ trụi lóe sáng qua cửa xe.

- Khi gặp lão sư Nhật ở đường phố Kyoto, ông có biết ông muốn gì ở thầy ấy không?

Peter lắc đầu:

- Không.

Tôi giữ im lặng, tôi không muốn chọc tức ông. Tôi đã hỏi đủ rồi. Ông đòi một điều thuốc khác và tôi đốt cho ông. Những cuộc chuyện trò mà ông thường kể cho tôi ở chùa ông tại Kyoto, không bao giờ sáng sủa lắm. Ngôn ngữ được dùng sai. Cách dùng chữ duy nhất là thực hành. Hỏi về cái búa anh sẽ không bị đưa cái kềm. Hỏi người bên cạnh tại bàn để qua đám đông. Nếu Peter muốn giải thích việc gì cho tôi, ông không thể bảo tôi làm gì, ông sẽ chỉ tôi làm gì.

Chúng tôi đã đến. Peter lái xe vào con đường trải

sỏi đưa lên một ngọn đồi và tôi thấy một ngôi nhà sơn trắng xinh xắn bằng gỗ, và vài nhà phụ xù xì và những cái chuồng.

Peter nhảy xuống xe, đi vòng mở cửa cho tôi. Tôi thấy ông như một cái bóng tương phản với mặt trăng, vàng trắng tròn lơ lửng trên cành cây.

“Xin chào”, Peter nói và cúi mình “Xin chào đến với chùa Nguyệt Khê.”

Thái độ đột ngột này đang sắp đặt và bẻ gãy giấc mơ của cuộc hành trình. Bây giờ tôi thấy ông như một vị thầy và tôi cúi chào lại, nghiêm trang, khúm núm. Tôi là đệ tử ngoan ngoãn của ông, chuẩn bị rất nhiều để gắng hết sức mình.

Peter mỉm cười và bước tới trước, mang theo va-li của tôi.

Từ đỉnh đồi tôi có thể thấy những cửa sổ của bảy cái nhà nhỏ, những nhà gỗ nhỏ chật hẹp gồm một hay hai phòng, ẩn một phần giữa những tàn cây.

Có lẽ như những ngôi nhà của những chú lùn, những chú lùn trong một khu rừng rộng mênh mông bao phủ toàn thể phong cảnh có thể thấy được, ngay cả những ngọn đồi in bóng trên đường chân trời chung quanh.

Tôi chỉ những cái lều, hỏi:

- Đệ tử của ông?

- Vâng. Có những ngôi nhà khác mà từ đây anh có thể nhìn thấy. Hầu hết do chúng tôi làm và gỗ tự chế tạo tại xưởng của mình. Một vài học trò giàu hơn thì gọi chủ thầu bên ngoài, nhưng tôi không thích thế. Tôi sẽ giữ tiền trong gia đình kỹ hơn.

- Gia đình?

Peter làm một động tác rộng, bao gồm mọi vật chung quanh.

- Gia đình của đạo tràng. Quanh đây khó kiếm ra tiền.

Ngôi nhà hai tầng của ông giống như tất cả những nhà khác tôi đã thấy vào buổi chiều từ phi trường đến. Nhưng ngay khi bước vào trong, tôi đã trở lại Nhật. Ông trải nền nhà bằng thảm rơm. Có những tranh giấy treo trên tường. Tôi nhận ra chúng, chúng đến từ chùa Kyoto của ông và vài tờ do vị lão sư vẽ. Chỉ có nhà bếp theo kiểu Mỹ với lò đun củi quá khổ đang tỏa hơi ấm dễ chịu và trên tường treo những cái nồi và đồ dùng trong bếp. Có một tủ lạnh và một tủ đông đá, rộng đủ chứa một con cừu.

- Cà phê hay cocktail?

Tôi chọn cà phê và cười. Tôi nhớ mình đã chán ghét khi khám phá ở Nhật những vị tăng uống rượu, hút thuốc và cả chơi gái. Nỗi chán ghét làm tôi ngạc nhiên vì tại sao tôi lại nghĩ họ phải khác thế? Tu sĩ phải trong sạch. Nhưng cái gì là trong sạch? Vị lão sư hút vài điếu thuốc mỗi ngày và thỉnh thoảng có một ly rượu sa-kê, rượu nếp. Peter cũng uống nhưng không thường xuyên. Đức Phật sống cách đây quá lâu đến nỗi hoàn toàn không thể tìm ra Ngài đã làm gì và không làm gì. Nhưng theo truyền thuyết Trung Hoa ghi lại giai đoạn đầu tiên của Phật giáo tại đây, có kể vài trường hợp những Cổ đức say rượu. Có lẽ mọi người tự tạo những quy luật riêng và bám vào nó bao lâu mà họ thấy cần thiết. Vị trưởng lão ở Kyoto có lần bảo tôi rằng mọi thứ

đều được phép, miễn là anh có thể chấp nhận hậu quả việc anh làm.

Peter đọc được tư tưởng của tôi, ông kể tôi nghe về một thanh niên đã đến cách đây vài năm.

- Một chàng trai thật thánh thiện. Gây và nhọn nhọn với mái tóc dài buộc thành búi nhỏ. Anh đang bắt chước các Yogis và sống bằng một miếng cơm, rau và một ít trà nhạt. Anh ta không ăn cả trứng.

Tôi gật gù. Tôi thường muốn sống như thế. Peter nói:

- Khi anh ta đến, tôi đưa cho anh ta một tuộc-nơ-vít.

Tôi nghĩ, nhiều vốt-ka hơn nước cam. Tôi biết cocktail của Peter. Ông nói:

- Anh ta phản kích hẳn lên.

- Và bây giờ?

- Anh ta có vẻ tốt rồi. Ăn mọi thứ trừ thịt. Anh ta mang gia đình đến. Bây giờ trông họ cũng khỏe mạnh. Tôi đã thấy họ uống bia trong bữa ăn.

Tôi mở va-li và lấy quà tặng Peter, một chai cô-nhắc Pháp và một miếng phó-mát Hà Lan lớn.

Peter nói:

- Không phải ở đây! Anh có thể mang nó đến chánh điện sau.

- Đức Phật thích cô-nhắc?

- Tôi sẽ uống nó. Sau này khi có dịp, có lẽ tôi sẽ cho anh một hộp.

Một mặt bàn có bản lề gắn vào tường, ông mở móc và kéo nó xuống, rồi ném vài tấm nệm xuống nền nhà. Chúng tôi lại trở về Nhật lần nữa. Thức ăn giống những món thường ăn hầu như hằng ngày, trong chùa ông ở Kyoto, rau củ ninh nhừ, đặc và một ít thịt.

- Những người khác ở đâu?

- Chúng tôi đang có một tuần thiền định. Anh đã đến giữa chừng. Mọi người đang ở trong thiền đường. Ngày mai tôi sẽ chỉ cho anh, nó đẹp lắm. Chúng tôi dùng cấu trúc Nhật và một kiến trúc sư trẻ đã giúp chúng tôi. Ông ấy rất tốt, công việc của ông ấy là vẽ bối cảnh cho phim ảnh. Thiền đường này ở ngay trên đường của ông ta. Nếu anh không mệt lắm, ngày mai anh có thể tham dự với chúng tôi. Giờ tọa thiền đầu tiên bắt đầu lúc 3giờ30 và chúng tôi ngồi đến 6giờ30. Sau đó tôi sẽ dọn sáng ở đây.

Tôi nhìn đồng hồ, 11 giờ30 đêm. Đó là một cuộc hành trình dài, cảm giác về thời gian rồi tung lên, tôi sẽ không phản đối việc ngủ một ngày trên giường. 3giờ30 sáng là nửa đêm.

- Được rồi!

- Anh có đồng hồ reo không?

Tôi có một cái, đẹp và ồn ào. Ông thương hại tôi và ngụ ý tôi nên ngủ trễ và tham dự với chúng vào buổi chiều, nhưng tôi quá kiêu hãnh không đầu hàng. Sự kiêu hãnh đôi khi có thể sử dụng. Tôi nói:

- Tôi đã ngủ trên máy bay, tôi không mệt lắm.

Và có lẽ tôi không mệt. Có lẽ bị mệt là một trong nhiều ảo tưởng mà chúng ta sống với.

Ông chỉ phòng cho tôi, dễ chịu, tiện nghi và

nhều sách sắp trên kệ. Đó là phòng của ông nhưng ông không nói cho tôi biết. Tối đó ông ngủ bằng túi ngủ trong giảng đường, một nơi lạnh và có gió lùa. Giường của tôi được trải trên nền, ông đưa tôi một cái mền lông giống như cái tôi đã dùng ở Nhật. Tôi nhìn những cuốn sách.

- Đó là thư viện của lão sư. Tôi nhớ chúng. Ông thường nghiên cứu chúng. Những tác phẩm thiền nổi tiếng của Trung Hoa. Ông ấy tặng ông sao?

Peter im lặng nhìn tôi.

- Thầy cho tôi mọi thứ. Khi thầy tịch tôi được y bát, tất cả đồ vật của thầy, những thứ các đệ tử đã cúng dường thầy khi còn sống. Thầy còn để lại cho tôi cả tro của thầy. Tôi mang bình đựng cốt và chôn chúng gần đây, dưới một gốc cây và gần một tảng đá lớn. Thầy muốn được chôn ở Mỹ. Ngày mai tôi sẽ chỉ cho anh mộ của thầy.

- Vậy cuối cùng nó là sự thật.

- Cái gì?

- Chuyện Phật giáo đi về phương Tây. Phương Đông chuẩn bị cho phương Tây, và phương Tây chuẩn bị cho một mô hình toàn cầu. Di Lạc, một vị Phật tương lai sẽ được sanh ở đây.

Peter cụt hứng và gãi lưng. Ông nói:

- Chắc chắn rồi. Đó là lịch sử của tương lai. Nhưng bây giờ sự tốt đẹp nào sẽ đến với chúng ta? Phật giáo ở đây, Phật giáo ở kia. Vấn đề là gì? Bây giờ nên làm vài việc. Có phòng tắm. Phòng tắm đã sẵn sàng. Tôi sẽ yêu cầu một chú làm nóng nước cho chúng ta.

Tôi thay quần áo, ông đưa tôi chiếc kymono để tắm và đôi dép. Bồn tắm, ghé gỗ để chân, ngay cả những đĩa lồm mồm cũng đến từ chùa Kyoto cũ. Tôi tắm vội vàng, kỳ cọ và ngâm mình vài phút trong nước nóng, rồi ngồi trên sàn nhà chờ ông. Chúng tôi kỳ lung và vai nhau rồi tưới vòi sen nước lạnh qua mau. Peter nói “Chúc ngủ ngon” và tôi tìm gạt tàn thuốc, tự làm một cốc cà phê trong bếp.

Trong khi tôi hút điếu thuốc cuối cùng trong ngày, tôi nghĩ đến vị lão sư. Tro của ông đã được chôn trong rừng. Nhân cách của ông không tồn tại lâu hơn, những cái xương già nua làm ông đau đớn rất nhiều trong những năm cuối đời đã ra đi mãi mãi. Không còn lại gì trừ những kết quả trực tiếp của toàn bộ hành trạng của ông đang ở quanh tôi. Đường lối giảng dạy của ông được tiếp nối, sống động như những ngày Phật du hành khắp Ấn Độ trên đôi chân trần.

Cuộc sống cuồng điên đến nỗi tôi sẽ không bao giờ đạt đến tận đáy của nó. Tôi nghĩ thế và trở mình.

Anh trở lại Nhật. Trong một khu rừng xanh bất thực, anh đang bước đến gần vị lão sư. Anh tới một con suối nhỏ. Vị sư chạm vai anh và anh biết ông muốn anh ngồi xuống. Ông ngồi gần anh. Anh nhìn chăm chú vì anh không biết ông muốn gì ở anh. Anh phòng bị để thoát ra vì anh không bao giờ biết rằng điều gì sẽ xảy ra khi anh gặp một vị thầy.

Ông lắc đầu và chỉ một miếng nút bần đang trôi qua, nó đã bị cháy đen một nửa.

- Miếng nút bần đó là nhân cách của anh. Tại mỗi lần, tại mỗi hoàn cảnh thay đổi, tại mỗi xung đột, thất bại hay chiến thắng, một mảnh của nó bị tan nát.

Anh nhìn miếng nút bần. Những mảnh của nó tự tách ra và biến mất. Nút bần trở nên nhỏ hơn. Anh nói một cách dao động:

- Nó đang nhỏ đi!

- Trở nên nhỏ trong mọi lúc, cho đến khi không còn gì cả.

Tiếng nói trầm lặng của lão sư rất gần. Ông nói tiếng Anh, anh không phải khổ sở để ráng hiểu ông.

Anh nhìn lên. Anh nghĩ ông sẽ giống như sư tử rống, ngồi đối diện với anh như trong những ngày thường, lúc ông muốn anh giải quyết công án.

Nhưng ông không rống. Ông có vẻ lặng lẽ và vui vẻ. Chỉ là một ông già bé nhỏ muốn chỉ ra chút gì cho anh. Sẽ không có gì còn lại. Anh sẽ mất tên tuổi, thân thể và tính chất của mình. Điều lo sợ của anh thu nhỏ lại.

Nếu nó xảy ra, nó sẽ xảy ra

Không có gì ở lại

Và anh sẽ không là gì cả.

3

NHỮNG CON SAM

Ba giờ kém mười sáng, tuyết kêu rãng rãc dưới giày tôi. Thời tiết dưới 0° và cây cối kêu kẻo kẹt vì lạnh. Peter đã đưa tôi cây đèn pin và tôi đã dùng nó một cách áy náy.

Tôi bị trượt trên một mảng băng mà tôi lầm là tuyết và tay tôi rỉ máu, bị đá cắt. Cà phê tôi uống quá vội, đang quậy trong bao tử trống của tôi.

Tôi nghĩ còn có nơi tệ hơn. Có thể những trại tập trung và nhà tù, những tù nhân ngay cả cà phê buổi sáng cũng chẳng có.

Chúng tôi đang trên đường đến thiên đường mà những chàng trai Mỹ đã xây theo họa đồ của Nhật. Chúng tôi đang bước qua cây cầu nhỏ. Peter nói:

- Từ đây trở lên, anh ở trên đất Thánh. Bây giờ chúng ta rất gần thiên đường, và đây, phía bên trái gần tảng đá to, tro của lão sư đã được chôn. Chúng ta không nói chuyện và hút thuốc ở đây.

Tôi tắt đèn pin. Con đường có thể thấy qua ánh

sáng từ cửa sổ thiền đường, và bây giờ lần đầu tiên, tôi thấy ngôi nhà gỗ với cái mái lạ lùng. Kiến trúc sư đã làm tốt với những vật liệu quanh đây. Ngôi chùa yên tĩnh và đầy năng lực. Những kệ đựng đầy giày sắp ngay ngắn bên hiên. Tôi cởi giày và muốn đi vớ vào. Peter vỗ nhẹ vai tôi. Không, tôi nghĩ. Tôi không cởi vớ. Nhưng Peter làm và tôi phải làm theo, cẩn thận bước trên nền đá lát lạnh, trên cạnh của bàn chân trần. Trở về với im lặng, những quy luật đáng sợ của thiền viện. Một nơi của sợ hãi, của đau nhức nhưng cũng là một nơi của mạo hiểm. Bây giờ tôi đã già hơn, tôi sẽ trưởng thành hơn. Tôi sẽ ít đau khổ hơn, tôi hoàn toàn chắc chắn như thế, và tôi hoan hỉ cúi chào trước những tượng Phật đặt ở cuối phòng không miễn cưỡng chút nào. Khi có cơ hội ngắm tượng, tôi nhận ra hình ảnh của Văn Thủ Sư Lợi, vị Bồ Tát cầm thanh kiếm cắt đứt những tư tưởng, tưởng tượng và tự ngã. Bức tượng đặc biệt này rất đẹp, trầm tĩnh và mạnh mẽ, yên lặng và sẵn sàng. Một đĩa cúng đựng đầy hạnh nhân. Đặc biệt là những hạt này lâu hư, không phải thay hoài. Khói nhang tỏa khắp phòng.

Phí cả tuần ở đây không phải là tệ hại, nhưng có một ý tưởng nhỏ làm phiền tôi. Nó bảo:

“Một thiền đường có lẽ là một loại mẫu giáo. Chúng ta tới đó bởi vì chúng ta bảo nhau rằng chúng ta muốn. Chúng ta đã hứa ở một tuần trong sự im lặng của thiền đường. Chúng ta tạo luật lệ và hứa tuân theo. Chúng ta lần lượt dạo quanh và giám sát sự nỗ lực của nhau, ngay cả chỉ trích lẫn nhau, dĩ nhiên là một cách tử tế, không gây tổn thương thật sự. Nhưng có lẽ chúng ta nên làm điều này với riêng mình. Trong một căn nhà, trong một lều nhỏ ngay sau khu rừng. Và ở đó, chúng

ta đối mặt với chính mình, hay với cái gì mà chúng ta nghĩ là cái NGÃ này và phá hủy nó, và giải thoát. Không có bất cứ quy luật nào từ bên ngoài, không có một thầy nào khuấy động chúng ta lên với những thủ thuật, với một cái chuông, với cây gậy ngắn liên tiếp khuyến khích và nhạo báng chúng ta. Đức Phật đã làm thế với chính Ngài.”

Tôi tự nhủ, một Thánh nhân thực sự làm điều này với chính họ.

Nhưng anh không phải là một Thánh nhân, tôi nói và thở dài, cúi chào chỗ ngồi của mình và leo lên bờ đoàn, téo chân ngồi bán già, chân phải lật ngựa đặt lên vế trái, chân trái gấp dưới vế phải. Tôi vẫn không thể ngồi kiết già, một tư thế lý tưởng, một kiểu ngồi giải thoát từ đó anh có thể gầm vang hư không. Nó sẽ đến. Nó đã chiếm của Peter một thời gian dài. Tôi tự hứa sẽ có một ngày tôi ngồi kiết già được. Tôi phải bẻ chân mình như một thiền sư què. Người ta kể trước khi chết, ông bẻ chân và kéo nó đến vị trí đúng, vài giờ sau ông tịch với tư thế ấy. Suốt đời ông nô lệ cho cái chân nhưng khi ông tịch, ông là một người giải thoát.

Người giám thiền rung chuông. Bốn lần lắc và bốn lần những âm thanh tràn đầy với những chấn động yếu đi, tắt dần. Tôi dựng thẳng xương sống, điều chỉnh hơi thở và tập trung trên công án không biết bao nhiêu lần. Trong một giờ tôi sẽ đối diện với một thiền sư mới và trình câu trả lời về công án của mình, phần thưởng lớn nhất và tài sản kinh khủng nhất tôi đã có được mãi mãi. Tôi sẽ gặp Peter trong thiền đường, đúng như tôi đã gặp vị lão sư hằng trăm lần ở tu viện Kyoto. Tôi không thấy bị kích thích lẫn lo âu. Sự cố gắng tập trung

đã trở thành thói quen. Sự cần thúc đẩy một câu trả lời đã ra đi cách đây lâu rồi. Tôi không còn muốn chứng ngộ. Tôi thực sự không muốn gì cả. Tôi chỉ muốn ngồi, yên lặng, 25 phút đến khi giám thiền rung chuông lần nữa. Và rồi tôi sẽ ra ngoài, duỗi chân, làm vài động tác thể dục, trở vào lại, và ngồi 25 phút khác. Nếu không bị đau thì điều này sẽ tiếp tục mãi. Tôi cảm thấy hoàn toàn bình an, lập lại công án, chống cự cơn buồn ngủ đang treo trên mí mắt và bảo tôi nhắm mắt lại, thư giãn và trôi đi. Tôi đã chuẩn bị làm hết sức mình, dù sao nó là tất cả điều tôi có thể làm. Con đường mà tôi đang theo dường như là con đường chính đáng, nó không đưa đến bất cứ đâu, nhưng có lẽ phương hướng xem ra đúng và tôi ráng sức theo, như một ngụ ngôn thiền: Con bò ráng sức qua đầm lầy, khi chân nó bị lún xuống bùn, nó dùng sức mạnh hơn một chút và tiếp tục. Nó không thể thấy nơi nó đang đi vì tầm nhìn không thể thấy. Trời mù sương. Con bò không phàn nàn, nó làu bàu một chút, tiếng rống than vãn đôi thành tiếng khịt khịt lai rai.

Khi người giám thiền rung chuông, tôi nhìn vội những người bên cạnh, tôi không muốn họ biết tôi nhìn. Người ngồi bên phải tôi mặc, mặc một áo len trắng, bộ ria hải mã to đùng trang trí khuôn mặt tròn trịa vui vẻ của ông. Ông ngồi kiết già và thở mệt nhọc qua mũi làm rung rinh râu mép. Phía bên trái, một cô gái mảnh khảnh hay một thiếu phụ. Tôi rời chỗ ngồi, cúi chào nó (chỗ ngồi luôn luôn được chào trong thiền đường, chúng là dấu chỉ của giải thoát tương lai, không phải hiện tại), cúi chào tại cửa lần nữa, và dựa vào đám người trên hiên. Ở Nhật, những vị tăng trốn vào các góc trong những giờ nghỉ ngắn, hút thuốc vội vã và

nói chuyện. Nhưng ở đây, một sự thinh lặng trong sạch được giữ nghiêm ngặt. Một vài người nhìn chằm chằm ra màn đêm, những người khác tập thể dục, xoa bóp chân. Một đám đông rất trang nghiêm. Có những người tình nguyện thực sự, tặng Nhật Bản bị cha mẹ giục đến sống ở chùa, ở đây mỗi người đến vì ý muốn riêng, ý muốn bề gãy tham dục - nếu triết lý đạo Phật là đúng.

Nhưng tại sao? Triết lý Ấn Độ giải thích dễ dàng. Những vi trùng sanh ra, chết đi và tái sanh. Tâm hồn nhỏ bé của chúng phát triển chậm chạp và một số vi trùng trở thành một côn trùng, một lô côn trùng, cuối cùng thành một con chuột, một lô chuột, một con chó, hai con chó rồi trở thành một người ngu, người ngu sống qua nhiều kiếp và trở nên khéo léo hơn một chút. Cuối cùng hấn nhận ra tâm hồn mình bị vướng mắc. Hấn muốn tự do. Hấn biết sự mong muốn thành một người đàn ông, một người đàn ông đặc biệt, một cá nhân, đã kèm hấn lại. Hấn cảm thấy những giới hạn của tự ngã như bức tường và muốn đập vỡ bức tường đó. Mỗi cuộc sống tạo ước muốn đập vỡ tham dục mạnh hơn. Và một cuộc sống sẽ trở thành cuộc sống cuối cùng. Hấn phá vỡ tham dục và trở thành... một thiên thần? Một thượng đế? Một chúng sanh trên một hành tinh khác? Một Bồ Tát? Người Ấn Độ Giáo có thể đúng. Khoảng 600 kiếp một người được giải thoát. Bất cứ ai. Hấn không thể kham nhẫn nổi. Hấn càng sống dài hơn trong chuỗi luân hồi, hấn càng trở nên tiến triển. Linh hồn, atman, trở nên mệt mỏi trong vòng quay vô tận. Hấn từ từ tạo công thức về ý tưởng tự do thật sự tồn tại. Hấn cảm thấy vướng mắc. Người kém mở mang không cảm thấy vướng mắc. Nhưng người tiến bộ mong đợi một người chỉ đường, đi tìm một

người dẫn đường. Bất cứ gì anh muốn, cuối cùng sẽ xảy ra. Cho hẳn thời gian, kiên nhẫn và tiếp tục tìm kiếm, rồi một ngày, người dẫn đường xuất hiện. Nếu có người dẫn đường mà anh đang tìm, thế thì cuộc lữ bắt đầu, cuộc chơi cuối cùng. Người đệ tử sợ hãi, dễ bị kích thích và khó chịu. Anh ta tìm một lỗi của người dẫn đường. Anh ta có thể muốn bỏ đi, và thật ra anh ta có thể bỏ cuộc. Nhưng người dẫn đường lại xuất hiện. Và người đệ tử thật tình muốn biết lối ra, ngay cả khi anh ta sợ hãi và kích động. Anh ta ở lại không được mà về cũng không xong, anh ta có thể làm gì khác trừ cố mà theo người dẫn đường? Anh ta thật sự không biết rằng mình muốn đạt được cái gì, vì mục đích, tự do, vượt trên khả năng nhận thức của anh ta.

Tôi nghĩ đó không phải là một lý thuyết tôi. Nhưng tôi không đến thiền đường để suy nghĩ. Tôi đến để ngồi tĩnh lặng. Và tập trung, dĩ nhiên. Tập trung trên cái chìa khóa. Cái chữ làm thành công án của tôi, và cái công án...

“Lặp lại chữ đó cho đến khi mọi việc rơi rụng”, vị lão sư nói. Tôi cố gắng và thời gian rơi mất. Tiếng chuông lại vang lên, 25 phút khác đã qua. Ở Nhật, tôi không bao giờ muốn tin những vị tăng, khi họ nói rằng không có thời gian trong thiền đường. Những vị tăng già nói thế. Những tăng trẻ biết tất cả về thời gian, nó tích tắc chậm rãi trên cái đồng hồ rẻ tiền của giám thiền. Ở Nhật, tôi đã đếm từng phút nếu tôi không ngủ hay chìm trong giấc mơ hay cách nào khác. Thời gian là sự tra tấn. Nhưng bây giờ không có thời gian. Những vọng tưởng vô tận đã vắng bật một cách lạ lùng. Những điều kỳ diệu cuối cùng đã hiện diện.

Thời thứ ba không có gì lạ lùng. Người bạn cũ - sự đau nhức - đã trở lại với tôi. Bắt đầu, một rung động nhẹ ở chân trái và mau chóng biến thành một ngọn lửa dữ dội. Tôi nhúc nhích, cơn đau ngừng một phút và trở lại, mãnh liệt vì tôi đã chống lại nó. Tôi lại nhúc nhích. Vị giám thiên bảo tôi trong giờ giải lao ở ngoài hiên:

- Đừng đổi tư thế! Anh làm phiền người khác. Nếu anh làm nữa tôi phải yêu cầu anh ra ngoài.

- Tôi bị đau.

- Tôi biết. Tất cả chúng tôi thỉnh thoảng cũng bị. Đau không phải là lý do để nhúc nhích.

Lối nói ngắn gọn làm tôi bực mình. Tôi nghĩ đó là sự lảng mạn. Tôi cảm thấy cô độc, không thể giao du với đám cuồng tín này. Những vị tăng trẻ ở Nhật đã nhúc nhích khi đau và tôi có thể hòa hợp với họ. Ở đây tôi bị đối lập với những tên lính xung phong. Toàn là những người phải đạt đến bất-cứ-cái-gì-hay-bất-cứ-nơi-đâu-cần-có-mặt, một cách chính xác theo luật lệ và với những gì vị thầy chỉ dạy.

Những người Mỹ là những người lính tốt, tôi nghĩ. Họ thẳng trắn. Còn tôi là một người Âu Châu. Chúng tôi vụng về, ô hợp, nhưng đôi khi cuộc sống của chúng tôi thú vị. Nếu tôi đến đâu, tôi sẽ đến đó bằng lầm lỗi.

Nhưng tôi đã xóa dòng tư tưởng này. Đừng đánh giá thấp người Mỹ. Họ đã cứu chúng tôi. Nếu họ không đến Âu Châu với xe tăng, kẹo cao su và sự dũng cảm lạnh lùng, thì bây giờ tôi ở đâu? Trong một trại nô lệ hay chết. Và họ đã cho phép tôi đến nơi này.

Nhưng tuy người giám thiên có lảng mạn tôi với

thông điệp tàn nhẫn, phút chót ký ức về một vị tăng Nhật đã cứu tôi.

Anh ta là một người bạn cao ngạo, nhưng bất cứ khi nào vị thủ tọa khiển trách, anh luôn vui vẻ mỉm cười. Tôi hỏi làm cách nào mà anh kham nhẫn được thế. Những vị tăng khác rất dễ thất bại, tôi thường thấy họ đá vào những cái cây khi thủ tọa rầy rà họ.

- Ủ!

Vị tăng cao ngạo nói:

- Tôi là ai? Tôi không tồn tại. Tôi không thật có đặc tính. Tôi hoàn toàn trống rỗng bên trong. Một Phật tử ngon lành phải cố nhớ tên của mình.

Tôi ngạc nhiên và không thể nói gì được. Tôi biết anh ta như một kẻ phô trương. Anh ta luôn nói với tôi mình là người chẻ củi, trèo cây, hái dưa chuột khéo léo thế nào. Nhưng rồi anh ta giải thích một lần nữa:

- Tôi là ai mà có thể bị lãng mạ?

Tham thiền đã đến.

Được hướng dẫn bởi tiếng chuông không ngừng của người giám thiền, chúng tôi ra ngoài và bước đến ngôi nhà gần bên, nơi Peter đang đợi. Vị thầy Peter. Tham thiền là sự tiếp xúc trực tiếp giữa thầy trò trong thể thức tu thiền. Ở Trung Hoa cổ đại, khi lối tu Phật giáo mới bắt đầu, sự tiếp xúc giữa thầy trò rất tự do, không bị thời gian đóng khung. Tham thiền giống như tia chớp, có thể giáng xuống bất cứ đâu và bất cứ lúc nào. Vị thầy sẽ gài công án khi người đệ tử ít nghĩ đến nó nhất. Họ có thể chẻ củi hay ra ngoài đi dạo với nhau, và thỉnh linh câu hỏi vọt ra. Người đệ tử sẽ cố

gắng sắp đặt một câu trả lời và ông thầy sẽ cười, lắc đầu và gợi ý rằng người đệ tử nên cố gắng lần nữa, sau này. Nhưng khi những tu viện mọc lên và số đệ tử gia tăng, tham thiền phải mắc vào một quy luật. Con người, bất cứ khi nào sống trong tập thể, sẽ tự động tạo luật lệ. Bây giờ những vị thầy tiếp đệ tử vào những giờ được ấn định. Peter, giống những thầy Nhật Bản, tiếp tục truyền thống. Nhưng ảnh hưởng của ông không giới hạn ở thời tham thiền. Ông phải giảng xuống bất cứ giờ nào trong ngày. Và công án không chỉ được giải quyết trong thiền đường.

Phiên của tôi đã đến. Tôi không cảm thấy căng thẳng khi chạy lên cầu thang. Nhanh chóng, tôi nhớ những gì phải làm. Lạy ba lạy chào thầy, cúi mình khi đến phòng, cúi lần nữa khi rời phòng. Sự lễ độ cùng cực này có ý nghĩa. Người đệ tử tự nhắc rằng mình không là gì cả và không biết gì cả. Anh ta, từ ngục tù của cá nhân, của sự chủ quan, đối mặt với sự tối hậu, sự nội chứng của thầy. Phật giáo thừa nhận rằng đệ tử, sau cùng, là một cái gì đó. Nhưng bất cứ là cái gì, anh ta cũng không có nhiều hơn về khối tài sản và tập khí hằng biến đổi, anh ta cũng tạm thời mắc vào một nhục thân vô thường. Vị thầy thì rất khác, một loại chúng sanh khác. Vị thầy cũng sống trong một thân xác vô thường nhưng ông không ở loài người lâu hơn vì ông đã tìm ra đường giải thoát và đã khám phá ra điểm tối hậu của con đường. Vị thầy không thể bị định hình lâu hơn nữa và nhân tính của ông là một cái mạng che. Khi đệ tử lạy ông trên nền thiền đường, anh ta tạo cho chính mình một khoảng cách nào đó. Có lẽ sự gặp gỡ hằng ngày với vị thầy đã khiến anh ta tin rằng vị thầy là một chúng sanh khác, người mà anh có thể cùng nói đùa.

Nhưng tham thiền là một cuộc đối thoại không bình thường, ngay cả khi chữ nghĩa tuôn tràn cùng những chuyện đùa cợt. Tham thiền nổi phần sâu xa nhất của cả thầy lẫn trò, cái phần được nhận biết trong vị thầy, có thể được nhận ra trong đệ tử. Người đệ tử cúi mình xuống bụi đất, không những vì thầy mà cũng cho chính mình nữa. Tham thiền có lẽ là sự đột phá, chọc thủng. Những lớp bảo vệ bao phủ và tạo thành nhân cách của người đệ tử bị đập bể ra, lột ra như lột vỏ củ hành. Khi lớp cuối cùng đã bị lột, không còn lại gì cả, rồi thì...

Thiền phòng không mới mẻ gì đối với tôi. Nó phỏng theo phòng của vị lão sư ở tu viện Nhật. Khi tôi giáp mặt với người đối diện, tôi biết mình đã không thay đổi những vị thầy. Không có khác biệt. Hình dáng người đối diện tôi, lặng yên, định sâu, năng lực rung động và an bình, không khác hình dáng lão sư. Vào lúc ấy, tôi không thể nói: “Hello, Peter”.

Công án của tôi ở Nhật như tôi đã kể, khi vị thầy rung chuông, tôi lạy ba lạy. Ngoài ra, trên đường về lại thiền đường, tôi nhận ra mình ở trong phòng tham thiền chưa đến một phút. Tôi được đối xử bình thường. Nhưng tham thiền không gồm cúi mình và những tiếng chuông. Bất cứ gì cũng có thể xảy ra. Ở Nhật, tôi đã dự một cuộc tham thiền kéo dài đến nửa giờ. Khi hai người gặp nhau trong buổi tham vấn, kết quả có thể gây kinh ngạc.

Buổi tiêu tham buổi sáng chấm dứt lúc 6 giờ 30. Tôi đi về nhà. Người giám thiền, bây giờ xuất hiện như một thanh niên vui vẻ, khoảng 20 tuổi, đang chế củi và cười với tôi. Anh ta tự giới thiệu là Rupert. Chẳng đáng gì đến sự hùng hổ trong thiền đường, hung thần

của chùa đã trở thành một người bạn dễ thương.

- Anh là đệ tử đến từ Hà Lan? Peter đã kể cho chúng tôi về anh, chúng tôi biết lơ mơ rằng anh có mặt. Tôi rất vui vì anh đến được.

Tôi đưa anh ta một liều thuốc Pháp, anh ta hít nó và dặt vào tai.

- Anh là người Hà Lan đầu tiên tôi được gặp.

Tôi làm ra vẻ ngu ngơ và nhúc nhích ria mép:

- Chúng tôi là một lũ điên.

- Vâng! Nhưng những người Mỹ cũng không hoàn toàn bình thường. Tất cả trái đất toàn người điên cư trú.

Đó là sự thật, và tôi vào trong nhà. Peter đang chiên trứng trong bếp và chỉ vào bàn, một chén súp đang đợi tôi. Tại Amsterdam tôi không bao giờ ăn sáng nhiều, nhưng ở đây, với cái lạnh nhức nhối và sự cố gắng ngồi đến hằng giờ không được ngủ, bao tử tôi hoạt động làm ngon miệng. Tôi ăn cả những xúc-xích chiên béo ngậy mà Peter đặt vào đĩa tôi.

Ông ngồi xuống và cười toét miệng.

Tôi không nói gì và ăn. Tôi biết đây chính là người đã đổi diện mình cách đây một giờ trong thiền phòng, nhưng tôi không hiểu được và không chấp nhận nó.

Peter nói:

- Tối nay anh được mời ngủ ở đây. Nhưng sau đó tốt hơn có lẽ anh nên ở chung với những người khác. Rupert có một phòng rất gần. Tôi yêu cầu anh ta nhận anh, anh có thể sử dụng nhà của Rupert. Bên ngoài có một số củi cần chẻ và xếp đống, anh ta có thể để anh

nấu ăn. Ban ngày anh ta làm việc ở nông trại, hay tại nhà máy cưa. Anh cũng có thể làm như thế, nếu anh thích. Anh có thể xếp đặt thời khóa cho riêng mình, anh không ở đủ lâu để thích ứng, nhưng không sao. Thỉnh thoảng tôi sẽ mời cả hai anh ăn tối và anh sẽ gặp một vài người. Thỉnh thoảng có thể tôi sẽ thăm anh. Hãy làm việc cho chính mình.

Tôi tiếp tục nhai và gặt đầu. Đặc biệt tôi không phiền lòng, Rupert không làm tôi sợ.

- Chúng ta sẽ có vài buổi thiền định bất thường trong vài ngày kế và một buổi tiếp tâm đúng nghĩa, tuần lễ thiền định sẽ bắt đầu vào thứ Hai tới. Điều đó sẽ thay đổi thời khóa của anh, các anh sẽ ngồi khoảng mười tiếng mỗi ngày.

Tôi lại gặt. Tôi đã đến vì tuần ấy. Tuần thứ nhất đầu tháng Chạp là Rohatsu. Cách đây 2500 năm tại Ấn Độ, ngày 8 tháng Chạp là ngày Phật ngồi kiết già dưới gốc cây tìm ra sự chứng ngộ tối hậu. Tất cả những tông phái Phật giáo đều làm Lễ Kỷ niệm ngày này. Dòng Thiền với truyền thống cứng rắn đã làm tuần lễ trước thành một thử thách. Thiền định liên tục suốt một tuần. Tiếp tâm được gọi là Rohatsu, nghĩa đơn giản là ngày mồng 8.

Nghĩ về Rohatsu làm tôi không thoải mái, nhưng tôi không thật sự khiếp đảm. Tôi đã trải qua một Rohatsu Nhật với gần 16 giờ thiền một ngày. Tuần lễ Mỹ này không có vấn đề mệt nhọc hay đau đớn, sẽ không có đánh, lối hành hạ của Nhật. Và dù sao, tôi cũng không có sự lựa chọn nào khác. Những áp lực đang đẩy và kéo tôi, những áp lực của tôi, và tôi không thể chống nó. Không có chọn lựa, tôi hoàn toàn tự tin.

Những biến cố quan trọng của một đời người không thể tránh được. Một người có thể nghĩ rằng anh ta chọn lựa, nhưng anh ta chỉ làm những gì anh ta phải làm và sau đó anh ta gọi đó là sự lựa chọn của anh ta. Anh ta nói anh ta muốn làm điều này điều nọ, nhưng anh ta ném mùi những gì anh ta phải đi qua. Một lý luận khó chứng minh hay phản chứng.

Tại sao tôi đi Nhật? Tại sao Peter thỉnh linh xuất hiện ở Amsterdam? Tại sao một người nhìn chòng chọc vào mặt hấn một sáng khi hấn đang cạo râu? Và tại sao thỉnh linh hấn biết mình sẽ thay đổi lối sống? Tại sao đức Phật ngồi dưới gốc cây và quyết định sẽ không đứng dậy cho đến khi câu hỏi cuối cùng được trả lời? Tại sao Bồ-đề Đạt-ma, vị thiền sư đầu tiên, từ Ấn sang Trung Hoa, ngồi thiền trong hang chín năm trước khi người đệ tử đầu tiên tìm đến, để bắt đầu sự giáo hóa mà cuối cùng đưa Ngài lên địa vị Tổ sư thiền đầu tiên ở Trung Hoa?

Tôi phụ rửa bát, chẻ một ít củi trong vườn, ngủ một giờ và ăn trưa trong bếp. Buổi chiều, tôi đi dạo bên ngoài. Trang trại của Peter gần biển. Bờ biển lượn vòng, có nhiều vịnh và những vũng nước. Tôi đi trên bờ biển đầy đá khoảng 15 phút, không có ai chung quanh. Bãi có những hình dáng lạ lùng. Tôi thấy những bong bóng trong suốt, phủ những tảng đá lấp lánh trong ánh mặt trời. Bãi bẽ dưới bước chân tôi. Tôi khâm phục những rễ cây linh sam đang ôm những hòn đá cuội của bãi biển. Một con sóc nhỏ cự với tôi vì tôi quấy rầy sự bình an của nó. Những con chim xanh như chim giẻ cùi của rừng Hà Lan, liệng quanh đầu tôi. Chúng có vẻ thuần hóa và có lẽ những đệ tử của Perter thường cho chúng ăn.

Giữa những tảng đá, tôi thấy vài vỏ cua. Những vỏ cua sau này tôi nghe nói là những vỏ sam. Tôi nhặt một vỏ và lật lên. Bên trong, những cái chân gấp ngay ngắn và còn nguyên càng, thân nó rút lại thành một trái banh nâu nhỏ. Một cái đuôi bị cắt dài nhô ra khỏi vỏ, hình dáng đẹp đẽ và thon lại thành một mũi nhọn.

Tại sao Bồ-đề Đạt-ma đến Trung Hoa?

Vị tăng chỉ vào cây linh sam.

- Cây linh sam đằng kia?

Vị thầy gạt đầu.

Vị tăng phải nói: "Vỏ con sam".

Sự sáng tạo thì hoàn hảo. Mọi vật là con đường nó sẽ là. Không có gì để hỏi, không có gì để giải thích. Không có gì khác nhau giữa hữu vi và vô vi. Sự mâu nhiệm đến với ta mọi lúc và nó không nhiệm mâu.

Anh hiểu một chút, rất ít. Và trong khi anh nghĩ là anh hiểu, anh lại bắt đầu nghi ngờ.

Và anh tiếp tục bước, trên một bãi đá ánh tà dương chiếu sáng hay trên một con đường ngọt ngọt khói xăng dầu, hay trên một chiến trường nơi người ta đang cố giết hay làm anh tàn phế, bằng vũ khí tối tân nhất được phát minh. Anh là một người bí ẩn và anh sống trong những bí ẩn.

Và câu trả lời vẫn rất bí mật nhưng anh biết anh sẽ tìm ra nó.

4

SÙNG TÊ GIÁC

Chiều đó có một buổi thiền tập khác thường dài hai tiếng. Vì máy sưởi chạy dầu không hoạt động tốt và để máu huyết lưu thông, Rupert bắt chúng tôi ra ngoài đi kinh hành, thiền-định-trong-khi-bước. Là người lãnh đạo, anh ta phải đi trước lắc chuông; một thị giả đi gần cầm đèn pin. Anh ta chọn một con đường an toàn, một đường sỏi có vài chướng ngại vật.

Kinh hành không phải là đi dạo bình thường, không ai được phép ngắm nơi mình đi. Anh phải theo người đi trước và tiếp tục tập trung. Nhưng có gì không ổn! Trước khi tôi biết chuyện gì xảy ra, thì tôi đã nằm trong đống người ngo ngoe phía trước và bị đè thêm bởi những người sau. Vài người chửi thề nhỏ nhỏ và vài cô gái cười rúc rích, nhưng chúng tôi đã xếp hàng lại.

Sau này tôi mới biết lý do sự náo loạn. Hai con chó thấy chúng tôi đi qua, bị ánh đèn và tiếng chuông hấp dẫn. Chúng cố gắng chơi đùa với Rupert, nhưng Rupert lại sợ chó và đứng chết trân giữa đường.

Người ta chọc ghẹo mãi anh ta về chuyện này và phải mất nhiều tháng người ta mới thôi nhắc đến cuộc kinh hành nổi tiếng của Rupert.

Sáng hôm sau, dùng điếm tâm với xương gà nướng, khoai tây chiên và rau trộn (hai món sau từ trang trại mang đến) xong, tôi chuyển đến nhà của Rupert. Tôi biết anh ta sống gần đây và bắt đầu đi xuống theo lời chỉ dẫn của Peter, nhưng Rupert gọi lại và chỉ chiếc Volkswagen mà Peter đã dùng đón tôi từ phi trường.

- Hãy lấy xe tôi, dễ hơn, chúng ta không phải mang hành lý của anh, đi bộ mất mười lăm phút.

Tôi hỏi:

- Xe của anh? Tôi nghĩ là của Peter chứ?

- Nó là xe của Peter.

Tôi nâng va-li lên băng sau gần một túi đựng đầy đồ thợ mộc và một vài hộp đinh. Tôi hỏi:

- Anh nói sao? Mọi vật của anh là của Peter?

Rupert nhún vai:

- Nếu đó là lỗi anh muốn diễn tả, đối với tôi chả có việc gì.

Tôi đòi anh giải thích. Chiếc xe đi rất chậm, băng trên đường rất trơn, một hai lần chúng tôi sắp lúi vào bụi.

- Được rồi! Tôi sẽ giải thích cho anh. Xe này là của tôi. Tôi kiếm tiền mua nó, đứng tên giấy tờ. Khi tôi đến đây, trang trại thiếu tiền. Peter bán xe, một chiếc Buick người quen tặng ông, và rồi ông lấy xe tôi. Thỉnh thoảng khi Peter không dùng nó, tôi vẫn được phép xài. Nếu cần sửa chữa thì tôi trả tiền.

Tôi cười. Rupert hỏi:

- Anh thấy buồn cười sao?

- Ừ!

Điều này không hoàn toàn thật. Tôi cũng xin lỗi anh ta, nhưng tôi cười vì cách xử sự. Peter không tịch thu chiếc xe khi không có lý do lợi ích. Có lẽ Rupert đã quá yêu thích chiếc xe của mình. Trong trang trại có nhiều xe, Peter có thể lấy xe của người khác.

Tôi cũng cười vì không nghĩ Rupert lại cho rằng bắt đầu tu theo Phật giáo phải từ bỏ tài sản đáng giá nhất của mình. Chúng ta chọn đạo mầu theo lối tôn kính nhất. Chúng ta tin rằng mình sẽ có những kinh nghiệm tốt đẹp, mong biết được những thiên cơ bất khả lậu, như là thấy được những linh ảnh và những cảm xúc siêu nhiên. Nhưng toàn bộ cái chúng ta đạt được là đau chân. Và khi có gì xảy ra thì khó chịu. Tôi cố gắng giải thích lối suy nghĩ của mình cho Rupert và anh ta lầm bầm đồng ý.

Bề ngoài căn nhà của anh ta giống như một hộp gỗ trên những cái cọc, những mảnh gỗ phế thải ghép vào nhau. Một lò sưởi cũ với ống dẫn gỉ sét, cho rất ít hơi nóng. Rupert xin lỗi về căn nhà của mình.

- Tôi không có nhiều thì giờ. Ban ngày tôi phải thiền định hay làm việc. Peter rất tài khi tìm việc cho tôi và tôi tránh ông chẳng được. Tôi luôn luôn định làm gì đó cho cái nhà này, nhưng khi tôi về tới, tôi chỉ còn ăn và đi ngủ.

Trong nhà có một cái tủ nhiều ngăn và một cái bàn chỉ là một tấm ván cũ đứng trên bốn chân khác nhau. Rupert nói:

- Gỗ trôi. Tôi nhặt chúng trên bãi biển. Tiền mua căn nhà, tôi đặt gỗ từ một xưởng và xe vận tải chở đến.

Chúng được đổ xuống đây và chính tôi ghép chúng vào với nhau. Tôi dở về việc này, rồi tôi đã học một lô từ đó. Nếu có thì giờ tôi sẽ tháo ra và bắt đầu lại toàn bộ, nhưng không có thì giờ!

Tôi thấy một túi ngũ nhà binh rách cũ trên nền gần lò sưởi. Rupert nói:

- Của tôi. Tôi sẽ lấy vài cái mền cho anh trong góc đằng kia.

Đó hoàn toàn là một chồng mền xám cũ. Chúng không ấm lắm nhưng nếu tôi đắp hết, may ra mới sống sót.

Khi tôi chui vào mền, Rupert mỉm cười.

- Tôi sẽ kiếm nệm cho anh vào ngày mai. Anh sẽ ổn thôi!

Tôi không thích mở va-li và đặt xuống đâu đó. Tôi không quan tâm vì thiếu thốn, nó làm thay đổi cuộc sống xa hoa khi tôi ở nhà với tất cả mọi tiện nghi hiện đại. Bị đói thì phiền, nhưng nếu Rupert không đủ thức ăn, tôi có thể thường đi đến tiệm gần nhất để mua chúng. Rupert nhấn cái xô vào tay tôi.

- Đây! Hãy đi kiếm ít nước. Tôi không thể đào giếng nên phải đến vòi nước hàng xóm lấy về.

Tôi ra ngoài nhưng không thấy gì trừ cây cối. Tôi đã lùng khắp để hỏi người láng giềng sống ở đâu, nhưng nhớ lại thiên sinh không thích trả lời. Tốt hơn tự mình tìm ra. Tôi đặt xô xuống và nghĩ. Tôi phải trở lại con đường và từ đó tìm, nhà người láng giềng phải được nối với đường này bằng một lối tắt hay đường mòn. Nhưng đường đi mất năm phút. Đi xuyên qua rừng là tốt nhất.

Tuyết đang rơi, vì thế chẳng còn dấu vết con đường Peter thám hiểm tìm nước trước kia. Một màu trắng tinh khiết bao phủ mọi vật quanh tôi. Nhà của người láng giềng ở bên trái hay ở bên phải? Tôi quẹo phải và sự lựa chọn thật chính xác, khoảng một phần tư dặm tôi thấy một căn nhà khác. Không có ai ở nhà, cửa không khóa, tôi vào trong và thấy vòi nước.

Căn nhà này trông rất khác.

Một cái nhà luôn phản ánh chủ nhân. Tôi không tin sự xin lỗi không có thì giờ của Rupert. Vô bọc nghèo nàn của anh ta phải là kết quả của cái gì đó trong tâm anh ta. Tôi đã sống trong nhiều nhà nghèo Nhật và họ đã chứng minh rằng, thật dễ dàng để tạo cái đẹp khi anh có ít, hơn là khi anh có nhiều. Trông trông luôn là một bối cảnh tốt, cắm một bông hoa trong một lọ đơn giản hay đặt viên đá có dáng lạ trên một mảng cát cạn.

Người sống trong căn nhà có vòi nước biết điều này. Ông ta đã tự làm lò sưởi và hai cái ghế thấp. Những chiếc ghế được làm bằng gỗ trôi dạt, được đánh bóng, thớ và màu sắc nổi lên. Chúng gồ ghề nhưng có duyên. Cái bếp nhỏ đã thôi miên tôi. Dụng cụ làm bếp thường xấu xí và tốt nhất là nên giấu chúng vào một ngăn kéo, nhưng người này đã gắn một cái giá sắt sơn đen, muống, dao và dụng cụ khác nhau được treo lên giá. Tôi không nghĩ ra được làm sao ông ta có thể xếp đặt chúng một cách hài hòa, nhưng ông ta rõ ràng đã thành công. Cái lò sưởi cổ điển là một vật hiếm thấy, một vật thể đồ sộ chạm trổ đen tuyền, có lẽ đã trăm năm, không chỉ để nấu ăn mà còn dùng nướng bánh.

Về sau, tôi nghe nói ông ta tìm thấy nó trong một ngôi nhà cũ bỏ hoang ở trong rừng.

Trở về nhà Rupert, tôi bắt đầu rửa đĩa. Tôi nhớ lại bài học của Peter trong chùa Kyoto. Tôi mới dọn vào ở với ông, có vài khó khăn để hòa nhập khi làm việc. Vào một chiều, ông đang rửa đĩa và tôi định đi đâu đó. Tôi tìm chìa khóa mô-tô và lục lọi trong bếp. Tôi hỏi:

- Tôi có thể giúp gì không?

Peter làm bầm một chữ dường như “đồ ngốc”, nhưng tôi cho rằng mình nghe lầm nên vui vẻ hỏi lại, tôi có thể giúp gì. Peter nói “đồ ngốc!”. Lần này rất rõ ràng. Sự sỉ nhục làm tôi giận dữ và tôi vạch ra sự đối xử của ông là buồn cười. Tôi đã lễ độ đề nghị giúp ông và ông lại mắng tôi như thế.

Peter nói:

- Dĩ nhiên tôi đang mắng anh. Sự kiện đơn giản là anh hỏi tôi anh có thể giúp gì, chúng tôi suốt một năm dài ở với chúng tôi, anh chẳng học được gì cả!

- Cái gì?

Tôi hỏi và bây giờ giận dữ thật sự. Peter đặt khăn lau đĩa xuống và nhìn tôi. Ông nói:

- Đúng! Anh không học được gì. Anh dư biết anh có thể giúp vì tôi đang rửa đĩa và có nhiều đĩa để rửa. Nhưng anh không muốn giúp chút nào vì anh đang định đi đâu đó. Anh chỉ hỏi để gây ấn tượng tốt, để chỉ cái gọi là sự giúp đỡ của anh. Nếu anh muốn giúp thì cứ việc lấy khăn lau đĩa ngay trên bàn. Chúng ta có hai khăn, và anh sẽ bắt đầu làm khô chúng.

Tôi đã rời khỏi nhà bếp không nói tiếng nào trong cơn thịnh nộ và biến cố ấy không bao giờ được kể lại, nhưng tôi hiểu là ông đúng.

Bây giờ Rupert nói:

- Tốt, anh có thể chấm dứt việc này, sau đó có thể quét nhà nếu anh thích và dọn dẹp tổng quát, nhưng đừng mất nhiều thì giờ với nó vì trong nhà có rất nhiều việc, đến nỗi anh có thể mất cả tuần. Nếu anh hăng thì có thể chẻ củi bên ngoài, củi dự trữ gần hết, ít củi còn lại ở ngoài tuyết ướt nhẹp. Nếu anh có thể ôm một ít củi vào nhà, nó có cơ hội khô và lò sưởi sẽ hoạt động khá hơn.

Trước khi anh ta bỏ đi, tôi hỏi anh ta đã sống trong nhà này bao lâu. Anh ta phải suy nghĩ trước khi trả lời.

- Ồ, khoảng một năm, tôi nghĩ thế. Có lẽ hơn một chút. Tôi không nhớ chính xác. Đôi khi Peter bảo tôi dọn đi, thường là khi có một gia đình đến. Họ ở đến khi chúng tôi xây được một chỗ thích đáng cho họ. Lúc đó tôi ở trong giáng đường của Peter, tôi thực sự thích hơn vì không phải nấu bữa ăn cho mình.

Tôi làm việc đến buổi tọa thiền chiều. Tôi tìm một ít thức ăn trong nhà, ăn trưa rồi ngủ một giấc một tiếng, đến khi đồng hồ của Rupert reo. Tôi dành hết thì giờ chẻ củi và đem vào nhà. Tôi chất một lượng khá nhiều dựa vào tường, nhưng sẽ xài không bao lâu, cái lò sưởi cũ kỹ nướ củi nhanh như chớp nhưng nhiệt độ không thay đổi mấy, dù tôi đã điều chỉnh ống thông hơi. Có những cơn gió lùa vì nhiều vết nứt trên tường và nền nhà.

Tôi tự hỏi nếu ở nhà này lâu dài thì sẽ ra sao, với Rupert như người giám hộ. Trong một không gian chật hẹp dễ làm người khác bức mình và nhất là Rupert không phải là một người bạn dễ tính để sống với. Nhưng có lẽ sẽ hoàn toàn vui vẻ, chia sẻ một căn nhà nhỏ trong một khu rừng rộng. Chúng tôi không buồn chán. Thiên định trải qua vô thủy và vô chung. Những ẩn sĩ thiên định nhiều năm trong hang núi.

Tôi nghĩ về một phim ngắn đã xem trong một rạp chiếu bóng ở ngoại ô Kyoto, mà tôi tình cờ trông thấy.

Phim chiếu một ngôi nhà xiêu vẹo, trong một khu ổ chuột của một thành phố Nhật rộng lớn. Chủ nhân không còn quan tâm đến nó và nó bị chiếm dụng bởi những khắc họa âm u của địa ngục. Hai người trong đám cư dân là trộm vặt, một cặp vợ chồng già sống trong chái nhà nhỏ hẹp, người chồng tàn phế và vợ ăn xin. Người tàn phế sửa chữa vài cái ấm và đồ dùng trong bếp, nhưng thường thì nằm một góc, uống rượu nếu có thể. Một anh khờ cà lăm và nhều nhão, một cô điếm già đón khách ngoài đường.

Thình lình một du tăng xuất hiện giữa những kẻ khốn cùng này. Ông khoác y và có một cây gậy, một bình bát, một cái chuông. Cây gậy hộ thân già khi ông leo núi, bình bát đựng cơm hằng ngày và cái chuông để khiến người chú ý. Ông đầu trọc và khuôn mặt già nua phúc hậu.

Ông đứng trước ngưỡng cửa và xin phép vào. Người trong nhà đang tranh cãi nhưng bằng lòng cho ông vào. Họ có phòng đầy đủ và một vị du tăng thường được kính trọng, ông có thể là một điềm may mắn. Ông thầy già tự tìm một góc và ngồi xuống. Ông lắng nghe

cuộc tranh cãi. Đây là phòng khách, mọi người đều dùng và họ đang cãi nhau là hôm nay không phải phiên họ quét nhà. Ngay khi hiểu vấn đề, ông đứng dậy lấy chổi và quét.

Từ lúc đó, tính tình mọi người thay đổi. Những cư dân bắt đầu giúp đỡ nhau. Những tên trộm mang mền cũ cho người tàn tật. Cô gái điếm bắt đầu dè dặt lời ăn tiếng nói. Người tàn tật dịu dàng với anh khờ và can thiệp khi các tên trộm chọc ghẹo người bạn bơ vơ. Vị tăng rất im lặng, ông chỉ nói khi cần nói. Ông chào hỏi lịch sự, chúc buổi sáng tốt lành, chúc ngủ ngon. Ông giúp đỡ. Khi người tàn tật già chết, vị tăng ngồi cạnh người đau và cầm tay ông ta. Khi bà già than khóc, vị tăng an ủi bà. Khi người khờ không tìm ra ống sáo, vị tăng tìm giùm. Ông không bao giờ chỉ trích, không bao giờ khen ngợi. Khi các tên trộm không ăn trộm nữa và đi lao động tại công trường xây dựng, vị tăng không nói gì nhưng mỉm cười khi họ dùng tiền lương thiện mời ông ăn tối. Ngay cả cô gái điếm cũng đổi nghề thành người giúp việc nhà. Chuyện phim kết thúc bằng một bữa tiệc. Mọi người mừng năm mới bằng một tiệc chiêu đãi, có cả nhạc sau bữa ăn. Nhạc cụ độc nhất là chiếc sáo của anh khờ nhưng mọi người đều góp phần. Hai tên trộm vỗ những mảnh đá vào nhau, người giúp việc gõ đũa vào chai. Mọi người hát. Bài hát rất tình cảm, tinh tế. Vị tăng lắc chuông tay, âm thanh của chuông bắt đầu ngân vang và phim kết thúc đột ngột.

Khi rời rạp hát, tôi lại nhớ tiệm sách ở Rotterdam, khi còn nhỏ, tôi mua sách ở đó. Có lần tôi tìm một cuốn sách mình thích. Đó là cuốn *The Lama of the five wisdoms* của Hồng Điền (Lama Yonden), đệ tử hay

thầy của bà Alexandra David-Neil. Lúc đó những tôn giáo phương Đông không gây ấn tượng cho tôi lắm, nhưng cuốn sách đã chạm tận xương. Tôi bảo người bán sách tìm nó và nói tôi đã thấy cuốn sách một cách tình cờ. Ông xoa đầu tôi và chỉ môi ông, nói:

- Không có gì xảy ra tình cờ cả.

Tôi nghi ngờ hỏi:

- Ông theo thuyết duy linh chứ?

Ông ta cười khúc khích:

- Không.

Khi hết cười ông nói:

- Nhưng không có gì xảy ra tình cờ. Nếu anh mua một cuốn sách ở đây là anh mua một cái gì đó thuộc về anh. Cuốn sách phải nói với anh điều gì đó, là một phần của anh. Anh chỉ đem cuốn sách về nhà và đọc nó vì anh muốn xác định về những tư tưởng của riêng anh.

Tôi không hiểu ông ta.

Rupert về nhà và bị ấn tượng về việc làm của tôi. Anh ta vừa nói vừa tháo gói xương gà. Tôi hỏi:

- Ở đâu mà anh có món đó? Peter cũng ăn nó đấy.

- Gà được loại ra từ xương. Chúng tôi có thể mua rất rẻ. Họ cũng có lưng gà nhưng thịt gà thì mắc hơn. Xương bán gà đông lạnh và đóng hộp, nhưng vài món họ không thể bỏ ra và họ bán rẻ cho những người nghèo quanh đây. Tôi mua nó thẳng từ kho đông lạnh.

Tôi hỏi anh ta làm sao có tiền.

- Đôi khi tôi có ngân phiếu của nhà gởi cho nhưng hầu hết tự tôi kiếm được. Tôi nhận một công việc ngắn hạn trong thành phố, nhưng thường thì tôi làm việc ngay tại đây, ở trang trại. Peter trả lương ít nhưng bài giảng của ông thì miễn phí. Anh sẽ choáng váng một chút khi làm việc với ông ta. Có mọi công việc ở đây. Gặt hái, chăn bò và heo, một ngày ở nhà máy cura hay tiệm thợ mộc, chúng ta làm vài món đồ ở đây để bán cho một đại lý. Dù sao tôi chẳng cần nhiều, tôi tốn 5 dollar tiền ăn một tuần.

Mười lăm đồng Hà Lan, tôi nghĩ. Một buổi ăn tối đúng đắn ở tiệm ăn Amsterdam giá 25 đồng. Peter cười:

- Đừng buồn như thế! Com với xương gà là một bữa tiệc, và tôi có ít nước chấm để phấn khởi lên. Có một chai dưa chuột ngâm dấm đầu đó và dĩ nhiên có cà phê.

- Ngày mai nếu anh cho tôi mượn xe, tôi sẽ đi phố và mua thức ăn dùng suốt tuần.

- Được thôi! Tôi sẽ hỏi Peter. Anh có thể xài tiền nhưng đừng quá trớn. Chúng ta không cần nhiều và xa xỉ quá sẽ cản trở đường đạo. Anh đến để thiền định, việc này không cần tiền, anh không cần cả tọa cụ, lấy mền thế cũng tốt.

“Được rồi, được rồi”, tôi nghĩ.

Thức ăn thơm ngon. Tôi dùng một muỗng cong và đĩa thì nứt. Tôi hài lòng và nghĩ về cuộc sống của mình ở Amsterdam, tôi đã phí nhiều thời gian và năng lực để nghiên cứu thị trường một sản phẩm mà thế giới

có thể không cần đến. Và trong sự giao dịch tôi đã kiếm được tiền lương tuyệt vời để mua tất cả thức ăn, quần áo, phụ thêm cho gia đình và tôi có thể tiêu dùng phi sức. Tôi ăn bằng đĩa đặc biệt do thợ gốm bạc thầy làm ra và dùng một muỗng bạc.

Có lẽ là một sự phí phạm thời gian và năng lực. Nhưng có gì khác nào? Tôi sẽ đến đây và sống trong một căn nhà gỗ ư? Ai sẽ trả hóa đơn nếu vợ tôi hay con tôi bệnh lại? Tôi buông ý nghĩ này. Tôi sẽ không đến và sống ở đây. Tôi sẽ bám vào môi trường riêng của mình và Rupert có thể bám vào của anh ta. Tôi sẽ đến đây nếu bị thúc đẩy và tôi chưa thấy cái gì thúc đẩy tôi.

Trong lúc suy nghĩ, mắt tôi đảo khắp phòng và tôi thấy một mảnh gỗ cong kỳ lạ mà Rupert treo trên tường. Một vật trang trí? Tôi chỉ nó và hỏi:

- Tại sao anh treo ở đó? Anh gắng làm đẹp căn nhà chẳng?

Rupert nhìn:

- A! Tôi tìm thấy nó. Anh thấy sao?

Tôi thận trọng nghĩ, Rupert không ưa tán gẫu. Việc gì anh ta nói cũng có ý nghĩa gì đó.

- Một sừng tê giác?

Rupert gật đầu:

- Chính xác! Nó không thể là gì khác. Tôi tìm thấy nó ở bãi biển, nó phải nằm đó nhiều năm, nó được đánh bóng rất đẹp.

Tôi ráng nghĩ xem tại sao Rupert lại bị mê hoặc bởi sừng tê giác. Những việc liên quan đến tê giác chạy qua tâm tôi không nhiều.

Phải có liên hệ nào đó. Có lẽ liên hệ nhiều với

Phật giáo, một vấn đề chủ nhà thật sự thích thú. Phật giáo Nhật Bản. Không có tê giác ở Nhật. Có lẽ trong sở thú của Kyoto, và thỉnh linh tôi có đáp án.

- Bạch Ân!

Rupert mỉm cười.

Bạch Ân là thiền sư Nhật đã làm sống lại dòng Thiền trong xứ Ngài. Ở Trung Hoa thiền hầu như biến mất và ở Nhật sự tu tập đã tàn tạ. Những vị tăng trong những thiền viện cứ từ từ, đọc sách và làm vườn, nhưng họ thiền định càng ít càng tốt. Những vị thầy thì chênh mảng, quên các công án hay truyền trao cho đệ tử những lời đơn giản nhất của sự hiểu biết và nội chứng. Bạch Ân không bằng lòng và đi tham vấn khắp nơi, tìm câu trả lời làm bùng vỡ khối nghi của Ngài. Sự tu tập của Ngài là một việc ngẫu nhiên. Bất cứ khi nào Ngài nghĩ rằng đã ngộ được gì đó thì lại gặp một ẩn sĩ hay một du tăng bác bỏ sự chứng ngộ hay làm Ngài tức cười. Cuối cùng Ngài bắt đầu tự thiền định ở một vùng hẻo lánh và chứng ngộ thực sự. Sau khi được một vị chân sư hiếm hoi lúc ấy ẩn chứng, Ngài bắt đầu sự hoằng hóa.

Trong cuộc du hành xuyên Nhật đầu tiên, ngài thấy một con tê giác trong một gánh xiếc rong. Sức mạnh và tầm vóc của con vật phi thường gây ấn tượng với Ngài.

Anh nghĩ anh hiểu điều gì đó.

Anh chắc chắn cuối cùng anh biết một chút.

Anh nghĩ anh đã mở được cánh cửa.

Nhưng tất cả thứ anh tìm đằng sau cánh

cửa là con tê giác. Con tê giác của nghi ngờ đứng trước anh, nhìn anh với con mắt nhỏ của nó và lắc cái đầu khổng lồ.

Tôi thường gặp con tê giác ra sao?

Không biết bao nhiêu lần. Lần nữa nghi tình đầy uy lực, đứng đó đối diện anh với tầm vóc mạnh mẽ, và đâm đôi sừng thẳng vào trán anh.

Cái sừng được treo trên vách này.



5

CHIM ƯNG

Tôi muốn giúp Rupert rửa bát nhưng anh ta xen vào sau khi tôi đã đựng đầy một đĩa nước nóng.

- Hãy đi. Để tôi làm. Hôm nay tôi đi xe đến thiên đường. Tôi đề nghị anh đi bộ vậy. Đi bộ đến thiên đường là một phần tu tập. Dù sao, đêm rất đáng yêu, mặt trăng sẽ soi đường và cây cối phủ tuyết mới. Anh không thấy gì nếu phải nhìn qua kính xe mờ mịt.

Trong khi tôi khoác áo choàng lông cừu, tôi tự khen sự thay đổi của mình. Rupert đối xử với tôi hết như Peter đã làm ở Nhật. Nhưng hồi ấy tôi thường phản kháng, hết sức tỉ mỉ, với lý lẽ dài dòng dựa trên lý luận, với những biểu lộ trên nét mặt. Còn bây giờ tôi không làm âm ỉ, tôi xem xét tự do của tôi, lối làm việc cá nhân mình, như thánh lý, ra khỏi những quy định cho người ngoài cuộc. Tôi đã được chuẩn bị để vượt qua khi tu tập, nhưng chỉ theo những phần tổng quát, vài chi tiết phải riêng tôi chọn lựa.

Dường như sự tu tập mà vị thầy và những đệ tử xuất cách đưa ra cho những người sơ cơ đặt nền

trên việc tạo những hiểu biết thật sự một cách rộng rãi. Mọi người, bước đi trên hành tinh này, sống theo thói thường. Ngay khi chúng ta đối mặt với những hoàn cảnh mới, chúng ta tìm con đường ít ngăn trở nhất. Chúng ta lái xe đi làm trên con đường ngắn nhất. Chúng ta thu xếp công việc trong cách thức mà chúng ta có thể đạt được càng nhiều càng tốt, càng ít căng càng tốt. Chúng ta phát minh một chiến thuật phòng thủ vĩ đại mà thường không ý thức về nó. Một khi thói thường đã thiết lập, chúng ta đi theo con đường đã đánh dấu với đôi mắt nhắm. Khoảng giữa lúc thức dậy và lúc vào giường, chúng ta tránh mọi chướng ngại và, trong tinh huống không thể tránh, chúng ta bắc cầu hay tự đi tắt xuyên qua rừng hoang.

Và người nào đó sẽ xuất hiện bảo chúng ta rằng việc đó cần phải làm khác, chúng ta mất bình tĩnh và cố đuổi họ đi.

Nhưng những khoảnh khắc thay đổi là quan trọng. Vào những lúc ấy, chúng ta bị ép thức tỉnh và nhìn quanh. Và chỉ khi thức tỉnh hành động, chúng ta thấy gì đó, và có nhiều điều để thấy. Chúng ta sống trong một thế giới kỳ diệu. Tôi thấy nó khi tôi rời khỏi căn nhà. Tiếng rửa bát của Rupert nhỏ dần khi tôi xuống lối mòn, những cội cây nhô ra bầu trời đêm như những bộ xương sống động. Những cảnh con mòng manh nổi rõ đường viền lay động yếu ớt trong cơn gió thoảng.

Lần đầu tiên nghi ngờ bản tính kỳ diệu của cuộc sống, tôi cũng đã nhờ những cội cây. Tôi đã lê mình đến chiếc xe thể thao MG kiểu cũ, uốn người vào chỗ đựng hành lý không mui, nằm ngửa và chỉ thấy được bầu trời và những đọt cây của khu rừng chúng tôi đang

lái qua. Sự thay đổi cách nhận thức một cách đột ngột này đã đá văng vật gì đó và dường như, rất bất ngờ, tôi thoát khỏi ngục tù. Một kinh nghiệm tương tự, từ một mệnh lệnh giống nhau nhưng kém quyền uy hơn, đang xảy ra tại một đường rừng ở Mỹ.

Khi ra đến đường cái, tôi nhận ra không chỉ có mình tôi. Những dấu tuyết rạn vỡ trên lối đi khắp nơi. Không cần chào hỏi. Những đệ tử của Peter vừa rời những căn nhà và lều đang đi về thiền đường để ngồi thiền chiều. Tôi điều chỉnh tốc độ để có thể đi một mình. Không ai yêu cầu tôi sát cánh và tôi có thể đi không cần họ. Sự tách biệt này cho chúng tôi tinh thần trên mức độ khác. Tôi không biết tên họ nhưng chúng tôi đang đến cùng một nơi với cùng mục đích.

Mục đích gì? Và ở đó anh sống lại. Tôi thường có tất cả lối trả lời. Tôi muốn biết tại sao tôi đã sống. Mục đích của sự tồn tại. Sự giác ngộ của Phật. Cái điểm không có những câu hỏi. Sự phá ngã. Vạn vật nhất thể. Hay là, điều này cần nhấn mạnh một chút, cuộc gặp gỡ với Thượng đế. Bây giờ tôi không biết mục đích của riêng mình thêm nữa.

Tôi đang đi về thiền đường, một chùa gỗ có máy sưởi chạy dầu, với ý tưởng ngồi suốt ba giờ với hoặc không đau chân. Trong thời kỳ này có lúc tôi phải tồn vài phút trong một phòng nhỏ nhà bên. Tôi sẽ đối diện với một người mặc áo đen, nến sẽ cháy và hương được thắp. Tôi sẽ cố gắng trả lời một câu hỏi, đề cập đến một vấn đề mà bản tánh của chính nó vượt ngoài phạm vi tưởng tượng của tôi.

Và những người khác, đi trước và sau tôi xuyên qua tuyết, di chuyển cùng tư thế. Có lẽ vài người tìm

được câu trả lời cho câu hỏi đầu tiên, nhưng câu hỏi đó sẽ đưa họ đến những câu hỏi khác, mà từ từ tùy trình độ sẽ đem họ đến một thế giới phi thường. Một thế giới không thể mô tả nhưng chỉ được gợi ý, và có lẽ thảo luận được, nếu có ai đã đi con đường như thế, hay rất giống như thế, cho ý kiến trong khi thảo luận.

Tôi cảm thấy công án trong bụng tôi. Nó nóng rực. Tôi lặp lại công án vài lần. Sức nóng trở thành cái đáng chú ý hơn.

Tôi nghe tiếng xe và nhường đường. Chiếc VW màu xanh chạy qua mặt tôi chậm chậm. Tôi thấy đường viền của đầu và vai Rupert sau tay lái. Anh ta đã đến đây như thế nào? Cái gì thúc đẩy một tiến sĩ tâm lý học đến sống trong một hộp gỗ gió lùa trên những chiếc cọc, ở một góc lạnh lẽo bị quên lãng của xứ sở mệnh mông của anh ta? Peter kể tôi rằng ngày xưa Rupert sống dư dả, trong một ngôi nhà lộng lẫy thuộc một thành phố lớn và kiếm được lương cao. Cái xã hội hưởng thụ của chúng ta có làm anh ta chán ghét đến nỗi bây giờ anh ta thích xé một chút thịt của xương gà và ăn với miếng bánh mì cũ? Hay nó chỉ là một vấn đề của nghiệp, nguyên lý nhân quả sinh động tàn nhẫn đã nắm gáy anh ta quăng vào đây trong một xung đột vô vọng, hiển nhiên với một quyền lực tấn công, từ một mức độ chính anh ta không thể đạt đến.

Tôi nhận ra thiếu phụ nhỏ bé và người bạn mập mạp lê bước qua tuyết kể bên. Con người khác thường, tất cả họ. Người điên, rất điên.

Người bạn mập làm tôi nhớ một người khác, một người quen ở Amsterdam, một người thỉnh thoảng tôi làm việc chung. Tôi không thấy anh ta một thời gian và

tình cờ qua mặt anh ta trên đường. Chúng tôi gặp nhau gần quán cà phê và anh ta mời tôi vào uống một ly. Tôi bận và từ chối nhưng anh ta đặt bàn tay nặng nề lên vai tôi và nhìn tôi một cách kỳ lạ, hơi mỉm cười, buồn bã, đôi má phị nặng nề và nọng cằm rung rinh khiến nét buồn càng đậm hơn.

Trong quán, tôi hỏi anh ta khỏe không. Anh ta đáp:

- Ô! Tôi đã bị một cơn đau tim.

Lời tuyên bố này đã chặn tôi lại, đầu tôi trống rỗng thay vì đầy ắp những dao động và suy nghĩ liên tục. Tôi ngắm anh ta và để ý những gì mình thấy.

- Đau tim? Nghiêm trọng không? Anh muốn nói anh sắp chết?

Bạn tôi vừa nói vừa đưa xì-gà cho tôi:

- Phải, gần chết. Tôi có thể sắp có cơn đau khác, và lần này sẽ giết tôi, tôi cho là thế.

- Nhưng anh vẫn còn trẻ, cao tay lắm cũng chưa tới bốn mươi lăm.

Anh ta gạt đầu:

- Tôi vẫn còn trẻ. Nhưng tôi luôn sống sai lầm. Tôi ăn quá nhiều, uống quá nhiều và làm việc quá nhiều.

Tôi không phủ nhận anh ta, tôi thường lấy anh ta làm thí dụ, khi nói với người khác, một thí dụ người ta nên sống thế nào. Trong kinh doanh rất dễ làm việc quá trớn. Dường như không có giới hạn về món chúng ta có thể bán, và khi hàng hóa bán ra thì nó phải được mua, hay chế tạo. Không thanh toán chút nào. Anh

điện thoại cho năm người, viết mười bức thư, nhảy lên xe, lái vòng vèo trên đường qua phố xá và đua hằng giờ trên xa lộ. Trong khoảng đó anh ăn, uống và hút thuốc.

Người bạn mập của tôi nói:

- Và một hôm, tôi đang lái xe ngang qua một khu ngoại ô và cảm thấy không ổn. Tôi không hình dung ra nổi cái gì không ổn, nhưng dù gì, nó rất bất ổn. Tôi đang đến một cuộc hẹn quan trọng và khẩn cấp, nhưng cảm giác khốn đốn co thắt toàn thân tôi kinh khủng đến nỗi tôi phải đậu xe và bước xuống. Tình cờ gần một công viên và tôi có vài miếng bánh mì cạnh chỗ ngồi. Tôi lấy bánh cho vịt trong công viên ăn. Suốt 25 năm, lần đầu tiên tôi cho vịt ăn. Chúng lạch bạch và bay từ mọi hướng, tôi cho con cuối cùng và con đầu tiên khờ khạo nhất. Nhưng cảm giác vẫn tiếp tục. Khi chúng ăn hết bánh, tôi bỏ đi và leo lên xe.

Tôi hút xì-gà và ngắm nghía người bạn. Trán anh ta mướt mồ hôi. Anh vừa nói vừa quậy cà phê chậm chậm. Tôi thúc tay anh và anh ngừng.

- Tôi không thở được. Tôi nghẹt thở và tê liệt. Chỉ cánh tay trái còn hoạt động. Tôi xoay xở để mở cửa và để tay ra ngoài. Tôi vẫy vẫy lên xuống. Xe chạy qua. Không ai chú ý. Một gã râu ria lái một chiếc xe Pháp nhỏ rẽ tiền vẫy tay lại, có lẽ hẳn nghĩ tôi chào hắn.

Tôi cười:

- Một câu chuyện thú vị vui vẻ.
- Chuyện của một người bị kết án tử hình.
- Tôi cũng bị tuyên án tử hình, và mọi người đều thế cả.

- Tôi biết! Có lẽ đó là lý do tôi nói chuyện này với anh.

Tôi uống cà phê và chúng tôi im lặng một lúc lâu.

- Và rồi có người ngừng lại. Một quý ông tử tế trong một chiếc xe sang trọng. Ông ấy đã qua mặt tôi nhưng quay lại khi đến đèn giao thông. Ông hỏi xe tôi hỏng cái gì. Nhưng tôi chỉ có thể khó nhọc nói:

- Tim... nhà thương.

Tôi nói:

- Một quý ông tử tế trong một xe đắt tiền. Là thật! Cái gã râu ria kia ngừng thì hợp lẽ hơn.

- Đừng đánh giá thấp quý ông tử tế. Ông ta rời xe và diu tôi ngồi lên xe ông và chở đến nhà thương. Tôi ở đó sáu tuần, trong phòng với những bức tường xám. Vài tuần đầu, tôi không làm gì được kể cả đọc báo.

- Và bây giờ? Anh đã làm việc lại chưa?

Bạn tôi rung đôi má phị, cười:

- Tôi không làm nhiều nữa, nhưng tôi bán nhiều chưa từng thấy. Nhưng đã thua trận rồi! Tôi không thay đổi tật xấu, nó ở với tôi quá lâu. Nếu tôi không làm việc nhiều như trước, vì sức khỏe kém đi. Và có lẽ tôi đã thấy qua những việc ngốc nghếch. Rất dễ bận rộn về kinh doanh và khi anh bận rộn, anh mất hướng đúng và anh chạy lòng vòng, phí thì giờ vào những việc không đâu. Tôi biết tôi bán được gì ở đâu, và nếu tôi điều hành đúng lúc, tôi thường được đơn đặt hàng. Tôi không lo bị mất mát nữa, dù sao tôi cũng sẽ mất hết.

Tôi hút xì-gà dữ dội. Tôi nghĩ về vị thiền sư đã

nói kinh nghiệm chúng ngộ đầu tiên được chấp nhận bởi những người khác. Bất cứ ai ông gặp đều có khuôn mặt của chính ông. Không có sự khác biệt giữa người hầu bàn, người bạn mập và chính tôi. Chỉ có một chúng sanh. Chuyện của người bạn mập là chuyện của tôi và là chuyện của người hầu bàn. Tôi nói:

- Anh tiếp đi!

- Được rồi, bây giờ tôi sống cách khác. Một cuộc sống khác. Tôi không còn tìm con đường ngắn nhất từ A đến B. Tôi để bánh mì trên xe cho vẹt và hải âu ăn. Đôi khi chúng không thích thú nhưng tôi không quan tâm. Tôi chỉ để lại bánh mì cho chúng, tôi bẻ từng miếng nhỏ và đặt bên bờ nước. Tôi đi dạo dọc bờ sông. Và tôi rất tử tế với vợ tôi. Cô ấy là một phụ nữ nóng nảy, tôi thường cự lại cô ấy, nhưng bây giờ thì không thể nữa.

- Cô ta vẫn nóng nảy chứ?

- Vâng, cô ấy lo tôi chết. Tôi nghĩ thế. Dĩ nhiên, tôi vẫn ăn nhiều. Cô ta làm âm ỉ lên. Nhưng tôi không trả lời lại. Tôi pha trà sáng cho cô ta, cô ta luôn cần tôi nhưng tôi không bao giờ có thời gian.

Anh ta nhìn tôi, đặng háng rồi nói:

- Tôi nói, anh là một Phật tử, phải không? Anh có biết cái gì sẽ xảy ra cho tôi sau khi chết? Anh có tin thiên đường, địa ngục, luyện ngục...?

Tôi đã chờ đợi câu hỏi. Tôi nói:

- Tôi không biết, nếu tôi là Phật tử.

Bạn tôi mỉm cười vui vẻ. Anh nói:

- Chắc thế rồi! Nhưng anh phải có vài ý tưởng về sống chết chứ. Hãy nói tôi nghe.

- Anh có nghe về Tử Thư Tây Tạng?

Anh trầm ngâm:

- Vâng, tôi đã nghe về nó. Một thế giới mộng tưởng mà tư tưởng của anh tạo ra. Nhưng nó đâu có thật đối với tôi.

- Tại sao nó không thật? Bây giờ trong cái xe này, anh thấy gì là thật? Tôi có thật không?

Bạn tôi gật đầu quả quyết:

- Dĩ nhiên! Anh là thật. Tôi nhận ra anh. Tôi biết tên anh và anh làm nghề gì, anh lấy ai và kiểu xe anh lái.

- Có thể tôi đã ly dị và đã bán xe.

Anh ta gật đầu:

- Xe anh cũ rồi, nhưng anh không thể ly dị. Vợ anh rất dễ thương.

- Đó chỉ là thí dụ.

Má anh lại rung lên:

- Được rồi, được rồi. Nhưng tôi sẽ đi đâu? Tôi sẽ ở đó bao lâu? Tôi có trở lại không? Tôi có phải trở lại trái đất mà ngày càng ô nhiễm hơn, đông đúc hơn và chúng ta phải chen chúc nhau trong những phòng bê tông nhỏ hẹp và có thể sẽ ăn những món thịt giả chế bằng máy tự động và đóng hộp giấy. Không đi du lịch được? Tôi không muốn trở lại cái thế giới như thế. Và thật sự tôi không muốn rời bỏ thế giới này. Địa ngục thì khó chịu còn thiên đường có lẽ buồn tẻ.

- Bây giờ anh đang buồn chán?

- Không. Tôi thấy đời rất thú vị, bây giờ nhiều hơn trước. Sáng nay tôi thấy một con chim ưng. Tôi

đang lái xe trên xa lộ và trên bảng hiệu giao thông, tôi thấy một tên thú vị. Một ngôi làng nhỏ nào đó tôi chưa đến bao giờ. Tôi ra khỏi đường, ngôi làng cũ kỹ, đẹp như tranh! Tôi ngồi trên bức tường gạch thấp, con chim bay đến. Nó ngừng, bay rất gần và những lông đuôi của nó giống như một cái quạt Nhật Bản nhỏ hoàn hảo.

- Nhưng nếu anh thấy cuộc đời này thú vị thì sao cuộc đời kế tiếp lại buồn chán được? Có lẽ cũng có những con chim ung. Biết đâu anh được phép trở thành một con chim ung, cuối cùng sẽ là một thế giới như mơ. Nếu anh có thể thành chim ung, anh sẽ đứng được trên bầu trời và lông đuôi của anh sẽ trải rộng cứng cáp.

Anh ta trả tiền và đứng dậy nói:

- Vâng, tôi thấy. Anh cũng không biết luôn. Dù sao cũng cảm ơn. Tôi cũng chịu làm chim ung một thời gian, cái thân nặng nề này thỉnh thoảng quấy rầy tôi.

Tôi ngắm cái lưng của người bạn mập đang đi trước mình. Người này trẻ hơn anh bạn ở Amsterdam và nếu anh có những thói xấu, anh vẫn có thể thay đổi chúng. Ngay dù anh không muốn thay đổi, sự tu tập ở đây sẽ giúp cho.

Ở thiền đường, tôi cúi mình trước tượng Phật trên bàn thờ. Tôi cúi chào bồ đoàn, đi vòng và cúi chào lần nữa. Đó là để bày tỏ sự tôn kính với vị giáo chủ, với chỗ ngồi nơi tôi sẽ đạt được sự chứng ngộ, và với mọi người chung quanh tôi. Tôi nghĩ: Chuyện vô lý! Tôi chưa hề gặp đức Phật, bồ đoàn thì quá cứng, không thoải mái và tôi không thích thú với những người

chung quanh, ít nhất vào thời điểm đặc biệt này. Và tại sao phải cúi mình? Người Nhật cúi mình vì động tác chào hỏi tự động, nhưng chúng ta chào hỏi cách khác. Tôi trèo lên bờ đoàn, tréo chân đúng vị thế và thẳng lưng. Bụng tôi ép lại và công án bắt đầu rực sáng lên. Rupert ở tận cuối thiền đường, ra ngoài tầm mắt của tôi, anh đập hai mảnh gỗ vào nhau và bắt đầu rung chuông. Bốn lần tiếng kim khí nặng nề vang lên và yếu dần. Cuộc thiền định bắt đầu. Tôi lặp lại công án, càng yên lặng, càng chậm càng tốt. Những tư tưởng khởi lên thường xuyên, đi theo những con đường ngu ngốc và buông lung của chúng. Nhưng tôi ngồi tốt và sự tập trung từ từ dồn vào công án. Ba lần 25 phút đã trôi qua. Lần thứ tư bắt đầu. Rupert hô:

- Tham thiền!

Nhóm đệ tử đầu tiên trong đó có tôi, rời thiền đường, đến gần cửa. Chúng tôi đi theo hàng, im lặng. Tôi trượt chân trên băng và ngã. Anh bạn mập dừng lại, đứng cạnh. Tôi đứng dậy, lắc đầu, tôi không sao cả. Anh ta bước tiếp.

Chúng tôi vào nhà và quỳ trong phòng khách. Tầng trên, trong phòng tham thiền, tiếng chuông tay nhỏ của vị thầy gọi người đầu tiên. Đến lượt tôi.

Anh quỳ xuống.

Vị thầy nhìn anh.

Anh trình bày công án của mình.

Vị thầy vẫn chăm chú nhìn anh. Sự im lặng trở nên sờ mó được, anh nghe được sự thỉnh lặng. Sự căng thẳng tăng lên, rất mau.

Và rồi, lần đầu tiên anh rất gần ông. Không có khoảng cách.

Anh không nói gì. Thầy không hỏi gì. Anh là ai hoặc là cái gì, chỉ mỏng manh như tờ giấy. Mà bị xé toạc.

Vị thầy mỉm cười.

Sự im lặng tiếp tục và rồi thầy cho anh một công án tiếp.

Anh có một câu hỏi mới và anh ở trong một thế giới khác.

Một khoảnh khắc ngắn ngủi.

Sau này anh sẽ biết rằng anh đã ở đó.



6

KHE CỬA

Tu viện Kyoto hấp dẫn nhiều du khách ngoại quốc. Một số đến để nể phục cách kiến trúc các tòa nhà, sự tuyệt vời của những khu vườn, sự khắc khổ và kỷ luật của tu sĩ. Một số muốn thấy vị thầy mà họ chắc chắn, có thể giải quyết mọi vấn đề của họ khi chỉ vừa nhìn đến. Một số khác chuẩn bị ở lại vài tuần để tham quan, để thảo luận, để ngạc nhiên. Và một số khác chuẩn bị ở lâu hơn và dự khóa tu thiền. Chỉ có một bà già người Anh thuộc loại cuối cùng, bèn bí tìm tôi, cố gắng đạt những gì bà muốn qua sự trung gian của tôi. Bà đợi tôi ngoài cổng khi tôi phải đi học tiếng Nhật, tôi tránh bà rất khó. Bà đợi gần mô tô của tôi mà tôi thì cần đi phố, bà cũng theo tôi đi dạo như láng giềng. Trong một lần như thế, chúng tôi đi qua một ngôi chùa, các tu sĩ đang tụng kinh, tiếng tụng chung nhịp nhàng theo tiếng chuông mõ rất ấn tượng. Bà bắt đầu nói với tôi về những rung động. Người sáng suốt hiển nhiên có thể thấy những rung động của âm thanh, và bà mô tả cho tôi màu sắc của những đám mây lớn do tiếng tụng kinh tạo ra như thế nào và những màu này đáng yêu ra sao.

Tôi phát cáu. Sau nhiều tuần gắng lịch sự, cuối cùng tôi mất bình tĩnh. Tôi không nói nhiều và khi nói xong, tôi vội vàng bỏ đi, từ chối gặp bà thêm nữa.

Tôi không biết rằng có một thầy Nhật nghe được tiếng Anh tình cờ đi ngang qua lúc đó, đã nghe lỏm và thuật lại cho Peter và vị lão sư. Cả hai rất vui và dường như tán thành.

Sau này tôi nghe kể lại mình đã nói:

- Cút! Thưa bà, hãy để tôi một mình với màu sắc của bà, tôi chỉ muốn giấc ngộ.

Giác ngộ theo nghĩa tôi muốn giải quyết công án, và đạt tới khung trời huyền nhiệm ở bên kia bức tường.

Và bây giờ khoảnh khắc ấy đã đến, tôi rời phòng vị thầy, mắt đầy lệ. Nhưng ngay khi tôi bắt đầu trở lại thiền đường, trí óc tôi hoạt động, một tiếng nhỏ vang lên:

- Anh đã qua được kỳ thi.

Một tiếng nhỏ khác giọng hiểm độc, hỏi:

- Anh đã ngộ?

Bởi vì theo những cuốn sách thiền tôi đọc được và những truyện tôi đã nghe thì giải quyết công án đi cùng với ngộ - satori. Mà điều này có lẽ những cuốn sách và những truyện không nói vì kinh nghiệm không mô tả được. Nhưng người đọc hay người nghe sẽ có vài ý tưởng về những gì mà kinh nghiệm này có thể nói được. Tôi luôn nghĩ rằng ngộ sẽ nối với ánh sáng cách nào đó, mọi vật sẽ thành linh rất rõ ràng.

Tuy nhiên, tôi đã không nhận ra bất cứ ánh sáng nào. Kinh nghiệm cũng không thuộc không gian. Tôi

đã tưởng rằng ngộ phải có nghĩa bước vào chiều thứ tư. Nhưng mọi vật quanh tôi là ba chiều.

Cái nghe của tôi cũng không được chứng minh.

Vậy thì, cái gì đã xảy ra?

Tôi phải nhận rằng không có gì thay đổi lắm. Bây giờ có lẽ tôi phải thực hành thuyết tương đối mãnh liệt hơn, một ý tưởng “không-quan-trọng về những gì liên quan với tôi” tốt hơn. Nhưng đó không phải là cái gì mới. Sự xả ly có được từ một tiến trình chậm chạp và nếu có, kết quả của tiến trình này là dần dà. Hoàn toàn có thể là tôi chỉ đang tưởng tượng ý nghĩa xả ly được tận dụng của mình. Nếu tôi thành linh bị tra tấn, chắc chắn tôi sẽ rú to lên như tôi đã làm trước khi kinh nghiệm. Tôi tự nhủ: “Mi đừng thổi phồng quá mức.”

Vậy thì không có gì xảy ra? Tôi chỉ có một cuộc chuyện trò nhỏ với một người mà đệ tử ông ta gọi là thầy thôi sao?

Đó là cái gì nó đã là. Tôi đã tham gia một cuộc đối thoại nhỏ. Ai đó đã hỏi và tôi trả lời. Sự thực là tôi không nói gì cả, nhưng im lặng cũng là trả lời.

Và bây giờ tôi có một câu hỏi mới.

Tôi có nên vui không? Khi tôi thi đậu ra trường, tôi đã rất vui. Nhưng nó không làm tôi thay đổi. Người không biết tôi không thể nhận ra tôi thi đậu.

Nhưng bây giờ tôi có thay đổi không?

Ở Anh, có một thầy hướng dẫn một phái Phật giáo, đã ở Ấn Độ và Tích Lan 20 năm, và được coi như giác ngộ hoàn toàn như Phật. Ông ban cho các đệ tử những mảnh vải nhỏ để đeo vào cổ bằng một sợi giây. Những người sơ cơ thì chỉ được những mảnh vải,

nhưng khi họ tiến trên đường đạo, họ sẽ được phép thù chi vàng lên mảnh vải. Càng sáng suốt, càng nhiều chi vàng. Những đệ tử kỳ cựu có những miếng vải dày lên vì chi vàng.

Nhưng tôi không có miếng nào. Không ai thấy được tôi đã học cái gì.

Trừ Rupert. Cuối giờ thiền tôi gặp anh ta, anh ta chờ tôi dưới một gốc cây. Tôi muốn im lặng đi qua anh ta, như lời anh ta nói, đi và đến thiền đường là một phần của thiền định. Nhưng anh ta chào tôi và cùng đi. Anh ta để xe lại nhà Peter. Tuyết đang rơi và tôi kéo cổ áo khoác lên, anh ta không thể thấy mặt tôi. Chúng tôi bước khó nhọc, gió thổi mạnh và chúng tôi phải vật lộn với nó. Anh ta hỏi:

- Việc gì đã xảy ra?

Tôi không nói gì. Anh ta quàng tay quanh tôi một lúc. Tôi nói:

- Việc gì đó đã xảy ra.

Chiều đó, ngồi trên đồng mền xám trong nhà Rupert, uống cà phê nóng đựng trong một tách mẻ. Tôi cố gắng nghĩ. Rupert lấy túi ngủ quần mình, che anh ta quanh lò sưởi theo hình lưới liềm. Anh ta đang viết nguệch ngoạc vào sổ tay. Tôi cũng giữ một cuốn. Tôi viết cảm tưởng mỗi ngày một cách cẩn thận. Ghi chú của ngày hôm nay là giải quyết công án.

Tôi định viết nhiều hơn nhưng tôi không biết gì. Bây giờ tôi thành một đệ tử cấp cao nhưng sự kiện khó làm tôi thích thú. Tôi muốn biết chính xác cái gì đã xảy ra cho tôi. Cho tôi, cái tôi mà Phật giáo không công

nhận. Theo giáo pháp, không có ngã. Thay vì một cái ngã, có một sự kết hợp của những yếu tố thay đổi liên miên trú ngụ trong một thân thể thay đổi liên miên. Và sự kết hợp của vật chất và những đặc tính tinh thần thay đổi liên miên này tạo sự tồn tại và chúng ta có thể an toàn cho rằng sự kết hợp này là chúng ta, hay ta, mà không bị giáo pháp phê phán. Sự giả định này là thiết thực khiến có thể thảo luận về một người tên John Jones. John Jones thì ngắn hơn cái “sự kết hợp thay đổi liên miên... tạm thời tên John Jones” rất nhiều.

Theo lý do này, tôi có thể an toàn phát biểu rằng tôi ở đây, ngồi trên một đồng mền xám, uống cà phê, và rằng, trong sự diễn biến của chiều nay, việc gì đó đã xảy ra cho tôi.

Có lẽ tốt hơn nên bắt đầu từ mặt tiêu cực. Bây giờ tôi có ít lo lắng hơn trước, thí dụ như hôm qua không? Tôi cố nghĩ những thứ tôi có thể lo lắng. Tôi không nghĩ được gì cả. Ráng lắm tôi mới nhớ ra tôi không biết chìa khóa của mình đang ở đâu, tôi đã tìm trên máy bay, có lẽ tôi đã đánh rơi đâu đó. Nhưng tôi có thể mua những chìa khóa giống hệt, chỉ cần mượn chìa khóa của vợ tôi lúc tôi về đến nhà.

Nếu thực sự muốn, tôi phải lo lắng về gia đình và công ty đã mượn tôi, về những vấn đề chính trị và tình trạng của thế giới. Nhưng đó không phải là những điểm tích cực. Tôi không làm gì được về những vấn đề nhân loại, chắc chắn không phải ở đây, trong căn nhà lộng gió ở phần đất vô danh của Mỹ này. Điều này có nghĩa là tôi đã chấm dứt sợ hãi?

Không. Tôi vẫn còn có những sợ hãi, ngay khi tôi không thể chỉ rõ chúng, chúng vẫn ở đó. Sợ chết,

có lẽ thế, dù cho chết dường như vẫn còn xa. Sợ những quái vật tôi đã thấy trong thiền định.

Nó xảy ra trong đêm đặc biệt đó. Tôi thấy cái đầu bòm xòm của con chó nhỏ. Thoạt tiên nó hoàn toàn vô hại, còn thân thiện nữa, nhưng con mắt thì lạnh lùng vô cảm. Tôi cố tập trung trở lại nhưng cái đầu đang nhìn tôi chòng chọc. Nó trở thành hỗn hợp những hình ảnh khác mọc lên từ trong da con chó. Càng nhìn tôi càng thấy. Có nhiều đầu, vài cái thật khủng khiếp, những ma quỷ ranh mãnh với răng nanh, những bộ xương, những bà già nhăn nheo với những nỗi muộn phiền tiếp nối. Lặng lẽ, tôi đã không thực sự hoảng sợ, tôi đã ngắm những ảo ảnh này trước và tôi biết miễn đừng cố nhìn chỗ khác thì những hình ảnh sẽ nhạt đi và cuối cùng biến mất. Và có lẽ sự trình hiện đã khiến tôi vui. Những bọm rọm nổi tiếng đã tuyên bố rằng những con chuột nhắt, thần lẩn, và tắc kè bông mà anh ta thấy trong những con mê sảng đã không làm anh ta hoảng sợ. Những thú vật có thể biểu diễn rất khéo léo và anh ta thích thú ngắm chúng.

Ở Nhật, tôi đã nghe chuyện một cô bé. Cô bé đã chết và thấy mình ở trung giới, cõi giữa chết và tái sanh. Người Tây Tạng gọi là Bardo. Cô bé thấy những quái vật. Quái vật là những phóng chiếu của chính cô, những vật thể sống động tiêu biểu cho sợ hãi và lỗi lầm của cô với một đặc tính thật sự dù tạm thời. Giống như bất cứ sự xuất hiện nào, chúng sẽ nhạt dần sau một lúc. Nhưng cô bé thấy cô độc và vốn nghịch ngợm, không biết gì về tín ngưỡng, chỉ xem những cảnh ghê rợn này như những hình ảnh quen thuộc. Cô nhớ những tượng hộ pháp to lớn đặt tại cổng những ngôi chùa ở Kyoto. Cô đi thẳng đến chúng, đưa tay ra. Những quái vật tuân

theo luật không chống lại lòng từ bi, đã chơi với cô bé một cách ngoan ngoãn.

Tôi sợ gì? Tôi nghĩ, lắng nghe tiếng ngáy của Rupert. Anh ta đã tắt đèn sau khi chúc tôi ngủ ngon. Chỉ có tự ngã sợ hãi, chỉ có tự ngã mới có thể mất tài sản, bị lăng mạ, tổn thương, đau đớn. Tự ngã là một cấu trúc mỏng manh và bị trói buộc trong không gian và thời gian, sẽ phải rơi từng phần. Thực tế, tự ngã rơi từng phần liên tiếp, và phải được củng cố bởi huyền vọng, tham lam, đố kỵ và xấu ác.

Tôi nghĩ, chả có gì để bận tâm. Dần dần ý muốn giải thoát tối hậu, được tu tập hỗ trợ, sẽ bẻ gãy sức vô minh. Tiến trình có thể đến hàng triệu năm, qua vô số kiếp, trên mức độ hiểu được và không hiểu được nào đó. Nó hoàn toàn là vấn đề thời gian, nhiều thời gian.

Nhưng đã có thay đổi gì không? Một sự khác biệt trong tôi trước và sau cuộc tham vấn?

Tôi không tìm được sự khác biệt nào.

Tuy nhiên, theo xác định của những tác phẩm thiền mà tôi đã biết, bây giờ tôi sẽ khai ngộ ngay. Một thánh nhân. Một người sơ cơ trên đường chân lý, đã đạt đến sự kết thúc vai diễn của cái tôi. Tôi đặt tách xuống, hút một điếu thuốc rồi chui vào chăn. Tôi để nguyên quần áo, căn nhà rất lạnh. Con gió lùa thổi thẳng vào chỗ tôi, tôi lấy áo choàng chặn bức tường đằng sau, chiếc áo dày đến mức tự chịu đựng nổi.

Tôi phải cười, đây là khoảnh khắc mà, khi ở Nhật tôi đã cố gắng đạt đến bằng mọi cách mình nghĩ ra. Bây giờ nó đến ngay cả lúc tôi không bị kích động. Và vẫn không thất vọng chút nào. Tôi không cảm thấy

như đã trải qua nhiều phiền phức mà không được gì. Tôi không nghi phẩm cách làm thầy của Peter, cũng không nghi thân phận đệ tử của mình.

Nhưng tôi chắc chắn một điều. Tôi đã không cắt đứt dòng sanh tử. Theo Phật giáo và nhiều phương pháp hay những tôn giáo khác, tôi tin, một người sẽ sanh ra, và một người sẽ chết, không biết bao nhiêu lần, đến lúc đạt được giải thoát. Khả năng phá vỡ tự do luôn tồn tại. Điều mọi người phải làm là đạt đến thiên định trong sạch trên sự giải thoát. Cái khoảnh khắc mà họ có thể ngừng suy nghĩ về cái tôi giả tạo, khoảnh khắc mà họ biết rằng cái tôi này cuối cùng không có tự thể, họ tự do, tự do hoàn toàn và đứt khoát, họ sẽ không còn tái sanh nữa. Họ có thể chọn cái chết ngay khi giải thoát hay chọn tiếp tục đời sống, cho đến khi cái chết tự nhiên lấy đi thân xác họ. Nhưng từ lúc giải thoát, họ sẽ sống như một diễn viên, mang nhiều mặt nạ, đóng những vai anh hùng và nhân vật phản diện. Không còn tạo nghiệp, không nhân quả, bất cứ gì họ làm cũng không gây hậu quả. Họ có thể - như Phật Di Lặc bụng phệ, cười hếch hạc, đầu trọc ngực trụi trong hầu hết những quán ăn Trung Hoa ở Amsterdam - ngồi ở vệ đường và cười ngất, dĩ nhiên, nếu họ muốn.

Tôi choàng dậy từ cơn ác mộng. Tôi mơ thấy mình trong một kho hàng cũ ở nội thành Amsterdam nơi công ty tôi làm việc. Đồng nghiệp của tôi quyết định chúng tôi sẽ bắt đầu xử lý những đồ đạc cũ, con đường đầy nghẹt xe vận tải chất đầy ghế, bàn, tủ hư và cũ. Chúng tôi đang kéo những vật vô giá trị bằng tay và kho hàng đầy ứ mau chóng, làm tôi ngạt thở. Không có không gian để bước vào trong. Tôi cố phản đối nhưng không thốt ra tiếng được. Nhưng cơn ác mộng cũng

chấm dứt. Trong lúc tôi nhìn quanh một cách tuyệt vọng, tôi nhớ rằng một tình trạng khó chịu không được phép chấp nhận. Ngay lúc đó bên ngoài nổi cơn gió lớn. Những cửa kho bị gió dữ làm bật mở và tất cả đồ đạc bị hút ra ngoài. Thình lình tôi thấy mình ở trong một không gian rộng lớn, được trang trí bằng những kèo cột thế kỷ 17 đang chống đỡ trần nhà.

Tôi thức dậy và nhìn quanh, vẫn còn ngạt thở. Chiếc đồng hồ reo biến mất. Rupert đã chui ra khỏi túi ngủ. Anh ta nói:

- Ở đây ngột quá! Lò sưởi lại cháy tệ rồi. Tôi mở cửa.

Tôi hỏi:

- Anh cũng nằm mơ chứ?

- Vâng. Một giấc mơ kinh khủng. Nhưng bây giờ tôi không nhớ nó là cái gì.

Tôi rửa mặt rất ít nước để khỏi tìm đường đến nhà hàng xóm. Rồi thì chúng tôi có một buổi điếm tâm nhàn nhã dài. Chúng tôi ăn bánh mì nướng bằng lò nướng gi sét tệ hại. Lần nào khi bánh mì đã sẵn sàng, tôi cũng phải bật máy trong khi Rupert giữ chặt nó. Tôi ăn xúc-xích với mút trái cây, một kết hợp kỳ lạ mà mùi vị ngon đáng ngạc nhiên. Tôi pha bình trà Anh trong khi Rupert lớn vồn chung quanh một cách đáng ngờ. Lò sưởi đã cháy tốt. Cảm giác tiện nghi toàn diện lan khắp.

Hơn 6 giờ sáng. Bình thường chúng tôi dậy lúc 2 giờ rưỡi. Nhưng đây là một ngày nghỉ. Một ngày trước khi bắt đầu tuần tu Rohatsu, một tuần khủng khiếp.

Peter bước vào. Ông dậm giày ống đầy tuyết và

xoa hai bàn tay đồ ửng.

- Các anh đã dậy rồi? Tôi tưởng hôm nay các anh sẽ ngủ đến 11 giờ và cả hai đang bẹp dí trên giường.

Rupert có vẻ bối rối và Peter cười. Ông nói:

- Không sao! Tôi biết anh mạnh mẽ thế nào mà. Tôi chắc rằng hôm nay chương trình của anh đầy ắp dù tôi không biết có những gì. Dường như khách của anh đã làm gần hết mọi việc quanh đây. Cùi đã chẻ rồi, mùa Đông còn lại anh sẽ khỏe thôi.

Rupert miệng đầy bánh mứt, ra hiệu mời về phía bàn. Tôi rót thêm cốc trà và sắp xúc-xích vào đĩa. Tôi nói:

- Ông không tốt lắm. Ông chẳng thay đổi gì nhiều.

Peter lắc đầu và nhìn tôi. Ông phải nhớ những ngày ở Nhật của chúng tôi và những xung đột lúc ấy vì ông bắt đầu cười lại.

Tôi kể cho ông giấc mơ của mình. Ông chăm chú lắng nghe, đến chỗ cơn gió làm trống kho hàng, ông nhảy lên, la to:

- Nó đó. Tuyệt vời. Đó là đường nó đi.

Rupert liếc tôi, khâm phục nói:

- Giấc mơ tốt. Tôi không bao giờ có giấc mơ như thế. Ác mộng của tôi luôn luôn kết thúc tồi tệ. Kẻ thù bắt tôi và xé tôi ra từng mảnh.

Khi Peter ăn sáng xong, ông đôi nét mặt. Khi ăn và nói chuyện, ông là một người bạn vui vẻ, bây giờ ông trở thành chủ nhân, người lãnh đạo. Tôi ngắm những đường nét mạnh mẽ của gương mặt ông, cằm rộng, mắt hơi lồi xanh biếc, dang xa. Một người phi

thường, một người hoàn toàn kiểm soát hành động của mình, có thể đóng bất cứ vai trò nào nghĩ ra và có thể từ chối vai trò nào khác miễn là ông thích.

Rupert được sai đi đến hãng cửa nghe báo cáo. Một ngày nghỉ không bao giờ có nghĩa là người đệ tử có thể làm những gì mình muốn. Một ngày nghỉ có nghĩa là một ngày không ngồi thiền, không chuông, không mõ. Nhưng thực tập không bao giờ ngừng, nó tiếp tục theo lối khác. Ông nhìn vào mắt tôi và nói:

- Tôi cũng có vài việc cho anh. Hôm qua, Rupert bảo rằng anh muốn đi chợ. Anh có thể lấy xe và đi với tôi. Anh có thể thả tôi xuống và đi phố một mình. Tôi muốn anh chạy vài việc vặt cho tôi. Có một cái riu không cán để ở băng sau và tôi cần một vài cái cửa tròn mới ở xưởng. Và anh có thể giao giùm gói quà này, có địa chỉ trên đó.

Rupert trở lại để tìm găng tay và liếc gói đồ. Anh ta hỏi Peter:

- Robert? Tôi tưởng ông đã chấm dứt với anh ta.

Peter cao giọng:

- Anh nghĩ nhiều quá. Anh giống như nhà thám tử có được một giả thuyết. Đó là một giả thuyết hay, anh ta thực sự tin vào nó. Và rồi gặp một sự kiện khác không phù hợp. Vậy anh ta làm sao? Anh ta có ném giả thuyết của mình đi không?

Rupert kinh ngạc. Đối với anh ta, nhà thám tử là điều mới mẻ. Peter nói:

- Anh ta không làm thế. Anh ta sẽ xoay xử sự kiện cho đến khi nó ăn khớp với giả thuyết.

- Vâng.

Rupert nói và bỏ đi. Tôi nghĩ anh ta sẽ đóng sầm cửa lại, nhưng không. Cánh cửa được khép lại rất nhẹ nhàng. Peter mỉm cười.

Trên xe, tôi hỏi vấn đề lớn của tôi. Tôi không biết Peter muốn xuống đâu, vì thế tôi phải hỏi ngay. Tôi có thể bị cự tuyệt nhưng một đệ tử không chộp lấy cơ hội có thể bị lỡ. Tôi nói:

- Peter, xin vui lòng giúp tôi. Hôm qua tôi đã giải quyết công án, ông cười khi tôi trả lời và cho tôi một công án mới. Tham thiền thì không có nói bậy. Một việc gì kỳ lạ đã phải xảy ra.

Tôi do dự. Tôi không muốn nhìn ông. Tôi cảm thấy ông đang chờ đợi.

- Nhưng tôi không có bất cứ kinh nghiệm thực sự nào. Khi tôi đọc những truyện thiền xưa, cũng thường có vài chuyện kể về ngộ. Bạch Ân, một Đại sư lớn nhất, tuyên bố có mười sáu lần đại ngộ và cũng có một lô ngộ nhỏ.

Peter làm thinh. Một cách khó khăn, tôi quay đầu nhìn ông. Peter nói:

- Quên nó đi! Hãy cho phép Bạch Ân ngộ một trăm lần hay hai trăm lần nếu ông ta muốn.

Sự trao đổi lặng đi một lúc. Tôi nói:

- Được rồi! Nhưng bây giờ tôi ở đâu? Tôi đạt được đến đâu đó, nhưng ở đâu?

Anh đã đặt ngón tay lên khe cửa và đây là nơi tôi muốn xuống. Hãy thả tôi gần cái lều nhỏ đằng kia. Khi về, anh có thể để xe ở nhà tôi. Đừng vào, để y chìa khóa trong ổ cắm. Chưa hề có vụ trộm xe nào ở đây.

Ngón tay tôi trong khe cửa. Như vậy cửa đã mở. Tôi chỉ việc đẩy vào. Một cửa mở thì tốt hơn một bức tường không có bất cứ khe hở nào để nhìn được. Nhưng tôi tìm gì ở bên kia bức tường? Một khung cảnh hấp dẫn? Hay chân lý? Một kiểu kinh nghiệm khác cơ bản?

Và tôi có thể sống trên cõi đời này khi tôi đã giải quyết công án? Đường như tôi ở đó. Nhưng bây giờ tôi không ở đó. Tôi là một người bình thường trong một chiếc xe bình thường chạy trên đường đến một thành phố bình thường. Hay tôi đã tưởng tượng mọi vật là bình thường như thế?

Ý nghĩ cuối cùng mê hoặc tôi. Điều này có thể là câu trả lời rất hay. Không phải là một câu trả lời mới, tuy nhiên, tôi đã luôn tưởng tượng rằng tôi sống trong một thế giới bình thường. Và cái gì đích xác là bình thường?

Tôi thấy cây cối bên đường. Một chim hải âu vỗ cánh trên không. Một chiếc xe đen lớn bắt kịp tôi.

Có thật là sự thần diệu tự biểu lộ vào mọi lúc? Phải không anh, cái bóng đang diễn tiết mục của mình, chính tự thân đức Phật?

7

NGƯỜI SỨT MÔI

*Nếu anh làm gì, hãy làm cho tốt.
Cha tôi thường nói, và những thầy giáo ở trường.
Những thiên sư nói thế, và những vị thủ tọa:
Khi anh đi, hãy đi, và đừng chập choạng.
Khi anh ngồi, hãy ngồi và đừng lắc lư.
Hãy coi chừng!*

Tôi nhớ có lần Peter bảo tôi:

- Hãy coi chừng!

Lúc ấy tôi đang sống tại tu viện của ông. Tôi đó ở chánh điện không ngồi thiền và tôi đang ra ngoài. Ông chặn tôi gần cổng nơi ông đang gắng sửa cái gì đó trong xe mô-tô của mình.

“Này!” Ông gọi, và tôi bước tới, nghĩ rằng ông nhờ mình cầm giúp một dụng cụ.

- Anh sắp ra ngoài chứ?

- Vâng. Tôi đã nói với ông hồi chiều. Vợ chồng họ mời tôi ăn tối.

- Hãy coi chừng!

Ông nói và trở lại xe. Lúc ấy tôi vui vì vợ chồng kia là những người Nhật trung niên đứng đắn dễ thương. Tôi đã có một bữa ăn tối đúng nghĩa, có trà và bánh cùng vài trao đổi lặng lẽ. Họ không uống sa-kê, không có một cơ hội tế nhị nào để uống nó. Tôi cười khi đi ăn tối. Một vài ngày trước, tôi cũng ra ngoài, ông cũng đang loay hoay với chiếc xe. Tôi cũng đi ngang qua ông, ông chào vui vẻ và không nói gì. Nhưng tối đó tôi ra ngoài với vài chàng trai Mỹ ngông nghênh, và đến gần sáng mới trở về, Peter biết chính xác những gì tôi mưu đồ.

Nhưng tôi ngừng cười khi nhớ lại Peter nói gì cũng có mục đích. Nếu ông nói “Hãy coi chừng” thì nghĩa là “hãy coi chừng”, và suốt tối đó tôi cố gắng tự quan sát, quan sát chủ nhà, quan sát mọi vật chung quanh. Kết quả hầu như tôi chẳng nói gì và đã học được khá nhiều. Cặp vợ chồng Nhật là những người trí thức nhưng tôi không để họ có dịp nói với tôi, tôi luôn luôn nói với họ. Đó là một bữa ăn tối đáng kinh ngạc.

Và bây giờ trên con đường Mỹ này, tôi tự như “hãy coi chừng”. Một chiếc xe là một phương tiện giết người. Lần đầu tiên trong đời, tôi lái xe trên đường cao tốc. Nếu làm lỡ, tôi sẽ gây nhiều phiền phức. Tôi rất cẩn thận, chú ý tốc độ tối đa 60 dặm/giờ. Xe phía trước chạy cùng tốc độ một cách chính xác. Hơn mười phút sau, tôi thấy mái tóc Phi Châu của người đàn bà da đen cầm lái. Tôi cười một mình. Cách đây không lâu, khoảng 12 hay 13 năm, tôi đã hãnh diện về sự chạy ẩu của mình. Một người đàn ông không là gì cả ngoài một tập hợp luôn biến đổi của những thói quen luôn biến

đôi. Lái xe ẩu là vô đạo đức. Nhưng vô đạo đức là cái gì? Tôi nghĩ đến một thánh tăng Phật giáo Tantric, cách đây không lâu, đã đâm con báo đốm nhanh nhẹn của mình vào một bức tường gạch, tại thị trấn Scottish. Lúc đó ngài rất say. Một người vô đạo đức? Chúa có phải là người vô đạo đức khi Ngài rủa cây vả?

Những câu hỏi rất thâm thúy. Trong khi đó, tốt hơn phải tiếp tục lái cẩn thận. Hành động đạo đức là rất thích ứng, nó làm cuộc sống dễ dàng hơn. Có lẽ rất buồn chán nhưng dễ dàng hơn. Tôi lắc đầu. Có lẽ tôi lại sai lầm nữa rồi. Vị lão sư không bao giờ dạy tôi đạo đức. Ông cho tôi một công án. Và Peter cũng không bao giờ nói về đạo đức. Ông giảng sự tỉnh thức. Mặc dù ông không dùng lời.

Có một bà già thấu thị người Mỹ ở Kyoto. Có lần tôi nghe bà nói với một lão sư. Bà mô tả cuộc gặp gỡ của một số môn đệ và lão sư đang lắng nghe. Bà bắt đầu một câu mới, Peter thông dịch.

- Và rồi tôi bưng ngộ...

Lão sư cười, ông đứng lên rời khỏi phòng. Đến cửa, ông quay lại nhìn bà già. Ông nói:

- Tất cả những sự bưng ngộ láo lếu này!

Và biến mất ở hành lang.

Chúng tôi cười nhưng bà già bị sốc. Bà cúi đầu và nói một cách dịu dàng, với chính mình nhưng cũng với chúng tôi:

- Tôi đã chẳng phải ngộ rồi!

Tôi coi chừng. Tôi thấy một người vẫy xe quá giang, đứng gần một xe đang đậu. Tôi đang bận thoát

khỏi đám xe, nhưng cuối cùng ra khỏi đường cao tốc và quay ngược về phía người kia. Anh ta không thấy tôi và tôi nhấn còi. Anh ta chạy lại.

- Đi thành phố?

- Vâng.

- Xe tôi bị hỏng.

Anh ta đến bên xe và tự giới thiệu. Chúng tôi bắt tay và tôi lầm bầm tên mình. Anh ta khoảng ba mươi, áo ngoài nhàu nát. Sơ-mi bẩn, không gài nút. Anh ta mang một va-li cũ nhỏ cột sợi dây. Anh ta cười vẻ bồn chồn, nói:

- Tốt thôi!

Anh ta sút môi, nói không chính xác, vết nứt còn rõ ràng. Tôi hỏi:

- Anh nói gì? Vì sao không tốt?

- Tôi nói tôi không định cướp của ông?

Tôi ngạc nhiên, không nghĩ được gì.

- Tại sao anh lại muốn cướp của tôi?

“À!” Hắn cũng lộ vẻ ngạc nhiên nói:

- Dĩ nhiên vì tiền.

- Anh cần tiền sao?

Hắn lắc đầu và nheo nửa mắt:

- Mọi người cần tiền. Nhưng tôi có đủ. Tôi chỉ nghĩ rằng tôi trông có vẻ như một tên vô công rồi nghề, và anh phải nghĩ rằng tôi là một tên trộm, dùng một cái xe hư bên đường như một lý do để xin quá giang. Trước đây việc này đã xảy ra.

- A! Nước Mỹ không phải là một xứ an toàn. Tôi đã nghe và quên khuấy mất. Ở Hà Lan, ăn cướp không

phải là chuyện thường trên đường cao tốc. Dù sao cũng chưa có.

Người đàn ông bối rối:

- Hà Lan? Một xứ của đồng cỏ, bò và nước. Cha tôi đã ở đó trong thời chiến, ông đi lính. Ông nói ông đóng quân trong một vùng sinh lầy và luôn bị tiêu chảy. Ông gọi nó là phân cọp. Ha, ha.

Tôi nói:

- Ha ha, phân cọp! Hay đấy. Tôi đã liên tưởng Hà Lan với nhiều vật, nhưng không hề với phân cọp. Tôi sẽ nhớ nó.

- Xin lỗi! Tôi không cố ý lăng mạ anh, nhưng tôi nghĩ đến cha tôi, ông ấy nói thế.

- Không sao, tôi nghĩ là chuyện đùa.

Tôi có một hộp xì-gà trong túi áo và tặng anh ta một điếu. Anh ta hút thì giờ để tháo vòng giấy ra. Anh ta hỏi:

- Và dân Hà Lan, họ có tử tế với nhau không?

Tôi suy nghĩ, cuối cùng nói:

- Tử tế một cách vừa phải. Chúng tôi tất cả sống kề bên nhau, tám trăm người một dặm vuông, tôi tin vậy, và những con đường luôn đông đúc, thời tiết thì như đáy bể nuôi cá. Anh phải tử tế với người khác hay anh sẽ phát điên vì sự đơn điệu.

- Một thiên đường lầy lội?

- À! Thiên đường... Tôi nói một cách thận trọng.

- Nhưng anh có sợ người khác không?

- Không.

Anh chàng sút môi nói:

- Chúng tôi sợ. Chúng tôi sợ người khác. Hầu hết chúng tôi. Anh thấy dưới nách tôi phồng lên không?

Tôi thấy chỗ phồng. Tôi hỏi:

- Một vũ khí?

Hắn gật.

- Cho tôi xem!

Hắn đưa tôi vũ khí, một khẩu súng tự động, không gài chốt an toàn. Tôi đẩy chốt vào chỗ bằng ngón tay cái. Hắn nói:

- Không sao! Nó không được nạp đạn. Sáng nay tôi đã tập bắn bia và bắn trúng khá nhiều. Tôi bắn bê mười hai chai gần nhà. Tôi sống trong rừng, anh biết chứ?

- Anh có thể tập bắn bất cứ chỗ nào anh thích sao?

- Không, nhưng mọi người làm. Tôi không nghĩ có ai không mang súng tự động, hay súng lục ổ quay, hay một thứ gì đó để giết.

- Vậy thì tại sao anh sợ người khác?

- Cũng có những lý do khác.

Hắn nói và nuốt khói thuốc. Điều đó chứng tỏ hắn biết nhiều về thành phố và rất có ích. Hắn chỉ tôi siêu thị để mua thức ăn và tiệm mà Peter đã đặt những cái cửa vòng và nơi tôi phải lấy cái rìu không cán. Chúng tôi uống cà phê trong một quán ăn mà mọi thứ dường như được làm bằng giấy. Tách và đĩa bằng giấy ép, bánh mì kẹp xúc-xích thì giấy hoa, và cô gái phục vụ trông như được cắt ra từ tấm bìa đầm nước.

- Thế giới hiện đại.

Anh chàng sứt môi nói và chỉ bức tường mà có lần đã được phủ bằng những tấm plastic nhưng hầu hết đã rách, bể và chúng tôi có thể thấy xuyên vào bếp. Chúng tôi thấy những ông tóc dài với những mũ trắng cao và bản kéo thịt bám vào đĩa nóng to, đập nát chúng ra với những miếng sắt tây có tay cầm.

Người chiêu đãi tôi nói:

- Tôi đã làm việc một nơi như thế này. Chúng tôi có chi nhánh khắp các tiểu bang. Trong bếp có chín người và bảy người nghiên ma túy. Cái nghề nặng nề. Răng họ rụng và thỉnh thoảng tinh thần suy sụp, họ cào vào tường đến lúc máu phun ra.

Tôi ngấm mặt hần. Hần xấu nhưng cặp mắt trong sáng và có một cái miệng mạnh mẽ dù môi sứt. Hần cười toe.

- Không, tôi hút cần sa khi còn trẻ, nhưng tôi không bao giờ là một con nghiện. Tôi uống cả lô nhưng bây giờ đã dứt. Cảm ơn AA (hội cai rượu). Tôi luôn là một bọm rượu, dĩ nhiên, nhưng tôi đã ngừng uống. Bây giờ nếu anh cho tôi một chai bia, tôi sẽ nói: “Không, cảm ơn. Tôi là một bọm rượu.”

Tôi hỏi:

- Anh uống bia chứ?

Hần đáp:

- Không, cảm ơn. Tôi là một bọm rượu.

Tôi nói:

- Lạ thật! Tưởng tượng anh giới thiệu cho tôi một cô gái trẻ đẹp, và tôi nói: “Không, cảm ơn. Tôi là một kẻ cuồng dâm.”

Hắn cười nói:

- Buồn cười! Tôi sẽ nhớ thế. Nhưng một cô gái không phải là một ly bia. Một cô gái có tâm hồn, và rượu là một quỷ sứ.

Tôi hỏi:

- Anh đạo Công giáo?

- Không. Nhưng tôi tin quỷ sứ. Những quỷ sứ nhỏ. Có vài quỷ sứ lớn chính quanh trái đất. Đối với chúng rất dễ dàng. Chúng gửi những người bạn nhỏ ở đây để thực tập.

Ý tưởng này mới đối với tôi, tôi thúc hắn nói tiếp.

- Những quỷ sứ nhỏ. Trò chơi đơn giản. Anh phải rất cẩn thận. Anh nhượng bộ một chút, chúng lấn anh một chút. Chúng kiên nhẫn. Chúng trước đoạt anh chậm chậm. Đầu tiên anh vẫn có thể quyết định, đôi khi anh vẫn có thể nói: “Không”, nhưng từ từ chúng lấn lướt. Và khi chúng nắm được anh rồi, chúng có thể làm bất cứ gì chúng thích với anh.

- Và chúng lôi chúng ta đi đâu?

- Nhà tù, hay đến một vách núi. Chúng không xô đẩy anh, anh tự nhảy. Ngay cả anh không biết anh đang nhảy.

- Và rồi anh sẽ ở đâu? Trong địa ngục đời đời?

Hắn nhìn tôi dò hỏi:

- Tôi không biết. Tôi không nghĩ thế. Tôi tin có một địa ngục, nhưng không mãi mãi. Anh có lẽ sẽ được tự do trở lại. Rồi đây anh sẽ tìm ra nơi anh ở và anh sẽ muốn thoát ra.

Tôi hỏi:

- Và nếu anh muốn thoát ra, anh có thể thoát chứ?

Hắn lắc đầu:

- Cái gì đó giống như thế. Tôi không chắc. Tôi tin nó. Nếu anh tin, anh không chắc. Nhưng có lẽ anh đúng. Anh có thể rời bỏ khi anh thực sự muốn rời bỏ. Không phải trước khi ấy.

Hắn trả tiền và chúng tôi từ giã. Một người dễ thương, anh bạn sứt môi của tôi.

Tôi đi chợ. Siêu thị rất giống siêu thị ở Amsterdam. Những bình, túi và chai lớn hơn, nhưng đó chỉ là sự khác nhau mà tôi thấy được. Cửa hàng sắt cũng không gây ngạc nhiên. Những cửa vòng đã sẵn sàng cho tôi và người đàn ông sau quầy tính tiền đã đóng rìu một cách chóng vánh. Tôi không phải trả tiền, nó được tính vào tài khoản của Peter.

Người thu tiền hỏi:

- Anh ở trong bọn họ?

Tôi hỏi:

- Họ là ai?

- The commarde.

Tôi chưa bao giờ nghe tiếng này nên yêu cầu giải thích. Ông ta nói:

- Tôi không biết nghĩa của nó. Đó là tiếng chỉ nơi các anh ở. Tôi nghĩ ai đó đã đặt ra nó. Trước hết chúng tôi nghĩ các anh là cộng sản, nhưng sau đó được nghe các anh là Phật tử. Khác là thế. Dù sao, tôi cũng không bàn đến nữa. Mùa hạ vừa rồi Peter mời chúng tôi đến,

chúng tôi có một ngày thú vị. Ông dẫn chúng tôi đi một vòng, chúng tôi thấy trang trại, chùa với những chỗ ngồi thiền. Ông cũng đãi chúng tôi một bữa ăn ngon. Tôi ước chừng hai trăm người dự. Thật là đông.

- Ông ấy mời những ai? Ai muốn đến cũng được sao?

- Vâng, bất cứ ai ông ấy quen. Những chủ tiệm, người đưa thư, chủ ngân hàng. Bất cứ ai ở đây ông ấy biết. Ngay cả tài xế taxi từng đến đó. Và cũng có những gia đình. Những bé trai thích nơi ấy. Chúng tôi cũng vậy.

Tôi mua một con dao tôi thích. Ông ta nói thêm một chút:

- Ở đó, anh phải chia sẻ mọi vật của mình, phải không?

- Tôi không nghĩ thế. Mọi người hình như kiếm tiền riêng. Tôi không chắc lắm. Tôi chỉ là khách thôi.

- Đó là một nơi dễ thương nhưng tuy nhiên kỳ lạ. Tôi không biết nó ra sao. Thật sự tôi không quan tâm. Ông Peter ấy là một anh chàng tốt. Thịnh thoảng ông ta đến thăm. Con tôi thích ông ta.

Ông ta nói “con tôi” một cách đặc biệt.

- Con ông?

Ông ta thấp giọng:

- Con tôi bị kém trí và rất khép kín, nó không nói nhiều. Nhưng khi Peter ở đây, ông sẽ đến tiệm và họ nói chuyện với nhau. Con trai tôi cũng không nhiều lời, nhưng Peter hiểu nó nói gì.

- A!

Chủ tiệm nói:

- Lấy cửa đi!

Ông bắt đầu phục vụ khách và không chào khi tôi rời đi.

Tôi vẫn còn phải đưa gói quà của Peter. Tôi chặn một người đi đường để hỏi hướng đi. Người nọ không trả lời, nhìn thẳng vào tôi và bước tiếp. Mọi người sợ người khác, anh chàng sút môi đã nói thế.

Tôi nhìn quanh và để ý một bà già đang chống gậy. Những bà già không sợ nên dễ dàng và tôi bước đến. Bà nhìn kỹ địa chỉ trên gói quà và dùng gậy chỉ đường cho tôi. Bà nói nhân giọng. Tôi hỏi:

- Bà không phải dân Mỹ, đúng không?

Mắt bà chọc thủng đầu tôi:

- Mi muốn chửi ta hả, tên đồ tể trẻ?

Tôi vội vàng nói:

- Không, thưa bà. Tôi chỉ nghĩ bà đến từ xứ khác.

Bà nói cộc lốc:

- Ta người Nga.

- Bà ở đây bao lâu?

- Sáu mươi sáu năm, nếu anh cho là lâu.

Bà nói xong, khép khếnh bước đi.

- Cảm ơn!

Tôi la lên nhưng bà không đoái hoài.

Mỹ, một xứ quyền lực nhất thế giới. Một bọm rợ sút môi. Một chủ tiệm với đứa con đàn độn. Một bà già với cây gậy và tính cáu kỉnh. Và thế giới run rẩy

vì sợ. Những hình bóng của cuộc chơi. Tôi nghĩ mình sẽ bị nguyên rủa nếu nó không phải là sự thực. Điều này không thể là sự thực. Đây phải là một màn trình diễn của những hình thể tạm thời. Điều này không có thực. Và nếu nó không thực, thì không có lý do gì để bối rối về bất cứ việc gì. Nhưng anh có ngồi dưới cội cây hằng năm không ngừng, để biết điều đó không? Dĩ nhiên, dĩ nhiên, tôi nghĩ. Anh phải ngồi dưới gốc cây hằng năm trời để biết điều đó. Để thấy rằng nó không thực thì dễ dàng. Nhưng để thấy cái gì là thực thì sẽ đòi hỏi việc gì đó.

Tôi tìm đến địa chỉ nhưng không gặp người muốn tìm. Vợ hay bạn gái anh ta, một cô khoảng hai mươi, sắc sảo, từ chối nhận quà khi tôi bảo của Peter gửi. Cô nói:

- Robert muốn nói chuyện với anh, tốt hơn anh nên đích thân trao cho anh ấy.

Cô ta chỉ chỗ anh ta cho tôi, khi biết tôi không rành đường, cô bèn cho tôi đi nhờ. Tôi ngạc nhiên vì cô lái xe to một cách ung dung và giải thích:

- Anh đang ở Mỹ. Chúng tôi học lái những xe tải này khi còn con nít.

Tôi nghĩ về chiến tranh, những ngày cuối cuộc chiến. Tôi ở Amsterdam, một đứa trẻ 14 tuổi đang ngắm một ngôi nhà bên đường. Có những sĩ quan Đức Quốc Xã trong nhà và họ không chịu giao trả. Chiến tranh chính thức chấm dứt và quân đội Đức ngoan ngoãn đầu hàng. Hầu hết bọn họ trở về nhà, mặc thường phục, hay bị canh giữ bởi quân đội đồng minh khác, hay những đơn vị Hà Lan mới thành lập. Đức Quốc Xã là một ngoại lệ. Họ biết họ sẽ bị xử là những tội phạm chiến

tranh. Khoảng hai mươi lính Hà Lan cố chiếm lại căn nhà. Hai người chết và vài người bị thương. Con đường rất lạng lẽ.

Và rồi những người Mỹ đến. Một xe tăng âm âm chạy qua, theo sau một xe khác. Súng của họ khạc lửa vài lần. Ngôi nhà sụp một phần. Khi khói tan, một sĩ quan SS lão đảo chạy ra khỏi cánh điêu tàn. Hắn ngã gục xuống đường, gần những xe tăng. Chàng trai lộ ra khỏi xe tăng là người Mỹ đầu tiên tôi thấy. Tôi nhảy cẫng lên và vẫy chú. Chú nâng khẩu tiểu liên lên nhưng lại hạ xuống, khi thấy tôi là một thường dân. Tôi bị ẩn tượng. Một chàng trai lớn hơn tôi bốn, năm tuổi nhưng có thể lái xe tăng, giết bọn SS hùng mạnh với một nút nhấn tình cờ.

Bây giờ tôi nói với cô gái mảnh mai đang lái chiếc xe to này:

- Cô là một người rất tuyệt.

Cô nhưong mày:

- Anh đang nịnh tôi.

- Không, tôi nghĩ thế.

Cô ta thả tôi xuống trước cửa một xưởng, vẫy tay và lái đi. Robert đang làm trên một cỗ máy phức tạp ở phía trong. Tôi tự giới thiệu rồi đưa quà. Anh chàng cao, vai rộng, tóc húi cua trông giống một anh hùng trong phim ngày xưa. Anh ta hỏi:

- Của Peter?

- Vâng. Anh có nhận ra chữ viết tay không?

- Không những chữ viết. Tôi cũng nhận ra anh nữa. Peter thường nói với tôi về anh, về thời gian cùng

ở với anh ở Nhật. Anh có lần rất gần gũi ông ấy phải không?

- Vâng, có lẽ thế, nhưng Peter chưa hề nói về anh với tôi. Anh có gần ông ấy không?

Robert gật đầu:

- Hãy ăn trưa với tôi. Anh rảnh không? Chúng ta có thể nói chuyện trong khi ăn.

Tôi chờ anh ta rửa tay và theo anh ta ra đường.

Tôi thích cái quán anh ta đưa tôi đến. Nó rất khác quán-giấy mà anh bạn sát môi đã dẫn tôi. Đây là một chỗ ăn thật đơn giản với những cái bàn được lau chùi đơn sơ và một bà mập với nụ cười vui vẻ, sẽ đem đến sự thích thú trong những món chúng tôi chọn. Robert hỏi:

- Uống chứ?

- Nếu anh có một ly.

Anh ta gọi hai ly martini và cười với tôi.

- Tôi không thường uống trong ngày, nhưng đây là một dịp đặc biệt, anh là một sứ giả từ thiên đường và nên được trả công xứng đáng.

Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Anh cho rằng commarde là một thiên đường?

Anh ta cười:

- Không, tôi diễn tả hơi tôi. Nó dẫn đến thiên đường. Tôi nên nói là luyện ngục (nơi làm trong sạch).

- Thế thì đây là gì? Cuộc sống của anh ở đây, trong thành phố này?

Anh ta lại cười:

- Không phải địa ngục, nếu đó là những gì anh

nghĩ. Đây là một nơi hoàn toàn vui vẻ. Một nơi vừa phải. Tôi nghĩ ở đây.

Chúng tôi uống martini và anh ta gọi vòng khác.

- Anh đã có một thời gian khó khăn ở đó?

Anh ta kể tôi nghe khi ăn. Từ từ, tôi tập hợp được một hình ảnh về những gì anh ta thích thú khi sống trong commarde (đạo tràng). Đó là một chuyện vui vì anh đến đó tình cờ. Anh được đem đến đó, kéo đến đó.

- Tôi là một người bệnh. Tâm tôi, tôi nghĩ thế. Bệnh thực sự. Tôi mất tất cả ý muốn sống. Tôi liệt giường, với một cơn đau, đau ở đâu đó sau lưng, một cơn đau rất mơ hồ, vì tôi không thể giải thích chính xác nó ở đâu. Cơn đau làm tôi tê liệt, không cử động được. Tôi nằm trên giường và ngó trần nhà. Đi vào nhà tắm là một cố gắng lớn.

- Rồi sao?

- Rồi Peter đem tôi ra. Ông ấy là bạn của bạn tôi. Bạn tôi tình cờ gặp Peter trên đường ở New York. Peter khó rời đạo tràng. Họ ăn trưa và bạn tôi kể cho Peter về tôi. Ông đến phòng tôi và kéo tôi ra khỏi giường. Ngay đêm đó ông lái xe đưa tôi ra khỏi New York. Tôi không hề hỏi ông đưa tôi đi đâu. Lưng tôi không đau và tôi lái một phần đường. Vài lần chúng tôi dừng lại để ăn và ngủ trên xe. Tôi không hề hỏi về nơi sẽ tới. Tôi cóc cần.

Tôi khó tin được, họ thay nhau lái xe suốt mấy ngày.

- Anh không bao giờ hỏi?

- Không. Tôi đã làm như tôi nói. Suốt nhiều tháng

tôi cử động như một cái máy. Nếu ông bảo tôi làm ở trang trại thì tôi làm ở trang trại. Nếu ông bảo tôi thiền định suốt đêm thì tôi thiền suốt đêm. Nếu ông không bảo tôi làm gì thì tôi không làm gì cả. Tôi ngồi quanh quẩn, nhìn chăm chăm và hút thuốc.

- Anh mua thuốc lá riêng?

- Không, Peter cho tôi khi ông đi chợ. Tôi xin ông mua.

- Và?

- Ô! Tôi thoát khỏi trạng thái dật dờ. Nó mất thì giờ nhưng cuối cùng tôi trở lại bình thường. Tôi phụ trách trang trại một thời gian và tôi cất nhà cho mình.

- Vậy tại sao anh bỏ đi?

- Tại sao anh rời tu viện Nhật?

- Tôi không thể ở thêm. Đường như tôi không học được gì và công án đã chết trong tôi.

Robert nhăn mặt:

- Công án! Ô!

- Anh đã có một công án chứ?

- Dĩ nhiên.

- Anh đã giải quyết nó?

- Chúng ta không nên thảo luận công án.

- Anh đã giải quyết nó?

- Không, tôi bỏ. Peter luôn đặt tôi trong ánh đèn sân khấu. Đường như ông đã mất rất nhiều thì giờ vì tôi, bằng với vì tất cả mọi người khác. Mờ miệng là kêu Robert và ông trở thành nóng nảy. Vì thế một hôm tôi bỏ đi.

Tôi hỏi:

- Anh có trở lại lần nào không?

- Ô! Vài lần. Thăm viếng. Tôi cũng đưa bạn gái tới nhưng cô ấy không thích nơi đó. Cô ấy nghĩ tôi muốn trở lại và bỏ cô.

- Nhưng cô ấy cũng có thể đi mà?

- Cô ấy không muốn đi theo họ. Tôi nghĩ cô ấy chỉ muốn ở với tôi.

- Vì vậy anh tiếc là phải rời nó?

Anh ta chồm qua vổ nhẹ đầu tôi, một cử chỉ đã học được từ Peter.

- Dĩ nhiên. Nhưng tôi đã học được nhiều. Tôi biết tự trông nom mình thế nào. Tôi phải bắt đầu lập gia đình. Tôi biết bây giờ phải làm việc thế nào, tôi là một thợ máy, tôi có xưởng riêng. Tôi đang kiếm ra tiền. Thế giới đôi khi rất đẹp, đạo tràng dạy tôi thấy. Tôi có thể thấy một vụ gieo trồng, một cội cây, một côn trùng.

Chúng tôi im lặng ăn một lúc.

- Có một thức uống. Ngày mai bắt đầu tuần tu, đây là cơ hội cuối cùng để anh thư giãn.

Tôi ngạc nhiên:

- Anh muốn nói là anh nhớ ngày? Anh biết khi nào những sự kiện quan trọng xảy ra?

Anh ta cười:

- Anh thấy đó! Tôi đâu có rời bỏ nó. Tôi vẫn ở đó mỗi ngày. Hai năm nay là những năm quan trọng nhất đời tôi. Mọi việc bây giờ tôi làm là hậu quả trực tiếp những gì xảy ra ở đó.

- Vậy anh sẽ trở lại chứ?

Anh ta lắc đầu:

- Tôi không biết.

Tôi lái xe về trong một dòng xe mới, tất cả đều giữ tốc độ như nhau. Tôi tự nói lớn tiếng để khỏi buồn ngủ. Cổ họng đau, chớm bị cúm, tôi đã mang theo từ những đêm lầy Hà Lan.

Anh đang chuyển động giữa hai điểm, và không điểm nào định rõ được.

Không từ đâu, không đến đâu?

Cái nhìn của anh bị hỏng bởi những bảng yết thị, những tấm quảng cáo cũ, ẩm, xiên xẹo mà anh không cần.

Rừng trơ trọi và dễ gãy.

Anh sẽ cảm thấy buồn nhưng anh ám áp bên trong.

Bây giờ anh biết nó có thể xảy ra bất cứ lúc nào.

Và nếu nó không bao giờ xảy ra? Điều ấy sẽ xấu chứ?

Anh ngạc nhiên về kết luận riêng của mình. Điều đó không tồi.

8

CHIM GIẾ CÙI

Thiền định một ngày mười tiếng. Suốt bảy ngày. Nếu anh đưa ra như thế thì sự tu tập có vẻ khủng khiếp.

Có lẽ nó chỉ là sự tưởng tượng. Và với sự tưởng tượng đúng, hầu như mọi việc đều có thể xoay sở được. Chỉ đừng tưởng tượng quá nhiều, và đừng tưởng tượng trước quá xa. Tôi thức dậy lúc 2giờ30 sáng. Chuông đang kêu rè rè và cầu kính.

Chúng tôi đã để cái đồng hồ reo ở một góc xa, xa túi ngủ của Rupert và cũng xa đồng mền của tôi.

Tôi không nhúc nhích và đợi Rupert. Nghĩ mình luôn luôn ở vị trí đúng thật dễ dàng. Tôi tự nhủ mình là khách và Rupert là chủ. Chủ có bốn phận. Họ phải dậy trước và pha cà phê. Và khi có cà phê rồi khách mới dậy. Vì thế tôi không nhúc nhích, nhưng Rupert cũng không nhúc nhích luôn.

Tình thế khiến tôi bực mình và tôi bắt đầu kêu:

- Rupert! Chuông, chuông!

Rupert rên rĩ. Tôi tiếp tục kêu. Rupert nói, chậm rãi và rất rõ ràng:

- Vâng. Tôi nghe chuông. Nhưng sáng nay tôi chậm một chút.

Hắn im lặng và chuông lại reo.

- Rupert!

- Vâng!

Anh ta ngồi dậy. Tôi thư giãn và dựa đầu vào tường. Tôi ngắm Rupert chui ra khỏi túi ngủ. Anh ta từ từ đứng lên, từ từ đi đến cái chuông. Tôi ngủ lại. Tiếng cốc kim loại nhỏ chạm xuống nền nhà sát bên hông làm tôi thức dậy.

Vài phút sau chúng tôi đi xuyên qua lớp tuyết tan dày như cháo đặc trên đường. Sự cố đột biến này chẳng cải thiện được tình trạng bất tiện của tôi. Tuyết và băng có lẽ là những nhân tố tiêu cực, khi anh đang sống trong một căn nhà gỗ, mà máy sưởi tồi tệ và phải tốn nhiều thời gian ở bên ngoài, nhưng chúng làm tăng vẻ đẹp của cảnh vật. Ngay cả khi bão tuyết ào đến. Anh nghĩ đến những nhà ẩn dật trên Hi-mã-lạp-son ngồi thiền trong tuyết, và những nhóm nhỏ tỳ kheo du hành đến thánh địa hiểm hóc, nơi có một đạo sư hướng dẫn, họ sẽ được thám hiểm sâu xa về sự tồn tại huyền nhiệm của chúng ta. Nhưng anh có thể tưởng tượng được gì khi anh lún nặng nề đến mất cá chân xuyên qua một khối vật xám dày buồn tẻ? Trời mưa bụi và áo khoác của tôi trở nên ẩm ướt và nặng trĩu.

Chúng tôi đến thiền đường và tháo giày một cách khó khăn. Những đệ tử xúm quanh tôi. Tôi nhảy lên một chân khi một cô gái mập đấm sầm vào tôi, tôi ngã chổng lên một người hơi lớn tuổi đang cố gỡ dây giày.

Không ai nói gì. Sự yên lặng bắt đầu. Suốt một tuần chúng tôi chỉ được nói khi có điều quan trọng cần trình bày.

Trên đường đến thiền đường, Rupert đã để tôi lại phía sau. Anh ta là giám thiền và phải đến thiền đường trước người khác. Bây giờ tôi thấy anh ta ở cuối phòng, đang ở trên tọa cụ, bất động, cầm phách gõ sẵn sàng ra hiệu thời thứ nhất.

Tôi đã tự hứa dừng nghĩ ngợi. Đây là thời đầu tiên của bảy thời. Bảy lần 25 phút, sáu lần nghỉ ngắn năm phút. Tất cả là ba giờ rưỡi. Ba giờ rưỡi có thể xoay sở được, đặc biệt nếu anh có thể chặt nát chúng. Và hai thời rất thoải mái khi dùng để đến và đi từ nhà Peter. Và sẽ có sự kích động của một công án mới.

Phái thiền mà tôi đã bỏ cuộc ở Nhật thuộc dòng Lâm Tế. Dòng Lâm Tế sử dụng công án rộng rãi, nhưng cũng có những phương pháp thiền khác. Thiền Tào Động phê bình khắt khe việc sử dụng công án. Và những thiền sư Tào Động vạch ra rằng công án không thật sự cần thiết. Đức Phật không dùng công án nào khi ngài ngồi dưới cội Bồ Đề. Họ nói: Cái lý do duy nhất mà tông Lâm Tế tu công án hầu như liên tục là vì Lâm Tế hấp dẫn đầu óc trí thức hay chỉ hiểu động. Để thúc đẩy một tâm lắng xãng ngồi yên lặng và tập trung trên cái KHÔNG vĩ đại, mà gây ra và giải thích mọi hiện tượng, là không thể được. Vì vậy đệ tử phải bị lừa và anh ta bị lừa bằng cách cho một công án để anh ta giải quyết. Với một công án, anh ta sẽ có ấn tượng rằng mình có “việc gì đó để làm”.

Có sự thật nào trong lối phê bình này hay không thì tôi không biết. Có lẽ sự chống đối như nhiều chống

đôi, bắt nguồn từ đố kỵ. Có thể các tăng Tào Động thấy thất thế. Nhiều người phái Lâm Tế nổi tiếng ở Trung Hoa và Nhật Bản. Tâm họ chói sáng. Còn người thuộc tông Tào Động rơi vào trạng thái vô cảm vì quá tĩnh lặng, có thể bị xúi giục để nhạo báng họ.

Mỗi đường lối, mỗi phương pháp hấp dẫn một loại người. Tôi đã gõ cửa Lâm Tế dù không biết nó, khi tôi tiếp xúc lần đầu với Phật giáo tại Kyoto. Và bây giờ nghĩ lại, tôi không hối tiếc. Công án mới kích thích tôi. Sự kích thích, dĩ nhiên, là một cảm giác mặt ngoài, không có chiều sâu và giá trị, nhưng nó giúp tôi qua hết tuần này.

Vì thế, dùng trí tưởng tượng, tôi tự vững tâm rằng tuần này sẽ rất dễ dàng khi leo lên tọa cụ và ngồi xuống. Chưa có tiếng phách, tôi có cơ hội nhìn quanh. Tôi phải nhìn thật nhanh vì không ai thích bị dòm ngó, đặc biệt trong thiền đường. Người bạn mập với bộ ria hải mã ngồi cạnh tôi, cô gái gầy ngồi phía khác. Ba cô gái đối diện tôi, hai người có vẻ thích thú, họ ngồi kiết già tốt. Một cô làm tôi chú ý, cô có khuôn mặt bầu bĩnh, trầm tĩnh khiến tôi nhớ tượng Phật thô sơ trên kệ sách của tôi ở Amsterdam, một đường nét đơn giản biểu lộ sự tĩnh lặng. Cô thứ ba ngồi tẹt. Cô rất cao và gập chân lại khó khăn. Mặt cô tỏ vẻ gan lì. Cô ta sẽ qua khỏi tuần lễ cho dù nó giết cô. Tôi đã gặp cô trên đường cái một vài ngày trước và cùng chuyện trò tí chút. Cô ta mới đến đây và khiếp sợ tuần tu. Tôi đã có khích lệ cô và cô đã cười với tôi.

“Tôi biết cô sẽ vượt qua điều gì.” Bây giờ tôi nghĩ thế, nhưng đồng thời tự hỏi. Có lẽ không bao giờ chúng ta biết người khác vượt qua cái gì. Nhóm bốn

phụ nữ gần tôi làm tôi thấy ám áp. Tu viện Mỹ cho phép đàn bà tham dự tu tập. Trên nguyên tắc tu viện Nhật cũng cho, nhưng đàn bà không bao giờ được phép vào thiền đường. Họ phải ngồi phòng của họ, nơi nào đó trong chánh điện, và tặng thỉnh thoảng đến và đánh họ bằng gậy. Có những luật phân biệt khác nhưng tâm điểm của sự tu tập, tham thiền, gặp thầy thì mọi người giống nhau, và đàn bà có thể trở thành vị thầy, dù rất hiếm.

Peter may mắn, đã bỏ tất cả sự phân biệt, và tôi chắc rằng vị lão sư tán thành. Vì vậy ở đây, chúng tôi, hai mươi bốn ông và mười hai bà sung sướng hòa hợp trong một thử thách như nhau.

Rupert vỗ phách và một chân động thần kinh nhỏ chạy dọc xương sống tôi. Tôi góit mọi năng lượng có thể tập hợp và lao xa hết sức mình.

Mười phút qua, tôi nghe tiếng sột soạt của chiếc kimono lụa. Vị thầy đã đến. Peter bước chậm, đi vòng quanh. Ở vòng thứ hai, ông chỉnh lại tư thế của chúng tôi. Tôi không cúi đầu và ông lịch sự đẩy nó làm mũi tôi dí xuống một chút. Thẳng cổ thì giấc ngủ sẽ tán công dễ dàng và sự tập trung yếu đi đưa đến những giấc mơ lòng vòng. Hạ cằm xuống thì năng lực có vẻ gia tăng.

Peter rất chú ý anh bạn mập của tôi. Ông xô và đẩy, bước lui như một nhà điêu khắc chăm chút tác phẩm của mình. Bạn tôi phải bỏ tay ra và gài chúng lại. Không một chi tiết nào được bỏ qua.

Cô gái gầy ở bên cạnh. Cô thay đổi tư thế nhưng rồi lại khom về phía trước và Peter đến sau lưng cô, lay vai, đẩy lưng đến khi xương sống ở đúng tư thế.

Khi sửa thể chúng tôi xong, ông đến trước bàn thờ và nói:

- Đây là buổi đầu tiên của một tuần dài. Hãy gắng hết sức và duy trì như thế. Tuần tu là một món quà hiếm như cuộc sống chính nó là một món quà hiếm. Đừng hôn trầm. Quên hết mọi sở tri, quên những chứng ngộ của bạn. Hãy tham công án, và không gì khác. Hãy tìm cho ra mặt thật của bạn.

Ông nói chậm rãi, không lên giọng. Trước đây trong cuộc sống, ông đã là thầy dạy thanh nhạc, và ông biết làm thế nào để tiếng mình đến được góc xa nhất của thiền đường.

Tôi nghe chiếc áo kymono sột soạt qua tôi lần nữa và cửa thiền đường đóng lại với âm thanh khô khan của gỗ chạm nhau. Vị trà đầu đã đến, mang theo ấm nước nặng nề của ông. Chúng tôi nâng cốc của mình lên, lấy từ những vị trí thích hợp sau tọa cụ. Chúng tôi uống khi chuông của Rupert ra hiệu. Khi chuông rung lần nữa chúng tôi trả lại cốc. Chúng tôi không phải nghĩ ngợi, mọi việc đã được sắp đặt đúng từng phút. Chúng tôi chỉ phải tập trung trên công án. Rất đơn giản.

Và khó khăn, không chịu nổi. Trong khi tôi cố tránh suy nghĩ và trở về công án, thời gian rút ngắn lại và tiếng chuông vang lên. Chân tôi bị chuột rút và tôi trèo xuống, hài lòng được đứng một lúc. Trong thiền đường không được phép cử động không cần thiết. Trong lúc thiền định anh ngồi, và khi giải lao anh ngồi. Nhưng trong những lúc giải lao, anh có thể - nếu anh tuyệt đối phải - đứng. Hay anh có thể rời phòng và ra ngoài một chút. Nhưng bất cứ anh làm gì, anh phải làm trong yên lặng. Anh không nhìn người khác. Anh

không đặng hăng hay hi mũi. Anh có thể hắt hơi và ho vì ngay cả luật thiên cũng chấp nhận rằng, hắt hơi và ho không thể luôn dừng theo ý muốn.

Buổi sáng qua mau. Hai lần tôi đến phòng vị thầy, nghe chuông nhỏ rung và thấy mình lại đứng ngoài. Tôi sẽ vượt qua công án tuần đó và những người khác cũng thế, nhưng không đạt được gì xứng đáng.

Đó là những công án nhỏ, vệ tinh của công án lớn đã khai mở cho tôi cái gì đó. Những công án nhỏ phải mở toang vết nứt, hay là không. Tôi dường như hiểu hướng mình đang theo. Dường như, không gì hơn nữa. Một vị thầy là một vị thầy và tôi không thể biết thực sự ông sẽ dẫn tôi tới cái gì. Tôi mong mỗi vô cùng, ông sẽ thỉnh linh quay lại và nắm lấy tôi, đẩy tôi đến sự hoang mang nguyên thủy. Tôi dẫm bước một cách rã rời với đôi tai đau buốt. Tôi sẽ không đi vệ sinh nếu tôi có thể nhịn được. Trong lúc đó tôi biết rằng mọi cố gắng đều vô ích. Nếu ông muốn đẩy tôi trở lại, ông sẽ đẩy tôi trở lại. Ông rành triệt để trình độ của tôi, vì chính ông đã ở đó hàng nhiều năm. Và tôi không thể hình dung trình độ của ông.

Những công án ông cho tôi không mới. Ở Nhật tôi đã nghe nói đến. Những vị tăng đã kể chúng và tôi đã tình cờ gặp chúng trong văn chương thiền. Chính Peter đã cho tôi vài công án ấy, mười năm trước ở Kyoto, ngẫu nhiên, khi cùng làm vườn, rửa chén hay đi chợ.

Trước đây tôi đã nghĩ về những công án này, có lẽ đã tham công án mà không biết. Nhưng bây giờ tôi bị đẩy ngay vào đó, cọ lỗ mũi qua chúng. Những câu hỏi phi thường, những câu, lời phát biểu, đã bám vào tôi

và tôi đã đưa ra những câu trả lời áp úng và bị từ chối, không biết bao nhiêu lần, đến khi thành linh, thường là khi tôi đi dạo bên ngoài, trên đường cái hay những lối nhỏ, câu trả lời xuất hiện và sẽ được chấp nhận trong buổi tham thiền tiếp theo, để lập tức phải theo một bài tập mới, ngớ ngẩn hay không dễ dàng.

Theo một lối thì những công án này đều giống nhau. Giải quyết chúng thực sự không có nghĩa cần giải quyết hết tất cả. Sự thấu hiểu mà chúng chạm đến rất sâu xa. Tôi biết rằng nếu tôi có thể phá vỡ một phần của một công án thôi, tôi sẽ ở bờ kia an toàn, địa vị siêu việt mà Phật tuyên bố đã đạt đến. Nhưng tôi không vượt cái gì cả, tôi chỉ gửi những mảnh trí tuệ tối thượng này, gửi một cách thận trọng và lo lắng.

Tham thiền là một phương pháp phi thường, không đối thoại, không thảo luận gì cả. Không có gì được suy luận ra. Câu hỏi lạ lùng và câu trả lời cũng rất lạ lùng. Câu hỏi và trả lời cùng một loại. Không quan điểm nào được che chở. Chỉ có một câu trả lời và người đệ tử biết khi họ nói sai. Không có bất cứ ngạc nhiên nào khi người thầy lắc chuông và cuộc tham vấn đã qua. Và khi người đệ tử có câu trả lời đúng, họ biết rằng nó sẽ được công nhận. Người thầy không thể từ chối, và người đệ tử không bận tâm về sự cự tuyệt có thể xảy ra. Không có cuộc thi, có lẽ cuộc tham vấn là một sự gặp gỡ trực tiếp của những tâm thức. Và không có vội vàng, không có lối thúc đẩy trả lời. Lối duy nhất để tìm ra nó là xuyên qua sự tập trung, nếu nó không tự bật ra thì sự tập trung phải được làm lại. Không có lối nào khác.

Những công án tôi nhận được phát xuất từ Trung

Hoa. Nước Trung Hoa cách đây ngàn năm, từ lúc những vị thầy sống bình thường với đệ tử ở một vùng hẻo lánh trong những ngọn núi. Những câu hỏi nảy ra tự do, vào lúc rỗi rảnh. Những đệ tử thiền định trong hang, cốc hay trong rừng. Những công án bắt đầu sống động và được truyền từ thầy này sang thầy khác. Khi đệ tử trở thành một vị thầy, họ dùng những công án họ đã tham. Và khi những tu viện bắt đầu đưa công án vào phương pháp rèn luyện thì những công án được dồn lại và trở thành một phương pháp với những tầng bậc khác nhau.

Và tôi, con người của thời đại này, phải dùng những phong cách xưa và tìm ra rằng chúng hiệu quả, và rằng tâm tôi không hoàn toàn khác với tâm người Trung Hoa xưa. Và giống như người Trung Hoa xưa, tôi phải học để trình bày câu trả lời của mình trong ngôn ngữ cốt lõi. Nếu tôi thêm gì vào, một cử chỉ, một lời, một giải thích, câu trả lời sẽ bị phủ nhận. Chỉ khi tôi đưa một cái xương tro trội, vị thầy sẽ mỉm cười. Tuy xương, không thêm gì nữa. Không động từ kết hợp, không chủ từ, không túc từ. Không phóng chiếu tự ngã. Sao lại đi phóng chiếu một cái bóng chỉ tồn tại một thoáng chốc?

Vô ngã. Tôi bắt đầu dùng ý tưởng xưa. Hình thể, đang bước trong tuyết tan của một xứ xa xăm, không là gì cả nhưng một sự trong sáng tạm thời đang thay đổi đường nét. Một đồng nhất bề ngoài, không gì hơn. Một cỗ xe. Một ma quỷ u ám trên đường đi từ một khởi đầu bất thực đến đúng ngay một kết thúc bất thực. Đúng hơn, tôi nghĩ tôi có thể chấp nhận nó. Nhưng tôi biết rằng cái đồng nhất bề ngoài này, khi bỏ cái mũ dụ dàng xuống, nói toạc ra với chính nó, sẽ cái kính, sẽ là

đồ kị hay tham lam, hay đây ứ nổi sợ hãi. Có lẽ nó sẽ run rẩy khi cắt vào ngón tay. Một tinh thần tự do có thể làm thành thịt bằm và sẽ mỉm cười ngay khi điều trị. Tôi nghĩ sẽ đạt xa hơn thế.

Nhưng trong lúc đó tôi vẫn vui sướng về cốc cà phê trong những giờ giải lao dài hơn, khi chúng tôi có thể trở về phòng mình, hay về điều thuốc tôi sẽ hút trên đường đến lều của Rupert, hay về bữa ăn tối. Những lúc giải lao trở nên rất quan trọng. Chúng tôi có một tiếng rưỡi giữa trưa và một thời tương tự trễ hơn trong ngày. Và lúc chín giờ là xong. Và mặc dù gắng hết sức một cách yếu ớt là không hân hoan chờ đợi những ốc đảo tự do này, tôi đã chờ.

9giờ15 tôi, tôi đã vùi đầu trong đồng mền, tách rời khỏi thế giới khe khắt, và nhào vào giấc ngủ không mộng mị, một trạng thái vui sướng nhất, theo Socrates, một người có thể đã đạt được. Tôi nghĩ mỗi khi chìm vào giấc ngủ, có thể Socrates đúng.

Một cơn đau đặc biệt quấy rầy hạnh phúc của tôi. Giống như hầu hết đệ tử, tôi bị cảm lạnh. Ngực tôi như thể phủ đầy kính đục. Khi thiên định, nước mũi chảy xuống râu mép và qua môi tôi. Không có gì để chặn nó lại. Dĩ nhiên, chùi mũi-xoa là giải quyết xong ngay, nhưng cho đến tiếng khụt khịt đơn thuần cũng sẽ dấy lên một tiếng quát từ chỗ ngồi của giám thiên.

- Đề nó chảy!

Rupert sẽ quát và sự an ủi duy nhất mà các đệ tử cảm nhận được là Rupert dường như cũng cảm lạnh tệ hại như họ.

Giấc ngủ không mộng là sự kết thúc tất cả. Không có ai rời bỏ và không có ai đủ tư cách về bất cứ gì. Nếu

tôi không có ở đó, tôi không thể đau khổ, cảm xúc, lo lắng, phàn nàn hay cảm thấy khó chịu.

Nhưng nó không phải là mục đích cuối cùng. Tôi không chịu tin rằng Phật giáo nhắm vào sự tiêu diệt toàn bộ. Bờ bên kia phải khác với trạng thái ngủ không mộng, và nếu rút cuộc, nó đào thải ra để thành đồng nhất, tôi sẽ không chấp nhận và thoát khỏi nó, tôi sẽ báng bỏ Phật và các thiền sư. Trong lúc đó, tôi ngồi và run rẩy bên trong quần áo ấm. Tôi đang vận hành nhiệt độ và cơn đau chân đang từ từ bò lên đến vai. Đầu tôi đau nhói. Cô gái rất cao ngồi đối diện cũng gặp phiền hà. Cứ vài phút cô lại hắt xì và tê cứng chân đến nỗi trong giờ giải lao, cô rời chỗ ngồi rất khó khăn. Ý nghĩ về chân dài của cô rất đau làm tôi thấy gằn gỏi cô và khi thấy cô trên đường, tôi bước bên cạnh cái bóng lòng không của cô, không nói lời nào nhưng thỉnh thoảng hắt hơi để giữ sự đồng hành.

Đức Phật từ chối trả lời những câu hỏi đề cập đến sự kết thúc của nhân loại hay sự tồn tại chung. Và nếu Ngài trả lời, Ngài sẽ nói rằng không có kết thúc, nhưng cũng không có không kết thúc. Tôi tin, vì mục đích tiện lợi, rằng nó sẽ đào thải để thành một sự tồn tại trong chiều kích khác, của một trình độ vượt trên trí óc của tôi. Sự tin tưởng này dường như dễ thương hơn ý tưởng phá hủy toàn bộ.

Ý tưởng thú vị này được củng cố bởi một đôi chim, tám lần một ngày, trong khi tôi đi bách bộ. Rupert bảo tôi chúng là chim “giè cùi xanh” to hơn ở Hà Lan và có màu xanh sáng. Giè cùi là loài chim đẹp. Mùa Xuân chúng ăn những cái trứng và những chim nhỏ khác, nhưng mùa Đông chúng sống lương thiện, ăn

những miếng thực phẩm do rừng cung cấp. Nhưng dù vậy chúng không dễ thương lắm. Tôi rắc những mảnh vụn và cặn thừa khác gần nhà Rupert nhưng tôi nghĩ cũng để cho những con chim nhỏ hơn khác. Chúng không bao giờ có cơ hội! Những con giẻ cùi đã tấn công mảnh đất cung cấp thức ăn.

Mỗi lần ngắm giẻ cùi, tôi trở nên tin chắc rằng cuộc sống là một mầu nhiệm không tin được, và rằng sự kết thúc cuối cùng của nó sẽ đúng là mầu nhiệm. Một con giẻ cùi là biểu hiện của một mầu nhiệm hình thành. Và không những giẻ cùi, mà còn những cây trơ trụi quanh tôi với những cành con kết hợp đáng yêu, và còn con suối bị chặn đường xuyên qua rừng, được dẫn qua đường cái trong những ống gi sét to. Cuối đường ống, nước trong chảy xiết và thành những xoáy nước rồi sương giá lại bắt đầu làm những ống băng trong miệng ống. Khi còn bé, tôi không bao giờ để ý đến những chuyện thần tiên, tin tưởng chúng tạo những phát minh ngờ ngạc để giải trí hay hù dọa trẻ con. Nhưng bây giờ tôi bắt đầu tin và có thể tưởng tượng dễ dàng một bà chúa tiên sống trong ống nước, đang cai quản một cung điện lộng lẫy và đang nghe nhạc Jazz do những chú lùn chơi. Mỗi khi dừng lại chỗ ống dẫn nước, tôi cảm thấy yêu thương chúa tiên, một Bò Tát gọi cảm nhỏ bé, một thực thể thông minh và lôi cuốn.

Ai đó chạm vào vai tôi. Tôi quay lại và thấy người bạn mập với bộ ria hải mã. Anh trùm mũ của áo choàng lên đầu và đôi mắt sống động nhìn tôi dưới vành mũ.

Bạn đồng môn của tôi nói:

- Tôi tên Edgar.

Tôi xưng tên và bắt tay. Sự im lặng vẫn phải tuân thủ và chúng tôi thực sự không nên nói với nhau, luật lệ không phải trò đùa trừ phi thỉnh thoảng nó bị phá vỡ.

Edgar nói:

- Anh hút thuốc ngon. Tôi nghĩ thấy chúng mỗi khi đi ngang qua anh trên đường, chúng thúc tôi như điên. Cho tôi một điếu.

Tôi có một gói thừa trong túi áo và lấy đặt vào tay anh ta. Anh ta cảm ơn tôi rồi rút. Tôi nói:

- Anh không nên cảm ơn tôi. Hút thuốc là một tật xấu. Nó sẽ làm hẹp tĩnh mạch và làm nghẽn mạch máu anh. Nếu anh tiếp tục anh sẽ mất một chân hay tay.

Edgar rút một điếu và nhìn tôi qua khói thuốc. Sự im lặng trở lại.

Tôi rút tay lại và trở về phòng mình. Trên đường đi tôi nghĩ đến Edgar. Chúng tôi đã mất 80 giờ ngồi gần nhau. Tôi đã nghe rên rỉ và nguyên rủa dưới hơi thở của anh ta. Cuối mỗi thời, anh ta nói: “A! Tốt!” rất dịu dàng. Chỉ có tôi nghe. Anh ta không có ai bên cạnh, chỗ ngồi cuối bên phải.

Anh không cô độc.

Có những người khác, trên đường của họ trên lối giống nhau.

Những người du hành không từ đâu, không đến đâu, trên con đường từ không đến không.

Đường đi có thể hẹp và dốc và buồn nản và sợ hãi nhưng mọi người đều đi trên đó.

Anh không cô độc nhưng tương quan với mọi vật quanh mình.

9

CON CHUỘT BẠCH

*M*ùng tám tháng Chạp là ngày Phật Giác Ngộ, sự giác ngộ mà Ngài đã tuyên bố dưới cây Bồ-đề. Đã có người đánh dấu ngày này. Tôi thích gặp ông ta. Có lẽ là một vị tăng gầy đét, dốt viết chì trên tai và một xấp giấy ghi note có kẻ hàng dưới cánh tay.

Tất cả thiền sinh làm lễ mừng ngày Thành Đạo và tất cả các thiền viện đều biết tuần lễ Rohatsu, bảy ngày trước ngày lễ. Và bây giờ là ngày cuối, ngày thứ bảy. Tôi cảm thấy chỗ ngồi dễ chịu hơn, những phiền phức gần như qua đi. Hai lần tôi bị đuổi ra khỏi phòng nửa tiếng vì tôi đã nhúc nhích. Một lần tôi đã bị cảnh cáo vì đã rề rà phía sau.

Vào giờ ăn, chúng tôi ăn trong nhà Peter, được quy định theo tiếng chuông của jikki - giám thiền. Chúng tôi xếp hàng như ngỗng, đi đến nhà, ngồi xuống theo tiếng chuông, ăn theo tiếng chuông, rửa chén theo tiếng chuông. Và rồi trở về thiền đường, giám thiền

dẫn đầu. Tôi đã tìm cách đi cuối hàng. Tôi không thích lối hành quân này và khi ở cuối hàng, tôi có thể điều chỉnh tốc độ bước. Nhưng hành động của tôi bị để ý. Tôi bị kết tội không sốt sắng và đúng thế. Rồi thì tôi đã sửa sai. Từ đó tôi đi với những người khác, chạy với những người khác. Chúng tôi sống chung với nhau và tôi đã tuân thủ kỷ luật.

Tuy nhiên, tận đáy lòng, tôi đã phản kháng một cách yếu ớt. Tôi đã dự khóa tu, một lần ở Nhật và bây giờ lần nữa ở Mỹ, để gặp điều huyền nhiệm, mặt đối mặt. Thiên nhân đối với tôi hình như tự do, giống như những bài thơ của Hàn Sơn - Thập Đắc, hai con người nhỏ bé, hài hước cười vang trong rừng hoang, đang khắc thơ trên cây và đá. Tôi tự hỏi những người thích Hàn Sơn và bạn ông là Thập Đắc, sẽ nghĩ gì về những bữa ăn được điều hành bằng tiếng chuông của người giám thiên.

Cả người Nhật lẫn người Mỹ đều nổi tiếng về kỷ luật sắt, họ vẫy cờ và mặc đồng phục. Người Hà Lan có lẽ khác; những anh hùng của chúng tôi, nếu có, là những tên cướp biển có râu với một bông tai, bắt họ vâng lệnh rất mất thì giờ. Họ sẽ thảo luận về nó với một chai rượu táo trên bàn, và rồi có thể, họ sẽ làm việc nào đó hoàn toàn khác. Khi quân Đức tràn vào xứ sở chúng tôi, người Hà Lan phản ứng bằng sự khước từ và cuối cùng phản công. Ngay cả những đảng viên Đảng Quốc Xã, tham gia SS cũng đã được đối xử khác và sẽ chỉ chiến đấu khi họ được phép có vài tự do cá nhân.

Nhưng sự đầu hàng của tôi đã có hiệu lực. Không ai làm phiền tôi trong những ngày cuối. Chạy mau về nhà, thư giãn những bắp chân và tội đang ngồi không đau đớn. Sự đau đớn được thay bằng kẻ thù cũ: hôn

trăm. Tôi rơi vào hôn trầm liên miên và phải chạy ra ngoài khi giải lao để lấy tuyết chà mặt.

Tôi tự hỏi sẽ ra sao nếu sự tu tập này kéo dài suốt đời. Mọi việc đã được hoàn thành trước trên mặt đất, và bây giờ phải có nhiều tu viện để các vị tăng ngồi mười tiếng mỗi ngày. Nhà thờ có soeur và linh mục sống tĩnh tâm suốt đời, khóa luôn cửa phòng, Phật giáo Tây Tạng và đạo Yoga có những ẩn sĩ tự nguyện, lui về sau những bức tường gạch, chỉ chừa một lỗ nhỏ để đưa thức ăn vào một lần trong ngày.

Trong thiền đường, tôi chú ý đến một ông già đầu hói ngay trong tầm nhìn của mình. Mọi chuyển động trong thiền đường bị hạn chế bởi nghi thức, nhưng dường như hoạt động của người này còn thu hẹp hơn những người khác. Bất cứ khi nào đến giờ rời phòng, ông ta cũng tụt khỏi chỗ ngồi với nhịp điệu của một con rối, ngay cả hơi thở của ông cũng có vẻ máy móc. Rồi ông ta mở cánh cửa đẩy của cái tủ dưới chỗ ngồi và lấy áo khoác của mình ra. Ông ta mặc nó vào nhưng cánh tay trái có gì không ổn và ông ta đã nhìn nó một cách cău kính, lắc tay áo, và cuối cùng dứt tay vào. Sự lặp lại trở nên đơn điệu và tôi biết chính xác cái gì xảy ra. Nhưng dù vậy tôi đã nhận thấy mình đang nôn nóng hỏi ông ta đang cố làm gì trong lúc này. Và, ngày này qua ngày khác, tôi phải nghĩ, “A! Dĩ nhiên, ông ta đang lấy áo khoác ra khỏi tủ”.

Nếu sự tu tập kéo dài bảy tuần thay vì bảy ngày, sự lặp lại vô tận này phải làm tôi thét lên. Bởi vì nó là đề tài làm tôi trở nên căng thẳng.

Căng thẳng trong thiền đường là bình thường. Ở Nhật, tôi có chứng kiến vài vị tăng, đặc biệt là những

người trẻ, không thể chịu đựng sự căng thẳng như thế nào. Bị khuấy động bởi một vị thầy và những trưởng lão, bị dồn một cách không thương tiếc để phá vỡ công án của họ, họ đã phản kháng, không chắc cần thiết để phản kháng. Tôi đã thấy một vị tăng, trên đường đến thiền đường, đã ôm chân bàn thờ không chịu đi tiếp như thế nào.

Vị thủ tọa đã hành động lập tức. Ông nhảy khỏi chỗ ngồi, mềm mại như một con báo, xông tới vị tăng. Dọc đường, ông chộp một kesaku - thiền bảng, dùng đánh thức những vị tăng trong giờ thiền, làm đòn bẩy đẩy tay vị tăng ra khỏi cột. Một trưởng lão khác giúp ông lôi người bạn trẻ đến phòng tham thiền. Ở đó, sau này tôi nghe kể, họ đẩy vị tăng xuống chiếu trước chỗ ngồi của vị thầy, và đợi ở hành lang xem cuộc tham vấn kết thúc ra sao.

Tôi bắt đầu nghĩ mình có thể hành động tương tự. Điều đặc biệt quấy rầy tôi là việc tôi đang làm trên hai công án cùng một lúc. Tôi được thầy cho một công án riêng, nhưng tôi đã chạy theo một cái khác.

Theo truyền thống, những thiền sư sẽ phát biểu những “teishos” - bài giảng ngắn mỗi ngày trong tuần tu Rohatsu. Peter đã chọn một công án đặc biệt cho những bài giảng này và chất vấn chúng tôi bảy lần với nó. Teishos được giảng trong nhà của ông, trong phòng khách rộng có thể chứa tất cả chúng tôi. Ông mặc pháp phục, quỳ đợi chúng tôi, sau cái bàn thấp có một cuốn sách mỏng bên trên, cuốn sách tôi nhớ là từ chùa của ông ở Nhật. Cuốn sách gồm những công án nổi tiếng được tuyển chọn, ghi niên hiệu tương đương thời Trung cổ. Chúng tôi đến trong im lặng, quỳ đối

diện với ông. Ông nhìn quanh phòng, hít thật sâu và đọc bài ông chọn. Công án hơi dài:

Một thiền sư già bệnh. Ông nằm liệt giường mấy ngày và một vị tăng đến thăm. Vị tăng hỏi thăm sức khỏe. Thiền sư trả lời, sẽ lạ lùng nếu xác ông không được đưa đến nghĩa địa trong vòng ba ngày.

Vị tăng làm thinh, nhưng thiền sư ngồi dậy và nói:

“Nguyệt Diện Phật, Nhật Diện Phật.”

Câu truyện được chép lại, và một thiền sư sau này đã phê bình như sau:

“Rất mới, rất mới. Nhưng quá tử tế. Lão sư ấy muốn làm những việc quá dễ dàng cho đệ tử. Ông ấy làm ta nhớ đến bà bảo mẫu.”

Công án này tấn công tập thể chúng tôi, dồn cục với nhau trong căn phòng ngột ngạt. Chúng tôi nhìn vị thầy đang khép mắt. Những nếp nhăn hằn sâu trên mặt, không một thớ thịt nào nhúc nhích trên thân ông.

“Nguyệt Diện Phật. Nhật Diện Phật.” Tôi phải làm gì với một câu như thế?

Nhưng công án bắt đầu hấp dẫn tôi. Cô gái đối diện với tôi trong thiền đường có một khuôn trăng đầy đặn. Tượng Phật nhỏ trên kệ sách ở nhà của tôi có khuôn mặt như mặt trăng. Tôi bắt đầu nghĩ những khuôn mặt đó là cái quan trọng tột bậc. Tôi phải tìm ra ý nghĩa của nó.

Chính mặt trăng đã đẩy giúp tôi đến lẽ của sự sáng suốt. Mỗi đêm, nó nằm trên bầu trời, tròn trịa, lơ lửng trong khoảng trống mênh mông. Tôi tưởng tượng rằng có thể nghe tiếng trăng, lạnh lạnh, ma quái đang

chọc thủng khung cảnh lặng lẽ. Nó chạm vào xương tôi khi tôi bách bộ xuyên qua thế giới trắng bạc.

Peter bình luận về công án. Ông kể sự kiện là Nguyệt Diện Phật chỉ sống một ngày một đêm, còn Nhật Diện Phật sống đến 1800 năm. Có lẽ mục đích của công án phải thực hành với Thời gian. Nhưng tôi không muốn nhắm vào đó, tôi có công án riêng cho mình để mang theo đến thiên đường năm lần một ngày.

Một tối, tôi dừng bước trên đường về nhà Rupert và dựa vào một thân cây. Tôi có mặt trắng đầy trên mặt. Tôi đã tìm được câu trả lời cho công án và tôi không muốn chấp nhận nó. Nó đưa tôi xa hơn tôi đã chuẩn bị để đi. Tôi lắc đầu và cười một mình. Tôi sẽ phải đi xa hơn nữa. Vị lão sư đã đúng khi nói với tôi trong giấc mơ:

- Cái ngã của anh sẽ tan tành, đến khi không còn gì cả.

Tôi đã đặt mình vào cái gì chứ?

Tôi thực sự nghĩ đến việc bỏ đi. Tôi có thể đi bộ đến cửa tiệm gần nhất và gọi taxi. Tôi chắc có thể bắt chuyến bay ngay tối đó. Nhưng tôi đổi ý và trở về phòng.

Tôi nghĩ nụ cười của đức Phật đã cứu tôi. Đức Phật, lúc kết thúc nỗ lực dài của Ngài, đã mỉm cười.

Cha tôi có lần đưa tôi đến viện Bảo Tàng ở Rotterdam. Tôi khoảng sáu, bảy tuổi. Đó là lần đầu tiên tôi thấy tượng Phật. Ngài cười.

- Tại sao ông ấy cười hả bố?

Cha tôi vò tóc tôi.

- Tại sao vậy bố?

- Có lẽ ngày nào con sẽ tìm ra.

Tôi vẫn muốn tìm ra.

Ngày thứ bảy cuối cùng. Theo truyền thống, tuần Rohatsu được kết thúc bằng một buổi tiệc. Rupert không chuẩn bị gì cho buổi tiệc này, vì thế tôi cho rằng chúng tôi sẽ được mời ra ngoài. Chúng tôi trông chờ tiếng lắc chuông cuối cùng. Nó sẽ bật dần, chúng tôi sẽ ở lại trên chỗ ngồi vài phút nữa và chờ người giám thiền rời thiền đường và rời, lúc cuối, chúng tôi xếp hàng rời khỏi theo thứ tự. Nhưng bên ngoài chúng tôi sẽ được tự do, tự do cười đùa và vỗ vai nhau, rồi sẽ đến đầu đó ăn nhậu.

Thời kỳ cuối đã đến và tôi đã gắng hết sức không phí phạm. Tiếng người giám thiền vang lên quấy rầy tôi. Rupert nói:

- Tối nay sẽ không có tiệc tùng. Peter muốn chúng ta tiếp tục im lặng đến sáng mai. Mọi người được chờ nơi mộ của tiên sư lúc 9 giờ sáng. Sau đó sẽ có buổi tiểu thực chung.

Anh ta ho. Tôi đợi phần tin còn lại nhưng sự im lặng đã trở lại thiền đường. Edgar, người cạnh tôi, thổi râu mép.

Tôi nghĩ:

- Ngày tốt lành! Không tiệc! Khủng khiếp!

Nhưng khi làn sóng thất vọng trôi qua, tôi đã cười toe. Không tiệc. Thì đã sao? Thực sự tôi không cần có tiệc. Có những thú vị khác để nghĩ đến. Tuần Rohatsu đã qua và tôi có thể nhấp một hớp cà phê, loại cà phê đậm đà ngon và dễ chịu của tôi với sữa đặc. Và sau đó trùm mền ngủ một mạch đến sáng hôm sau.

Tôi sẽ không dậy trước tám giờ. Và sau bữa điếm tâm, tôi sẽ ra ngoài, đi vào rừng hay ra bãi biển. Tôi có thể ngắm những con sam và cho chim giẻ cùi xanh ăn. Và tôi đã có một lương tâm tốt. Tôi đã làm hết sức mình, nó có thể được tốt hơn, dĩ nhiên, tuy vậy lần này tôi đã thực sự cố gắng.

Tôi đoán rằng chúng tôi đã mất năm phút, và tập trung trở lại.

Sự sột soạt quen thuộc của chiếc kymono lụa của Peter đã đem tôi về lại thiên đường. Ông đã mở tuần tu, thì bây giờ ông bế mạc nó. Tôi lắng nghe, chắc chắn ông sẽ chọn những lời đúng đắn. Ông đến bàn thờ và xoay vòng đến trước mặt chúng tôi:

- Tôi muốn nói với các bạn chuyện một con chuột trắng nhỏ.

Một niềm hạnh phúc to lớn dấy lên trong tôi. Con chuột bạch. Ông có thể chọn một cái tựa tốt hơn không? Một con vật nhỏ bé tai dài sống trong một hộp gương và đào hang qua mặt cửa và tại cao trào của hoạt động, nó sẽ chạy trong một bánh xe làm bằng gỗ hộp xi-gà. Khi Peter nói con chuột bạch, tôi hiểu rằng những nghi ngờ về giới luật và sự tu tập chung mà tôi lệ thuộc không có thực thể. Sau cùng, tôi ở trong thế giới của Hàn Sơn và Thập Đắc, những người bạn nhỏ khùng điên đã chạy vào núi lạnh cách đây ngàn năm. Khi tôi đến Nhật, tôi đã làm xong những gì tôi phải làm.

Với tốc độ ánh sáng, một số cảnh tượng diễn ra trong tâm tôi, những dấu hiệu đầu tiên của giải thoát mà lần mạo hiểm này, cuối cùng đã mang đến. Tôi nhớ khi còn bé, tôi đã biết rằng sự kích thích - những sợ hãi

và lo lắng mà những người lớn trong môi trường gần gũi nhất của tôi đã theo - không có nền tảng thật sự như thế nào. Tôi biết nó trong những chớp lóe nhưng những người khác luôn thuyết phục tôi rằng tôi đã sai và lần nữa tôi cảm thấy tội lỗi hay sợ hãi, hay cả hai.

Bản tánh con người không thật kết nối với tội lỗi và sợ hãi mà với tự do. Tôi cũng biết rằng khám phá này không dính dáng gì với bất cứ tôn giáo đặc trưng nào, không cả với nụ cười của tượng Phật. Đức Phật đã khám phá những gì đã được biết trước Ngài từ lâu. Tôn giáo dựa trên kinh nghiệm của Ngài không dính dáng với tia chớp giải thoát bất ngờ mà tôi cảm thấy tối đờ trong thiền đường. Bây giờ tôi đã hiểu tại sao vị thầy ở chùa Kyoto đã từ chối lời thỉnh cầu trở thành Phật tử của tôi. Hạn chế mình để chấp nhận bất cứ tín điều nào một cách cuồng tín, làm chặn đứng con đường ra.

Tôi nhớ vị lão sư trong hơn hai mươi năm làm thầy, đã từ chối dùng từ Phật giáo hay thiền, và ông luôn mỉm cười ngạc nhiên như thế nào, khi một đệ tử đã nêu đức Phật để chứng minh một vấn đề.

Peter lặp lại:

- Một con chuột bạch nhỏ. Ở Nhật, một con chuột bạch là một điềm lành, anh may mắn lớn. Nó là dấu chỉ của sức khỏe, nhiều tiền bạc và thành công.

“Một hôm hai cha con đang ăn chiều trong căn nhà nhỏ. Đứa con nói:

- Cha! Bây giờ đừng nhìn quanh đột ngột, vì phía sau cha, chúng ta có một khách tí hon, sẽ đem may mắn đến cho mình.

Người cha cẩn thận ngó qua vai, ông thấy một con chuột bạch nhỏ.

Hai cha con mỉm cười. Họ im lặng quan sát con chuột, đang chạy lui chạy tới trên những chiếu gạo.

Nhưng rồi con chuột rùng mình và trong chớp mắt, trở thành một con chuột xám bình thường. Một con chuột xám đã bất ngờ rơi vào hũ bột.”

Peter nhìn chúng tôi, từng người một.

- Đừng giống con chuột bạch nhỏ đó. Đã có một tuần nhọc nhằn, một tu tập khó khăn. Nếu bây giờ các bạn lắc mình, các bạn sẽ xám như khi mới bắt đầu Rohatsu. Hãy canh chừng nó, và giữ màu trắng. Ngày nào đó, các bạn sẽ trắng thật sự.

Ông cúi mình và rời thiền đường. Rupert rung chuông lần cuối.

Có lẽ bây giờ anh đã ngộ. Kinh nghiệm lớn nhất mà những quyển sách thiền nói đến.

Anh đã kinh nghiệm vấn đề gì một cách chính xác?

Dĩ nhiên là không.

Không có vấn đề gì.

Ngộ cũng không có vấn đề.

Hãy quên từ ngữ.

Hãy sống như anh chưa bao giờ nghe nó.

10

NGUYỆT DIỆN PHẬT

Tảng đá lớn che ngôi mộ của Lão sư trông hoàn toàn chống lại những cây linh sam sau lưng nó.

Trời trong, hầu như không có gió. Tôi đứng một mình nhìn chăm vào tảng đá, nghĩ về vị lão sư, khi tôi gặp ông lần cuối, rất tươi tắn trong chiếc kymono xám úi trắng mới toanh, yên lặng và mạnh mẽ.

Peter đã đào một chỗ thích đáng. Tảng đá biểu hiện sự mộc mạc và tĩnh mịch, và những cây linh sam hoàn hảo, gợi tôi nhớ đến màu sắc của những vườn thiền, nhiều xám và nhiều xanh.

Tôi đến một mình, sớm mười phút. Tôi muốn ở một mình với vị lão sư Nhật, người đã có lần chấp nhận tôi vào tông phái và giáo pháp của ông. Nhưng tôi không chỉ đứng một mình gần tảng đá. Rupert đứng cách đó 20 bộ, tay chấp sau lưng. Và sau lưng mình, tôi cảm thấy sự hiện diện của Edgar, người đệ tử mập khó hiểu, người phì phò qua bộ ria hải mã và nói “A, tốt!” cuối mỗi thời thiền. Cả hai đều không biết lão sư nhưng họ cũng có thể gần ông như tôi, hay xa cách.

Một đệ tử khác đến, cao ráo, khoảng ba mươi tuổi, trông như thể anh ta được lắp ráp một cách vội vã. Anh ta phải mua quần áo trong cửa hàng buôn bán quân phục phế thải và anh ta đội một cái mũ Castro có tai bịt. Trước đây, tôi đã thấy anh ta với bộ râu dê dài và mỏng nhưng tôi chưa hề nói chuyện với anh ta. Anh ta ngừng cách một khoảng, đối diện với ngôi mộ, và bất động. Bốn chúng tôi có ít nhất năm phút bên nhau, rồi những người khác đến và từ từ lấp đầy khoảng không gian trống trong rừng.

Người đàn ông cao ráo trong bộ quân phục hấp dẫn tôi, trông anh quen như thể chúng tôi đã cùng học một trường và tôi định sau này sẽ liên lạc với anh. Tôi cảm thấy rằng một cuộc gặp gỡ sẽ có thể rất có lợi, có thể làm sáng tỏ vài bí ẩn. Những bí ẩn, tôi chán nản nghĩ, quá nhiều bí ẩn. Anh đang dần thân qua chúng và tôi cũng thế. Anh bối rối nhìn, như tôi phải nhìn những người khác. Và chúng tôi chưa có chung vẻ ngạo mạn, vì chắc anh đã phải quyết tâm như tôi để đạt đến bờ kia. Tôi dùng tư tưởng tại chữ ngạo mạn. Có lẽ tôi đã tìm ra manh mối. Cố gắng để đạt điều gì, bất kể là gì, là thái độ ích kỷ. Cố gắng là chiếm đoạt. Có lẽ tôi không nên chiếm đoạt.

Vị lão sư đã kể cho tôi chuyện về người đàn ông dưới cây táo. Thoạt tiên anh ta hái táo và thỉnh thoảng mới hái được một trái, nhưng chúng nhỏ và bị nát trong tay anh ta. Rồi anh ta đổi thái độ. Anh ta chỉ đứng dưới cây, thôi không nhảy lên nữa. Anh ta chỉ giơ tay lên và khi những trái táo chín, nó rụng xuống tay anh ta. Có nhiều táo đến nỗi anh ta không biết làm gì với chúng và đem cho chúng đi.

Tôi nghĩ, vậy thì tôi phải đợi, giống như ở đây tôi đang chờ đợi trong tuyết. Và trong khi chờ, tôi có thể gắng hết sức mình.

Phật giáo cho biết khả năng có nhiều kiếp sống, một biển thời gian ảo tưởng. Bất cứ cái gì tôi muốn sẽ đến khi nó muốn đến. Toàn bộ điều tôi phải làm là có mặt ở đó khi nó đến. Và rồi tôi có thể cho nó đi.

Đúng thế, tôi nghĩ. Rất thú vị. Nhưng trong khi đó có sự thúc giục của những công án. Khi tôi qua được một công án sẽ có một cái khác. Một sự cung cấp vô tận những bí ẩn. Tất cả được giải quyết tại chỗ. Peter không tán thành những đệ tử lang thang chờ đợi một cách kiên nhẫn.

Tôi gặp lại vị lão sư. Đối diện với ông, quỳ trên chiếu trước chỗ ông ngồi. Là một người nhỏ bé, đôi mắt ông ngang tầm với đôi mắt tôi. Chúng tôi cách nhau không quá ba bộ. Một lần nữa, tôi không biết câu trả lời công án và ông sắp rung cái chuông nhỏ để báo hiệu cuộc tham vấn kết thúc. Liều lĩnh, tôi chặn tay ông.

Tôi nói bằng tiếng Nhật, chậm và dờ:

- Làm sao mà có thể, chúng ta lại cách xa như thế? Con ở đây cách thầy ba bước. Nhưng thầy vượt khỏi con. Con không hề nghĩ làm sao có thể với tới thầy được!

Ông im lặng ngắm tôi. Hai mắt đen láy, lấp lánh dưới đôi mày rậm. Lão sư nói:

- Anh ở nơi tôi ở. Và đó là nơi anh luôn có mặt. Anh đã biết những gì anh muốn biết và anh ở chỗ anh muốn ở. Không có khác nhau giữa chúng ta. Anh là một vị Phật. Tôi là một vị Phật.

Ông lắc chuông và tôi cúi lạy. Khi trở lại thiền đường, tôi biết ông đứng, nhưng khoảng cách vẫn còn đó. Tôi có Phật tánh, không có gì nghi ngờ, và không chỉ mình tôi mà tất cả mọi người và mọi vật. Lá cỏ bên đường, thú vật, côn trùng, và tất cả chúng sanh chết hay sống, trong toàn vũ trụ. Những tâm hồn xấu, những kẻ hung bạo trong trại tập trung, những kẻ bóc lột, những quan tòa thối nát, những tướng lãnh đốt phá xóm làng, tất cả đều có Phật tánh. Một sự thật đẹp đẽ mà tôi có thể hiểu bằng trực giác. Nhưng hiểu biết thì không đủ. Tôi phải bắc cầu nối thầy và tôi. Tôi sẽ phải làm nó trong một cú nhảy liều mạng. Và lối duy nhất tôi có thể làm là sự từ bỏ.

Tôi lạnh. Bây giờ tất cả chúng tôi đều ở đó. Người đàn ông đầu hói lớn tuổi đến trên một cái cáng, ông đã trật chân vào sáng cuối của tuần tu, và Edgar đưa ông đi nhà thương. Ông đau không tệ hại lắm nhưng không thể bước đi trong vài tuần. Hai chàng trai mạnh hơn khiêng cáng và đặt xuống nhẹ nhàng, gần tảng đá. Chúng tôi im lặng đợi Peter. Không có gì làm, tôi bắt đầu tập trung vào công án. Lối luyện tập này không bao giờ buồn chán, luôn luôn có gì đó để làm.

Ở Hà Lan, một vị tăng Tây Tạng giấy tờ lồi thối đang đối mặt với sự bắt bớ và tù tội, đã cười với tôi khi tôi lo lắng cho ông ta. Ông nói:

- Đừng lo, trong tù tôi có thể thiền định.

May mà ông không ở tù, cảnh sát biên phòng đã cho ông một hộ chiếu.

Tôi nhớ lại Peter ở Kyoto. Ông mời tôi đi xi-nê với ông, cái phim tưởng là một phim về thiên nhiên nhưng ông đã lầm, và chúng tôi coi những tên găng-tơ

bắt cóc gái đẹp. Ông muốn ra về, nhưng khi thấy tôi có vẻ thích thú, ông ở lại. Sau một lúc, tôi thấy ông đang thiền định, ông ngồi kiết già trên chỗ ngồi chật hẹp khó chịu. Ông cũng sẽ làm thế nếu ông chờ cắt tóc.

Thật lặng lẽ cạnh ngôi mộ. Thịnh thoảng ai đó ho. Một bà tôi thấy ở thiền đường, đem theo hai đứa bé, trai năm tuổi và gái ba tuổi. Chúng đứng cạnh tôi và bồn chồn.

Một tiếng rảng rắc nhịp nhàng báo hiệu Peter đến. Ông mặc kimono lụa có những sợi dây nối với cái đai trắng to của dòng Thiền. Ba đệ tử trẻ đi theo ông. Người thứ nhất đem một bó nhang, người thứ hai một bình trà, người thứ ba một tách trà trên khay có hoa văn.

Tôi nhăn mặt. Sự tiếp cận nghi thức tôn giáo này cũng nằm ngoài phạm vi của tôi. Tôi thường tin những nghi lễ là vô dụng. Những Cổ đức Trung Hoa, những kỳ nhân sống trong hang núi với vài đệ tử chẳng hề lể lạc. Tôi nhún vai. Ai cần? Nếu Peter muốn một nghi lễ tôi sẽ tham dự.

Và có lẽ tôi sẽ thích nó. Phân tâm học phải cho tôi biết tại sao tôi không thích những nghi lễ. Có lẽ một vài thương tổn khi giao thiệp trong những bữa tiệc Giáng Sinh và lễ Santa Claus ở Hà Lan. Nghi lễ này phải rất tốt, có mục đích. Nó là dấu chỉ của sự tôn kính và tôi thì chắc chắn tôn kính Lão sư. Nhờ ông mà đạo tràng này được thành lập. Lão sư đã trao truyền tuệ giác của ông. Ông có thể đem tuệ giác của mình vào núi và sống một mình, hạnh phúc, như những thánh nhân khác đã làm và ngọn lửa sẽ tắt với thân ông. Nhưng lão sư đã chọn giới luật phiền hà của đời sống tu viện,

nơi phải gặp gỡ đệ tử, từng người một, rất sớm trong buổi sáng. Ông đã giúp họ bằng nhiều lời, hướng dẫn và khích lệ họ khi họ nghĩ mình bị dính mắc; chụp và đánh họ khi họ lằm đường. Ông giữ vững điều này đến chết. Và Peter là một trong những người được ông dạy dỗ, người mà bây giờ đang quỳ tại tảng đá và thấp cây nhang đầu tiên cắm lên tuyệt.

Peter mời chúng tôi làm theo ông. Đến lượt tôi, tôi thấp nhang bằng bật lửa của mình. Tôi cúi lạy trên tuyệt, lùi lại quỳ và cắm nhang. Nghi lễ không tốn nhiều thì giờ, mọi người đều tham dự trừ hai đứa bé.

Peter gọi chúng. Đứa bé gái núp dưới áo của mẹ, nhưng đứa bé trai, sau một chút do dự đã đến phía trước. Peter thấp nhang đưa nó.

Đứa bé nửa muốn nửa không. Không có khác biệt nhiều giữa trẻ con và người lớn. Những cảm nhận giống nhau sống trong cả hai. Một đứa bé biết, thường rất ý thức, rằng nó bước trên một hành tinh rất lạ lùng, rằng tạm thời nó đang đối phó với những nhân vật kỳ lạ nào đó, rằng những điều kỳ diệu che giấu một mục đích và rằng nó phải khám phá mục đích. Một người lớn ngừng sự tìm kiếm dễ dàng, một đứa bé thì không. Nhưng một đứa bé bị giữ lại bởi người lớn chung quanh nó, những người quyết định đời sống của nó và chống lại nó như một thói quen.

Tôi vui vì Peter đã không ép cô bé dự lễ.

Đứa bé trai muốn tham dự, nó nhận nhang và đang quay que nhang, không chắc phải làm gì với nó. Peter không giúp gì cả. Thành linh đứa bé chấn chỉnh tâm trí, nó nhún vai phải, vung cánh tay, bước đến tảng đá, cúi lạy với tấm thân nhỏ bé. Tôi thấy nhang chạm

và làm phồng tay nó. Đứa bé nhăn mặt nhưng không la lên.

Khi nó trở về bên người mẹ, nó đi ngang qua Peter. Peter vỗ đầu nó, đứa bé hét căng thẳng và mỉm cười. Cuộc lễ bắt đầu với nụ cười của đứa bé trai.

Tôi có vài phiền muộn đeo đẳng. Tôi muốn rời bỏ thánh địa, đi qua cầu và nhảy múa tung tăng. Không cần thiết phải thêm gì nữa. Tôi đã im lặng trọn một tuần và sống với những cái bóng thay vì loài người. Người đầu tiên tôi gặp bên kia cầu là anh chàng với bộ râu dê. Chúng tôi ôm nhau.

Anh ta nói “Được, được”. Sự ân cần của tôi bị Edgar bắt gặp, anh ta đắm vào vai tôi.

Anh ta nói: - Có một điều thuốc.

Về sau, khi máy bay bắt đầu hạ cánh cuối cùng xuống phi trường Amsterdam, tôi nhớ lại người đàn ông với bộ râu dê. Tôi không gặp lại anh và đã quên mất anh. Có lẽ anh chỉ tham dự tuần tu, có thể anh là một đệ tử bên ngoài của Peter, sống ở những nơi khác của Mỹ, anh có thể chỉ xoay xở để thăm đạo tràng một vài tuần đúng thời điểm. Có lẽ anh đã đáp máy bay về nhà ngay sau cuộc lễ. Và có lẽ người đàn ông với bộ râu dê không hề tồn tại. Nhưng tôi biết anh ta một cách sâu sắc.

Tôi lưỡng lự khi bước vào phòng khách của Peter. Năm lần một ngày, suốt bảy ngày, tôi đã quỳ tại đó chuẩn bị tham thiền. Từ phòng đó tôi đã nhảy xô vào vị thầy. Căn phòng đối với tôi dường như đáng sợ, màu xanh của tấm thảm bằng đay là một màu xanh tối tăm, phủ những bức tường vây bọc cái tôi nhỏ bé và

ngay cả chiếc dương cầm cánh đầy bụi, xuất hiện như một con quỷ mà những nốt là những cái răng.

Nhưng bây giờ phòng đã thay đổi. Cái lò sưởi luôn luôn trông rỗng bây giờ chứa một ngọn lửa dễ chịu kêu lách tách, và mỗi góc có những cây nến mập mập đang cháy, đứng trong những chai xanh đồ sộ. Peter, người dẫn đường đến những bí mật to lớn, vị thầy lẫm liệt, biểu lộ từ bên trên và tuyệt đối, đã trở thành một người vui vẻ, ngồi trên nền nhà sau một đĩa bánh kẹp dày và một ly trên tay. Tôi cũng được trao một ly và Edgar rót đầy vào từ một chai khổng lồ. Tôi nếm nước cam, hồng ánh với vốt-ka. Tôi ngum một hóp lớn. Sau cái chai, tôi thấy Edgar nhẩn mặt.

Ông ta hỏi:

- Cái gì thế?

Tôi nói:

- Nó đó.

Tôi nhìn lại mình. Cô gái mặt tròn ngồi cạnh tôi, Nguyệt Diện Phật từ kệ sách của tôi, tôi bảo cô rằng tôi có cô trong nhà mình, trên kệ sách, nhưng cô không biết tôi nói gì. Tôi phải giải thích, đó là điều đáng tiếc. Tôi không muốn giải thích gì cả. Tôi cũng cố gắng giải thích điều đó, đó là một sự đáng tiếc khác.

May mắn là cô ta không lắng nghe. Cô ấy đang nói với tôi cô đã đến đạo tràng như thế nào. Tôi thích thế. Tôi không để ý nghe chút nào. Trong khi đó, tôi ăn những miếng bánh nhỏ kẹp thịt dăm-bông và uống thêm nước cam từ cái chai mà Edgar giữ chặt.

Cô gái hỏi tôi đã dùng ma túy chưa. Tôi phải thừa nhận tôi không dùng. Có lẽ tôi nên có nhưng không

có cơ hội. Những người hip-pi làm việc trong xưởng chúng tôi trong mùa hè, thường giới thiệu về ma túy và cố gắng nói với tôi về những hiệu quả của nó. Tôi không hiểu họ. Họ nói về những cây trong suốt, những ảo thanh và những hành trình trong tiềm thức. Một hip-pi Anh, đầu đính với hàm râu to lớn đã nói rằng mọi người nên có kinh nghiệm về ma túy, ít nhất một lần. Nhưng dường như tôi đã bỏ lỡ sự mạo hiểm đa dạng này. Tôi phải thử ma túy nếu người chỉ dẫn đáng tin cậy sẽ xưng phong làm như tôi. Những người hip-pi không gây nhiều tin tưởng.

Vì thế tôi nói tôi chưa bao giờ dùng nó.

Cô gái nói:

- Tôi có.

Tôi chờ nhưng cô không nói tiếp. Tôi lịch sự hỏi:

- Thế à?

Cô chỉ cho tôi cườm tay của cô. Hai tay đều có vết sẹo như nhau. Không phải vết dao cạo. Tôi hỏi:

- Dao cắt bánh mì?

Cô gái nói:

- Lưỡi lê. Của em trai tôi. Của Trung quốc, nó mang từ Việt Nam về. Tôi lấy trộm và mài bén. Tôi thường để dưới gối và thực sự không đủ can đảm để dùng.

Tôi hỏi một cách ngu ngốc:

- Cô đã phải sử dụng nó à?

- Vâng, tôi đã sử dụng nó.

Tôi nhìn lại vết sẹo. Cái bên trái rộng hơn bên phải. Hiển nhiên cô ta quen tay phải.

- Tôi cứ nó vào ngày cuối tuần. Tôi tưởng có một mình nhưng vài người khác tình cờ đến theo. Tôi tỉnh dậy ở nhà thương.

Ly của cô đã cạn và tôi rót của tôi cho cô.

- Và rồi cô đến đây?

- Nửa năm sau. Họ bỏ tôi trong dưỡng trí viện một lúc.

Khá nguy hiểm, tôi nghĩ.

Nguyệt Diện Phật. Một hình ảnh của hòa bình và sức mạnh. Suốt một tuần cô ta ngồi đối diện với tôi và tôi không bao giờ thấy cô nhúc nhích hay đổi thế.

Rupert đã tham dự vào. Tôi hỏi:

- Anh cũng có những vết sẹo chứ?

- Không ở trên cổ tay.

Tôi uống thêm một chút nước cam. Rupert nói:

- Anh không đến đây nếu anh không có vết sẹo nào. Anh phải liều mạng để bắt đầu tìm kiếm đường ra. Phật giáo không phải dành cho người thỏa mãn.

Cô gái nói:

- Phật giáo, tôi không quan tâm chút nào đến Phật giáo. Tôi theo đạo Cơ-đốc, nhưng Cơ-đốc cũng không hấp dẫn tôi. Chúng đều là những danh từ. Những hội anh có thể theo. Tại đại học, tôi là một hội viên. Nó kinh khủng đến nỗi tôi phải cứa “ven” của tôi bằng lưỡi lê.

Cô thúc cùi chỏ vào tôi.

- Anh có biết tôi đang nói về điều gì không?

Tôi nói:

- Tôi cho là thế.

- Tốt! Vậy hãy nói cho anh ta.

Tôi nói:

- Rupert! Tôi nghĩ rằng tôi biết cô gái này đang nói về điều gì.

Rupert nói:

- Tuyệt!

Anh ta vỗ túi áo tôi và tìm gói thuốc. Tôi mời xì-gà cho anh ta. Rupert đưa nó qua lại dưới mũi tôi.

- Vậy thì anh và cô này nói chuyện gì?

Cô gái đặt tay lên tay tôi. Tôi nói:

- Phật giáo là tầm phào. Nếu chúng ta ở đây để thực hành Phật pháp, bây giờ chúng ta cũng có thể từ bỏ nó.

Rupert nói:

- Bây giờ tôi biết những gì không nên làm, hãy nói tôi nên làm gì?

Cô gái nói:

- Anh biết rất rõ.

Và, rất có thể, anh ta đã biết.

Tôi bỏ đi lang thang. Tôi toại nguyện. Tuần lễ đã trôi qua. Đây là một buổi tiệc. Tôi cảm thấy thoát hẳn những gì có thể làm phiền tôi. Một tinh thần hóa thân tạm thời trên một trái banh nhỏ trong không gian vô lượng. Một tinh thần vô tâm. Một tinh thần vô tâm thì không có gì để mất.

Tôi trở về phòng, đến gần Peter, đang ngồi một mình ở một góc. Edgar vừa rót đầy ly ông lần nữa. Ông mỉm cười với tôi và tôi cười lại.

Peter hỏi:

- Anh đã sẵn sàng?

Tôi quá thoải mái chả nghi ngờ gì. Tôi nói:

- Đương nhiên, sẵn sàng về cái gì?

Ông lắc đầu.

Một lần nữa anh mắc bẫy.

*Không biết bao lần anh tìm thấy chính anh
bị đo ván. Không khả năng tự vệ.*

Trò chơi này thắng anh mọi góc.

Nhưng anh tiếp tục thử nó.

Anh trườn với chân anh.

*Có lẽ thời điểm sẽ đến khi anh không thể
bị mắc bẫy nữa.*

Nó sẽ dễ chịu.

*Nhưng mất một thời gian dài, nhiều cố
gắng.*

*Đó là một thời điểm xa xôi, xa cả không
gian lẫn thời gian.*

*Trong khi đó anh tiếp tục ngã lộn nhào. Và
đứng dậy.*

Và khi anh có thể, anh tiến lên.

11

NÚI MERU

*D*òng nước cam vẫn còn đầy. Tôi lên vào nhà bếp để thấy nơi nó phát xuất. Edgar đang đổ vốt-ka vào chai của anh ta. Anh ta giống một tên trộm vặt.

Tôi thấy một két đầy chai vốt-ka và dăm ba bình bốn ga-lông nước cam. Edgar nói:

- Đừng lo.
- Tôi không lo.
- Vậy lấy đá giùm tôi.

Tôi hỏi:

- Đây là gì? Bài tập khác hả?
- Có thể.

Edgar nói, và tiếp tục đổ.

- Có thể Peter tổ chức những tiệc này. Có lẽ ông muốn thử chúng ta. Vài người trong ấy gần như chuenh choáng. Hãy lắng nghe!

Tôi lắng nghe.

- Họ đang nói chuyện âm ĩ, anh để ý không?

- Ừ!

- Và có lẽ nói nhiều hơn họ nên nói. Lúc gần kết thúc bữa tiệc, ông lôi cuốn một vòng quanh ông. Ông quây họ lên một chút, và họ nói. Họ nói những chuyện buồn cười, về những gì đã xảy ra trong tuần tu. Người giám thiền nhảy vào họ thế nào. Họ hôn trầm ra sao. Về những ảo giác họ có. Tất cả nghe có vẻ buồn cười khi anh uống vốt-ka. Nhưng họ đã kinh hãi khi ở trong thiền đường. Anh có kinh hãi không?

Anh ta rót vào ly tôi và nói:

- Anh thấy không? Anh uống và nói về những gì đã xảy ra trong ấy và anh thoải mái.

- Tôi không nói gì cả.

Anh ta cười.

- Anh không bị bắt buộc.

Tôi uống ly nước và Edgar trở lại phòng. Đã đến lúc về nhà. Tôi đã đủ rồi.

Tôi thấy Rupert tại nhà, ngủ ngon trong túi ngủ, khóa kín dây kéo. Tôi mở một chút cho có không khí. Một con mắt dữ tợn nhìn tôi.

- Đi ngay!

Rupert nói, nhưng rồi đổi ý và ngồi dậy.

- Anh đã uống nhiều phải không?

- Tạm tạm.

- Hừm! Anh không lú lờ. Anh phải là người điều độ, vừa chừng. Tôi đã uống và bỏ đi. Tiếc một chút, tôi đang hạnh phúc.

- Vậy sao anh không ở lại?

- Ông thầy ở đó, và tôi không muốn mình thành một thằng hề, nếu tôi không nhận được nó. Ông đã chộp được tôi một lần như thế.

Tôi hiểu kỳ hỏi:

- Ông có nói đùa với anh không?

- Không dính dáng tới anh.

Rupert nói và rồi sau một lúc, cười khúc khích. Tôi lặp lại:

- Ông có nói đùa với anh không?

- Không. Ông chộp tôi. Bị chộp thì chả có gì buồn cười. Tôi đang cười chuyện khác. Tôi nói cho anh nhé?

Tôi ngạc nhiên, không giống Rupert đã nói chuyện với tôi. Có lẽ rượu đã làm anh ta mềm mỏng hay có lẽ anh ta vui vì không còn làm giám thiên nữa.

Rupert nói:

- Được rồi! Cho tôi một điều thuốc và tôi sẽ nói cho nghe. Pha trà nữa!

Khi chúng tôi đã ngồi xuống, anh ta lại rúc rích cười.

- Anh không biết dân ở đây vì vậy anh không biết cái gì xảy ra. Tôi sẽ phải giải thích tất cả cho anh. Anh có thấy anh chàng trung niên hỏi đầu không?

- Người trật mắt cá chân?

- Đúng. Tôi có thể nói anh ta rất cứng rắn, rất bướng bỉnh. Anh ta là, hay đã là, một người Do Thái chính thống và quyết tâm trên con đường của mình. Anh ta là một đại tín đồ làm việc nghiêm chỉnh. Anh ta

tự cất một nhà gỗ gọn ghẽ và khi làm xong, Peter gửi một người đến ở trọ, một hip-pi trẻ. Cách đây một năm, anh này lang thang và bây giờ thì không bỏ đi nữa. Anh ta rất sáng sủa, lanh lợi và rất cầu thả.

Tôi cười. Rupert nói:

- Đúng. Đó là lý do Peter đẩy anh ta đến nhà ông bạn già. Để lay chuyển ông ta.

- Và họ thành công?

- Chàng hip-pi thành công với bất cứ ai. Anh ta không cần anh thấy. Anh ta thật sự không cần. Anh ta ngồi cũng tốt vì anh ta không cần. Đau nhức không thành vấn đề. Anh ta làm ở trang trại, làm bất cứ gì Peter bảo. Có thể anh ta cố gắng trên công án của mình. Và nếu ông già đập anh ta, anh ta cười toe. Anh ta không có ý chọc tức ông già, nhưng anh ta không thể lúc nào cũng làm ông già hài lòng được.

- Và anh ta không cần cái gì?

- Không gì cả.

- Tiếp đi!

Rupert nói:

- Đừng hỏi tôi! Tôi kể chuyện không hay lắm. Nhưng đây là những gì vừa mới xảy ra. Peter khuyến khích chúng tôi nói và chú ý chờ anh chàng hip-pi, vì vậy cuối cùng anh ta nói ra. Anh ta kể thời gian anh ta sống với ông già trong tuần tu. Giờ giải lao, anh nói và cười trong nhà gỗ, ông già phản đối.

Tôi nói:

- Ông ấy đúng.

- Dĩ nhiên ông ta đúng. Và chàng hip-pi nhượng

bộ. Hấn ngưng nói. Nhưng có chuyện quấy rầy hấn. Mấy cô gái làm việc trong nhà bếp hai giờ một ngày, để giúp Peter sửa soạn thức ăn cho chúng tôi. Họ phải lo đúng giờ và bỏ vài thời thien. Nhưng khi chàng hip-pi đi ngang qua bếp một ngày mấy lần, hấn luôn luôn nghe tiếng kéo cắt của một cô.

- Cắt?

- Ừ! Tiếng cắt. Anh biết, cắt với kéo. Dĩ nhiên chàng hip-pi biết là không được làm hỏng sự tập trung nhưng tiếng cắt này đánh động thần kinh của hấn. Cô ta cắt mọi lúc, dường như mọi ngày, khi hấn đi ngang qua bếp. Vì thế một hôm lúc đi qua cửa sổ, hấn nhảy lên và nhìn vào.

- Sao?

- Và hấn thấy cô ta đang cắt trái cây gì tím tím.

- Trái cây?

- Phải, và trời đang giữa mùa đông. Vì thế hấn không biết là loại trái gì. Khi về nhà trong giờ giải lao, ngồi yên lặng trong căn nhà của ông già, hấn bắt đầu nói về nó và hỏi ông già xem cô gái có thể cắt cái gì?

Tôi nói:

- Ha!

- Và ông già rất bực mình. Tuần tu Rohatsu là một tuần thien định và những tuần thien định được gọi là tiếp tâm trong sự tu. Vì vậy ông già hỏi chàng hip-pi có biết tiếp tâm là gì không. Và chàng ta nói:

- Dĩ nhiên, tiếp tâm là tập trung tâm ý.

Ông già nói:

- Được rồi! Vậy thì im ngay cái chuyện cắt của anh đi! Tôi không muốn nghe. Tôi muốn tập trung.

Tôi cười lịch sự, nghĩ là xong chuyện rồi. Rupert nói:

- Không, không! Đợi đã! Vì bây giờ ông già lại quan tâm tới tiếng cắt. Ông ta cũng nghe nó, nhưng có nhiều âm thanh buồn cười ở đây và chúng ta không nghĩ về chúng. Chỉ có chàng hip-pi bận tâm, ông già cũng bắt đầu bận tâm và bắt đầu làm bầm về tiếng cắt. Một hôm ông ta nói ông nghĩ cô gái đang cắt những quả cà nhỏ vì cà là trái cây màu tím duy nhất mà ông ta biết. Chàng hip-pi cười vì phần đất này không có cà và chắc chắn là không có giữa mùa Đông. Thế rồi ngày cuối tuần tu, ông già vội vã đến căn nhà, cũng vào giờ giải lao, chàng hip-pi đã ở đó và đang khuấy cà phê. Ông la lên:

- Nay! Tôi biết nó là cái gì rồi. NHỮNG TRÁI VẢ. Cô ta cắt trái vả để bỏ vào bánh của chúng ta mỗi ngày cho thơm. NHỮNG TRÁI VẢ!

Tôi cười, Rupert cười và chúng tôi ôm bụng ngã lăn ra. Tôi bị chuột rút.

Rupert dụi mắt, nói:

- Được rồi, ngủ chút nữa đi! Tôi phải khử hết hơi rượu này.

Tôi hỏi trước khi rơi vào giấc ngủ:

- Ông ta vì vậy mà trật chân phải không? Chạy mau về nhà để gào to NHỮNG TRÁI VẢ!

- Không.

Tiếng Rupert từ trong túi ngủ vang ra:

- Điều đó xảy ra sau. Ông ta trượt trên đường đến thiên đường, chúng ta sẽ rải tro lên tất cả băng, hôm nay tôi sẽ làm.

Tôi thức dậy vì có ai đó lay tôi. Tôi mơ màng, đang trò chuyện với vài vị tăng Trung Hoa tôi đã gặp trong mộng, và họ đang gợi ý về câu trả lời công án của tôi, mỉm cười và ra điệu bộ có ý gì đó. Rupert cũng xuất hiện và mẹ tôi đang cắt vá. Tôi không muốn thức giấc. Giấc mơ buồn cười và tôi thấy như ở nhà.

- Này!

Đó là tiếng Peter.

- Vâng.

Ông đang ngồi xồm gần đầu tôi.

- Tôi sẽ trở lại trong vòng một tiếng, tôi muốn anh ra ngoài với tôi. Hay hơn nữa, anh đến tôi. Tôi đợi anh trong xe đậu trước nhà.

- Chúng ta đi đâu?

- Anh sẽ thấy. Mặc sơ-mi, cà-vạt và rửa mặt. Anh cũng cần cạo râu.

- Dĩ nhiên, dĩ nhiên.

Ông đứng lên và đi ra.

Rupert đang ngồi gần lò sưởi đọc nhật ký.

- Sự dãi ngộ đặc biệt, hả?

- Ông không có lần đem anh ra ngoài sao?

Rupert cười:

- Thường, đừng bận tâm. Tôi không ganh tị nhưng ở đây có nhiều người ganh tị. Mọi người muốn là đệ tử thân tín.

Tôi ngồi dậy, bắt đầu tìm quần áo và cán dao cạo.

- Anh đã bao giờ là đệ tử thân tín chưa?

Rupert nói:

- Rồi! Khoảng mười năm trước ông mất nhiều thì giờ với tôi. Tôi tập trở thành thị giả riêng của ông. Ông đem tôi đi mọi nơi. Mỗi tối tôi còn xoa bóp cho ông.

Tôi thất cà-vạt và nói:

- Thị giả cho thiền sư.

- Dĩ nhiên. Đó là sự đào tạo đầy nhiệt huyết. Rất hết lòng. Khi ông chấm dứt, tôi mất một thời gian mới tiêu hóa nổi.

- Ông có bỏ anh thành linh không?

Rupert nói:

- Vâng, một hôm ông ngừng. Một người khác được chọn. Nhưng ông vẫn thỉnh thoảng đem tôi ra ngoài. Chúng tôi đi chợ, hay có ai sẽ mời chúng tôi một bữa ăn ngon trong một tiệm sang trọng, hay chúng tôi phải lái đi xa.

Tôi đến đúng giờ. Peter đang gõ ngón tay trên vô-lăng xe.

Mười phút sau, xe chạy dọc theo đường biển, tại mỗi khúc quanh, tôi thấy một vịnh mới hay một doi đất nhô ra vùng biển xám đầy sóng gió. Có lẽ ngày nào đó tôi sẽ có cơ hội mua một chiếc thuyền, và dong buồm từ một trong những vịnh này, đi đến Hà Lan rồi quay trở lại. Tôi nói ý tưởng này với Peter.

- Tôi sẽ thực hiện khi tôi già. Sẽ tốt hơn là ngồi trong viện dưỡng lão ở Amsterdam. Có thể tôi thường trượt chân khỏi mạn thuyền khi tôi bệnh. Đó là một cái chết đẹp.

Peter hỏi:

- Già chừng nào?

- Tám mươi.

Ông không bình luận. Tôi nói:

- Ông có thể đến với tôi. Ông sẽ tám mươi lăm.

Ông lau bầu một cách vui vẻ. Ý tưởng ấy có vẻ lôi cuốn ông. Ông thích du lịch, có lẽ ở đây ông cảm thấy gò bó, bị đê tử vây quanh trong một khu rừng.

Xưa, đây là xứ của dân da đỏ. Mặt trời xuống thấp và rọi sáng những tảng đá quanh chúng tôi. Những dân da đỏ đã bỏ đi và bây giờ chung quanh chẳng còn ai. Chúng tôi thấy vài túp lều gỗ và những ngôi nhà, vài cái rất lớn, những lâu đài thì đúng hơn, nhưng chúng đều bị khóa. Peter nói:

- Những ngôi nhà để nghỉ hè. Chúng ta có vài người ở đây vào mùa hè, nhưng không nhiều lắm. Họ thích về miền Nam hơn.

Rõ ràng ông không thích nói chuyện và chúng tôi lái xe trong im lặng. Sau một lúc tôi hỏi xem chúng tôi đi đâu. Ông không trả lời và tôi thúc tay ông:

- Chúng ta đi đâu, Peter?

Ông quay lại và nhìn như không biết tôi là ai.

- Cái gì?

Tôi hỏi lại. Ông càu nhàu một mình:

- Họ muốn biết mọi thứ. Chúng ta đi đâu? Chúng ta từ đâu đến? Anh có thể hỏi kiểu đó suốt cả đời.

Tôi nhún vai và nhìn phong cảnh. Một lát sau, cuối cùng ông trả lời:

- Chúng ta đi gặp vài người bạn của tôi. Một nhà buôn đồ cổ về hưu, rất giàu. Ông ta sống ở đây với vợ.

Ông chỉ ngôi nhà trệt lớn trên đỉnh đồi và rẽ vào con đường đất. Ba chiếc xe đang đậu lề đường. Hè nhà chiếu sáng bởi những ngọn đèn trang trí và chủ nhân - một vị đẹp lão, tóc trắng dày, phủ xuống tai - ra đón chúng tôi.

Peter giới thiệu chúng tôi. Bà chủ đang đợi ở hành lang và đưa chúng tôi vào phòng khách. Bà trẻ hơn chồng, mặc chiếc váy nhung đẹp dài phết đất. Tôi nghĩ trước đây mình đã thấy chiếc váy này trong một tạp chí đắt tiền. Bài báo kèm những bức ảnh với tựa: “Thời trang lơ đãng”.

Tôi lấp bắp vài câu lịch sự. Tôi bắt tay. Một nhà quý phái tóc quăn hoa râu ngắn được giới thiệu là nhà văn. Bà chủ đã nghe tôi cũng là một nhà văn. Hai nhà văn bắt tay. Một trùng hợp ngẫu nhiên làm sao! Một vị khác làm phim. Cũng một nghệ sĩ. Một trùng hợp khác. Tôi có một ly Martini và một xì-gà nhỏ. Sau những xả giao lịch sự, những người khách trở lại câu chuyện của họ và tôi nhìn quanh. Tôi thấy những bức ảnh được đóng khung trưng bày trên chiếc dương cầm lớn. Đều là hình chủ nhà. Trong vài bức ảnh ông ta chụp chung với những người nổi tiếng. Tôi nhận ra một nữ hoàng, một ngôi sao điện ảnh và một soạn giả. Tôi được một ly rượu khác và để nó lên kệ sách. Tôi xem những bức tranh, đồ đạc và những tấm thảm. Ngôi nhà có vị trí tốt, những cửa sổ hiện ra một khung cảnh tráng lệ của bờ biển.

Những người khác kéo tôi vào chuyện của họ, một cuộc chuyện trò thú vị, thân tình và phớt qua những vấn đề vô hại. Có người hỏi tôi tại sao ở Mỹ. Tôi chỉ Peter:

- Tôi thăm Peter, bạn tôi.

Người khách quý phải nhìn Peter. Ông ta trầm giọng nói:

- Vâng, vâng. Bạn anh là một thiền sư, tôi tin thế?

Tôi gật đầu.

- Và anh cũng là một Phật tử Thiên?

- Vâng.

Tại sao không? Nếu tôi phải là gì đó thì tôi sẽ là một Phật tử Thiên. Tôi vui mừng vì Peter không nghe. Giống như vị lão sư, ông không bao giờ nói ra lời. Có nhiều lời ông không dùng. Tôi chỉ nghe ông chửi thề một lần ở Nhật, khi một nữ phóng viên Mỹ, đã gọi ông lần thứ ba trong một ngày để thử và hẹn một cuộc phỏng vấn.

- Cút!

Ông nói và gác máy, nhưng hai lần đầu ông lịch sự.

Người quý phái là một nhà văn mà tôi đã được giới thiệu, nhìn ly rượu và xì-gà của tôi nhưng không nói gì.

Bữa ăn tối đã dọn, bàn được bố trí đẹp. Thức ăn thơm ngon và rượu tuyệt vời. Tôi ngồi cạnh bà chủ, gần cái bếp chiếm một phần phòng. Bà không có người làm. Tôi giúp bà phục vụ khách. Tôi dọn thức ăn ra đĩa, rót rượu và thử đoán những gì khách muốn, vì thế họ sẽ không có yêu cầu. Đó là mẹo của những tiếp viên hàng không Trung Hoa, vì mới nên tại trò chơi, vài lần tôi mắc phải sai lầm ngớ ngẩn.

Tôi phụ rửa chén đĩa. Bà chủ nói:

- Anh rất tốt bụng.

- Tôi bụng tốt mà.

- Anh học ở đâu mà biết giúp đỡ người như thế?

- Peter. Peter dạy tôi.

Tôi hoàn toàn không hiểu chúng tôi đang làm gì ở đó. Câu chuyện tiếp tục sau bữa ăn. Chúng tôi uống rượu và nói chuyện đứng đắn. Tôi cho là mình hiểu Peter đủ để biết ông không tin tưởng cuộc nói chuyện xã giao, nhưng ở đó ông vui vẻ tán gẫu về tại sao ông thích chiếc xe VW hơn nghĩ đến những xe nhỏ khác, về sự liên kết giữa bang này với New York, và về những côn trùng nhỏ là mối đe dọa trong mùa hè và người ta có thể làm gì với chúng (hầu hết không có gì). Một người khách bị chất vấn về sức khỏe của một người quen chung, hiển nhiên có người vừa thăm ông ta.

- Ông ta vẫn còn rất tệ.

Peter hỏi:

- Ông ta bệnh gì?

- Một bệnh ngoài da. Da ông ta có vảy như cá, việc gì đó để làm với tuổi già. Nó rất đau đớn và ngứa ngáy.

Bà chủ lắc đầu. Bà gieo mình trên ghế sô-pha, làm thành một bức tranh duyên dáng, màu áo tương phản với da bọc ghế thật đẹp. Bà nói:

- Kinh khủng! Con đường bắt đầu đến đoạn cuối của nó. Ông ấy trên tám mươi, dù sao ông ấy cũng phải chết, bây giờ ông cũng phải chịu đựng cơn đau ngứa.

Chồng bà ho, đề tài không vui lắm. Một sự yên lặng xảy ra và tôi nghĩ mình cũng phải nói cái gì đó. Tôi nói:

- Ông ấy chết với sự ngửa ngáy. Một nửa dân số trên thế giới không đủ ăn. Kỹ nghệ lớn nhất mà chúng ta biết là chế tạo vũ khí và đạn dược. Một phần trăm dân Mỹ nghiện rượu hay ma túy. Ở Âu Châu tỷ lệ phần trăm thấp hơn nhưng đuổi kịp nhanh chóng. Ở Nam Mỹ thuốc phòng bệnh chưa hợp pháp, dân số tăng nhanh đến nỗi người đói mỗi ngày một nhiều hơn.

Ông chủ lại ho. Ông đứng. Nhưng trong lúc đó một ông già đang phiền não vì đau ngửa và phải dùng thuốc, thuốc ngủ, thuốc an thần, những viên thuốc chống lại sự nhức nhối vô tận chỉ để được sống. Bà chủ nói:

- Đây là một hành tinh bất ổn. Anh muốn làm bất cứ gì ở đây cũng vô vọng. Một cá nhân có thể thoát khỏi đau khổ nhưng những người khác sẽ tiếp tục cảm thấy đau đớn, trong một hình thể hay nhiều thêm nữa. Có lẽ người thành công đau khổ hơn những người khác, thấy người khác đau khổ là một nỗi đau tế nhị, nhưng những nỗi đau tế nhị có thể rất hiệu quả.

Bà nhìn Peter, hỏi:

- Anh theo Phật giáo phải không?

Peter không trả lời. Bà chủ nói:

- Tôi không biết nhiều về Phật giáo, nhưng ý nghĩ có nhiều kiếp sống hơn an ủi tôi. Có lẽ ngày nào đó, chúng ta có thể tạo được điều lành để sống trên một hành tinh khác. Có lẽ có nhiều hành tinh không có đau đớn, nơi mà chúng ta có thể suy nghĩ, tạo tác và hưởng thụ mà không phải ăn năn. Vũ trụ quá mênh mênh, phải có những nơi tốt hơn trái banh nhỏ bé đáng nguyên rửa này. Tôi nghĩ rằng tôi xứng đáng với cuộc sống ở đây và thật đại đột nếu phàn nàn, vì tôi sẽ không

ở đây nếu tôi đã không có ở đây, nhưng tôi cảm thấy tin rằng sẽ có một kết thúc cho lối sống này, phải có một lối tốt hơn.

Mọi người nhìn Peter. Ông đang hồn nhiên khuấy cà-phê. Nhà văn hỏi:

- Anh nghĩ gì về nó?

Peter nói:

- Sao đi xa thế? Tại sao không có một lối sống tốt đẹp ở đây, trên trái đất?

Tôi nghĩ: A ha! Ông đang nói về “ngay bây giờ”. Chỉ ngay bây giờ chúng ta có thể làm việc, nếu chúng ta làm điều tốt nhất, tỉnh thức và biết mình ở đâu, mình đang cố gắng làm gì.

Peter nói:

- Một nơi trên Hy-mã-lạp-son, có một ngọn núi cao tên Meru. Ngọn núi khó tìm và những nhà thám hiểm đã bỏ qua nó. Sương mù che phủ cao nguyên và đường như sơn dân được che chở bởi sự can thiệp của thiên nhiên. Nhưng ngọn núi tồn tại, và có người sống ở đó. Những người rất lạ lùng. Họ là con người, họ có thân thể như chúng ta, nhưng hình dáng họ hoàn hảo. Họ lớn lên rất nhanh và trở thành người lớn, nhưng không bao giờ thấy họ già hơn hai mươi lăm, ba mươi tuổi. Đàn bà rất hấp dẫn và đàn ông đều là lực sĩ, chân dài, ngực nở, hông hẹp. Họ không phải làm việc. Ngọn núi phủ đầy cây ăn trái và những bụi cây cung cấp quả chín và hạt. Họ không chủ trương ăn thịt và không bao giờ nấu nướng, họ uống ngay những dòng nước trong.

Tôi quan sát mọi người trong phòng. Mọi người dường như bị thôi miên bởi giọng nói thấp và hầu như mê hoặc của Peter.

- Nhưng điều tuyệt vời nhất về những người dân này là họ biết bay. Họ có những đôi cánh mạnh mẽ, to lớn, gồm những xương mềm dẻo nhẹ nhàng và những màng da mỏng mềm mại. Chỉ một cái nhún chân nhẹ là họ bay bổng, lướt đi, nếu họ vận sức một chút, họ vút lên cao.

Bà chủ nói:

- Ô! Tuyệt vời làm sao!

Bà nhảy xuống ghế, dang tay ra và nhảy một cách nhẹ nhàng quanh phòng.

- Anh mô tả hay quá. Tôi cảm thấy tôi đã ở trên ngọn núi. Và đó là tương lai của chúng ta chứ? Chúng ta có thể trở thành như thế, anh nghĩ sao?

Peter nói:

- Dĩ nhiên. Từ một côn trùng lên thú vật, từ thú vật đến con người, từ con người đến thiên thần. Tại sao không? Vòng tròn tiếp tục, vô tận, chúng ta luôn sanh trở lại, và luôn trong một hình thể khác.

Nhà văn tóc xám ngẩn chăm chú nghe. Ông ta hỏi:

- Thọ mạng của những thiên thần bao nhiêu?

Peter mỉm cười:

- Chính xác là bốn trăm chín năm. Rồi họ chết. Và ba năm trước khi chết, họ mất sức để lướt và bay vút lên. Đời sống họ dài và tuổi già đến rất chậm, nhưng một ngày nào đó, họ nhảy lên và rớt xuống. Màng da giữa những xương cánh bắt đầu mục ra.

Tôi cười. Bà chủ nhìn tôi. Thái độ lịch sự của buổi tối bị quên trong phút chốc. Tôi thấy khuôn mặt sợ hãi của người đàn bà đứng tuổi, vẻ đẹp giảm từng

ngày, một người đàn bà đã thấy dấu hiệu đầu tiên của cái chết. Những vết nứt, cặp kính đeo mắt đầu tiên, những đốm nhỏ, mà tiếng Anh đã gọi một cách khéo léo là grave spot (dấu của ngôi mộ), đôi môi đã xuất hiện trên bàn tay. Bà đang đau khổ vì phong thấp. Bà hỏi:

- Anh cho điều đó là buồn cười sao? Những thiên thần mất cánh. Anh cho là buồn cười sao?

Tôi nói:

- Không, thưa bà. Tôi không cho là buồn cười.

- Vậy sao anh cười?

Tôi không biết trả lời sao. Nhà văn cứu tôi:

- Bạn chúng ta cười vì mọi việc có liên quan. Một thiên thần cũng sẽ phải chấm dứt cuộc sống. Những vị trời sẽ chết. Vũ trụ sẽ tan rã ngày nào đó. Cái gì có sanh thì có diệt.

Ông ta nhìn tôi:

- Phải không?

Tôi gật đầu, rất an tâm. Tôi thật sự không muốn bà chủ bực mình.

- Và có thật là đức Phật chỉ ra con đường cắt đứt vòng luân hồi? Thoát khỏi thời gian? Và không gian?

Bây giờ ông ta nhắm vào Peter.

Peter đứng lên. Ông cảm ơn hai vợ chồng chủ nhà về lời mời và về buổi tối thú vị. Chúng tôi lấy áo khoác và khăn quàng. Vài phút sau, chúng tôi ra xe về.

- Anh xuống đây!

Peter bỏ tôi tại con đường về nhà Rupert.

- Ngủ ngon để ngày mai có vài việc phải làm. Tuần tiếp tâm kế vẫn còn vài ngày nghỉ và chúng ta phải dùng thì giờ của mình.

Tôi không ngủ và ngắm đèn xe sau mờ dần giữa hàng cây.

- Hello!

Một tiếng nói làm tôi nhảy dựng.

Tiếng cười và tôi nhận ra người đàn ông thành linh lách mình khỏi những bụi cây bên cạnh. Một dáng người cao ráo mà tôi đã thấy trong thiền đường. Anh ta nói:

- Tôi đi dạo. Nếu anh không định đi ngủ, anh có thể đến uống với tôi. Tôi sống ở nhà bên. Tôi tin anh đã dùng nước nhà tôi.

Tôi định đi ngủ nhưng đổi chương trình. Tôi đã muốn gặp người này, người hàng xóm kỳ diệu, luôn luôn đi vắng khi tôi xách xô nước của Rupert vào bếp anh ta.

- Dĩ nhiên rồi!

Tôi nói và bắt tay anh ta. Anh ta tự giới thiệu là Simon, cái họ có âm Do Thái. Anh ta giống một người Do Thái trẻ tôi đã gặp ở Israel, những người lính không rời cây súng máy ngắn và ở nhà trong phố cũng nhiều như ở sa mạc. Tôi hỏi:

- Anh là người Do Thái phải không?

- Không, nhưng tôi mong như thế. Tôi ở đó mấy năm nhưng không ổn định được cuộc sống.

Tôi thành linh hỏi:

- Có người Ả Rập ở đây không?

Anh ta cười vang và vỗ vai tôi.

- Có một, thực đây. Cha mẹ anh ta ở Syria.

Trong vài phút lò lửa đã bùng lên. Tôi ngồi gần những cây củi cháy và anh ta đưa tôi vài tấm đệm thêu. Anh ta nói:

- Nó rất tiện, nằm xuống, duỗi ra. Chúng ta ngồi thẳng nhiều đến nỗi quên mất mặt khác của cuộc đời. Cuộc sống trong nhà này có thể rất thích thú nếu tôi có thì giờ thưởng thức nó. Có vài món này.

Anh ta rót đầy ly rượu cho tôi. Đó là một loại rượu ngọt. Tôi không thích vị này nhưng rượu mạnh đến nỗi cái vị không thành vấn đề nữa.

Tôi khó mà theo dõi câu chuyện lan man của Simon. Anh ta nuốt chữ và dùng những thành ngữ tôi chưa hề nghe, nhưng tôi ráng theo để biết tổng quát những gì anh ta nói. Anh ta là một công nhân bến tàu và vẫn còn làm khi cần tiền. Anh ta dường như đã ở khắp nơi. Ấn độ. Persia. Tích Lan.

- Như một công nhân bến tàu?

Không như một công nhân bến tàu. Anh ta rót đầy ly tôi lần nữa. Rượu gừng do cha mẹ anh ta làm tại nhà trong một trang trại nhỏ cách đây ngàn dặm.

Anh ta đi du lịch đến những nơi này để tìm một Guru, đạo sư.

- Anh tìm ra chứ?

Simon nói:

- Anh tìm cái gì anh đang mong đợi. Nhưng tôi không bao giờ vạch rõ xem tôi đang mong gì.

- Nhưng anh tìm gì?

- Tôi tìm Swami-ji. Một người đồng hành mạnh mẽ thẳng thắn, to lớn với cái đầu trọc. Ông ta là Thánh. Mọi người bảo ông ta là thánh, đó là lý do ông ta được gọi là Swami-ji, anh theo kịp chứ?

- Và người bạn to lớn mạnh mẽ này làm gì?

Simon cười:

- Cái gì ông ta không làm?

Tôi cảm thấy rất thoải mái, dựa lưng vào tường gạch, lửa ấm áp dễ chịu. Anh ta mở nhạc và tôi đang nghe một điệu blue chậm được ép ra một cách cẩn thận từ chiếc kèn trompet trầm lặng của một nhạc sĩ da đen và được hỗ trợ bởi một tiếng xào xạc thì thầm và thỉnh thoảng một tiếng gõ khô khốc trên trống nhỏ. Tôi nói:

- Chúng ta nên có vài cô gái nhảy ở đây.

Simon nói:

- Tôi không biết anh đến. Có nhiều cô quanh đây và vài cô nhảy rất khá. Bây giờ có lẽ họ đi dự tiệc đâu đó rồi. Chúng tôi đã có vài bữa tiệc hay ở đây, khá cuồng nhiệt, nhưng tối nay tôi không thích nó.

Tôi nói:

- Đáng lẽ tôi không nên có ý kiến. Tôi không nói một bữa tiệc phóng túng. Tôi nghĩ về khiêu vũ, một chuyển động chậm rãi dễ thương, với tiếng kèn và trống giữ nét quyến rũ của người nhảy. Một cuộc khiêu vũ vô tận và tôi có thể ngồi bên ngọn lửa mà ngắm. Nhưng không cần giải thích tôi nghĩ gì. Tôi muốn nghe về Swami-ji.

Mặt Simon biến đổi. Anh ta thư thái, trông tử tế

và già dặn, trưởng thành hơn. Anh ta đang dùng những từ mà bây giờ tôi có thể hiểu.

- Cái gì ông ta không làm? Tôi gặp ông ta trong một đường hẹp. Ông ta đang ngồi trong một quán ăn nhỏ và nhìn vào tôi, kéo tôi về phía ông ta. Ông ta có năng lực nhiệm màu nào đó, ảnh hưởng người khác rất dễ dàng. Nghe có vẻ giống như những chuyện anh đọc, ông thầy kéo đệ tử về phía mình. Tôi cảm thấy vui. Tôi đã tìm ra ông ta và đó cũng là chỗ đúng đắn. Chúng tôi gặp nhau trong một thành phố gần sông Hằng, trên mảnh đất rất thánh.

- Và ông ta là một vị thầy chứ?

- À!

Simon nói và khơi lửa:

- Ông hành động chắc chắn giống một vị thầy. Mỗi chủ nhật ông thọ nhận theo nghi thức. Những bà già đến gặp ông và những quý bà trung niên, thỉnh thoảng có những bà rất giàu. Họ đem quà và tiền cho ông ta và cười khúc khích. “Swami-ji, Swami-ji”. Nhà đại tiên tri được cho là giác ngộ. Rất đáng kính. Ông ta biết gây ấn tượng với mọi người như thế nào, đặc biệt là đàn bà. Và rồi chúng tôi đi đến những nhà thương. Tôi đi cùng ông ta khắp mọi nơi, mang túi xách cho ông ta. Tôi là đệ tử đầu tiên của ông ấy.

Tôi có thể tưởng tượng ra được. Simon sẽ là một đệ tử nổi bật với bộ râu đen ngắn và thái độ nhà binh thẳng tắp.

- Anh làm gì trong mấy cái nhà thương?

- Thăm những người bệnh nghèo. Ông ta tặng họ những bó hoa nhỏ. Tôi phải làm nó cho ông ta. Tôi

phải hái hoa, hết ngày này qua ngày nọ để chuẩn bị cho một cuộc thăm viếng như thế. Tôi phải làm mọi thứ theo lệnh ông ta. Nếu tôi dễ bảo, tôi cũng sẽ thành Thánh.

Anh ta ngừng chuyện và thỉnh linh có vẻ dữ dội.

- Phi thường, phải không? Nhưng tôi đã làm thế. Tôi hái hoa và làm những bó hoa nhỏ dễ thương. Cả ngàn bó. Và ông ta cầm chúng đi khắp nơi. Ông ta cũng khích lệ người bệnh. Bất cứ khi nào gặp những người rất nghèo này, vài người gần chết đến nỗi anh có thể thấy họ trôi tuột đi, ông ta bước đến họ, vỗ vai và la lên:

- Được hạnh phúc!

Ông ta có một giọng khùng khiếp khi la lên, người bệnh ngừng rên rỉ. Ông ta thực sự làm họ hoảng sợ. Nhưng khi chúng tôi rời khỏi, họ lại rên rỉ tiếp. Không có thuốc men cho người nghèo ở Ấn Độ.

- Và ông ta làm gì khác?

- Ông ta lái xe. Một trong những cái xe nhỏ buồn cười chế tạo tại Ấn Độ. Ông ta lái nhanh hết sức mình và bóp còi inh ỏi. Ông ta là tài xế tồi nhất mà tôi gặp, nhưng cảnh sát không hề làm phiền hà ông ta. Ông ta là một vị Thánh.

- Hừm!

Simon nói:

- Đúng thế! Tôi nên thấy ngay lập tức, nhưng đã mất một thời gian dài. Tôi muốn ông ta là thánh, anh biết chứ? Nhưng một hôm ông ta đâm vào mặt tôi và tôi thoi vào bụng ông ấy. Tôi đánh ông ta gục xuống và

bỏ đi khi ông ta ngã lãn trên sàn nhà. Tôi không hề nhìn lại. Tôi đã thoi với một sức khá mạnh.

Tôi không nói gì. Người ta không nên đánh vị thánh. Đó là luật bất thành văn. Nếu anh đánh một vị thánh, cánh tay anh sẽ mọc trên mộ của mình.

- Rồi sao?

- Tôi trở về Mỹ và lại trở thành công nhân bến tàu. Đó là việc làm thú vị. Tôi thường lái một máy kéo đầy những chiếc xe nhỏ và tôi đạt được rất tốt cuộc đua mà không bao giờ đến bất cứ cái gì. Đó là một nghệ thuật. Một nửa thời gian chúng tôi ở trên đường đua, và tôi có thể lang thang quanh New York. Tôi đến tất cả những buổi giảng. Tôi không nghĩ có một người Hindu, Yoga, Sufi, Phật giáo, Thần học hay bất cứ người giảng về niềm tin kỳ quặc nào mà tôi đã không nghe.

Tôi nói:

- Nè! Đây là một đạo tràng của Phật tử.

- Vậy thì sao? Người nói về nó là những diễn giả. Tôi không muốn lắng mọ ai. Nếu họ trung chính, họ sẽ thừa nhận nó.

- Được rồi, được rồi. Tiếp đi!

- Rồi tôi đến đây. Tôi tìm thấy địa chỉ trong một tiệm sách. Vài người đang thảo luận những lối tu tập khác nhau và họ kể đến nơi này. Tôi có được ít tiền và tôi có thể ở lại một thời gian. Tôi ở đây từng chập trong nhiều năm. Khi tôi bỏ đi, Peter cho người khác ở nhà này. Họ sẽ dời đi khi tôi trở lại, hay họ ở lại nếu không có chỗ để đi. Tôi có thể ngủ trong giảng đường nếu bắt buộc.

- Và Peter là vị thánh anh tìm ra?

Anh ta phun vài ngụm rượu vào ngọn lửa. Tôi nhìn ngọn lửa bùng lên.

- Tôi không còn tìm thánh nhân nữa.

- Anh hoàn toàn ngưng việc tìm kiếm?

Simon nói:

- Tìm, tìm! Tôi không tìm. Tôi làm việc, đó là sự khác nhau. Tôi bước, từ chân này đến chân kia. Tôi ăn và tôi ngủ. Tôi giúp cất nhà. Tôi vắt sữa bò.

- Và anh ngồi thiền sáu giờ một ngày.

- Vâng, tôi thiền định. Nó làm chân tôi đau.



12

MỘT THẰNG NGỐC

Nơi đây giữ thời khóa y như những thiền viện Nhật. Sau lễ Phật Thành Đạo, có một ngày nghỉ gần như để chuẩn bị cho năm mới. Khoảng mùng 5 tháng Giêng, giờ tọa thiền và công tác được rút gọn, và tăng chúng lại ra đường để đi khát thực.

Peter đã sửa lại cho thích hợp với đạo tràng. Khất thực dứt khoát bị bãi bỏ. Luật Mỹ không cho phép và dù sao cũng không có nơi nào để xin. Không ai sống trong quãng đường đi bộ của khu cư trú và những đệ tử không thể nghĩ đến việc đi khất thực bằng xe hơi.

Khất thực chính nó là một sự tu tập. Tôi thường nghe vị lão sư nói về tinh thần chân thật của khất thực. Tôi không hiểu ông nói gì, nhưng cho rằng ông nói phẩm cách. Những vị tăng không bao giờ chặn người nào lại. Họ ôm bình bát bước đi. Nếu ai muốn cho gì, quà, gạo hay tiền, họ sẽ nhận và cảm ơn. Và nếu không có quà, tốt thôi, thì không có quà. Và trò chơi khất thực là trò chơi hai-chiều. Nó bao gồm cả người cho lẫn người nhận. Có lẽ vị thầy cho rằng cho-và-nhận là

sự liên kết hoàn hảo nhờ đó cái ngã bị phá vỡ và chấm dứt sự phân cách.

Tôi nhớ sự khát thực. Ở Nhật tôi không bao giờ được ra ngoài với những vị tăng, nhưng tôi đã ngắm họ mỗi lần họ rời cổng lớn.

Nhưng nếu không có khát thực, thì có những ngày nghỉ, một phần tu tập cần thiết khác, và những ngày nghỉ có thể được làm lễ kỷ niệm. Vậy thì tôi không có một tâm tòi khi thức dậy với cơn đau đầu.

Peter đang ngồi gần lò sưởi. Tôi chào ông, tiếng chào chào.

- Xin lỗi?

Peter hỏi. Tôi cố gắng lần nữa. Tôi ngồi dậy cẩn thận và chép môi vài lần. Tôi nói:

- Tôi bị khó chịu.

- Vì sao? Anh không có uống rượu khi tôi để anh trên đường tối qua chứ? Anh có dự tiệc sau đó không?

- Không chính xác là một tiệc. Tôi đến một người tên Simon và tôi uống với anh ta.

- Máy ly?

- Năm. Rượu gừng. Chà!

- Sao lại chà?

- Tôi không thích rượu gừng.

- Vậy tại sao anh lại uống?

- Tôi không biết. Nó làm tôi nhức đầu.

- Và?

- Tôi sẽ trị nó.

Tôi bận rộn một lúc. Tôi tìm aspirin và uống nó,

rửa mặt, ra ngoài và chà mặt với tuyết, cởi áo và chà ngực, vào trong và pha trà. Rất mau.

Tôi đưa tách trà cho Peter và ngồi một bên.

Peter nói:

- Tốt, tốt hơn tôi tưởng. Ở Nhật anh đã không chịu dậy và tôi phải kéo anh ra khỏi giường rồi đẩy anh vào phòng tắm. Nhớ chứ?

- Vâng.

Tôi không biết đúng hay không. Đã mười năm rồi. Con người ở Nhật của tôi đã chết. Thay đổi không nhất thiết là tiến bộ. Về mặt nào đó, tôi vẫn say mê những kẻ bụi đời của những thành phố lớn Âu Châu. Những người thất cơ lỡ vận, hoàn toàn dút lo lắng và từ chối không nêu tên vì những cái tên của họ không còn quan trọng nữa. Không có gì quan trọng. Họ đã dút đau khổ.

Tôi có thể gọi ông là thiền sư, dĩ nhiên. Nhưng tôi không bao giờ làm thế, dù tôi muốn đi nữa. Không ai làm như ông, tôi chưa gặp ai như thế. Vị thiền sư này may mắn có những đệ tử rất chân thật.

- Hôm nay chương trình anh là gì?

Tôi suy nghĩ rất mau. Tôi có thể làm nhiều việc. Tôi có thể giúp anh hàng xóm Simon chế củi. Tôi có thể đi ra bãi biển xem những con sam. Có một cuốn sách trong va-li, tôi muốn đọc gấp. Và hôm nay đúng ra là ngày dành đi dạo xa.

- Tôi không dự định gì hôm nay.

Và tôi đã tự hứa sẽ thiền định, ít nhất là một giờ.

Peter nói:

- Tốt! Uống hết trà đi và có một săng-wich. Anh có thể đem theo xe để ăn. Tôi muốn lái chiếc xe tải cũ một vòng, có vài miếng đất thuộc bất động sản của tôi mà tôi chưa hề thấy. Chúng ta cần ít gỗ cho hăng cua và tôi cần ít đất để trồng khoai tây. Mặc nhiều quần áo vào, trong xe lạnh đấy.

Ông tọa thiền trong khi tôi làm bánh mì và mặc thêm quần áo. Ông là người duy nhất làm thế, đột nhiên nhập định sâu khi ngưng hoạt động. Ngay cả những trưởng lão Nhật cũng không thiền định chỗ nào khác ngoài những thời thiền trong thiền đường.

Sẽ có một thời, tôi nghĩ trong khi đánh răng, thiền định thành một hoạt động phổ thông được chấp nhận.

- Cha đâu rồi?

- Cha đang ngồi thiền.

- Ô!

Cha đang thiền định. Ông thường làm thế. Những đứa trẻ cũng thiền định khi có cơ hội. Và mẹ. Và hàng xóm. Họ là những đệ tử của vị thầy, của mối quan hệ láng giềng. Sẽ có những lớp mới, những cấp bậc mới. Khi anh muốn là một thành viên trong chánh phủ, anh phải giải quyết một số công án nào đó; nếu không, tuệ giác của anh sẽ không đủ để có thể giúp cai trị xứ sở. Thủ tướng chính phủ là một người bạn già minh triết với cái đầu trọc. Ông ta không muốn gì cả. Ông không có tài sản trừ những gì cần cho cuộc sống đơn giản hằng ngày. Ông ta là một cao tăng luôn mặc một loại y phục. Càng cao, càng đơn giản hơn. Chỉ có thường dân là giàu, họ vẫn muốn có sở hữu. Dinh cơ càng gây ấn tượng thì vị trí của anh trong xã hội càng thấp.

Có lẽ thủ tướng là chủ nhân một biệt thự, nhưng nó là quà tặng của dân chúng. Ông sống ở đó để làm vui lòng dân, nhưng phòng ngủ của ông sẽ là một phòng trống trơn nhỏ bé, tường trắng, nệm thì mỏng và cứng. Ông sẽ dậy lúc ba giờ sáng và những cận sự sẽ thăm ông từng người một để tham thiền.

Đất nước sẽ rất giàu. Cầu, đường, chung cư, phi trường, hệ thống cấp nước và công viên sẽ có chất lượng cao nhất và được chăm sóc tốt. Thiên nhiên sẽ trở về với thiên nhiên và tràn đầy cuộc sống hoang dã, nhưng những thú hoang sẽ được thuần hóa.

Tôi bước ra ngoài. Peter đi theo. Chiếc xe tải cũ kỹ mà tôi đã thấy ở trang trại đang chờ sẵn trên đường. Peter cầm lái và ra hiệu cho tôi ngồi bên. Ông bắt đầu vặn khóa mở máy. Tôi nói:

- Đây là vật đầu tiên họ sẽ bỏ đi.

Peter hỏi:

- Cái gì?

- Chia khóa. Những chìa khóa hoàn toàn không cần thiết. Mỗi chìa là dấu hiệu của sự hãi. Chúng ta cần chìa khóa vì chúng ta không tin lẫn nhau. Ở Amsterdam, tôi mang nhiều chìa đến nỗi tôi không thể xâu chúng vào một dây xích, mà phải đến hai dây.

Peter ngạc nhiên:

- Gì thế?

- Nó không đúng.

Tôi giải thích cẩn thận và nói với ông về vị thủ tướng tiếp cận sự vào lúc ba giờ sáng mỗi ngày.

Peter chưa hết ngạc nhiên. Bây giờ tôi cũng ngạc nhiên:

- Nhưng ông không nghĩ tương lai sẽ giống như thế sao?

Ông ta nói với vẻ chế nhạo:

- Mộng hảo huyền! Anh không có gì để làm tốt hơn à?

Tôi cảm được cái lỗi mà con gái tôi có lẽ cảm thấy, khi tôi cố gắng dạy dỗ nó. Phản đối sẽ chẳng được gì nhưng dù sao tôi cũng muốn thử.

- Trong trường hợp đó Plato cũng phải mơ mộng hảo huyền. Trong The Republic, ông mô tả cõi lý tưởng. Những nhà cầm quyền là những ông già triết gia, thử nghiệm nhiều lối khác nhau. Họ xài một xu một tháng và có địa vị nhỏ bé. Họ cai trị không phải vì ham quyền lực, nhưng vì...

- Vì cái gì?

Tôi phải suy nghĩ.

- Bởi vì sự rèn luyện. Họ muốn phục vụ dân chúng. Họ muốn đạt được tuệ giác.

Ông cười tôi:

- Vớ vẩn!

- Plato không ngốc.

Peter nói:

- Không! Nhưng anh là một thằng ngốc.

Chúng tôi đang lái xe xuyên qua rừng. Chiếc xe tải nhỏ vấp vả giữa tuyết và băng. Peter đã gài số thấp nhất nhưng chỉ tiến được một chút. Thình thoảng bánh xe bắt đầu quay, nhưng rồi lại trượt lui. Sau nửa tiếng

đồng hồ, chúng tôi mới đến được một đồng bằng khá lớn.

Peter nói:

- Tôi chưa bao giờ ở đây. Tôi ngạc nhiên nếu cha tôi biết được miếng đất này khi ông mua bất động sản. Ông chỉ ở đây hai lần. Ông thích cái nhà ở thôn quê hơn.

- Ông muốn trồng trọt ở đất này?

- Vâng. Tôi nghĩ nó sẽ chịu khoai tây. Bây giờ chúng ta có đủ đất trồng rau củ, nhưng chúng ta có thể làm một vụ khoai tây tốt.

- Tôi nghiệp mảnh đất đẹp đẽ này.

Peter nhún vai:

- Rất nhiều đất. Hôm nay anh ở trong một tâm trạng rất duy tâm. Chúng ta đang sống ở đây và cần khoai tây. Chúng ta cần nhiều thức ăn và chúng ta cũng cần tiền nữa. Tôi có thể đem đến thành phố bán những số dư.

Tôi có một viễn cảnh về một trang trại to lớn có năng suất cao. Những xe máy cày, cày đất bằng những lưỡi cày máy to. Những vị tăng đồng phục, rất bận rộn trong những công tác khác nhau. Tăng thư ký. Tăng mậu dịch. Một bản quyết toán do một tăng kế toán và cận sự biên soạn. Một máy vi tính tóm tắt có hệ thống hàng dăm băng nhựa và chỉ định loại khoai tây tốt nhất để trồng khi nào và ở đâu. Và nếu anh có một máy vi tính anh cũng có thể sử dụng. Anh có thể nạp đầy đủ dữ kiện, và nó sẽ cho anh công án nào dùng cho vị tăng nào vào lúc nào một cách chính xác.

Tôi hỏi:

- Ông muốn khiến nơi này càng có năng suất cao càng tốt?

Peter nói:

- Tại sao không? Nếu chúng ta làm, chúng ta cũng có thể làm một cách thích đáng. Tất cả mọi người ở đây phải ăn. Những trẻ em cần đi học. Chúng ta cần tiền. Anh làm việc có hiệu quả phải không? Chắc chắn anh cố gắng bán những gì anh sản xuất với giá tốt nhất đến những khách hàng đáng tin cậy nhất chứ?

- Tôi cố gắng.

- Vậy sao?

Tôi lộ vẻ không vui.

Peter vỗ vai tôi.

- Hãy gắng hết sức mình và đừng bao giờ bận tâm kết quả. Nếu làm ra được gì thì rất tốt. Nếu không có gì, cũng rất tốt. Hay theo lối khác, anh có thể nói rằng tất cả sai bét và chẳng có gì tốt. Cả hai kết luận đều đúng. Anh có thể cười hoặc khóc, anh làm gì cũng chẳng thành vấn đề, nhưng riêng cá nhân tôi, tôi thích cười hơn. Và trong khi đó chúng ta tiếp tục làm hết sức mình, chẳng vì lý do gì cả. Đừng làm theo mục đích nào. Và tiếp tục đến khi chết, hay trở nên quá già. Rồi thì nghỉ ngơi. Anh có thể đau ốm. Anh có thể gặp tai nạn. Hay mọi thứ có thể xảy ra cho anh. Anh có thể khỏe mạnh, nổi tiếng và giàu có thẳng đến cuối đời. Bất cứ gì xảy ra đều hoàn toàn không quan trọng. Không mục đích.

Tôi nói:

- Một người có thể trở nên điên rồ.

Peter vui vẻ nói:

- Hoàn toàn có thể. Anh gắng hết sức mình và rồi một ngày anh điên lên.

Tôi vẫn không vui. Peter ngừng xe, tắt máy. Ông hỏi thuốc lá và ngồi hút thoải mái.

- Trước khi anh đến Nhật, thiền viện chúng tôi có một thanh niên Mỹ. Anh ta ở hai năm. Một chàng trai thông minh, anh ta đã ở đại học và bị vài bất ổn tinh thần. Anh ta không thật sự điên và sau vài tháng ở dưỡng trí viện, anh ta được thả ra. Tôi không thể nhớ lý do anh ta đến tu viện Phật giáo, nhưng phải có một lý do tốt.

Tôi dựa lưng vào cửa xe và chốt xe bị tuột. Tôi gần rớt ra ngoài nhưng Peter đã chớp kịp và lôi tôi trở lại.

- Anh ta rất kích động về việc đã là bệnh nhân trong dưỡng trí viện. Anh ta không chịu nghĩ rằng mình đã lành bệnh và cố nói với lão sư về chuyện này. Vị thầy không có thì giờ cho anh ta. Chàng trai được tham thiền và được dạy thiền định thế nào và anh ta phải thích nghi với thời khóa của tu viện và chỉ thế thôi. Rồi anh ta cố gắng để nói với tôi về vấn đề của mình, nhưng vị thầy bảo riêng với tôi đừng nghe anh ta. Tôi được phép nói với anh ta về công việc anh ta được đề nghị làm trong vườn rau và nhà bếp, nhưng tôi phải cắt đứt câu chuyện về hoàn cảnh của anh ta. Tôi nghĩ có lúc hơi tàn nhẫn nhưng tôi tin vị thầy.

Tôi lại dựa vào cửa.

- Đừng có rơi ra ngoài xe đấy! Anh làm thế thì khó nói chuyện được với anh.

- Và anh ta lành mạnh lại chứ?

Peter nói:

- Tôi nghĩ thế. Nhưng anh ta được đối xử tuyệt vời. Mỗi sáng ông thầy đi dạo quanh cho đến khi gặp anh ta. Khi thấy anh ta, ông nói:

- Chào buổi sáng! Anh thế nào? Anh có điên lại một chút sáng nay không?

Và ông đi tiếp trước khi anh ta có cơ hội trả lời. Ông thầy luôn luôn có vẻ tử tế khi nói chuyện với anh ta.

Tôi có thể tưởng tượng rất dễ dàng. Tôi biết lão sư khi ông có vẻ tử tế. Một người đàn ông ốm và nhỏ, đầu to và đôi mắt lấp lánh. Ông có một thủ thuật để gọi những rung động về phía anh, những rung động của bi và dũng, hay chỉ là từ bi. Tôi không bao giờ biết những cấu thành đích xác của những rung động. Và bất cứ khi nào ông làm thế, anh cảm thấy như thể anh có thể làm bất cứ gì anh thích, và sống trong những thế giới tốt đẹp nhất. Nhưng vị lão sư không cho anh uống rượu hay say ma túy. Ông cho anh một luồng thực tại.

- Vậy bây giờ anh ta ra sao?

Peter đắm chiêu nhìn những đám cây chết ở trước.

- Tôi không bao giờ gặp lại anh ta sau khi anh ta rời tu viện. Anh ta rời trong bình an. Tôi nghĩ anh ta trở về đại học, lấy bằng, tìm việc làm, cưới vợ và có một gia đình. Những năm sau này, có người nói với tôi về anh ta. Lúc bấy giờ tôi chắc rằng anh ta ổn. Nhưng bây giờ việc gì đó có thể xảy ra cho anh ta.

- Vậy anh ta không tu tập tiếp?

Peter lắc đầu.

- Hãy thận trọng! Tu cái này, tu cái nọ! Chúng ta không có gì đặc biệt ở đây. Các anh nói như thể chúng ta là một hội kín với một lối tu tắt kỳ diệu. Không giống thế đâu! Tu tập là ở bất cứ nơi nào.

- Và những vị thầy? Họ đâu có ở khắp nơi.

Peter chán nản.

- Khi anh có một lý tưởng, không việc gì và không người nào có thể phá vỡ nó. Những vị thầy không ở đâu cả, nhưng có lời giáo huấn.

- Những lời dạy của Phật ư?

Peter không nói nữa. Ông nổ máy và chúng tôi phóng ra đường xuyên qua cảnh vật. Thành linh ông ngừng xe:

- Xuống xe một chút. Có một cái mương phía trước. Tôi nghĩ nó không sâu lắm. Chúng ta có thể lái qua nếu xe này chạy nhanh một chút.

Tôi thấy một vết lờ mờ và một cái bóng sau nó. Khi đến gần, tôi thấy cái mương rất sâu. Nó sẽ chặn chiếc xe và chiếc xe không thể nào trèo lên bờ dốc nổi. Đó là một chạm bẫy hoàn hảo, đặc biệt để chộp những xe tải nhỏ. Tôi trở lại báo cáo chi tiết.

Peter nói:

- Không hề gì! Tốt thôi. Nhảy lên và giữ cho chắc.

Tôi giữ chặt, một tay chống nóc xe để bảo vệ cái đầu. Có lẽ tôi nên từ chối đi với ông nhưng tôi hiểu kỳ muốn thấy kết cuộc thế nào. Peter tăng tốc độ và húc vào cái mương. Mũi xe nhào xuống vách đứng nhỏ và

chúng tôi bị kẹt giữa chừng bờ kia và tuột trở lại. Máy nổ lách cách, khục khặc và nín bặt.

Peter nhìn tôi. Cú sốc làm ông nghệt thở và ông đang chà đầu. May mà ông đội mũ lông dày. Khi thấy ông không sao, tôi cười và khi thấy vẻ khiếm trách sâu sắc lướt qua mặt ông thì tôi cười vang. Cửa xe bung ra vì sự va chạm, tôi rơi ra và rớt xuống tuyết, tôi rú lên cười và chỉ vào Peter đang chậm chạp trèo ra khỏi thùng xe.

Ông nói:

- Vâng, vâng! Đúng rồi, anh đúng. Tôi nên tin anh. Bây giờ anh có thể giúp tôi đem cái xe về vị trí cũ.

- Chúng ta không làm được. Không thể được. Chúng ta cần một con voi hay một xe kéo, một xe kéo lớn.

Ông vẫn không tin tôi và vẫn khởi động máy. Ông ráng cho đến khi bình ắc-quy bốc khói. Tôi ngồi trên tảng đá và kiên nhẫn ngắm. Cuối cùng ông bỏ cuộc và chúng tôi lội bộ về nhà. Trên đường đi, ông kể tên các cây chúng tôi đi qua. Dường như ông quên phất chiếc xe.

Chúng tôi ăn trưa và trở lại với một chiếc xe kéo. Xe kéo không đủ sức và chúng tôi mượn cái khác từ trang trại gần nhất. Một đệ tử sửa máy rất lâu và rất cực. Cuối cùng xe khởi động được. Chúng tôi lái nó về nhà và Peter thảo luận về vụ khoai tây tương lai. Sự kiện được khép lại.

Rupert đang chờ chúng tôi ở nhà. Peter nhảy lên khi thấy vẻ mặt của Rupert.

- Có gì không ổn?

- Jeremy bị đột quy. Chuyện xảy ra khi ông vừa đi khỏi đó. Giờ thì anh ta đang không được khỏe một thời gian. Không ai biết việc gì đến với anh ta. Chúng tôi đưa anh ta vào nhà và đặt lên giường nhưng anh ấy có vẻ khủng khiếp.

Peter trắng bệch mặt:

- Anh gọi bác sĩ chưa?

- Chúng tôi cũng đã gọi một xe cứu thương. Có lẽ đang trên đường đến. Cô y tá nói rằng có thể anh ta sắp chết.

- Tôi sẽ đến gặp anh ta.

Peter nói và nhảy lên xe. Tôi đi cùng ông và ông không cần. Trong xe ông nói:

- Chàng trai có thể xấu đi bất cứ lúc nào, đó là sự thật. Tôi bảo cậu ta nằm nghỉ nhưng cậu ta muốn dự đến hết tuần tu. Cậu ta bảo cậu ta không sao, chỉ mệt. Nhưng tất cả chúng ta đều mệt.

Jeremy sống trong căn nhà hai tầng, cách đường lớn vài dặm.

- Cái gì thế?

Peter hỏi khi chúng tôi lái lên đường rẽ. Một cây to đã đổ xuống ngay căn nhà. Mái quá cao để đoán chính xác thiệt hại, nhưng hình ảnh thân cây to dựa vào cái nhà xem chẳng thú vị gì. Một thiếu phụ bé con bước ra khỏi nhà. Tôi không biết cô ta nhưng tôi nhớ Jeremy, một người nhỏ bé với bộ râu lún phún đã ngồi với chúng tôi. Tôi không để ý rằng anh ta bệnh, nhưng lúc đó, rất có thể, tôi đang bị bao phủ bởi nỗi đau khô riêng của mình.

Thiếu phụ nói:

- Hôm nay là ngày tệ hại của chúng tôi. Tôi qua cái cây đổ lên nhà. Bão đã làm gãy nó, nhưng thật lạ lùng. Cái cây không chết và nó không vương gió. Nó chỉ gãy và va vào chúng tôi. Thật không thể tả được cái gì đã xảy ra. Rồi sáng nay ngân hàng gửi một bức thư thúc nợ. Và bây giờ thì Jeremy đột quy.

Cô ta đã gắng hết sức mình, không kêu khóc. Peter vòng tay ôm cô và hôn lên má. Ông vào nhà và tôi đợi ở ngoài với hai mẹ con cô ấy. Tôi không nói gì và không có gì để nói.

Xe cứu thương và xe một bác sĩ đến. Vài phút sau, Jeremy được đẩy vào xe. Đối với tôi anh ta nhìn như đã chết. Tôi không thể thấy một động đậy nào trên khuôn mặt nhợt nhạt ấy.

Peter theo xe. Thiếu phụ nói:

- Tôi không đi theo được. Phải cho đứa bé ăn.

Peter nói:

- Được rồi, tôi sẽ đi. Và sẽ gọi đến cửa hàng ngay khi có thể. Một cậu sẽ đợi ở cửa hàng để nghe tin và sẽ báo cho cô. Bác sĩ nói anh ấy đang trong tình trạng xấu nhưng chúng ta đã đến kịp lúc. Họ sẽ đẩy anh ấy vào nhà thương. Đừng lo.

Xe cứu thương chạy đi, đèn xe xoay tròn và xe bác sĩ theo sau. Rupert đã theo kịp tôi. Thiếu phụ hỏi:

- Các anh giúp chúng tôi một việc được không?

Rupert nói:

- Dĩ nhiên! Việc gì thế?

- Nhà hết củi và chúng tôi cần một ít. Trong hầm có nhiều nhưng tôi không đủ sức mang hết lên.

Tôi rất vui vì có dịp làm gì đó và chúng tôi đã mất mấy tiếng đồng hồ để mang củi và chặt một cây khổng lồ gần lò trong phòng khách. Cậu bé ở cửa hàng mang tin của Peter đến. Jeremy đã ổn nhưng phải ở nhà thương một thời gian. Anh ta được chẩn đoán là mắc bệnh tiểu đường. Thân anh ta đã ăn hết chất dự trữ và khi không còn gì nữa, nó bắt đầu tiêu hóa những mô thịt của chính nó.

Chúng tôi vẫn mang củi cho đến khi Peter từ nhà thương về. Ông đã bình tĩnh lại và đang tỏa những tia ấm áp và năng động. Thiếu phụ đã thư thái và đưa bé đã cười.

Peter nói:

- Chúng tôi sẽ sửa cây này cho cô. Tôi chi lo cái mái.

Chúng tôi ra ngoài. Cái cây dựa vào nhà ở một góc rất dốc.

- Ha!

Peter nói và đi thẳng lên cây, không cần vịn chặt nó. Tôi thấy ông bước lên mái và đi xuống lại lối cũ, hầu như chạy và nhảy vào tuyết.

- Không thiệt hại nhiều. Tôi sẽ lấy cưa xích để cưa nửa cây. Nửa ngọn sẽ rớt xuống và chúng ta sẽ lòi nó bằng giấy thùng, như thế sẽ không quẹt vào tường. Ngày mai chúng ta sẽ chẻ làm củi.

Vài người khác đến phụ và mọi việc hoàn tất trong vòng một tiếng. Peter ở lại và nấu ăn, sau đó rửa chén. Tôi cũng phụ giúp rồi cùng về với nhau. Tôi hỏi:

- Còn chuyện nợ nhà băng?

Peter nói:

- Tôi sẽ trả ngay. Họ đã gặp phải đủ vấn đề trong một thời gian ngắn. Chúng ta không nên cồng kềnh.

- Ông có sắp đặt cho cây đó rơi lên cái nhà không?

- Không. Nhưng tôi lái xe tải xuống rãnh. Đó là điều rất xuẩn ngốc của tôi.



13

MỘT CÔNG ÁN LÀ MỘT MIẾNG KHĂN GIẤY

Đó là một ngày rất dài. Nhà của Rupert lạnh khi tôi tới đó. Tro trong lò ửng đỏ và tới nửa tiếng sau, những thanh củi tôi bỏ vào mới bắt lửa. Tôi chế cà phê, ngồi gần sát lò và xem lại những ghi chép trong tuần tu của mình.

Rupert vào nhà và ngáp:

- Ngày mai chúng ta phải tắm. Tôi sẽ hỏi Simon xem mình có thể dùng vòi sen của anh ta không. Có mùi hôi thối của con dê già ở đây.

Anh ta nhìn vào cuốn sổ của tôi.

- Anh đang đọc gì thế?

- Những ghi chép của tôi.

- Về công án?

Tôi không trả lời. Thảo luận về công án không phải là một thủ tục thích đáng. Anh ta hỏi nữa và tôi càu nhàu.

- Đừng tránh né như thế. Tôi cũng có sở tay. Tôi cho rằng tất cả chúng ta đều có. Peter không khuyến khích nhưng chúng ta cố giữ một dữ liệu thì cũng hợp lý. Có lẽ chính ông ấy cũng làm thế khi tu tập ở Nhật.

- Ông ấy làm. Tôi thường thấy ông viết.

Rupert lại ngáp và ngồi xuống.

- Tôi cho là nó hoàn toàn vô dụng. Những ghi chép này không làm được gì cho anh và những gì anh đạt được chỉ có thể, anh có những tài sản khác để bận tâm. Anh có thể mất cuốn sách và tất cả chúng nó sẽ bay ra cửa sổ.

Tôi nói:

- Những công án là những miếng khăn giấy.

Rupert đã kéo túi ngủ ra nhưng bây giờ anh ta nhìn lên:

- Cái gì?

Tôi nói:

- Không phải là nhận xét của tôi. Có lần vị lão sư nói thế. Một vị tăng ở Kyoto thường bị cảm lạnh. Anh ta hỉ mũi vào những khăn giấy và đút nó vào tay áo sau khi dùng. Vị thủ tọa chú ý. Ông cho đó là một thói quen bản thủ. Những tay áo của vị tăng đựng đầy giấy đến nỗi nó kêu sột soạt khi anh ta đi ngang.

Rupert nói:

- Tiếp đi! Tôi thích nghe về vị lão sư. Rồi cái gì xảy ra?

- Vị lão sư nghe được, và đưa chuyện khăn giấy vào buổi giảng Chủ nhật kế tiếp trong Đại Pháp Đường, khi tất cả những đệ tử và cư sĩ bên ngoài đến nghe ông. Ông cảnh cáo chúng tôi không được bám vào những

công án chúng tôi đã vượt qua và phải ném nó đi như chúng ta ném những khăn giấy đã dùng.

Rupert nhìn tôi như thể đờ đẫn tiếp tục. Tôi nói:

- Không còn gì nữa.

Rupert làu bàu:

- Được rồi, được rồi!

Anh ta chui vào túi ngủ và tắt đèn, để lại tôi trườn vào đồng mền trong bóng tối âm u.



14

CON CÁO

Tôi thức dậy. Rupert đã đi và chuông báo thức không reo. Gần 9 giờ sáng, sự trễ nải buồn cười đối với sinh hoạt của đạo tràng. Chúng tôi yên lặng trong những ngày nghỉ và tôi nằm ườn sung sướng dưới đồng mền. Cà-phê, buổi ăn sáng, một liều thuốc, tắm rửa và đi lang thang. Một ngày của rỗng không.

Có một mảnh giấy trên bàn, Rupert nhắn: “Đi suốt ngày. Chúc vui vẻ”.

Tôi sẽ như thế.

Nhưng tôi chờ Peter ở trang trại suốt một giờ đồng hồ. Tôi nhớ câu chuyện vị lão sư đã kể về một con quỷ. Một con quỷ mà không làm gì cả, không thời khóa hay chương trình, có thể gây cho chính nó và ông thầy một sự phiền phức khủng khiếp. Tôi mỉm cười về ý nghĩ của mình. Cuộc sống trong đạo tràng khá an toàn, tôi không phải rước nhiều phiền phức. Nhưng tĩnh lặng, người ta chưa bao giờ biết. Tôi cũng phải thận trọng.

Rỗng không, cốt tủy của Phật giáo. Rỗng không,

mục tiêu lớn lao mà để đạt đến phải mất mọi thứ mình có. Rỗng không, rất nguy hiểm. Nếu anh không có gì để làm, anh phải chạy qua một lô nguy hiểm và sự tu tập sẽ làm anh khó chịu. Lại thêm, mục tiêu cuối cùng là không làm gì nữa, là vô danh, là tước bỏ sự gây hấn cuối cùng, sự chống đỡ cuối cùng.

Khi Bồ-đề Đạt-ma, người truyền thiền sang Trung Hoa, được hoàng đế mời, cuộc gặp mặt lập tức biểu lộ tính cách hư ảo của nhà vua. Ông hỏi vị thầy về những chùa chiền mà vị hoàng đế Trung Hoa, một thiên tử, đã bỏ tiền của ra xây dựng. Ông bảo với ngài Bồ-đề Đạt-ma tất cả sự truyền bá Phật giáo rộng rãi khắp Trung Hoa, đều do ông, vị vua. Ông hỏi vị thầy những sự việc quan trọng này có ý nghĩa gì, và Tổ đáp: “Rỗng không, chẳng có gì hết”.

Và khi vị hoàng đế hỏi vị sư là ai, vị sư giả này đã cho một câu trả lời phi thường, thật sự là “không biết”. Bồ-đề Đạt-ma nói xong quay gót rời khỏi cung điện.

Tôi chờ Peter nhưng được biết ông đã đi khỏi. Trang trại rất lạnh lẽ. Tôi tìm một cô ở chuồng bò và hỏi xem tôi có thể giúp được gì không. Cô nói:

- Không. Nhưng anh là ai?

- Không biết.

Tôi nói, quay gót và rời khỏi chuồng bò.

Tôi lang thang vào rừng, nghĩ về tổ Bồ-đề Đạt-ma, tinh thần tự do, người biết chính xác đang làm gì và đang ở đâu. Một tinh thần tự do tạo ra những tình huống ông chọn để sống. Vị lão tăng đã đi đâu khi rời cung điện tuyệt vời Bắc Kinh? Đêm đó ông đã ăn tối những gì và ông tìm đâu ra tiền để trả cho nó? Hay

trên tất cả, ông giống những Yogi siêu việt hợp gió mà sống?

Và bây giờ tôi đang ở đâu?

Tôi đã lạc đường. Tất cả những đường mòn trên khu đất đều giống nhau. Mọi nơi quanh những cây trụi trước mặt tôi, kêu kẻo kẹt, đôi khi mờ hắt trong sương mù. Cuối cùng tôi tìm ra nhà của Rupert và ăn trưa. Tôi thiền định buổi chiều, canh đồng hồ khoảng một tiếng. Tôi thư giãn mười phút và tập thể dục để máu huyết lưu thông. Tôi thường đọc về những yogi ngồi lâu sáu tiếng hoặc hơn, nhưng tôi chưa hề thấy ai làm thế. Tôi ngủ một tiếng, đọc một chút và lại lang thang ngoài rừng. Bầu trời ngập ánh trăng và tuyết phản chiếu tia sáng le lói huyền diệu mơ hồ.

Tôi đang làm gì trên thế giới này?

Tôi không lo lắng về việc tạo cuộc sống ở đây, không ai để chăm sóc. Không việc làm hằng ngày, không cần gì. Không luôn ngày nghỉ, không bác sĩ nào bảo tôi nghỉ ngơi một thời gian. Tôi bị lơ lửng trong sự tồn tại của riêng mình, lang thang trong một thế giới trợ trợ. Những cái cây sống động. Tôi rơi đèn và có thể thấy những chồi non đang đón chờ mùa Xuân.

Tôi lại lạc đường và hoàn toàn cô độc. Một tinh thần tự do tạo những hoàn cảnh mình chọn để dự phần. Rõng không đã làm tôi hoảng sợ. Tôi có cho phép nỗi sợ hãi len gằn và chồm lên tôi không? Tôi sẽ ngồi xuống trên khúc gỗ chết này, hút một điếu thuốc và mơ mộng lòng vòng? “Không sợ”, tôi nghĩ. Tôi vẫn bước đi, hết chân này đến chân kia. Sự hướng dẫn có lẽ đúng, trong trường hợp tôi biết không có hướng dẫn nào tốt hơn. Có một công án để giải quyết. Tôi phải hít

thở trên nó, làm sạch đầu óc, và ném luôn công án đi rồi hít thở trên một công án mới. Vị thầy có một cung cấp vô tận. Chúng sẽ làm sạch đầu tôi, tất cả chúng, và cái cuối cùng có thể cuốn đầu tôi đi.

Tôi nhớ một bài giảng của Peter.

Ông nhìn chúng tôi một cách thân ái, chúng tôi, bốn mươi đệ tử chất trong phòng khách của ông. Ông nói:

- Những gì các bạn làm ở đây không dễ dàng. Thân các bạn đau và tâm kêu lên vì căng thẳng. Sự phiền hà và những gì bạn nghĩ sẽ tha bạn ở khúc cuối, bạn sắp gặp gàn như tôi đã.

Tôi mong đợi ông nói những điều vui vẻ sau lời mở đầu đánh giá cao này, một vài lời an ủi giúp chúng tôi qua được phần cuối của tuần tu.

- Nhưng - Peter mau chóng nói - các bạn phải thấy rằng có thể là sự tu tập này hoàn toàn không cho bạn bất cứ kết quả nào.

Và ông chào chúng tôi, dấu hiệu bài giảng kết thúc.

Tôi rời phòng một lượt với Edgar. Chúng tôi cùng cười toe, trên đường đến thiền đường nơi mà hai giờ yên lặng đau đớn đang đón chờ chúng tôi. Đó là sự vui thú để kinh nghiệm một thay đổi. Vị thầy, người tu, bậc mô phạm nào đó muốn đưa học trò họ từ A đến B, sẽ từ giờ này đến giờ nọ cố gắng động viên.

Nhưng một thiền sư không động viên.

Ông có thể làm nhụt chí, và khuyến khích người sơ cơ bám vào công án đầu tiên, dò dẫm trong tâm tôi và đánh vào cái đầu chống lại sự thật hay những

chương ngại tưởng tượng của hắn. Ông có thể nói với người vấp ngã rằng, ông - vị thầy, cũng đã đối mặt với công án đầu tiên cách đây đã lâu, và rằng ông nhớ khi ông không biết có thể treo mình vào đâu, vì không có một tia sáng nào để lại trong cấu trúc tư tưởng của ông có thể nâng cánh.

Nhưng sự khuyến khích dành cho người rất sơ cơ. Vị thầy thích làm ngã lòng hơn, thích phá hủy sự nâng đỡ hơn, thích đẩy đệ tử đến điểm không trở lại được, nơi họ phải nhảy vào và không bao giờ bảo đảm rằng họ có thể đến được an toàn.

Và khi vị thầy khuyến khích, ông khuyến khích nghi ngờ. Bất cứ khi nào người đệ tử nghĩ rằng mình đang bước trên nền tảng vững chắc, vị thầy sẽ lắc đầu và rung chuông. Sừng tê giác nghi ngờ của Bạch Ân sẽ chĩa cặp sừng nhọn hoắc vào trán anh.

Và không có đường tắt.

Ở Nhật, tôi có thân với một đệ tử cư sĩ của lão sư, một nha sĩ đã dành cho tôi lời khen ngợi hiếm hoi về thái độ của tôi. Tôi đã cười mô-tô khi mặc cái áo mà tôi nghĩ là kimono mùa hè gọn ghẽ. Anh ta ngăn tôi lại, bảo hãy quay về thay y phục. Những gì tôi đang mặc là những quần áo lót chỉ mặc trong nhà. Có lẽ ông ta áy náy với lối chỉ thẳng này, nên lại gần và mời tôi đến uống trà với ông ta. Tôi đã nhân cơ hội hỏi ông ta tại sao chọn lối tu tập đặc biệt này. Có nhiều lối trong Phật pháp, ông có thể chọn lối khác dễ dàng hơn, có phương pháp.

Người nha sĩ nói:

- Tôi nghĩ thiên là một lối tắt.

- Vậy sao?

- Nó không có những đường tắt.

Ông ta nói và đổi đề tài.

Không có những đường tắt và không đơn giản. Chỉ một phân bài giảng là đơn giản. Đệ tử phải thiền định hằng giờ và hằng giờ. Mỗi ngày. Tuệ giác được tạo ra bởi sự tọa thiền lâu dài. Sáng sớm khi thế giới chưa chưa mình. Lặng lẽ trong một góc phòng, hay trong một thiền đường, hay ngoài trời, trên một tảng đá, dưới một cội cây, hay trong gác xếp của một căn nhà có đầu hồi cũ kỹ ở Amsterdam, hay trong một ngôi chùa thật sự với những chiếc thảm trải sàn và những tấm đệm đặc biệt và có lẽ có một tượng Phật trên bệ thờ. Những rung động lặng lẽ của trầm hương đang ngùn có thể có ích. Nhưng thiền định có thể thực hiện bất cứ đâu. Có người ngồi thiền dưới cây cầu ở Calcutta, nơi dòng xe cộ liên tục nghiền bánh. Thiền định là công thức của thiền sư, nền tảng của lời thuyết giảng. Và phần còn lại, ông thúc đẩy anh làm điều không thể được và khiến anh nhảy qua những bức tường hay buông tay khỏi vách đứng. Buông đi! Buông đi! Đừng nắm giữ cái gì cả và đừng coi thường nổi nghi của anh. Hãy để nghi tình chuyển động với anh. Đừng nghĩ rằng anh tìm ra được điều gì vì nó thuộc thời gian anh đã tìm ra điều đó. Hãy tiếp tục, gắng hết sức mình. Và dù biết rằng không có bảo đảm nào rằng anh sẽ làm thế mãi.

Tôi vừa đi vừa lảo đảo. Tất cả rất tốt, nhưng ở đây tôi đang ở trong rừng, cô độc, mất và không chắc chắn về những gì tôi đang cố làm. Cho phép mình lang thang trong rừng không, tôi đang rước một hiểm nguy trọng đại. Lão sư đã đúng khi ông cảnh cáo lối sống không có một thời khóa. Có lẽ tôi khá hơn nếu ở lại

nhà, thiên đình hay đọc sách bên ngọn lửa. Ở đây nghi tình tấn công tôi với sức mạnh tràn đầy của nó.

Tôi muốn gặp người nào đó. Nhưng ai?

Một con người? Một người vô tâm khác? Nhưng có gì hay khi làm thế?

Không phải một con người.

Rồi sao nữa? Một thiên thần, một Bồ Tát? Một chúng sanh sáng chói từ cõi cao hơn?

Không, không phải trời. Ông ta sẽ làm tôi ghen tị.

Con cáo đến gần anh một cách dễ thương. Cái tai lông lá của nó chĩa lên trời. Nó là một con cáo lớn, gấp hai con cáo anh thấy trong sở thú Hà Lan hay cái xác nhồi bông trong phòng thầy dạy Sinh vật học thời trung học mà anh được xem.

Đây là con cáo rất đẹp, với cái lưng đỏ xám lập lòe và bụng trắng như bông. Nó đang nhảy nhót trên tuyết, dựng đứng hai chân không cần một chút cố gắng. Nó đang tiến thẳng đến anh.

Thượng đế tốt lành, anh nghĩ, vẫn có những kỳ diệu trên thế giới. Một chúng sanh không liên quan với một con người, như tôi. Một con vật sống trong rừng, biết mọi âm thanh, mọi hình thể quanh đây.

Nó vừa lớn, vừa khỏe, vừa thông minh. Nó đủ ăn và những bữa ăn của nó là những cuộc mạo hiểm.

Con cáo vẫn đi đến anh. Anh đã ngưng suy nghĩ, anh chỉ đang gặp một con cáo. Anh không sợ hãi nếu, trên đường mòn chật hẹp này, được vạch bởi những cây đầy ánh sáng, và được sự lặng lẽ trong đêm bảo vệ, anh đã gặp một con chó sói hay một con gấu.

Con cáo không chậm chậm đi xuống. Nó tới gần anh đến nỗi anh có thể nhìn vào đôi mắt xám nhạt to của nó. Nó cũng nhìn anh và nó nhảy, không phải vào cổ anh, nhưng qua một bên ra khỏi con đường, và không thay đổi động tác nhịp nhàng.

Anh ngoái lại và nó lại ở trên đường, cái tai lông lá của nó vẫy qua lại. Anh cứ nhìn nó cho đến lúc nó biến mất ở khúc quanh.

Rupert nhìn chòng chọc vào tôi khi tôi trở về nhà. Có lẽ anh ta cảm thấy có trách nhiệm về sự đến đi của tôi, nhưng tôi không để anh ta có cơ hội mở miệng.

- Tôi thấy một con cáo, Rupert!

Và tôi diễn tả con cáo lớn như thế nào.

- Với một cái tai lông lá và mắt xám xám.

Anh ta để tôi kết thúc sự miêu tả và rót nước nóng vào cà phê bột.

- Một điềm lạnh.

Anh ta nói khi tôi kể xong.

- Tôi chưa bao giờ thấy nó, nhưng tôi đã nghe những chuyện về nó. Nó phải là một con cáo như thế. Bây giờ chúng ta sống quanh đây nhiều đến nỗi những thú vật hoang dã đã bỏ đi, nhưng con cáo này vẫn hiện diện. Nó không sợ chúng ta.

Tôi nghĩ về những chuyện Nhật Bản, ma quỷ thường giao du với những con cáo, những con vật có thể là phù thủy hay là vong hồn của đệ tử những nhà sư. Những phù thủy có thể mang hình thể một con cáo tùy ý khi đã để lại thân mình ở một nơi an toàn, nhưng những vong hồn đệ tử mang thân cáo là một loại trùng

phạt. Họ đã phạm tội lỗi nào đó, sai lầm nào đó, và đời cáo là nghiệp báo của họ.

Tôi chắc rằng con cáo này không phải phù thủy, cũng không phải một linh hồn người tạm thời bị trừng phạt. Nó là con cáo trong sự thích hợp riêng của nó và nó vui khi làm cáo. Và nó đã giúp tôi rất nhiều, xuất hiện một cách chính xác đúng thời điểm.

- Tôi có tin tức cho anh đây!

Rupert nói khi đưa cà-phê cho tôi.

- Tối nay chúng ta có thể chỉ ngủ được bốn tiếng. Chúng ta phải dậy lúc hai giờ rưỡi. Peter đã bãi bỏ phần còn lại của ngày nghỉ, ngày mai tuần tiếp tâm mới lại chờ đợi chúng ta. Tôi lái một vòng suốt buổi chiều để báo cho mọi người.

Tôi hỏi một cách ngái ngủ:

- Và họ nghĩ gì về nó?

Rupert nói:

- A! Tốt! Họ cần nghỉ một chút, nhưng tôi không nghĩ có ai thực sự phản đối. Chúng ta đến đây để làm điều gì đó, không phải để thăm viếng nhau hay uống rượu gừng.

Tôi bỏ qua. Tôi thấy cái tai lông lá của con cáo và nó quét tôi vào giấc ngủ. Khi tiếng chuông reo đánh thức tôi dậy. Tôi cảm thấy như thể tôi đã ngủ ít nhất tám tiếng đồng hồ và con cáo đã ở với tôi suốt đêm.

15

NGHIỆP - LÀM THỞ HAY KHÔNG LÀM THỞ

Tuần tiếp tâm tiếp theo đã bắt đầu và từ từ trôi vào quá khứ. Khi mới bắt đầu, Peter đã bảo chúng tôi rằng “tiếp tâm” được coi như một chuyện “nhỏ”. Tôi không thể thấy cái gì “nhỏ” về nó. Giống như mọi “tiếp tâm”, nó kéo dài bảy ngày, và chúng tôi ngồi bảy giờ một ngày. Chúng tôi làm việc buổi sáng, hầu hết là chẻ củi và chất đống; nhưng có một buổi giải lao dài tốt đẹp vào buổi chiều. Buổi giải lao đó đã trở thành sự mạo hiểm bí mật của riêng tôi và tôi dùng hai giờ thích hợp hầu như liền mạch.

Tôi đã khám phá khu vườn đá của Simon và, có lẽ quan trọng hơn, phòng vệ sinh của anh ta. Những con chim giẻ cùi xanh đã đưa tôi đến đó. Tôi thấy chúng âm ỉ giữa rừng cây, nói chuyện với nhau bằng những tiếng khàn khàn. Mang theo những mảnh bánh mì, tôi cố làm chúng tin tưởng mình. Tôi định ngắm khi chúng đến ăn trên tay. Nhưng chúng bay đi và, đi theo chúng, thỉnh linh tôi thấy mình đứng trong một khu vườn kỳ

lạ. Những bụi cây tuyết phủ trông như thể được trồng và uốn cong một khoảng đất, trong đó ai đã đặt một số lớn những tảng đá hình dạng lạ lùng. Đã quá chiều, khi tôi tìm ra khu vườn và bóng những tảng đá trải dài trên lớp tuyết dày. Tôi không muốn bước nhiều quá khi những dấu chân của tôi làm hỏng hầu hết những đường nét hình học mộc mạc của những bụi cây, đá, và bóng râm. Tôi ngồi trên một tảng đá và chỉ nhìn chăm chú quanh mình.

Vào lúc này, tôi đã thôi không cố tiếp xúc với những con chim giẻ cùi nữa, chúng cũng không còn chơi trốn tìm và nhảy quanh tôi đến khi một con mái nhẹ nhàng đậu xuống tay tôi và bắt đầu mổ bánh mì. Nó đẩy phần săng-wích to nhất ra khỏi tay tôi, và bạn nó tha đến nơi khác để ăn một cách chậm rãi. Sự im lặng làm nó bình tĩnh và thỏa mãn thói háu ăn. Tôi rất bình an và đốt một điếu thuốc. Nơi này là của tôi, hay đúng hơn của chúng tôi, khi những con giẻ cùi bây giờ là bạn của tôi, và tôi có thể đối xử với chúng như tôi muốn.

Tôi bắt đầu so sánh khu vườn với những vườn khác mà tôi đã thấy, những khu vườn ở chùa Nhật và những khu vườn của những lâu đài rộng lớn ở Hà Lan, nơi có lần những thương gia của Thời Hoàng Kim “Golden Age” đã sống. Những tảng đá chất lượng như mơ và bóng của chúng in trên tuyết, gợi tôi nhớ vài bức tranh của Dali và Delvaux, nhưng tôi giật mình trở về thực tại. Tôi đang sai lầm. Tại sao mà so sánh? Tại sao, vì tất cả thánh nhân, phù thủy, nhà khổ hạnh fakir, tại sao so sánh?

Tôi tự nhủ nên nhìn nó, chỉ nhìn vào nó. Trở

thành một với nó, như vị lão sư đã nói với tôi ở Kyoto. So sánh là hành động của người nghèo, người ta luôn luôn bị nghèo vì giữ tài sản trong tâm. Họ cố đoạt lấy những sở hữu mới và muốn định giá mình bằng sự so sánh chúng với những vật khác mà họ đã đoạt được trước kia. Khu vườn này là một biểu hiện thực tại, thể giới mẫu nhiệm mà chúng ta tùy thuộc. Tại sao muốn chiếm làm của riêng nếu nó dù sao cũng thuộc chúng ta? Và ai là cái “tôi” này và “chúng ta” này? Chính là cái vườn. Và nếu nó bị phá hoại, bởi một xe hủ lô hay một trận động đất, hay vì vũ trụ chính nó phun ra từ bên trong bất cứ phút nào bây giờ, khi nó có thể làm rất tốt, thực tại vẫn sẽ còn đó.

Vì vậy tôi ngồi trên tảng đá, và cố “sống” một lúc.

Đến khi tôi nghe tiếng mở cửa và đóng, tiếp theo là tiếng tăng hắng, và tiếng lạo xạo trên tuyết. Tôi không thấy gì nhưng có thể xác định nơi phát ra âm thanh và tôi đi điều tra. Có tiếng sột soạt của cây gòn đó và trên một nền đất phình ra, đứng giữa tiếng sột soạt, nơi một cây thông to lớn ẩn mình, một căn nhà nhỏ mái nghiêng và một cửa trang trí. Tôi đến căn nhà với một chút tôn kính. Đây có thể là một thiền thất hay nơi thờ Phật. Mái nhà giống Nhật nhưng cửa thì rất Mỹ. Tôi đã thấy những cánh cửa giống như thế trong vài ngôi nhà nghỉ thanh lịch hơn chung quanh, những cửa sồi dày, chạm trổ tỉ mỉ những vòng hoa và lá.

Cẩn thận, tôi mở cửa, sẵn sàng cúi mình trước nụ cười khôn dò của khuôn mặt tượng Phật, nhưng tôi đã lùi bước và cười. Không phải là nơi tôn nghiêm, nó là một cầu tiêu, đơn giản và tầm thường. Một chỗ ngồi

thấp và một cái lỗ, không gì khác. Và rất tiện lợi. Tôi kéo quần xuống và ngồi lên bàn cầu. Cửa đóng.

Điều này không tốt lắm. Trong nhà tối thui, cửa sổ nhỏ đã lâu không được lau chùi và lá thông bên ngoài đã chiếm hết ánh tà dương. Tôi lấy chân đẩy cửa ra và dựng cái chổi tìm thấy trong cầu tiêu, chống cửa để nó không ập lại. Và rồi một làn sóng hạnh phúc thực sự dấy lên trong tôi. Đây là “nó”, không ngờ gì nữa. Không có tạm thời so sánh lần này. Cái cửa mở cho tôi thấy một con đường hẹp, gió thổi qua cây và đêm tối nặng nề - ánh đèn vàng tô màu những lá thông chết phủ trên đường và những nhánh cây với vỏ cây sáng bóng của nó. Ai đã xây cái cầu tiêu này trong nơi đặc biệt này là một nghệ sĩ, một kiến trúc sư bậc thầy về phong cảnh. Ngay ở Nhật tôi cũng chưa hề thấy vẻ đẹp hiển nhiên như thế. Ruột tôi hoạt động bất ngờ trùng hợp với sự bùng nổ toàn thể của sự thức tỉnh. “Một cục phân giác ngộ”. Tôi nghĩ và cười, và một tiếng chào tôi vang lên.

- Anh đó ư?

Tiếng hỏi và tôi la lên đáp lại rằng chính là tôi.

Simon nói to:

- Xong rồi thì đến uống trà!

Tôi bắt đắc dĩ kéo quần lên và cúi chào cầu tiêu.

Trong thiền viện Nhật, cầu tiêu có một bàn thờ nhỏ đặt cao trên một kệ, để nhắc các vị tăng rằng Phật tánh ở khắp mọi nơi và ta có thể được chứng ngộ trong những hành động tầm thường nhất. Tôi đã không thể chứng minh tư tưởng ngay lúc đó.

Simon chờ tôi ở cuối đường và tôi xin lỗi về việc

lạc vào vườn anh và dùng cầu tiêu mà không xin phép. Simon nói:

- Ôn thôi! Cái gì của tôi là của anh. Nhưng cái vườn không phải của tôi, cả cầu tiêu nữa.

- Nhưng chắc chắn những thứ này thuộc về đất của anh ở đây?

Simon cười:

- Tôi nghĩ thế. Nhưng tôi chỉ được Peter cho một mảnh đất nhỏ này ngay ở đây. Tất cả đất khác là phần bất động sản của ông ấy.

- Anh có thiết kế vườn đá và xây cầu tiêu không?

- Không. Nó có sẵn khi tôi đến. Một ông lão đã làm mọi thứ. Tôi nghe ông ấy ở Nhật nhiều năm, và dành hết thì giờ lang thang khắp những vườn Nhật.

- Ông ấy cũng học thiền chứ?

- Dĩ nhiên. Ông thiền định và là học trò của một vị sư. Nhưng những cái vườn là lẽ sống của ông ta.

- Và tại sao ông ta rời khỏi đây?

Simon lại mỉm cười:

- Tại sao người ta rời bỏ?

Tôi không có hỏi. Tôi biết tại sao người ta bỏ đi. Tôi đã tự bỏ đi. Anh có thể bỏ đi theo ý mình hay vị thầy có thể bảo anh đi.

- Ông ta sẽ trở lại chứ?

Simon nhìn bản chỉ đường của vườn đá.

- Tôi nghĩ thế. Vườn này hoàn hảo. Bây giờ dù ông ấy ở đâu, ông cũng sẽ nghĩ về nó. Ông đã ở đây vài năm. Tôi nghe bây giờ ông ấy đang lang thang khắp nơi

trên một xe tải có lều nhỏ, với con chó. Ông làm việc vất, ở một thời gian và bắt đầu lên xe đi, rồi lại dừng nghỉ, cuối cùng ông ấy sẽ xuất hiện. Ông ấy không đi luôn và nên trở lại cho đến một ngày nào đó, ông thầy bảo ông ấy rằng không có gì hơn nữa.

Tôi hỏi:

- Chúng ta phải được “bảo” rằng không có gì hơn nữa sao?

Simon vỗ đầu tôi, tất cả họ dường như đã học ngón này từ Peter. Simon nói:

- Đừng hỏi nhiều. Anh không biết tất cả câu trả lời là ở trong chính anh à?

Tôi nổi câu:

- Tôi không biết gì cả.

Chúng tôi uống trà trong phòng khách sang trọng, với ngọn lửa phà hơi nóng kêu lách tách. Simon đang nói về nghiệp và sự đầu thai. Anh nói:

- Sự đầu thai này có lần đã hoàn toàn là sự an ủi đối với tôi. Đến khi tôi nhận ra rằng đầu thai nghĩa là sự muốn sống. Đó là một sức mạnh lái chúng ta đi, từng bước một về cái chết, và chết là một cánh cửa. Nó đề LỐI RA ở một mặt, và anh bị đẩy qua nó, tiếp tục lang thang, rồi khi anh nhìn lại, nó đề LỐI VÀO. Khi anh đi xa hơn, khi anh phải đi không chọn lựa được, có cánh cửa khác sẽ đến gần đề LỐI RA. Đó là cửa SANH, và cứ tiếp tục. Không có chấm dứt, và anh luôn luôn ở giữa những cái cửa, và khổ đau tiếp nối.

- Thịnh thoảng anh có thể cười.

Tôi nói, nhớ tới niềm vui mới đây trong nhà vệ sinh.

Simon nói:

- Dĩ nhiên rồi. Tôi không nên phàn nàn. Nhưng ý tưởng phải tiếp tục không ngừng làm tôi nản lòng. Nó không phải là sự an ủi để biết rằng một đời sống tiếp đời khác và chính nó mở đầu một đời sống mới. Đời sống tiếp tục với nỗi sợ hãi. Sợ chết, sợ sanh. Thực sự cái chết có hạn định an ủi nhiều hơn. Nó sẽ là một kết thúc thực. Không còn đến nữa.

Tôi hỏi:

- Tất cả những phiền toái này dành cho sự rỗng không chẳng?

Simon nói:

- Rỗng không là chìa khóa.

Tôi nhảy lên:

- Đúng giờ. Chúng ta phải trở về thiền đường. Nếu bây giờ chúng ta đi, chúng ta sẽ không phải chạy.

- Đúng!

Simon nói theo sự cảnh báo của tôi:

- Tôi cũng ghét chạy. Không có gì tệ hại hơn phải chạy đến thiền đường, lo đủ cách để đến đúng giờ.

Ra ngoài anh ta trượt và té vào bức tường nhà. Một móng tay bị xước chảy máu. Tôi băng vết thương cho anh ta. Anh ta hỏi:

- Anh luôn mang băng theo à?

- Dĩ nhiên.

Tôi nói và chỉ túi của mình cho anh ta xem. Con dao đa dụng, một kéo nhỏ, một cây đèn, một tuộc-nơ-vít, kiếng râm, sổ tay, khăn lau kiếng, v.v...

Simon nói:

- Rất thực tiễn.

- Anh có thực tiễn không?

- Cũng gần giống anh. Tôi mang mọi thứ như anh nhưng không có băng. Mai tôi sẽ mua. Chúng dễ sử dụng. Chắc chắn tôi là người thực tiễn. Tôi làm việc và cố gắng kiếm đủ tiền để sống cho tiện nghi. Trong lúc đó tôi cố học. Tôi tin vào nghiệp. Tôi sẽ phải ở trong tư thế chúng sanh tiếp tục, có thể nhận kết quả của những hành động trước kia của mình. Và tôi cố gắng làm điều phải, phải làm nhiều lần khi tôi có thể.

- Vâng, người ta phải cẩn thận.

Tôi nói. Cuộc chuyện trò làm tôi thất vọng.

- Chắc chắn chúng ta phải thực hành. Chỉ làm cái gì cần thiết. Kiếm tiền là một thí dụ, nhưng chỉ đến một điểm. Sau điểm này, tiền không tạo ra được gì, chỉ là những bọt xà-phòng; quyền lực và tài sản anh không dùng được. Những ông chủ của tôi có nhiều nhà, du thuyền, chất đồng như thế. Những cái nhà thì cho thuê, họ không thể xài và những du thuyền mục nát trong các bến cảng. Kiếm tiền lỗi ấy có lẽ không thông minh lắm.

- Chính xác.

Simon nói và vỗ vai tôi. Anh ta cười khúc khích.

- Dường như tôi thông minh hơn những ông chủ của anh. Bỏ thì giờ ở đây, nơi không thể kiếm ra tiền, là một nghề nghiệp khéo léo tốt đẹp hơn. Thích thiên định và có một vị thầy chỉ dẫn.

Tôi hỏi:

- Dẫn đến đâu?

Simon ngừng, tôi cũng ngừng và nhìn lui. Anh ta đã tạo một bức tranh đẹp với những cây thông đóng khung anh ta và những chim giẻ cùi lượn trên đầu. Một con sóc đã theo chúng tôi và ngắm chúng tôi từ một cành thấp, nóng nảy giữ chặt một hạt dẻ.

Tôi bước lui và lại hỏi:

- Dẫn đến đâu?

Simon nói một cách cáu kỉnh:

- Nhìn đây! Thế nào là địa ngục mà tôi biết? Có lẽ anh nên biết. Có thể anh là một đệ tử xuất sắc. Tôi không bao giờ biết người nào xuất sắc và người nào không. Nhưng tôi biết rằng tôi không có kiến thức thực sự. Hay anh đang cố hỏi tôi câu hỏi phức tạp này để chỉ sự khéo léo của anh? Hay, tại sao không, là có lẽ anh đang cố giúp tôi trên con đường của tôi chăng?

Đến lượt tôi rúc rích cười. Đó là nhiệm vụ ông thầy để hỏi những câu hỏi mẹo. Những đệ tử chỉ rập theo và nghĩ thỉnh thoảng họ khám phá ra gì đó.

Tôi nói:

- Đừng phiền, Simon. Tôi không cố gắng tỏ ra khéo léo. Và tôi không biết tôi đang ở đâu. Tôi cho rằng tất cả chúng ta nên có mặt trên con đường đến Niết Bàn. Nhưng dường như đối với tôi, mới đây, đó là điều ngạo mạn không thể chấp nhận được để cho rằng chúng ta, tất cả người trên hành tinh nhờ vào sự tu tập này sẽ đến một cõi bên ngoài vòng luân hồi. Tại sao lại là chúng ta mà không phải những người khác?

Simon bắt đầu bước đi. Anh ta nói:

- Tốt! Tôi không biết những người khác đang làm gì. Tôi quan tâm đến việc tu tập, tôi là đệ tử của

một vị thầy. Nghiệp của tôi đưa tôi vào rừng và tất cả những ngôi nhà nhỏ buồn cười này và ở đây tôi thiền định và gặp thầy tôi. Ở đây tôi có thể chuyển nghiệp. Tôi nghĩ nghiệp là sự thật, ngay Peter đôi khi cũng đề cập đến nó, dù ông tránh những câu hỏi trực tiếp hay trả lời chúng trong một lối như thế, rằng anh vẫn dò dẫm quanh việc gì đó anh có thể đặt tay lên. Anh biết chuyện về cậu bé đã đến ông Singh chứ?

- Không.

- Nghe đây!

Simon nói và đặt bàn tay nặng nề lên vai tôi.

- Có một chàng trai chỉ ở đây vài tháng. Một người thần bí có bộ râu đen không lồ che cả mặt. Anh ta đeo bông tai vàng và mặc một bộ com-lê thêu. Phía sau áo vét-tông rất ấn tượng. Anh ta thêu một ngọn núi có những con rồng trèo lên, những năng lực xấu ác. Và trên đỉnh núi một con gà trống lông lầy, dấu hiệu của thiện ngự trị. Anh ta là một người bạn rất kỳ lạ, nhưng hoàn toàn đáng yêu, anh ta thiền định nhiều giờ hơn chúng tôi, và muốn anh ta làm việc thì phải cần một nỗ lực để giải quyết cho tốt. Bất cứ khi nào chúng tôi phải chẻ củi hay làm vườn, tôi phải đi tìm anh ta và phải kéo anh ta ra khỏi thiền đường, nơi anh ta đang ngồi một mình. Tất cả việc anh ta muốn làm chỉ là ngồi yên lặng và tập trung.

Tôi nói một cách ghen tị:

- Không tôi.

- Hơi phô trương đấy chứ? Tôi không phản đối thiền định, nhưng tôi không thực sự thích nó. Chỉ vì luật lệ bắt thiền định nhiều, nếu không tôi sẽ ngồi một

giờ mỗi ngày. Nhưng anh ta thì trốn đến thiên đường bất cứ lúc nào có thể. Và thỉnh thoảng, có vẻ như anh ta đang đạt đến chỗ nào đó, hay anh ta nói thế. Anh ta tuyên bố rằng sẽ ngồi ở đó, yên lặng đúng lý, gạt bỏ mọi tư tưởng và bụng của anh ta, hay điếm trung tâm thần kinh hay cái gì mà chúng ta có ở quanh đó, đang âm lên giống như ngọn lửa, nhưng thực sự không có gì xảy ra với anh ta. Anh ta nói mình đã không đạt được chứng ngộ.

Tôi hỏi:

- Anh ta chờ đợi cái gì? Những pháo hoa? Những linh ảnh?

Simon nói:

- Hừm! Chúng ta mong chờ cái gì? Thỉnh thoảng tôi cũng tự hỏi tôi đang ngồi để làm gì? Nó dường như chỉ có một việc xảy ra là người giám thiên lắc cái chuông điên khùng của anh ta mỗi 25 phút.

- Rồi anh ta bỏ đi, cái anh chàng áo thêu của các anh?

- Anh ta bỏ đi. Anh ta không đi ngay. Anh ta tuyên bố giờ lên đường và nói mình muốn viếng một Guru ở Ấn Độ, một Guru rất đặc biệt đã tuyên bố rằng có thể làm cho đệ tử giác ngộ chỉ bằng cách chạm lên đầu họ theo một lối nào đó. Người đàn ông được gọi là Singh và anh ta có địa chỉ. Singh nghĩa là sư tử và nó là họ của hầu hết những người Sikh. Phải có hàng triệu ông Singh ở Ấn Độ, nhưng anh ta tuyên bố sẽ tìm ra ông Singh của mình không có gì khó khăn và Peter để anh ta đi.

Tôi nói:

- Ông ấy thật không thể ngăn anh ta.

Simon gật đầu:

- Nhưng Peter nói một điều làm tôi quan tâm. Ông bảo ông tự hỏi ông Singh có thể chuyển được nghiệp của anh ta không.

Tôi suy nghĩ về điều này. Nghiệp không thể bị phá bởi ông Singh, điều đó khá hiển nhiên. Đường như Peter đã nói với chúng tôi rằng nghiệp ở đằng sau chúng ta, nghiệp riêng của chúng ta, cái kết quả tàn nhẫn của những hành động trước đây của mình. Và chúng tôi phải cho rằng Peter tin vào nghiệp nếu không ông đã không nói ra lời. Và nếu ông đã tin vào nghiệp, ông cũng sẽ tin sự đầu thai vì nghiệp là sức đẩy giết chúng ta và xô chúng ta trở lại thế giới qua tử cung của những bà mẹ. Bây giờ nghiệp xấu, theo nguyên tắc, có thể được giảm, ngay cả bị phá, nhưng chỉ do cố gắng của chính chúng ta. Chúng ta có thể cố gắng làm công việc trong một đời, và nếu đời sống quá ngắn, thì tiếp tục trong đời tới. Luôn luôn có một cơ hội, phải có cơ hội vì đời sống sẽ không mục đích nếu không có nó. Nếu ngục tù là vĩnh viễn thì ý muốn thoát khỏi là loạn thần kinh.

Tôi nói:

- A! Vây thì đó là lý do thiên định của anh thực tiễn. Anh đang cố gỡ từng chút nghiệp của anh. Những nghiệp xấu biến mất và nghiệp tốt giúp anh trên con đường của mình. Đường của anh đưa tới đâu?

Simon lại ngừng. Anh ta nói:

- Từ đó anh lại đi. Tôi không biết tôi muốn đi đâu. Tôi tưởng tượng tôi muốn tiếp tục.

Một con chim giẻ cùi xanh kêu và Simon chỉ nó, nói:

- Trên kia, hãy nhìn con chim giẻ cùi xanh ấy. Nó ở chỗ bắt đầu của nghiệp. Nó vẫn phải trở thành một con người. Bây giờ tôi đã là một con người, nhưng không có cấp bậc nào khác hơn. Tôi phải thực hành và dùng những cơ hội của mình, nhờ đó tôi có thể cải thiện nghiệp chướng. Nếu không làm thế tôi có thể thối lui và trở thành một con vật hay một con chim.

Tôi ngắm con chim giẻ cùi.

Simon lắc đầu:

- Không. Nó không thể là sự thật. Tôi không nghĩ chúng ta có thể trượt lùi lại. Dù cho chúng ta làm mọi việc lỗi lầm, chúng ta vẫn muốn học. Cuộc sống phải là một sự tiến bộ một cách tự động, tôi cho là thế. Mỗi cuộc sống đẩy anh tới trước một chút. Anh nghĩ gì? Anh có nghĩ anh có thể trở thành một con thỏ trong đời sống tiếp theo không?

Tôi nói:

- Tôi không quan tâm.

Simon hỏi một cách ngạc nhiên:

- Anh muốn làm một con thỏ? Hay một con sóc? Hay một giẻ cùi?

- Tại sao không?

Simon cười. Nụ cười làm tôi phiền vì anh ta không ngừng được. Nước mắt chảy ra, và anh ta gặp người xuống như thể đau đớn.

Khi anh ta có thể nói lại được thì những chữ tuôn ra một cách chậm chạp:

- Anh đúng. Tại sao tôi lo lắng sẽ trở thành một

con thỏ chứ? Tại sao tôi nên nghĩ về nghiệp? Dĩ nhiên Peter từ chối thảo luận về nó.

Nét cười trên khuôn mặt anh ta vẫn còn cho đến khi chúng tôi đến thiên đường. Anh ta có vẻ rất trang nghiêm khi cúi mình chào.

Anh lên tám tuổi. Đó là tối Chủ nhật. Anh được thêm một giờ đặc biệt trước khi đi ngủ. Cả nhà đang chơi cờ Triệu phú. Anh được cho là đủ lớn để tham gia.

Anh thua. Anh đang thua liên tiếp. Bụng anh quặn lên vì sợ. Gần như tất cả tài sản anh đã ra đi. Cọc tiền trước mặt anh sắp hết. Những người anh của anh đang đoạt hết những ngôi nhà trên đường của anh. Con đường cuối cùng đang bị bán. Anh phải nhượng bộ. Anh đã mất sạch. Mồ hôi rịn trên trán anh.

Và thỉnh linh anh biết rằng nó chỉ là một trò chơi. Anh nhẩy lên vui sướng và anh đá ngã cây đèn lớn. Nó rơi xuống nền và kéo theo bình trà. Những người khác giật dử nhưng anh cười khi bước lên cầu thang. Anh biết anh không là gì cả, và anh biết rằng anh không có gì cả. Và anh biết rằng KHÔNG LÀ và KHÔNG CÓ cho một tự do không thể lường được.

Sau này cảm giác ấy mất đi nhưng anh nhớ rằng anh có nó. Anh biết rằng có lần, khi anh tám tuổi, anh đã biết tự do.

16

NGUYỆT DIỆN PHẬT 2

*M*ột lão thiền sư Trung Hoa sắp thị tịch. Một vị tăng đến thăm và hỏi bệnh tình ngài thế nào.

Thiền sư trả lời:

- Nguyệt Diện Phật, Nhật Diện Phật.

Một tác lấy từ quyển Ngũ Lục của Peter, quyển sách mỏng mà có lần được đặt trên bàn thờ ở Nhật. Một quyển sách đầy những công án từ quá khứ xa vời, một quá khứ có thể lại thành tương lai vì chúng ta sống trong những thời gian lạ lùng. Trong xã hội rất ngăn nắp một cách hiển nhiên này, trong giữa những tòa cao ốc, những đường cao tốc, gần những máy vi tính được lập trình chính xác, những vị thầy đang trở lại, và họ điên khùng như họ thường thế, trong những thời kỳ của Cổ Trung Hoa, Tây Tạng, Ấn Độ và Nhật Bản. Một chủ nông trại trong vùng đất dọn sạch nào đó ở khu rừng bị bỏ quên, một người Armenia bán những tấm thảm trong chợ Moscow, một người lao động trong mỏ muối ở Bắc Phi Châu, một con đường sạch sẽ hơn ở Amsterdam, một nhà tu khổ hạnh ở Schwarzwald,

những vị thầy ở quanh chúng ta và thỉnh thoảng chúng ta nhận ra họ. Tiệm sách chứa đầy những bộ sưu tập sách nói về “ý nghĩa đích thực của cuộc sống”. Những vị tăng ăn mặc kỳ dị nhảy múa và rung chuông trên những con đường của thủ đô. Những tu viện chính thống trống rỗng từ từ, nhưng những đạo tràng mọc như nấm và măng.

Và ở đâu đó, một triết nhân chết và thêu thào một câu trả lời buồn cười cho một câu hỏi thiện chí.

Peter nói:

- Sau này, một thiền sư gặp công án ấy và đưa ra lời bình luận của ông. Ông bình luận thẳng từ cái tuyệt đối và vị tăng đã không hiểu. Ông nói như sau:

“Nguyệt Diện Phật, Nhật Diện Phật.

Ngũ Đế.

Chà!

Chẳng phải biết bao lần họ đẩy tôi vào hang rỗng xanh?¹”

Peter nhìn chúng tôi, những đệ tử vây quanh trong phòng khách:

- Các anh làm gì với công án này?

Không ai nói gì cả.

¹Nguyệt Diện Phật, Nhật Diện Phật

Ngũ Đế Tam Hoàng là vật gì?

Hai mươi năm nay bao cay đắng

Vì các người vào hang rỗng xanh

Cái mệt nhọc này nên kể lại

Nạp tăng mắt sáng chớ coi thường.

(Hòa thượng Mãn Giác dịch - Bích Nham Lục, tắc thứ ba)

Ông khép nửa mắt và cả phòng lặng lẽ. Tôi biết rằng ông đang thở theo một cách nào đó và đi sâu vào thiền định, rằng ông đã đưa sự hiện diện của mình vào trung tâm thần kinh của thân. Dưới cái váy lụa đen của ông, bụng ông sẽ phồng lên, cứng như một trái banh sắt.

- Hãy lắng nghe với bụng của anh.

Vị lão sư Nhật đã nói.

- Hãy nghĩ với bụng của anh. Quên tai, mũi, mắt của anh đi! Đừng để vọng tưởng lôi đi! Tất cả câu trả lời là ngay ở đó.

Và ông chọc vào bụng tôi bằng cây gậy cùn ngắn. Tôi ngã ngựa. Vị thầy cười:

- Anh ngồi không tốt. Nếu anh ngồi đúng, tôi không bao giờ có thể đẩy ngã anh. Anh quá lung lay. Tiếp tục, tiếp tục, gom năng lực của anh lại!

“Phật - Hoàng đế - Vua - Chà!”

“Không có vấn đề gì. Những quyền lực lớn nhất của hành tinh chúng ta không có cốt lõi thực. Chúng ta cung kính những vị vua, những hoàng đế và ngưỡng mộ gương của Phật, người tìm ra tự do. Nhưng sự tôn kính và ngưỡng mộ bị hạn chế. Đừng mắc lừa. Đừng cho phép mình bị đưa đến hang rồng xanh, nơi anh chỉ có thể tìm ra những nghi ngờ và sợ hãi. Những triết gia ở trong hang rồng xanh, con rồng quá khó để chiến thắng, và cuối cùng khi anh đánh đuổi nó đến mặt đất, anh lột da nó, nó có một lớp da khác ở bên dưới và những lớp khác bên dưới đó nữa. Những thương gia ở

trong hang, họ chơi trò may rủi với cuộc sống và đôi khi họ thắng, nhưng bất cứ thành công nào đạt được cũng biến thành mây khói. Các tướng lãnh cũng vào hang, cả những nhà chính trị. Và những thiền sinh. Họ muốn biết Phật là ai. Họ muốn đạt ngộ. Chúng ta hoảng sợ vì sự trống không bên trong và cố lấp đầy nó, với ý tưởng, với danh tiếng, với những khẳng định”.

Và đó là phần kết bài giảng của Peter. Một bài giảng tuyệt vời khác đã được xếp vào bộ nhớ của tôi. Phật giáo bị coi là tiêu cực. Chúng ta được cho biết nó không là cái gì, nhưng không bao giờ được biết nó là gì. Đừng bước vào hang rỗng xanh. Đừng bám vào một định nghĩa. Đừng nghĩ rằng cuối cùng cái gì đó là quan trọng. Đừng tiêu phí năng lực của mình để tranh luận.

Nhưng trong khi đó, chúng ta làm hết sức mình. Nhiệm vụ gì chúng ta phải nhận, hãy làm tốt hết sức mình. Hãy để những tướng lãnh cố thắng trận, thương gia làm giàu, hãy để những triết gia cố kết nối những lý thuyết và hãy để những kỹ sư sáng chế và sử dụng. Nếu sự cố gắng gặp thành công, kết quả không quan trọng. Một huy chương hay một quả cà chua thối cũng giống nhau. Huy chương cho cái ngực của anh, và cà chua có thể trúng mặt anh. Kết quả nên cười như nhau.

Rupert đã nói với tôi về Nguyệt Diện Phật và Nhật Diện Phật. Chúng tôi ăn tối với nhau và rửa chén, rồi dọn sát lò sưởi chùng nào tốt chùng nấy. Chúng tôi đợi thời thiền tối, vẫn còn vài phút nữa.

Rupert chăm chăm nhìn tôi một cách buồn rầu và nói:

- Tất cả đều rất tốt. Nhưng tôi đã ở đây gần hai

năm và nghĩ mình đã đạt đến điểm KHÔNG mà tôi tin tưởng, và nghĩ ngờ mọi thứ. Và ở đây tôi đã làm không tê. Tôi đã có một công việc đáng tin cậy, lãnh đạo buổi thiền định. Anh bạn! Vinh dự làm sao! Trước đây tôi đã có những công việc đáng nể. Tôi là một nhà tâm lý học làm việc ở Hội Đồng Thành Phố và giúp đỡ những công chức bị suy sụp thần kinh. Họ nói tôi là người xứng đáng với công việc và địa vị của tôi được xem là một bảo đảm của thành công. Nhưng tôi không biết từ trước đến giờ thực sự tôi đã giúp được người nào. Tôi cho họ làm những bảng trắc nghiệm và điền những bảng câu hỏi và tôi quyết định nguyên nhân triệu chứng của họ. Nếu tôi có thể tìm ra sự rắc rối hay chấn thương nào làm phiền họ, tôi có thể cho một cách chữa bệnh, hay thay đổi công việc cho họ, hay vỗ vai họ và chúc may mắn. Thật không thể tin nổi người ta có thể gặp những rắc rối gì, người càng thông minh họ càng tệ hại hơn khi tai họa xảy đến. Và thành công là một nhân tố khác, thành công đánh gục con người. Thất bại là bình yên vô sự, mọi người dường như biết tiếp xúc với nó thế nào, nó thường là phổ biến, nhưng thành công thì đen đui. Và cái đẹp. Những phụ nữ đẹp và những đàn ông bảnh trai trở nên điên rồ bởi những việc cỏn con.

Tôi nhìn đồng hồ, gần hết giờ. Tôi nằm dài và ngáp. Tôi nói:

- Đến đây Rupert! Chàng trai của tôi! Đừng nói những chuyện buồn. Tôi sắp ngồi yên lặng ba tiếng đồng hồ và lần này tôi thực sự muốn tập trung. Nếu anh tiếp tục như thế, tôi sẽ có một cái nhìn đẹp về một cuộc đua vô tận của những công chức lãnh những viên thuốc an thần.

Rupert cười:

- Đó là những gì tôi đã thấy trong nhiều năm. Và tuy nhiên, đó không phải là một cuộc sống tồi như thế. Anh sẽ không nói thế nếu anh thấy căn nhà này, nhưng tôi thường có một lô sách. Nhiều năm tôi đã đọc, tôi ngẫu nhiên tất cả: văn chương, tôn giáo, tâm lý, triết học. Anh đặt tên cho nó, tôi đọc nó. Trước khi đến đây, tôi đã bỏ hơn ba mươi bao sách và bìa cứng, và bìa của những đĩa thu âm. Phòng tôi được trang bị tốt. Anh cũng sẽ không nói thế, nếu anh thấy đống rác này. Có lẽ tôi sống lộn xộn có mục đích. Tôi không đọc thêm gì nữa và không nghe nhạc dù thực sự thích nhạc. Đôi khi, tôi nghe những phần hòa âm với tất cả nhạc cụ thích hợp, khi tôi cố thiền định. Nhưng tôi chỉ còn ở đây ba năm và tôi đang làm một cách đúng đắn như tôi đã nói. Tôi thiền, làm việc, ăn, ngủ và chỉ có thế. Tôi làm trong xưởng cưa. Công việc ngu xuẩn, giống nhau mọi lúc. Tôi đã phải cưa cả ngàn cây.

Tôi nói:

- Ở lại ba năm? Anh phải đi khi hết hạn à?

Rupert nói:

- Vâng. Khi tôi đến đây, Peter nói rằng ông chỉ cần tôi năm năm. Một người khác ba năm và tôi nhận chỗ ở. Có lẽ ông cho phép tôi trở lại, như ông đang cho phép anh đến đây một thời gian ngắn, nhưng tôi không được phép sống ở đây thêm nữa. Nhà này sẽ dành cho đệ tử mới.

Tôi hỏi:

- Và anh sẽ làm gì? Trở lại với những công chức yếu thần kinh?

Chúng tôi đang đi về thiên đường, anh ta hôm đó không dùng xe.

Anh ta không trả lời trước mà nhìn một cách dữ dội, nói:

- Nghe có vẻ buồn cười, nhưng khi tôi đến đây, tôi đã cảm thấy rằng mình cùng đường. Tôi chắc rằng đây là cơ hội cuối cùng của mình, có thể làm việc dưới một thiên sư. Và khi ông bảo rằng tôi chỉ có thể ở lại năm năm, tôi tự hứa vào cuối năm năm này, tôi hoặc là có tuệ giác tôi muốn, hay phạm tội tự sát. Tôi đã lập chương trình một cuộc tự tử ngoạn mục, như tự nổ tung với 45 kg thuốc nổ, ngay trung tâm của Ngũ Giác Đài hay trung tâm quan trọng nào khác của xứ sở buồn nôn này.

Tôi lầm bầm:

- Một kẻ vô chính phủ!

Rupert nói:

- Vâng. Một anh chàng râu đen với kính râm và bom plastic trong một va-li cạc-tông. Một kẻ vô chính phủ luôn hấp dẫn tôi. Điều đó rất tôn giáo. Những người Ấn Độ Giáo có một vị chúa Phá Hoại đặc biệt, Shiva Thần Hung Nộ.

- Anh vẫn định tự nổ tung lên không trung chứ?

- Tất cả là những việc vô ích. Tôi biết thế, rồi tôi cũng nghĩ. Nhưng nó là một ý tưởng tôi không thể bỏ ngay lúc ấy. Bây giờ nó mất tiêu rồi.

- Vậy bây giờ anh định làm gì?

- Kiểm một nhà khác, mua sách và đĩa nhựa, đồ đạc và dụng cụ nhà bếp.

- Cái gì? Anh không thể sống mà không có tất cả

món ấy. Tôi cũng thế. Dù sao có gì là sai chứ?

- Không. Tôi có vài sở hữu ngay ở đây. Mọi người đều có, ông thầy cũng có một nhà đầy đồ vật. Người ta tặng quà ông. Nhưng ông có thể không cần nó. Một lô người năm ngoái đến đây, kể cả những gia đình, và chúng tôi không thể có nhà cho vài người. Peter cho họ ở nhà của ông và tự dời đến một lều nhỏ. Ông không có gì chỉ có một giá sách và một lò dầu nhỏ. Ông sống ở đó sáu tháng và tôi không nghĩ ai đó nghe ông phàn nàn.

Tôi nhìn quanh xem có thấy chú bạn sóc của mình không. Cuộc đàm thoại bắt đầu làm tôi bức mình, tôi thích yên lặng hơn. Không giống như Rupert đột nhiên xâm nhập vào dòng ngôn ngữ. Tôi nhận ra rằng tôi đang nghĩ đến thiền định. Lão sư ở Kyoto đã dự đoán tôi sẽ như thế. Ông nói:

- Một ngày nào đó, anh sẽ thiền định với sự thích thú. Anh sẽ thực hành cho riêng mình và không ai phải thúc đẩy anh.

Tôi đã hỏi:

- Chân tôi cũng vẫn đau chứ?

- Dĩ nhiên, cái đau đó thì mãi mãi. Nó cũng làm phiền tôi. Anh khoan chân và làm nghẽn mạch máu, vì thế chân anh bắt đầu như bị kim châm. Và cảm giác này đổi thành đau đớn. Nhưng nó sẽ ngưng ngay khi anh đi dạo một chút. Cái đau không mất đi nhưng nó yếu dần khi sự tập trung của anh tiến bộ. Những tư tưởng tệ hại hơn cái đau, nhưng nó cũng sẽ ngưng quấy rầy anh, và anh sẽ học làm sao để trị hôn trầm. Ngồi thiền lâu có nội chứng sâu. Anh không để ý nó hằng ngày vì sự thay đổi rất từ từ. Nhưng nó sẽ đến. Và

rồi anh nhận ra rằng anh muốn rời bỏ hoạt động, tìm một nơi lặng lẽ, và ngồi đó một mình. Bây giờ anh bị thúc đẩy bởi thời khóa, chuông, phách. Lâu sau anh sẽ không cần chúng nữa.

Rupert vẫn đi cạnh tôi về chán nản. Tôi thấy nên làm anh ta vui lên. Tôi nói:

- Vui lên, tốt lắm. Điều này không đưa anh đến đâu.

Tôi vỗ vai anh ta.

Anh ta quắc mắt, nói:

- Để tôi một mình. Người ta luôn nụng nhau ở đây. Thời tân tiến này, họ còn ôm nhau khi gặp gỡ. Tình yêu! Đồng tính luyến ái, tôi không thích nó chút nào!

“Một sự thân mật đúng lúc sẽ làm thỏa nguyện”. Ở Hà Lan những câu nói có vần và trong khi tôi cố tìm một vần tương tự trong tiếng Anh, Rupert nhìn tôi như thể bị tôi đá vào ống quyển. Tôi cố lần nữa.

- Rupert điên, Rupert khùng.

Thời gian thì mịt mù và tương lai đi đong!

Rồi tôi cố lộn nhào đầu mình trong tuyết nhưng nó không bật lên tốt lắm và tôi đứng dậy xoa vai. Nhưng nó không sao, anh ta cười.

- Được rồi, được rồi! Tôi thấy anh đã gắng hết sức. Và tương lai không tồi lắm. Tôi vẫn có ba năm để tìm ra cái gì đó và sau đó tôi có thể kiếm tiền và du lịch khắp thế giới một thời gian. Tôi có thể mua một chiếc xe nhỏ hay một mô-tô và cưỡi đi đó đây ở Viễn Đông.

Tôi cũng có thể tìm được một thánh nhân, người sẽ cho tôi một cú đẩy.

Chúng tôi đến gần cái cầu chia cắt thiên đường và thế giới trần tục. Một khi đã đến cầu thì không thể nói chuyện thêm.

Tôi chờ đến lúc tới sát cầu. Tôi nói:

- Hãy gắng hết mình đi Rupert! Anh chỉ còn có ba năm.

Anh ta lại quắc mắt và muốn trả lời, nhưng tôi chỉ cái cầu đang đi ngang và đưa tay lên môi.

Cười toe, chúng tôi đến cửa thiên đường.

Tôi đã gắng hết sức mình trong thời đầu tiên, cố đạt đến sự yên lặng mạnh mẽ của thiên định. Những tư tưởng vẫn cứ tuôn ra và những tưởng tượng quấy rầy công án, một công án mới tôi vừa được cho. Tôi vẫn cố gắng và thời giờ qua mau, cái đau không làm phiền tôi.

Trong năm phút xả hơi, tôi duy trì nó và bước vào thời thứ hai với những ý định đúng đắn giống như thế. Nhưng rồi tôi tới Nhật. Đó là một kinh nghiệm đột biến và phi thường đến nỗi tôi đã bán khoản mà nhận rằng tôi đã đạt đến sự tỉnh thức tuyệt vời này, một tỉnh thức trên cấp độ cao hơn nhiều cuộc hành trình bình thường qua không gian và thời gian mà chúng ta có mỗi ngày. Tôi thực sự ở Nhật nhưng không theo lối tôi đã ở cách đây mười năm. Những khoảnh khắc bây giờ tôi sống, sắp hàng ngay ngắn và sạch sẽ cực kỳ, là những nét nổi bật nhất trong ký ức của tôi. Tôi đang dạo trên một đường phố hẹp một lần nữa, như tôi đã đi mỗi ngày, trong suốt sáu tháng. Tôi ngửi mùi rau củ tươi, trà, thảo mộc. Tôi nhảy qua một bên tránh chiếc mô-tô của một

tên du đảng trẻ, cột quanh đầu một mảnh vải. Tôi dạo trong những vườn chùa, tôi thấy những tảng đá và sỏi được cào theo những kiểu thú vị, nhưng không có hiểu biết gì hơn, không có khoảng cách giữa người quan sát và vật bị quan sát. Tôi lại gặp vị lão sư, tôi dạo qua phố đèn-đò, hồng đăng ở cảng Kobe, tôi ở trong lâu đài của Osaka, tôi đã nghe tiếng nhạc tinh tế của ông sáo trúc. Tôi lái một chiếc thuyền nhỏ trên hồ Biwa. Thoáng chốc, tôi nghĩ mình sẽ cắt đứt ảo ảnh. Tôi không vào thiền đường để làm một hành trình qua Nhật, tôi nên giải quyết công án của mình, tập trung vào nó. Nhưng cái kinh nghiệm quá ấn tượng. Bảy giờ thời gian hoàn toàn biến mất. Rupert lắc chuông và cuộc phiêu lưu bị ngưng đột ngột. Tôi nhảy khỏi bồ đoàn và ra ngoài. Tất cả đều qua đi, tôi chỉ có thể nhớ những kỷ niệm. Một kinh nghiệm bất thường khó hiểu, bao gồm cột tủy của một năm và nửa đời người. Không có tình tiết trong sự kiện, không thời khóa hằng ngày. Một giấc mơ ngây ngất.

Thay vì phải chú tâm chính đáng, tôi lại cố tìm lại cuộc phiêu lưu trong thời kế tiếp nhưng không có chút kết quả nào. Tôi bỏ qua nó và tập trung. Chân tôi đau và tôi run rẩy. Thời gian trôi chậm không chịu nổi, tôi cố liếc đồng hồ và những cây kim đã ngừng lại. Cuối cùng tiếng chuông ngân. Tôi không ra ngoài nhưng đứng chờ trước chỗ ngồi, khổ sở. Và rồi tôi bắt đầu lại.

Tôi hiểu công án. Tôi không biết từ đâu câu trả lời đã đến nhưng nó dứt khoát đúng. Dường như quá đơn giản và tôi trình bày nó với một nỗ lực.

Từ phòng tham thiền về, tôi tự hỏi vị thầy có biết được những gì người đệ tử trải qua trong thiền đường không. Ông cho chúng tôi công án, có thể từ những sưu tập được in trong sách công án cổ mà ông đã giữ trong phòng riêng của mình. Sau này, có lẽ, ông phải cho tôi công án của riêng ông. Hầu hết những vị thầy thêm vào những sưu tập đang có. Ông có biết rằng tôi vừa ở Nhật? Tôi không thể kể cho ông. Tham thiền là trang trọng và giới hạn vào những công án. Không có chuyện trò gì cả. Cũng không có thi giờ, bốn mươi đệ tử trong vòng hơn một tiếng. Ông quan sát đệ tử từ năm đến sáu giờ một ngày. Hai phút cho một người tham thiền, ông chỉ dành cho chúng tôi như thế.

Và những công án là gì? Peter đã bảo chúng tôi, trong một bài tiểu thoại rằng công án là những “dấu chỉ”. Tôi đã tra tự điển to đùng của Simon. Một dấu chỉ là một gợi ý, một dấu hiệu. Nó cũng là cây gậy mà ông thầy dùng để chỉ gì đó trên bảng đen hay bản đồ. Cái hướng của bài giảng được chỉ đến, trong khoảnh khắc. Nhưng khi anh tìm câu trả lời cho công án, bí ẩn như chính công án, sự thể hiện vẫn là những cái anh tìm ra. Vị thầy chấp nhận tuệ giác, nhưng ông không nói anh làm gì với tuệ giác đó. Những công án chỉ ra một huân thị nhưng anh vẫn có thể ứng biến. Anh có thể đi theo con đường mà vị thầy không bằng lòng, và ông có thể chấm dứt sự tu tập của anh. Nhưng tuệ giác của anh vẫn đúng và được công nhận một cách thích đáng.

Làm sao anh vận dụng tuệ giác? Công án không phải là những trò chơi ngôn từ, không tài giỏi, không khéo léo trong sự trao đổi giữa thầy trò. Câu trả lời đến thẳng từ thiền định, nó xuất hiện bất ngờ, giống như một con thỏ sống nhảy ra từ cái mũ của nhà ảo thuật.

Anh sẽ làm gì với con thỏ sống đó? Huấn luyện nó? Ăn nó? Tôi chẳng thích những con thỏ mà tôi sản xuất ra chút nào. Tôi về nhà làm bầu một mình. Rupert đã pha chế món uống bổ dưỡng ra chuồng của anh ta, sữa hạt hồi nóng với mật, rắc hạt nhục đậu khấu, một hỗn hợp trông kinh sợ mà mùi vị lại ngon. Tôi uống nước đặc ngọt nóng, dựa đầu vào tường.

Rupert hỏi:

- Vậy thì bạn tôi tôi nay ra sao?

Tôi lắc đầu và uống hóp khác.

- Thật không dễ dàng, gì thế?

Tôi nói:

- Không, chúng ta đang cố làm gì trên trái đất?

Rupert nói:

- Hãy nện tôi đi, nhưng chúng ta vẫn phải tiếp tục. Uống chút nữa.

Tôi cảm xúc của mình lên.

Nhưng dẫu sao những hoạt động của chúng tôi vượt quá sức mình, nó làm chúng tôi rất mệt và tôi đã ngủ trước khi đặt đầu lên đồng mền.

Ba tỷ người sống trên một trái banh.

Trái banh thì lơ lửng chẳng bám vào đâu.

Ba tỷ người này làm gì trên trái banh?

Và tại sao, ông Thiên sinh, ông muốn biết?

Ông cũng chả biết điều đó.

17

CON CÒ GIÀ

- Chào buổi chiều.

Tôi thức dậy, cố gắng một cách vô hiệu để tóm lấy những mảnh vụn của giấc mơ đang nhanh chóng cuốn đi.

- Xin lỗi về sự đường đột của tôi.

Tôi không biết ai đang nói với mình và chẳng trông thấy gì.

Đó là giờ giải lao buổi chiều, sau bữa ăn trưa một mình, gồm một miếng xương gà và vài miếng bánh mì nướng trong khu vực của đạo tràng, tôi đã lén chui vào lỗ trống tối thui dưới đồng mền. Rupert không về nhà.

- Tôi có thể giúp anh không?

Tiếng nói ấy lại vang lên và bây giờ thì tôi đã thấy chủ nhân của nó. Nhà văn đồng nghiệp của tôi, người đàn ông mà cái ngày sau tuần tu Rohatsu, tôi đã gặp trong ngôi nhà gỗ một tầng thuộc những người bạn của Peter.

Người khách nói:

- Vui lòng tha lỗi cho tôi, anh trùm mền kín đầu và tôi kéo nó xuống.

Tôi phải lườm ông ta vì ông ta bắt đầu xin lỗi nữa.

- Vui lòng tha lỗi cho sự đường đột này. Tôi muốn gặp anh nhưng rất khó để liên lạc với ai ở đây. Cũng chẳng có điện thoại. Tôi đã gõ cửa vài nhà và cuối cùng tìm thấy anh trong nhà này. Tôi chỉ muốn có một cái hẹn để sau này trở lại khi thuận tiện.

Tôi đã ngủ mê mệt, phải cần vài phút mới có thể nói ra câu. Tôi ngồi dậy và lắc đầu, tôi phải lắc vài lần cho đầu óc sáng sủa ra.

Tôi nói:

- Tôi đã ngủ, nhưng chào mừng ông. Tôi luôn cố ngủ một chút vào buổi chiều, nếu có cơ hội.

Người đàn ông nói:

- Vâng, anh đã dậy rất sớm, tôi biết điều đó. Nhưng cho phép tôi tự giới thiệu. Tôi là James.

Ông ta chìa bàn tay khô lạnh. Bây giờ tôi chú ý nhiều hơn một chút. Một người đàn ông tươm tất, mặc một bộ trang phục sọc xanh, đầy đủ áo gi-lê. Một cà vạt xám tro. Đôi mắt xanh ướt át sau cặp kính dày. Một vóc dáng tốt, rất tốt vào tuổi ông ta, ông ta phải hơn sáu mươi. Tôi lắc đầu lần nữa.

- Ông uống trà chứ?

James nói:

- Không, không, đừng mất công. Tôi chỉ muốn hẹn, anh ngủ lại đi. Tôi sẽ trở lại khi anh rảnh và thích nói chuyện với tôi.

Tôi liếc cái đồng hồ reo của Rupert, chúng tôi có một giờ trước khi thời thiên bắt đầu trở lại. Dù sao bây giờ tôi cũng đã thức.

- Ông có thể ở lại nếu ông thích. Chúng ta có một giờ. Tôi pha trà, uống một chút.

Ông đội tóc giả, hay một phần tóc giả. Tóc hai bên và sau ót dường như thật, nhưng lớp phủ trên sọ thì có thể giả. Nó được chải chuốt rất tề chỉnh.

Trà đã sẵn trong vài phút, tôi đã đặt ấm nước trên lò trước khi đi ngủ.

Tôi hỏi:

- Ông là nhà văn, phải không?

James hỏi:

- Anh cũng vậy chứ?

Tôi nói:

- Không hẳn thế.

Ông ta chum môi:

- Anh là nhà văn hoặc không. Anh có một cuốn sách trong tiệm sách phải không?

- Vâng.

- Vậy thì anh là nhà văn.

Tôi rót trà và nói:

- Sáng nay tôi chế củi nhưng tôi không nghĩ mình là tiểu phu.

James khuấy trà bằng cái muỗng cong. Trong nhà không có ghế. Ông ta vẫn đứng chỗ tôi thấy đầu tiên khi thức dậy. Tôi gấp vài cái mền và đặt xuống nền nhà.

- Mời ngồi.

- Cám ơn.

Tôi sững sốt nhìn ông ta. Ông ta ngồi xuống trong một cử động, giống như thể ông thả thân mình xuống nền, nhưng ông đang ngồi dang hoàng, tréo chân và không rơi một giọt trà.

- Thân ông rất dẻo.

James mỉm cười. Tôi thấy hai hàm răng rất trắng, không đều nhỏ nhắn và ước lượng chúng có đến vài ngàn đô-la. Ông kéo quần bằng tay còn lại.

- Tôi tập mỗi ngày, giữ gìn sức khỏe.

Tôi cũng ngồi xuống và khuấy trà. Chúng tôi làm thỉnh quan sát lẫn nhau.

Người mắt ướt cầm tay tôi ân cần nhưng chắc chắn.

- Nhưng nếu anh không phải là nhà văn thì anh là gì?

Tôi phải nghĩ về một nhận xét của Peter sáng đó. Chúng tôi làm việc với nhau một tiếng đồng hồ, kéo những cây đã cưa đến một chỗ trống đằng sau nhà của ông. Chúng tôi ở gần đường và mỗi khi có ai đi qua, ông đều ngưng làm và hỏi lớn tiếng:

- Sáng nay anh thế nào?

Hầu hết mọi người đều trả lời:

- Khỏe, còn ông ra sao?

Trừ Edgar thì lăm bằm gì đó, bỏ mũ lông xuống, lộn bên trong ra và đội lên lại. Tôi phì cười vì lớp vải lót của cái mũ màu đỏ điểm sọc trắng và cái mũ lưỡi trai mới này trông buồn cười trên cái đầu đỏ tròn của Edgar.

Tôi hỏi Peter:

- Đó là câu trả lời đúng chứ?

- Không tôi.

- Tôi không hỏi thế, nó là câu trả lời đúng không?

- Chưa.

Ông không trả lời những câu hỏi thêm của tôi.

Người ta có thể cư xử theo cách thường, và người ta có thể cư xử theo cách điên khùng. Những thiền sư và thiền sinh chúng ta gặp trong văn chương thường thường chọn lối khùng điên. Họ hỏi nhau những câu dó dằn, họ đánh nhau và cười ngất.

Nhưng chỉ trong sách người ta mới cư xử lối đó. Trong đời sống thực tế những thiền nhân cư xử như những người lành mạnh nhất. Tôi đã có thể quan sát họ trong thời gian dài ở Nhật và họ dường như hoạt động theo những khuôn mẫu được chấp nhận. Họ làm những công việc mà những vị ở cấp bậc cao hơn giao phó, làm bếp hay làm vườn, và thiền định trong những giờ quy định. Tôi không nhận ra bất cứ điều trái quy luật đáng ngạc nhiên nào. Phần điên khùng trong đời sống của họ giới hạn ở những công án và cuộc tham vấn liên tục xảy ra với vị thầy. Nhưng có vài ngoại lệ - một bình luận bất ngờ, một câu chưa hoàn chỉnh, và vài kinh nghiệm không thể giải thích thẳng tuột.

Tôi nghĩ rằng tôi có thể hiểu trò chơi của Peter với đệ tử. Ông hỏi họ thế nào. Dĩ nhiên, ông quan tâm họ ra sao. Nhưng hỏi, “Sáng nay anh thế nào?” là một

câu hỏi thông dụng, một hình thức không nhiều ý nghĩa và chiều sâu.

Nhưng câu hỏi có thể hoàn toàn sâu.

- Anh thế nào? Anh thế nào, kẻ lang thang trong vũ trụ? Anh thế nào, nhân dạng rành rành? Anh thế nào, Bò Tát, anh, ai thế đạt đến Niết-bàn? Anh thế nào, người hỏi nhiều câu hỏi? Hôm nay anh có tỉnh thức không? Anh có biết tại sao anh đang đi dọc theo con đường rừng? Anh có biết anh đang làm gì không?

Chỉ có Edgar hiểu rằng Peter đã hỏi nhiều hơn ông có vẻ hỏi. Nhưng Edgar không biết làm sao để nói rõ câu trả lời chính xác. Vì thế anh ta lảm bảm gì đó và đã thực hiện hành động nhỏ với cái mũ lưỡi trai. Không tồi. Nhưng cũng không hoàn toàn đúng.

Nhưng anh ta nên làm gì? Anh ta nên lao vào Peter và tát vào mặt thầy chăng?

Anh ta có nên hét to “om” hay thân chú có uy lực nào khác?

Và bây giờ tôi định làm gì? Một quý ông rất tươm tất, nhà văn James, người đột nhập quấy rầy giấc ngủ chiều của tôi, sinh vật này, người sử dụng một thân hình dặt tiền và nhanh nhẹn, muốn biết tôi là gì, và có lẽ ông còn muốn biết tôi là ai. Tại sao ông ta muốn biết?

Ông ta có phải là một tác giả thực dụng, tìm kiếm tư liệu cho tiểu thuyết kế tiếp? Hay ông ta muốn biết chúng tôi đang làm gì ở đây để kiếm lợi nhuận bí ẩn nào đó do cuộc gặp gỡ?

Lần gặp gỡ trước, ông ta có vẻ rất thông minh. Ông ta là người độc nhất hiểu thấu Peter đang chơi khăm bà chủ nhà. Những chúng sanh trên núi Meru được trang bị đôi cánh bắt đầu rữa nát sau một thời gian. Ngay cả đời sống thần thánh cũng đi đến kết thúc. Sự tái sinh không đưa ra sự an ủi. Anh có thể lên thiên đường một chốc nhưng cái gì xảy ra khi thời gian của anh đã hết? Anh sẽ phải đối mặt với sự sanh đau đớn khác không? Đùng là nó sẽ bắt đầu trở lại ư? Và ai bảo đảm rằng anh sẽ không bao giờ phải xuống địa ngục? Và giả thử anh may mắn và được đưa từ thiên đường này đến thiên đường khác, anh sẽ không xáo trộn vì ý tưởng hằng tỉ chúng sanh đang đau khổ ở nơi nào khác sao?

Nhà văn, người đang hóa thành James, đã biết giá trị của câu truyện.

- Được rồi.

Tôi nói vì James vẫn nhìn tôi.

- Tôi là nhà văn. Anh cũng là một nhà văn. Nhưng anh đâu phải đến để hỏi tôi là nhà văn hay không. Vì sao anh đến?

Có lẽ tôi nên đòi ông ta chơi xì phé với tôi. Ông ta chơi rất giỏi. Không đổi nét mặt. Ông đưa ra một hộp xì-gà vàng. Tôi lấy một điếu.

Một hộp xì-gà vàng. Hiện giờ rất hiếm. Tôi cho rằng chiếc xe đang nằm đợi ông ta trên con đường của Peter là một xe Pháp loại đắt tiền nhất được nhập khẩu.

James nói:

- Khi trước lúc tôi gặp anh, tôi tin anh cũng đang hút xì-gà, và anh uống rượu Martini.

Đừng mắc bẫy, tôi tự nhủ. Hành động vô tư đi.
Đừng để bị đẩy vào thế phòng ngự.

Tôi trả lời vui vẻ:

- Vâng, một xì-gà và một Martini.

Cuộc đàm thoại tạm ngưng. Ông ta đang nghĩ gì? Ông ta tin rằng tín đồ tự mình tùy thuộc giới luật cá biệt này và từ bỏ những niềm vui mà xã hội ban cho một cách rất tự do chẳng?

Tôi nghĩ, hãy để ông ta tự nói điều này.

James hút xì-gà và nhả một vòng khói rất đẹp.
Ông ta nói:

- Anh thật sự phải tha lỗi cho tôi, tôi biết tôi không có gì đúng khi xâm nhập vào đời tư của anh. Nhưng tôi hiểu kỳ, như anh sẽ hiểu. Những nhà văn thường hiểu kỳ. Cuộc gặp gỡ với Peter, thầy anh và với chính anh, đã gây ấn tượng cho tôi. Tôi thích biết thêm một tí. Tôi chắc rằng tôi không tình cờ đến trái đất này. Tôi tin thế vì tôi là một người tích cực, như hầu hết những người Mỹ. Chúng tôi là những tâm hồn đơn giản, có lẽ đó là lý do xứ sở chúng tôi rất mạnh. Tổ tiên chúng tôi đến lục địa này vì họ đi tìm lợi nhuận. Họ có thể không kiếm được gì ở quê hương mình và định tìm vận may ở đây. Chúng tôi, những người Mỹ, phát đạt. Sự kiện không thể bàn cãi. Hàng bao năm, Mỹ đã là xứ giàu nhất thế giới. Nó vẫn thế. Nhưng giàu có không phải là tất cả.

Tôi nói:

- Không.

- Anh có giàu không?

- Dĩ nhiên.

James cười to:

- Anh nói điều đó rất dễ thương. Nếu anh hỏi bất cứ ai ở đây, nếu họ giàu họ sẽ tránh câu hỏi. Dù cho họ sống trong một căn nhà nguy nga và hầu như luôn nghỉ cuối tuần ở Miami, dù cho họ có thể gây ảnh hưởng tại thị trường chứng khoán, họ sẽ chối việc mình giàu.

Tôi nói:

- Có lẽ họ nghĩ rằng họ sẽ có thể giàu hơn.

James nói:

- Dĩ nhiên, đó là lý do. Anh có thể thêm một ít vào tài sản của mình. Nhưng anh cũng có thể mất tài sản của anh. Và điều đó có thể rất khó chịu. Và có lẽ những người này mê tín, họ không muốn liều mạng. Vậy anh giàu chứ?

- Chắc rồi!

- Ý anh thế nào? Anh định nghĩa giàu là thế nào?

- Ô!

Tôi nói, và làm một cử chỉ mơ hồ.

James lắc đầu một cách dè dặt.

- Không. Anh không phải tránh câu hỏi. Tôi hứa sẽ trả lời trung thực bất cứ câu hỏi nào. Có lẽ sự trao đổi này có ích cho anh. Anh biết rằng không có gì xảy ra mà không có lý do. Tôi đến đây và anh lịch sự tiếp tôi, cho tôi một chỗ ngồi, trà và thời gian của anh. Anh biết rằng tôi đến đây với một mục đích. Và bây giờ tôi hỏi anh một vài câu hỏi. Anh nghĩ gì về giàu?

Tôi nghĩ, Chà! Đúng ra tôi đang ngủ mà giờ đây tôi thức, để đối thoại với một quý ông tươm tất và thông minh trong việc gài bẫy.

- Anh đã sẵn sàng chứ?

Peter đã hỏi và tôi đã trả lời:

- Về cái gì?

Và ông lắc đầu. Một câu hỏi hay và một câu trả lời ngớ ngẩn. Anh luôn luôn phải sẵn sàng. Bây giờ tôi phải sẵn sàng để dẫn dắt cuộc đối thoại.

Tôi lưỡng lự nói:

- Giàu, tôi nói tôi giàu. Và đúng thế không chút nghi ngờ. Tôi có quần áo, thức ăn, một mái che đầu. Tôi còn có một xe hơi và một ít tiền tiết kiệm. Và một nguồn thu nhập. Nhưng đó không phải là gì anh muốn nói.

Ông ta lắc đầu.

- Vậy thì ông biết câu trả lời cho câu hỏi của riêng ông. Tôi có những gì ông có.

Đôi mắt ướt của ông ta lộ vẻ sinh động.

- Và tôi có gì?

Nhưng bây giờ tôi đã dồn ông ta vào thế bí.

- Ông bảo ông sẽ trả lời trung thực. Nếu ông không biết tôi muốn nói gì thì ông nên nói thế, nhưng tôi nghĩ ông biết những gì tôi nói.

James nói:

- Được rồi, anh thắng. Tôi có cơ hội giống như anh có. Cơ hội con người. Chúng ta có thể trở thành tự do. Đó là tài sản lớn lao. Đó là quyền, và cũng là khả năng của mọi con người. Tôi cho là thế, đó là những gì anh muốn nói chứ?

Tôi phải gạt để ông ta tiếp tục.

- Nhưng đó là những ngôn từ. Giờ chúng ta đang thảo luận về tự do. Cái gì là tự do?

Tôi nghĩ: Không, không! Những câu hỏi này vượt khỏi tôi. Đó sẽ là một câu tham vấn. Tôi phải thiền định về nó và có lẽ tôi phải tìm ra một loại trả lời nào đó, có lẽ thỏa đáng, trong một thời gian. Và rồi vấn đề sẽ liên quan đến một công án mới. Nhưng đây không phải là tham thiền. James muốn tôi trả lời ngay bây giờ và ông ta muốn một câu trả lời hợp lý.

- Niết-bàn.

Tôi nói, không hy vọng lắm.

James nói:

- Đó là một từ ngữ khác. Giờ hãy nói cho tôi Niết-bàn là gì.

Ở Nhật, tôi đã hỏi vị lão sư và ông chỉ vào nền nhà, nói:

- Đây, anh đã ở đó rồi. Anh ở Niết-bàn. Anh như con cá kêu khát nước. Anh đang ở ngay trung tâm của nó. Ở đây, ở đây!

Nhưng tôi không thể bảo James rằng ông ta đã ở Niết-bàn. Tôi cũng phải trung thực.

- Lắng nghe!

Tôi nói, và nét mặt James lập tức thay đổi, trở nên chú ý tột bậc. Ông ta đang lắng nghe. Tôi phải cười và ông cũng cười.

- Lắng nghe!

Tôi nói lần nữa, ông ngưng cười và lưu tâm lại.

- Bây giờ lắng nghe đây. Tôi không biết Niết-bàn

là gì. Tôi cũng không biết nó có thực sự tồn tại không. Nếu tôi thấu hiểu những gì mà tôi đọc và được nghe, thì Niết-bàn là một cõi ở đó chúng ta được tự do. Ai đã đạt đến Niết-bàn sẽ không bao giờ phải sanh trở lại, không ở trên trái đất, không ở trên một hành tinh khác, không trong tương lai, không trên thiên đường cũng không ở địa ngục. Bất cứ ai đạt đến Niết-bàn, là ở đó. Anh có nghe kịp không?

James nói:

- Không.

Tôi nói:

- Tôi cũng vậy, và đó là lý do tôi ở đây.

James đưa tay lên, nói:

- Chỉ một phút, tôi muốn anh ngưng một phút. Tôi tin là anh không phải mới tu tập. Anh đã tu một thời gian dài rồi chứ?

Nhưng cái gì là một thời gian dài? Một năm? Mười năm? Người già bảo rằng đời sống không dài. Tôi nói:

- Tôi không biết một thời gian dài là gì.

Ông ta nhìn tôi.

Tôi vội vàng nói:

- Không, không. Tôi không tránh câu hỏi. Tôi thực sự không biết một thời gian dài là gì. Tôi không phải mới tu tập. Nhưng thời gian không có nghĩa nhiều. Có lẽ những đệ tử ở đây tiến bộ thực sự, những người lão luyện cao cấp nếu ông muốn.

James nói:

- Anh khiêm tốn rồi.

- Đúng. Khiêm tốn luôn luôn là khôn khéo.

James nói:

- Khôn khéo là vô nghĩa.

- Tất cả đều vô nghĩa.

James nhìn ra cửa sổ, ông lặp lại:

- Tất cả đều vô nghĩa, rất thật. Câu nói của một Phật tử chân chính. Người đạo Lão tuyên bố giống thế. Và cả người Công giáo. Khi Eckhart bị hỏi về Chúa, ông không trả lời. Ông bảo vật quanh đây không có Chúa, cũng không không-có-Chúa. Ông ấy phải có sự nhận xét từ Niết-bàn của anh.

Tôi nói:

- Niết-bàn không phải của tôi.

James thở dài:

- Anh phải tha lỗi cho một ông già đã hỏi tất cả những câu hỏi này.

- Ông không già.

Ông ta mỉm cười và hơi cúi mình.

- Anh rất tử tế. Tôi giữ gìn sức khỏe nhưng tôi là một ông già. Tôi có một mớ thuốc tuy nhỏ nhưng đầy đủ trong xe. Thân tôi đang từ từ sạm dần. Tôi đang đau khổ vì sự kết hợp của nhiều bệnh tật khác nhau, sẽ giết tôi trong khoảng năm mươi năm tới. Tôi đã đọc và suy nghĩ nhiều và bây giờ, hơi bất ngờ, tôi đã chạy vào phong trào này và gặp một vị thầy và bị ấn tượng. Tôi không dễ bị ấn tượng. Tôi thường thích chỉ trích hơn và tôi luôn chứng tỏ mình luôn luôn đúng, dù có vài ngoại lệ. Có lần tôi gặp một ông lão làm vườn, và người bà khác thường của người bạn thân nhất. Thật vậy, tôi có gặp vài người thật ấn tượng nhưng rất ít. Những vị

thầy tôi đã gặp hay tìm ra, những tiên tri, những thánh nhân và những người rao truyền chân lý... họ là những kẻ khoác lác, không có lời nào thích hợp với họ hơn. Họ muốn anh vào hội của họ và ca tụng họ và dĩ nhiên anh phải nộp tiền cho họ. Tôi không nghĩ thầy anh sẽ từ chối tiền của tôi.

Tôi nói:

- Không.

- Ông ta có nhận của anh không?

- Có, nhưng đó là một vinh dự.

- Ông ta đòi tiền?

- Một sự đóng góp nhỏ hằng tháng. Và chỉ những đệ tử mới được phép đóng. Nếu đệ tử không vui, ông sẽ trả lại tiền.

- Việc đó đã xảy ra chưa?

- Rồi.

James nói:

- Điều đó tốt, rất tốt. Một người thực sự.

- Một người thực sự là gì?

James đứng dậy. Câu hỏi của tôi dường như xúc phạm ông ta. Ông ta mất tự chủ trong chốc lát. Trong vài giây, ông không còn là một quý ông lão thành sang trọng đẹp đẽ mà dường như mất bình tĩnh, nóng nảy.

- Một người thực sự là người mà Bible mô tả. Người thủy chung như nhất. Người sẽ cho anh điều thuốc cuối cùng của anh ta. Người sẽ viếng thăm khi anh bệnh, hay khi cả thế giới cho anh là điên, và anh cô độc trong một xó. Người giúp đỡ mà không muốn

là vị cứu tinh. Một người không thể chiếm đoạt vì ông ta không có gì để chiếm đoạt.

Tôi nói:

- Hừm! Ông đang mô tả một tên ngu dốt quê mùa.

James nói:

- Hoàn toàn, anh có thể rất đúng. Đừng bao giờ khi dễ người quê mùa dốt nát. Hay người thiếu trí và ngờ ngẩn.

Tôi nghĩ đến ông chủ tiệm gần thành phố và đứa con thiếu trí của ông.

- Peter rất thân thiện với một anh chàng thiếu trí.

James nói:

- Anh biết đó, tôi có thể uống thêm trà chứ? Nhà này quá khô.

Tôi rót đầy ly, ông ta nhìn tôi hài lòng.

- Anh chưa phải đi chứ?

Tôi nhìn đồng hồ. Gần đến giờ. Tôi hỏi:

- Anh có thiện định bao giờ chưa?

James nói:

- Không, nhưng tôi tập Yoga nhiều năm. Tôi có thể ngồi kiết già.

- Sao ông không dự với chúng tôi chiều nay? Tôi có thể xin phép vị giám thiền. Bây giờ chúng ta chỉ ngồi khoảng hai tiếng, và có nhiều lần giải lao.

James đứng dậy. Tôi hỏi:

- Ông đến chứ?

Ông ta gật đầu.

Tôi không nghĩ ông đồng ý. Tìm ai đó muốn thảo luận Phật pháp thì dễ dàng nhưng thiên định là việc khác. Ý tưởng phải ngồi yên lặng đang gây kinh hoàng, nạn nhân cảm thấy bị tóm lấy và lo lắng về những ảo tưởng và thần kinh căng thẳng.

Chúng tôi đến đúng giờ và Rupert ngồi tại chỗ mình ở cuối phòng. Tôi yêu cầu James chờ ở cửa vào và bước đến bàn thờ, quay gót, đối diện với Rupert và cúi chào. Anh ta chào lại. Tôi biết rõ rằng phải coi như Rupert không có ở đây. Ở đây anh ta là giám thiền, một lãnh đạo tuyệt đối, một thủ tọa.

- Tôi có một người khách muốn dự thời thiền buổi chiều. Có được không?

Chúng tôi đang thi thắm, đằng sau tôi có thể cảm nhận đôi mắt của tượng Bồ Tát uy mãnh, cảm gươm cắt mọi tư tưởng.

Rupert hỏi:

- Ông ta có thể ngồi yên không?

- Ông ta nói được.

- Đồng ý.

Tôi trở lại cửa nơi James đang yên lặng chờ, nghiêm chỉnh, hai tay để sau lưng.

- Xong rồi! Ông có thể vào. Cúi mình tại cửa vào và chấp tay. Làm theo tôi, tôi sẽ chỉ chỗ cho ông.

Ông ta gật đầu.

Rupert chỉ chỗ ngồi cạnh tôi, hiển nhiên Edgar đã được miễn buổi chiều.

James ngồi rất yên lặng, bốn lần hai mươi lăm phút. Tôi đã nghe hơi thở bình an của ông.

Chúng tôi về với nhau.

James nói:

- Rất thích thú, rất thoải mái. Tôi cảm thấy tốt hơn nhiều.

- Ông làm gì khi ông ngồi đó?

James nói:

- Vâng, tôi đang làm gì? Tôi mơ một chút về thời trẻ. Tôi cố thở hết sức chậm. Tôi nghĩ về cuộc đối thoại của chúng ta và trong thời cuối, tôi tập trung.

- Về cái gì?

James cười toe.

Tôi có thể hình dung ông ta phải có những gì trông giống như một thanh niên. Bộ trang phục có sọc, một đồng hồ vàng đắt tiền, bộ tóc giả, cách cư xử tốt chừng mực trở nên rõ rệt.

- Tôi tập trung trên cái không-quan-trọng. Suốt đời tôi đã thích thú những tôn giáo và phương pháp Đông phương dù tôi vẫn là người Công giáo. Cái KHÔNG của Phật giáo và Đạo giáo hấp dẫn tôi. Làm rỗng không, để biết rằng không có vấn đề gì. Anh biết điều đó không? Anh có biết rằng không có vấn đề gì?

Tôi nhìn nghiêm trang và nói rằng tôi biết, nhưng rồi tôi bỏ nghĩa cho lời phát biểu của mình. Tôi nói rằng tôi đã nghi ngờ nó.

James nói như thể ông ta không nghe lời tôi:

- Vâng, vâng. Đó là sự thực. Không có vấn đề gì. Đức Phật đó của anh cũng không thành vấn đề. Không

cả Chúa của tôi, hay Mohammed hay Ramakrishna. Không có những nhà tiên tri, những người con của Chúa. Chính Niết-bàn cũng không là vấn đề. Và chúng ta có ít ý nghĩa nhất. Cái ngã là trò đùa tuyệt đối. Xa hơn nữa, KHÔNG, Đạo nhiệm màu, Đá mà nhà giả kim tìm kiếm, bài giảng của những phù thủy...

Ông ta dừng lại.

- Những phù thủy có thể thực sự làm những trò bịp bợm, anh biết không? Họ có thể bay và biến thành đồ vật và những con thú. Đây thực là một đời sống lạ lùng, đầy những quyền năng.

Tôi nói:

- Tôi không biết chút gì về các phù thủy, nhưng tôi hoàn toàn sẵn sàng tin họ biết bay.

James nói:

- Nhưng điều đó không thực sự quan trọng. Tôi đã nghĩ rằng rất lâu, lâu hơn tôi có thể nhớ, có lẽ từ niệm đầu tiên, không có gì hấp dẫn hơn ý tưởng chỉ có sự vô tâm thực sự có thể thắng cuộc.

Tôi đi sát vào ông ta. Tôi nhìn cách ông ta bước. Tôi nghĩ, những con cò già bước giống thế. Những con chim săn mồi, cao và bệ vệ, tôi đã thấy trong sở thú và trong phim ảnh.

So sánh không tồi. Ông ta là con chim săn mồi, và tôi là con mồi. Ông ta rĩa thịt tôi. Tôi không hề gì, và ý tưởng về Phật giáo của tôi cũng không quan trọng. Niết-bàn tự nó không quan trọng. Bất cứ cái gì tôi làm đều rỗng không, và sự rỗng không cũng vô thủy vô chung, không là mục đích của sự tồn tại của chúng ta. Bất cứ gì tôi cố nắm chặt đều không có thực thể.

Bây giờ James đang nói:

- Anh phải buông bỏ. Đó là những gì Phật giáo dạy tôi. Khi nào anh cố nắm vật gì, anh sẽ bị mất. Anh sẽ bị rĩa từng miếng và nó bị thương tổn. Nhưng buông bỏ thì không dễ. Có lẽ nó là hành động khó khăn nhất vì chúng ta phải sống trên thế giới này. Học làm sao để buông bỏ phải là một nỗ lực tối thượng. Tôi không ghen tị sự tu tập của anh.

Rồi tôi thấy chiếc xe của ông ta, ông ta không đậu nó trên đường lái của Rupert nhưng dọc theo xa hơn, giữa vài tàn cây. Nó thực là một chiếc xe hiếm có, một chiếc Bentley, một biểu tượng vượt trội, par excellence.

James nói:

- A! Đó là xe tôi. Đã đến lúc cảm ơn anh về lòng hiếu khách. Anh đã giúp tôi rất nhiều. Đây là thiệp của tôi. Bây giờ tôi lái về New York. Có lẽ ngày nào đó anh sẽ kiếm tôi.

Tôi nói:

- Cảm ơn ông, và ông định làm gì bây giờ?

- Tiếp tục sống, hay anh muốn tôi bỏ hết mọi thứ và sống ở đây, trong đạo tràng này?

- Tôi không muốn gì cả.

James đính chính:

- Anh đang cố không muốn gì. Nhưng điều đó rất đáng ca ngợi. Anh phải làm hết sức mình. Và rồi anh sẽ tới chỗ buông hết mọi sự.

Tôi nói một cách khinh khỉnh:

- Và rồi tôi đã đến.

James nói:

- Chính xác.

Tôi chúc ông cuộc hành trình tốt đẹp. Ông cho phép tôi nắm bàn tay khô lạnh của ông lần nữa. Máy khởi động và chiếc Bentley lao đi.

- Anh có những người bạn sang trọng.

Một tiếng nói vang lên sau lưng tôi.

Đó là Edgar. Mũ của anh ta vẫn lộn trái.

- Mũ anh lộn trái kìa.

- Vâng, bây giờ điều đó không còn cần thiết.

Anh ta lấy mũ xuống lộn trở lại thành mũ lông.

- Người bạn sang trọng đó là ai thế?

- Ông ta tên James và viết sách.

Tôi nói và bước đi thật nhanh.

- Này!

Edgar kêu lên nhưng tôi không ngừng. Một ngày như thế đủ rồi.

Anh gặp ai đó.

Người khác.

Anh lịch sự. Người kia lịch sự.

Các anh ăn với nhau một chút.

Sau khi người kia lên đường, anh bị tổn hại nhẹ.

Và rồi anh muốn làm gì?

Anh có muốn cứu chữa sự tổn hại và anh có muốn trở lại những gì anh đã là không?

Hay anh tiếp tục như anh là?

Bị tổn hại, nhưng thanh thoát hơn.

18

CON NGỒNG

Đây giờ sáng và tôi đứng trên hành lang nhà Rupert. Tôi vừa về sau thời thiền sáng và không thích vào trong, cái căn phòng lạnh lẽo ẩm ướt đang chờ tôi. Tôi sẽ phải rửa đĩa và sửa soạn bữa ăn sáng, và quét sàn, đặt bàn và, tệ nhất là thuyết phục cho cái lò cháy lên thay vì xì khói.

Tôi có vài phút. Chờ Rupert trong nửa giờ, anh ta phải đi sửa động cơ của xe tải cũ kỹ để nối điện cho hăng cưa. Không cần phải vào ngay, tôi có thể hút thuốc và suy nghĩ một chút.

Nhưng trời lạnh, tôi cảm thấy cần vận động một chút. Tôi dậm chân và ván lót hiên đáp trả bằng một tiếng rỗng trầm. Tôi thử lại và âm thanh đã khá hơn. Tiếng dậm chân thành điệu slow và tôi bắt đầu ư ử và vỗ tay. Tôi cười to và ngừng. Một tu sĩ Hồi giáo nhảy. Khiêu vũ có thể rất tôn giáo. Những tu sĩ Hồi giáo mất hẳn bản ngã khi quay cuồng và la hét. Những vị tăng Phật giáo cũng biết nhảy. Dân Tây Tạng có những Lạt-ma nhảy và những thiền tăng nhảy điệu jig theo nghi

thức phức tạp, tôi đã thấy họ nhảy trong sân của ngôi chùa chính tráng lệ của tông phái chúng tôi ở Kyoto. Nhưng khiêu vũ không phải là công việc chính của những thiền tăng. Họ thích thiền định hơn. Thiền định lâu cho nội chứng sâu. Một trong rất ít những phát biểu của Peter, đến từ kinh nghiệm riêng của ông.

Tôi cố tính xem mình đã thiền định bao nhiêu giờ. Có lẽ ba ngàn giờ. Hay bốn? Nó có nhiều không?

Và bây giờ tôi đã có nội chứng sâu này ư?

Tôi tự nhủ: Chắc rồi, chắc rồi. Đừng quá khiêm nhường. Anh đã có nội chứng, anh bạn ạ. Không phải nhiều nhỏi gì và có những người khác đạt nội chứng nhiều hơn, gấp tí lần hơn, nhưng cái điểm tinh tế đó có thể bị bỏ sót. Nội chứng là nội chứng. Anh biết anh sống để làm gì không? Không, tôi tự nói, tôi không biết tôi sống để làm gì. Tôi chỉ đã ngừng hỏi về chính mình, vì tôi đã ngừng quan tâm. Câu hỏi đã biến mất. Nhưng những câu hỏi chỉ biến mất vì chúng đã được trả lời. Vậy câu trả lời là thế nào?

Tôi nói một cách khôn ngoan: Không được diễn đạt bằng ngôn từ. Trí tuệ thực sự không bao giờ được diễn đạt trên ngôn ngữ. Tôi cũng tự nhủ: Đừng khôn khéo thế.

Được rồi, tôi nói, tôi đã hiểu, hay tôi bắt đầu hiểu “tôi” không tồn tại. Có nghĩa là “đời tôi” cũng không tồn tại. Và anh không nên hỏi về mục đích của vật gì mà nó không tồn tại.

Anh vẫn còn khôn quá đấy, tôi tự nói: Tôi đúng. Nhưng tôi sẽ vận dụng điều này thế nào? Làm sao điều không thể diễn đạt được lại có thể được diễn đạt? Làm

sao mô tả những khoảnh khắc nội chứng? Làm sao anh chỉ ra được rằng anh đi đúng đường?

Phật giáo là phủ định. Nó nói với anh những gì không phải là nó. Khi anh yêu cầu nó phải là gì đó, nó chỉ cho anh một ô trống, rồi anh muốn điền vào đấy cái gì tùy thích. Nó chỉ minh bạch về phương pháp. Nó bảo anh thiền định, để biết rõ những gì anh đang làm, để làm hết sức mình. Nó bảo anh kiểm thức ăn hằng ngày trong cách đứng đắn. Nó buộc nói và nghĩ tử tế. Nó gợi ý rằng anh nên tạo vị trí riêng của anh, hơn bị đẩy vòng vòng bởi chính anh và những người khác. Nó cảnh báo rằng anh không nên tránh những nghi ngờ của riêng mình. Nó giới thiệu những vật thử nghiệm cho chính anh. Nó ghét tất cả những giáo điều. Nó không thích anh áp đặt quan điểm của anh lên người khác. Và nó nhấn mạnh rằng anh nên biết chính anh, sự biếng nhác, sự tự hào và ham hố của riêng anh, đã cấu kết với nhau thành sức mạnh chuyển bánh xe luân hồi.

Trong khoảnh khắc tôi tự nhủ. Tôi biết điều gì đó. Tôi biết rằng sự tự do tồn tại. Đường như đó là trung tâm điểm của Phật giáo. Bánh xe quay dường như bất tận. Đồi này theo đồi khác, thiên đường theo thiên đường, địa ngục theo địa ngục. Ước muốn sống tạo ra những cuộc sống mới và những cái chết mới. Nhưng tự do có thể đạt được vào bất cứ khoảnh khắc nào đã định. Đức Phật tự giải thoát, những thiền sư tự giải thoát. Điều gì họ có thể làm anh cũng làm được. Anh phải giữ cố gắng.

Tôi tự hỏi: Anh có chắc không? Anh có kinh nghiệm sự tự do này không? Và nếu anh có thì nó là gì? Tự do được biểu hiện bằng ngòi trên mây như đức

Phật trên những áp phích mà anh thấy ở Tích Lan? Anh ngồi trên mây, thoát khỏi vòng luân hồi, và anh ngắm sự nỗ lực của những người nhỏ bé đang lục lọi trong không gian giới hạn của bản ngã? Và dù sao thì đám mây đó ở đâu?

Tốt, đám mây đó ở đây. Đám mây không ở ngoài đời anh. Anh không nên nhìn xa quá. Tự do ở ngay đây, thường hằng. Khi anh cố thoát ra, anh mắc một lỗi lầm ngớ ngẩn. Nhưng làm sao anh biết tự do này tồn tại?

Tự do tồn tại, tôi nói một cách bướng bỉnh.

Bây giờ anh sợ không? Tôi đã chạm vào điểm nhức nhối trong niềm tin của anh? Anh có muốn ngưng cuộc thảo luận này? Anh có mất bình tĩnh vì tôi phản đối cái ngã đã chống đỡ sự quan trọng của anh? Anh có nghĩ tự ngã bị phá vỡ và anh sẽ rơi xuống hố sâu không đáy không? Anh có lo lắng đã mất cái gì đó không?

Không, tôi không sợ. Tự do tồn tại và sẽ tiếp tục mãi mãi. Tự do không liên quan với bản ngã. Dù bản ngã tin tưởng nó hay không, nó vẫn luôn luôn có đó. Nó ở ngoài ảo tưởng. Rupert hỏi:

- Có gì để ăn sáng?

Tôi ngược lên.

Rupert hỏi:

- Anh có mất trí không? Tôi bước trên đường và vẫy anh, và anh lơ đãng. Tôi kêu “CHÀO BUỔI SÁNG!” và anh nhìn tôi với cặp mắt vô hồn.

Tôi hỏi:

- Có gì để ăn sáng? Cặp mắt vô hồn?

Rupert bảo:

- Quên đi! Anh có cặp mắt vô hồn. Chỉ có tròng trắng, không có con ngươi.

- Không con ngươi?

Rupert nói:

- Chà! Đừng chọc tức tôi. Tôi đùa đấy. Tôi muốn biết ăn gì để điếm tâm. Tôi đói. Peter muốn tôi làm vài việc cho ông ấy ở phố. Tôi có mười phút để ăn sáng.
ANH CÓ GÌ ĐỂ ĂN?

Tôi vui vẻ nói:

- Không gì hết.

Anh ta dậm chân. Anh ta giận dữ, không còn nghi ngờ gì. Anh ta gần như đã mất bình tĩnh vài lần trong tháng mà tôi sống ở nhà anh ta nhưng anh ta luôn kèm chế đúng lúc, nhưng bây giờ thì anh ta dứt khoát mất nó.

- Anh đang làm mọi thứ trong địa ngục nào? Anh có ít nhất nửa giờ phải không?

- Tôi đang suy nghĩ.

- Về cái gì?

- Về tự do.

- Và anh không lo buổi ăn sáng? Anh muốn tôi ăn cái tự do của anh hả?

Tôi đã giữ nét vui trên khuôn mặt và Rupert nheo mắt:

- Được rồi, vậy thì tôi không ăn. Tôi phải đi.

- Tôi đưa anh ít tiền. Anh có thể ăn sáng trên đường đi.

Rupert lại khép mắt thêm chút nữa. Hai tay nắm chặt, anh ta đến gần.

- Tôi không cần tiền của anh. Anh là người đê tiện hư hỏng. Anh không thuộc về nơi này. Anh không thể sống năm dollar một tuần. Đời sống của anh quá dễ dàng. Anh nhảy lên máy bay và anh chuôi vào áo lông và anh chơi game. Anh sẽ không bao giờ đến được chỗ nào giống ở đây. Anh sẽ đạt được những khoái niệm.

Anh ta đi bộ đến chiếc xe đang đậu ở đầu đường. Chiếc xe khuất chỗ quẹo và tôi nghe anh ta đóng sầm cửa; động cơ gầm lên, đồ phụ tùng ré lên, và tôi nghe một tiếng va đập lớn. Khi tôi xuống đường để xem có gì xảy ra, chiếc xe đã biến mất nhưng vết của nó đã đụng vào một cột cây. Cái cây bị tróc vỏ vài chỗ. Xe của Rupert chắc bị móp khá lớn. Phải tốn 50 dollar để sửa, và cửa có thể cũng bị hư.

Tôi trở về nhà và sửa soạn bữa ăn sáng. Tôi làm tiệc, cũng ăn luôn những miếng xúc-xích phần anh ta. Giận dữ là một bệnh, tôi nghĩ khi ăn một cái trứng khác. Một bệnh thông thường như lạnh. Tôi trở nên tồi tệ vì nó. Anh kêu lên, và dậm chân, và anh tin rằng anh đúng và xe anh tông vào cây. Anh nhấn nút và bom trút từ máy bay. Anh ném napalm vào những người lính đang chạy, đốt cháy nhà thương cùng trường học. Anh gọi cảnh sát và buộc tội hàng xóm. Anh trèo lên bục và vẫy tay. Anh có một vị buồn nôn trong miệng và sau một lúc, bụng anh bị loét.

Tôi không giận Rupert. Anh ta đúng, dĩ nhiên. Tôi nên chuẩn bị bữa ăn sáng đúng giờ. Ngày mai tôi sẽ cố làm tốt hơn. Bây giờ thì quá trễ. Tôi trét bơ vào vài miếng bánh mì nữa.

- Rupert đâu?

Peter bước vào và đang cố làm ấm hai tay tại cái lò vô dụng.

- Anh ta lái đi trong cơn giận. Tôi quên làm bữa ăn sáng và anh ta không có thì giờ để đợi.

Peter cười lớn và ngồi xuống nền phía bên kia cái bàn tạm. Tôi rót trà cho ông.

- Anh ta có quát anh không?

Tôi nói với miệng đầy thức ăn:

- Có, anh ta gọi tôi là một tên dê tiện hư hỏng, đời sống quá dễ dàng đối với tôi, tôi không thể học được gì cả.

Peter gật đầu.

- Anh ta đúng sao?

Peter nói:

- Không, chắc chắn anh có thể học được. Nhưng anh ta đúng khi tuyên bố đời sống anh dễ dàng. Anh sẽ đi trong thời gian vài ngày. Rupert không thể bỏ đi. Anh ta nghĩ rằng anh ta phải ở đây nhiều năm. Ở đây đời sống có thể thích thú nhưng nó có thể rất mệt ngay cả ngã lòng. Anh ta phải thức dậy lúc 2giờ30 hầu hết mọi buổi sáng. Tôi bắt anh ta lao động chân tay nặng. Và anh ta thiên định.

Tôi bắt đầu lau bàn và đổ nước vào bồn để rửa đĩa.

- Cuộc sống bình thường cũng không dễ dàng.

Peter lấy khăn lau đĩa. Ông vỗ vai tôi.

- Anh bạn đáng thương. Tất cả bồn phận đó anh phải chịu đựng. Tôi thông cảm với anh.

Tôi nói:

- Tôi cũng thông cảm với ông.

Khi chúng tôi rửa xong, tôi bắt đầu quét nhà nhưng Peter ngăn lại.

Ông nói:

- Anh có thể để đó. Sáng nay tôi cần anh. Anh có thể giúp tôi đem ngổng tới nhà mới của chúng. Những người khác đều làm việc trong rừng và tôi thì không thể tự bắt chúng được.

Tôi chợt nhớ Edgar đã nói với tôi rằng, Peter đã bị cây đập vào đầu trước đây một năm khi ông chặt nó xuống.

Tôi nói:

- Peter. Tôi nghe ông bị tai nạn năm ngoái. Một cái cây rơi xuống ông và ông bị ngã lãn. Đúng không?

Peter nhìn tôi:

- Ai nói với anh?

- Giờ thì tôi không nhớ nổi.

Peter nói:

- Thật đấy! Tôi luôn bảo mọi người đừng bao giờ tự chặt cây. Khi cây đập vào anh và anh có một mình, anh có thể nằm trong tuyết vài tiếng đồng hồ cho đến khi được tìm thấy. Hay anh có thể không được tìm ra và lạnh cóng mà chết. Điều đó gần như đã xảy ra cho tôi.

Tôi nói:

- Điều đó thì không được thông minh lắm.

- Không.

- Vậy thì những thiên sư cũng phạm lỗi lắm ư?

- A! Đó là những gì anh đang lái đến?

Tôi không nói gì.

- Được, anh đúng. Thiền sư cũng phạm sai lầm.

Tôi lắc đầu.

- Điều đó có cản trở anh không?

- Có, tôi không quan tâm nếu tôi làm lỗi nhưng có ai đó xung quanh thì không được.

- Tại sao?

- Nó làm tôi cảm thấy tốt hơn.

Ông cười:

- Tốt! Tôi sợ những vị thầy sẽ không giúp anh lỗi đó. Họ dạy và trong khi đó họ bị những cây của họ đập vào đầu.

Một lúc sau, khi chúng tôi đi bộ trên đường cái, ông nói:

- Không sao, việc này sẽ làm anh vui trở lại. Đuổi ngỗng là một việc rất thú vị, anh sẽ thấy.

Ngỗng là những con chim ngu đần mỏ to. Peter có một đàn hai mươi con. Chúng tôi phải lừa chúng qua đường và về một mẩu ruộng. Chúng mất phương hướng, kêu quàng quạc âm ã. Một vài con gắng bay lên nhưng vì quá nặng lại rớt xuống tuyết. Ngỗng cũng có Phật tánh nhưng tôi khó mà thấy được. Tôi gào lên, đuổi qua đuổi lại và đánh vào những cái mông mập mạp của chúng bằng một nhánh cây.

- Ông định làm gì với những con ngỗng này?

Peter nói:

- Vỡ béo chúng rồi cho vào nồi.

- Ông định tạt giết chúng chứ?

- Không, tôi không thể. Có người từ phố đến làm việc đó.

Một Phật tử thật sự, tôi nghĩ. Những người Tây Tạng phải tìm đến những người Hồi giáo nhập cư để giết những súc vật của mình, khi không một người Tây Tạng nào muốn làm đồ tể. Một đồ tể tích trữ nhiều nghiệp xấu làm trở ngại đường Đạo. Nhưng không có lỗi khi ăn thịt một cơ thể bị người khác đánh chết.

Tôi phải cười to trên đường. Đàn ngỗng chọc thủng phòng tuyến và loạng choạng chạy lui hết sức mình. Peter chặn chúng lại và dồn gần về phía tôi, xếp hàng ngay ngắn với Peter đằng sau, tay ông dang ra, hò hét hết cỡ. Mũ lật sau ót và miệng mở rộng, mặt ông lấm tẩm mồ hôi.

Ông hỏi khi đi ngang qua tôi:

- Tiết mục hay chứ?

Cuộc đời là một tiết mục hay.

Thích thú, đây trò đùa.

Cuộc đời là một trò đùa, vị lão sư ở Kyoto đã nói. Ông ấy rất nghiêm túc về điều ấy.

Con người sanh ra, đau khổ và chết.

Họ đói, họ lây lất trong trại tập trung, họ đau đớn vì bệnh hủi và ung thư, họ sống trong những phòng bê-tông nhỏ, trong nhà dưỡng lão, họ sợ hãi kêu khóc khi nhà họ bị ném bom. Họ kéo đi như chuột. Họ mua những thứ không cần và bỏ phế sau một thời gian ngắn. Bất cứ gì anh có thể tưởng tượng chẳng chóng thì chầy sẽ xảy ra. Con người không thiếu gì cả. Họ đau khổ

theo nhiều lối phức tạp nhất. Họ có thể điên lên và sẽ được cho những viên thuốc để an thần trong chốc lát, nhưng khi những viên thuốc hết tác dụng, họ điên trở lại. Nhưng đời sống là một trò đùa. Tôi biết thế. Tôi biết chút đỉnh nhưng không đủ. Tò mò hay nghi ngờ đẩy tôi tiếp tục. Chiều đó tôi sẽ thiền định lại. Và chiều đó. Một phương thuốc tối thượng, được những thiền sư kê toa.



19

MỘT TỬ THI

Đã đến lúc trở về. Anh có những việc khác để làm hơn là ngồi yên lặng trong một lô-cốt giữa vùng tuyết phủ.

Ở Hà Lan, cuộc sống trưởng giả đang kiên nhẫn chờ đợi anh. Nó biết rằng anh sẽ trở về. Gia đình, nhà cửa, công việc của anh, con đường hằng ngày đến văn phòng và kho hàng, sự chờ đợi đèn giao thông, sự liếc nhanh đồng hồ trên tháp nhà thờ. Hôm nay anh hơi trễ, hôm nay anh có kế hoạch hay hay.

Danh sách mua hàng chờ đợi anh và những tiếng chuông điện thoại và những thư từ buổi sáng. Lệ thường, vết mòn.

Sự đơn điệu của cuộc sống hằng ngày có lần đã là tai họa cho cuộc sống của anh. Cái nhìn khủng khiếp nhất mà sự tưởng tượng đã vẽ ra cho anh. Cái ý tưởng rằng đời anh đầy những chuyển động được lặp lại vô tận dường như không thể chịu nổi. Anh muốn bất cứ gì trừ điều đó. Anh đã muốn tìm một sức ép được gia tăng liên tục cho đến khi anh vỡ tung ra, tình trạng mà anh

có thể truyền đạt ý kiến của mình, hay có một tình cờ, dường như là một giải thoát. Anh đã tự hăng lên với ý nghĩ rằng đời sống là một cuộc hành trình dẫn đến một vách đứng. Vách đứng tự nó sẽ là sự mạo hiểm, và anh sẽ thích thú với cú rơi cuối cùng.

Anh bị thuyết phục là mình thực sự tin như thế. Cú nhảy vào Phật giáo dường như nối liền với trí tưởng tượng của anh. Anh đã có vài ý tưởng mơ hồ khi anh nhảy. Cuộc sống tu hành là một cuộc gặp gỡ quả cảm với sự CAO THƯỢNG hay SÂU THẨM.

Mạo hiểm và cử chỉ anh hùng. Những từ ngữ được liên kết với “kinh nghiệm tuyệt vời”. Đó là những gì anh đạt đến sau này. Có lẽ anh đang tìm kiếm những ảnh tượng, có lẽ anh muốn thấy những Bồ Tát trong nhiều diện mạo, từ bi và dữ dằn, quyến rũ và gây đau đớn.

Có lẽ anh đã nghĩ rằng những vị tăng sáng tác âm nhạc và rằng vị thầy ở gần bàn thờ sẽ làm tăng sự rung động trong chùa đến khi tuệ giác sẽ bùng vỡ từ tâm hồn anh. Có lẽ anh đã muốn trôi về thiên đường, hay Niết-bàn, giữa một đám mây hương trong khi những tu sĩ đánh vang những cái trống chùa khổng lồ.

Và việc gì đó đã xảy ra. Những vị tăng đã tạo âm nhạc kỳ bí. Những tu sĩ đã đánh trống vang lừng, những cái trống như những thùng tô-nô rượu, với những da trống được bịt căng giữ chặt đúng vị trí bằng những đinh bằng đồng to lớn. Người đánh trống đánh dùi trống trên những cái đinh và anh dựng tóc gáy. Và vị thầy phủ phục trên nền nhà, nhiều lần, khiêm cung từ tốn trong khi những vị Phật to như người thật trên bàn thờ ngắm nhìn ông, linh động trong nụ cười an lạc

bất tuyệt, giữa khói hương lan quyện nối kết tấm thân mỏng manh của vị thầy với những vị Thánh từ bi.

Anh cũng có những ảo ảnh.

Và có lẽ nội chứng nào đó đã phát sinh, một nội chứng nho nhỏ có thể được sâu sắc hơn trong cảnh tuyết đóng cùng những hàng cây trơ trọi này.

Tôi hỏi:

- Vậy anh đã học được những gì?

Anh nói:

- Không gì cả.

Anh nói:

- Bạn thân ơi! Tôi đã không học được gì.

Nhưng câu trả lời khiêm tốn như thế mang vẻ ngạo mạn to lớn. Chỉ là không có gì, và nếu ai đó làm ra vẻ hiểu cái Không có gì này, họ phải bị nghi ngờ về tầm nhìn vì họ dùng những danh từ to lớn và làm ra vẻ ở trên một cấp độ cao đến nỗi tôi chỉ có thể lắc đầu và tiếp tục con đường của mình xuyên qua chỗ trống không mà vẫn dường như đầy.

Anh thấy câu trả lời của mình đã không chạm đến tôi và anh cố gắng lần nữa.

Bây giờ anh bảo anh đã rơi vào cái KHÔNG này.

Nhưng lời phát biểu vẫn còn quá kiêu kỳ, quá ngạo mạn. KHÔNG là sự mâu nhiệm vĩ đại. Không thể mô tả được. Ngôn từ có thể cố chạm đến nó. Thiên có thể là một từ như thế và Đạo, Chúa, Allah, Phật, là những từ khác. Có một từ gọi là Thượng đế.

Những từ này có thể được viết ra. Tôi có thể thành lập vài câu với chúng. Tôi có thể nghĩ về thần học và lấp những từ vào. Nhưng những từ thuộc loại khác hơn loại mà tôi đang có thể tưởng tượng được.

Một thiền sư nói rằng Phật là một cục cứt chó. Thầy Eckhart phủ nhận sự tồn tại của Thượng đế và không-Thượng-đế. Chúa xuất hiện trong một tiểu thuyết Hà Lan cải trang thành một người hầu với hàm răng thỏ. Tất cả những miêu tả này là đúng, và sai.

Tôi hỏi anh đã học được những gì.

Anh đã học được điều gì đó phải không? Anh không ở trong mức độ này vì anh không có gì khác để làm? Vị tăng đã tốn mười giờ một ngày ngồi yên lặng trong một phòng lạnh lẽo thiếu tiện nghi, tại sao ông ta làm thế?

Anh đang nhìn tôi. Anh không nói gì cả. Anh muốn chính tôi phải nghĩ ra? Anh cho rằng những chân lý có kích cỡ bằng con bò và rằng những chân lý này đã rành rành trước mắt tôi từ lúc lọt lòng?

Anh cho rằng tôi sẽ biết nên làm hết sức mình? Vì tôi là một người Hà Lan? Làm hết sức anh, đó là chân lý cỡ bò Hà Lan.

Chúng ta là người siêng năng. Siêng năng một cách hoàn toàn khờ khạo là không hợp thời nhưng nhiều thí dụ có thể vẫn được tìm ra trong cái đầm lầy lộng gió nhếch nhác này.

Anh nghĩ tôi sẽ ở lại đó, gắng hết sức mình, đến khi cái chết thộp cổ tôi sao?

Cho phép tôi cười một chút, được không? Đó là việc cuối cùng anh mong đợi khi Phật giáo xác nhận

với anh rằng anh nên gắng hết sức mình. Anh phản kháng cho đến khi nó thực sự rất rõ ràng. Cái được gọi là “con người” phải làm hết sức mình. Mọi thứ họ làm, họ phải làm cho tốt. Và họ nên vô tâm.

Nhưng những tiếng này khó khăn đối với tôi. Tôi sinh ra ở Tây phương. Tôi muốn một chân lý đơn giản. Làm sao tôi có thể vô tâm khi làm hết sức mình?

Tôi có thể hiểu nếu tôi sinh ở Đông phương. Ở phương Đông, trí tuệ phát sinh có phần dễ dàng tự nhiên hơn. Một người Trung Hoa sống cả đời với mảnh vườn của họ, nhưng những cơn lũ tràn đến và quét sạch hoa màu, người Trung Hoa đứng trên đỉnh đồi, mỉm cười và đợi cho lũ đi qua, và bắt đầu lại tất cả.

Tôi có thể cười nổi không khi tôi đến được ngọn núi của Phật và không có gì ở đó?

Bây giờ anh biết cái gì khác?

Vâng, có lẽ. Một vị tăng Tây Tạng kể cho anh về lòng trìu mến, lòng từ bi và sự hiểu biết vô tận của Phật. Anh hiểu được câu chuyện khá dễ dàng. Lòng từ có thể hiểu được. Nhưng không thể nói lòng từ với sự tu tập Thiền. Sự tu tập xem như cứng rắn, thật cứng rắn. Anh phải ngồi yên lặng và tập trung và anh không được than phiền. Nhưng sau đó anh nghĩ rằng anh đã hiểu. Những thiền sư rất bi ẩn.

Nếu vật nào không hoạt động chúng sẽ ngưng. Những vị tăng và đệ tử được cho biết phải rời khỏi. Những thời thiền định kéo dài, không giải thích. Anh được nhận việc để làm, anh thích thú rồi anh được bảo làm việc khác. Anh được ca ngợi và được giao trách

nhiệm cầm đầu những người khác, và rời thình lình, nó lại kết thúc, và vị thầy dường như không biết anh khi gặp nhau trong vườn.

Nhưng hành động của ông là hành động của tình thương. Ông làm việc từ một điểm mà anh không thể đạt đến hay hiểu thấu. Ông tự do còn anh thì không. Ông biết dựa vào cái gì. Anh đôi khi ngờ vực trí tuệ của ông. Những đệ tử rời bỏ ông, và họ trở lại hoặc không trở lại. Bất cứ gì xảy ra đều có mục đích.

Cuối cùng chả có mục đích gì, một chân lý sờ sờ. Anh làm hết sức mình. Điều gì anh đã tưởng tượng sẽ có một hình tượng. Anh trở nên giàu có, anh thành công, người ta ngưỡng mộ anh. Nhưng hoàn cảnh đổi thay, anh không được ngưỡng mộ nữa. Điều đó được chứng tỏ, vượt khỏi sự ngờ vực rất mong manh, rằng anh đã sai ngay khi khởi đầu. Ông tưởng về hư non, vị vua rời khỏi Thụy Sĩ hay treo cổ tự tử để lại một bức thư ngắn ngủi và cay đắng. Người viết bị quên lãng và diễn viên chờ tràng pháo tay. Những vũ công ballet chết trong dưỡng trí viện và nhà chính khách bị tổng giam.

Và dù anh làm gì, anh cũng sẽ chết. Bất cứ gì anh xây đắp sẽ lại sụp đổ, đôi khi ngay trong lúc anh vẫn còn quanh quẩn gần đó. Thời kỳ mà việc làm của đời anh được sáng tỏ sẽ đến không sai một ly.

Ngay cả trái banh mà anh đang sống trên nó không có chút an toàn. Những hành tinh biên mất và hằng ngày vài hành tinh mới xuất hiện. Chúng ta sống trong một chân không, một chân không không mục đích.

Vì thế tất cả là một trò đùa. Vị lão sư rất nghiêm

túc về nó. Ông bảo rằng ngày nào đó anh sẽ hiểu những gì ông nói, và anh đã tin ông.

Vì thế bây giờ có lẽ anh đang bắt đầu hiểu. Nhưng anh chưa dám đoán chắc. Có lẽ hôm nay hay ngày mai, việc gì đó sẽ xảy ra làm lay động tuệ giác của anh. Nhưng anh không lo lắng điều đó nhiều như anh đã làm. Anh sẽ thấy những gì sẽ xảy ra và trong lúc ấy anh tiếp tục.

Bây giờ anh có thể hiểu rằng xưa kia có một thiền sư ngồi bên lề đường rỗng lên cười khi có người xuất hiện đi qua ông. Vài người cho là ông điên và bước đi luôn, nhưng những người khác dừng lại và hỏi ông có gì vui thích thế. Ông không giải thích, chỉ cười to. Ông không cười họ, ông cười vì những gì ông thấy. Ông sống trong thời kỳ của áp bức, của khốn cùng, của đói kém. Ở Ấn Độ, những yogi thiền định nhiều năm liên tục. Họ không ăn, không ngủ, không bài tiết. Họ ngồi dưới gốc cây, trong một hang núi hay trên một đồng rác gàn thành phố lớn. Họ sống thình lặn và sự thình lặn của họ tỏa sáng tình thương. Có lẽ tiếng cười rỗng của thiền sư cũng là lòng khoan dung.

Đời sống là khốn cùng, và đẹp diệu kỳ. Chữ diệu kỳ được dùng quá thường và mất giá trị. Nhưng chúng ta sống trong những sự diệu kỳ. Những con chim trong công viên, những con vịt lập lờ trên những kênh nước, những con muỗi biển trôi, nhưng có những chiếc xe trên đường cao tốc, những máy đào đất lấn biển và những khu chung cư vuông vức rộng lớn. Người nào có thể dành thì giờ và sự an bình để theo dõi sẽ ngạc nhiên và cảm thấy sự trống không của sự tồn tại của riêng mình.

- Buông đi! Buông đi!

Thiền sư đang nói với đệ tử của mình. Đệ tử luôn luôn đòi hỏi. Họ muốn biết. Họ muốn là. Họ muốn có. Họ muốn thầy ban cho.

Nhưng thầy không cho gì cả.

- Vậy thì con phải buông cái gì?

Nhưng vị thầy bước đi luôn và không lắng nghe.

Họ phải buông chính họ. Những ý tưởng của họ. Ngay cả tuệ giác họ nghĩ đã tìm ra. Không có sự đạt được. Không chút nào cả. Họ phải quên cá tính của họ, tên tuổi của họ.

Một chuyện ngụ ngôn Trung Hoa kể một vị tăng đã bắt đầu một cuộc hành hương dài để tìm Phật như thế nào. Ông đã trải qua nhiều năm truy tìm và cuối cùng đến được xứ Phật.

Ông qua một con sông, đó là một con sông rộng, và ông nhìn quanh khi người chèo thuyền đưa ông qua.

Có một xác chết nổi lềnh bềnh trên mặt nước và đang trôi dần đến.

Vị tăng nhìn. Xác chết gần đến nỗi ông có thể rờ đụng nó. Ông nhận ra xác chết đó chính là ông.

Vị tăng hoàn toàn mất tự chủ và hét lên.

Ông đang lềnh bềnh ở kia, đã chết.

Không còn lại gì.

Bất cứ gì ông đã luôn là, luôn học, luôn sở hữu, trôi qua ông, lặng lẽ và không sự sống, chuyển động theo dòng chảy chậm chạp của con sông rộng.

Đó là khoảnh khắc đầu tiên ông giải thoát. □

MỤC LỤC

<i>1- Bệnh Sưng Bạch Hạch</i>	7
<i>2- Đến Khi Không Còn Gì Để Từ Bỏ</i>	21
<i>3- Những Con Sam</i>	36
<i>4- Sừng Tê Giác</i>	50
<i>5- Chim Ưng</i>	64
<i>6- Khe Cửa</i>	76
<i>7- Người Sút Môi</i>	89
<i>8- Chim Giẻ Cùi</i>	107
<i>9- Con Chuột Bạch</i>	120
<i>10- Nguyệt Diện Phật</i>	130
<i>11- Núi Meru</i>	142
<i>12- Một Thằng Ngốc</i>	165
<i>13- Một Công Án Là Một Miếng Khăn Giấy</i>	181
<i>14- Con Cáo</i>	184
<i>15- Nghiệp - Làm Thỏ Hay Không Làm Thỏ</i>	193
<i>16- Nguyệt Diện Phật 2</i>	207
<i>17- Con Cò Già</i>	220
<i>18- Con Ngỗng</i>	240
<i>19- Một Tử Thi</i>	251

CHÂN KHÔNG THOÁNG THẤY
HẠNH HUỆ

Chịu trách nhiệm xuất bản

TRẦN ĐÌNH VIỆT

Biên tập : Châu Anh Kỳ

Sửa bản in : Hồng Nguyên

Trình bày : Viên Chiếu

Bìa : Viên Chiếu

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH

62 Nguyễn Thị Minh Khai - Q.1

ĐT: 8225340 - 8296713 - 8296764 - 8223637 -
8222726 - 8220405 - 8221917 - 8250616 - 8277326

Fax: 84.8.8222726 - Email: nxbtpHCM@vnn.vn

Thực hiện: TV. Viên Chiếu - ĐT: 0613841699

In lần thứ: 1. Số lượng: 1000 cuốn. Khổ 13x20.5 cm

Tại: Nhà in Fahasa, 774 Trường Chinh, quận Tân Bình,
TP. Hồ Chí Minh

QĐXB số: 448-07/CXB/59-19/THTP HCM ngày 15/6/2007

In xong và nộp lưu chiểu tháng 7 năm 2007.

**Ba tỷ người sống trên một trái banh
Trái banh thì lơ lửng chẳng bám vào đâu
Ba tỷ người này làm gì trên trái banh ?**

www.vienchieuonline.org

